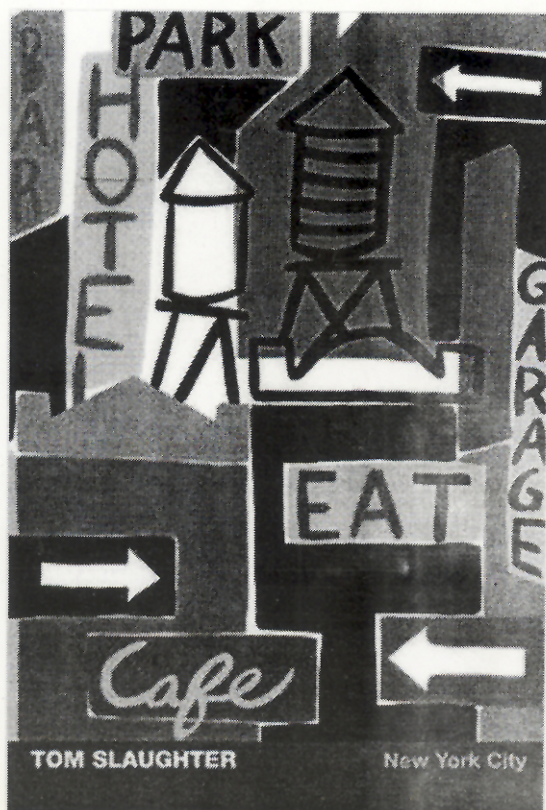


TẠ P CH Í

thao

SỐ MÙA XUÂN 2004



T A P C H Í



S Ố M Ò A X U Â N 2 0 0 4

chủ trương

Nguyễn Lương Ba

Phan Tấn Hải

Khế Iêm

Đỗ Kh.

Trần Phục Khắc

N.P

Nguyễn Đăng Thường

Lê Thị Thấm Vân

cộng tác và bảo trợ

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Nguyễn Thị Thanh Bình

Hoàng

Ngọc Biên

Diễm Châu

Trang Châu

Phạm Việt

Cường

Nguyễn Thị Ngọc Nhung

Vũ Huy Quang

Nguyễn Huy Quỳnh

Trương Vũ

Trịnh Y Thư

Quỳnh Thi

Lê Giang Trần

Ngô Thị Hải Vân

thư từ, bài vở

Khế Iêm và Đỗ Kh.

phụ trách điều hành

Trần Phục Khắc, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Huy Quỳnh

P.O. Box 1745 Garden Grove, CA 92842

Email: tapchitho@aol.com

Website:

<http://www.tapchitho.com>

MỤC LỤC

Tiểu Luận

Thư tòa soạn

Hồng & Lập Lại

Thầy Hoạch

Tưởng Niệm Nhà Thơ Trần Hồng Châu

Phòng Tranh Lê Bá Đảng

Thi Sĩ là Ai

Tiểu Luận

Nhạc Rap, Ẩn Dụ & Thuyết Giáo

Người Nobel...

Không Đứng Lại

Cao Bá Minh

Hòa Bình và...

Annie Finch

Đọc Thơ

Những sắc Dị...

Nghĩ về Hội Họa

Pierre Courtaud

Đặng Tiến

Đặng Tiến

Đặng Tiến

Lý Đợi

Đoàn Minh Hải

Christian Béthune

Đỗ Kh.

Trần Tiến Dũng

Huỳnh Hữu Ủy

Cynthia Cohen

Jonathan Barron

Inrasara và Phan Tấn Hải

Stanislaw Baranczak

Cao Hành Kien

Thơ

Say

Em Đẹp...

Áo Giác

Hình & Tượng

Kinh Cốt Nhục

Bài Thơ Mời...

Buổi sáng Đọc Báo

Buổi chiều...

Đi Qua Dòng Sông

Chỗ Trú của Một Hòn Sỏi

Mở Miệng

Thơ

Bắt Đầu

Bình Minh Tắt

Nắng

Nhã Ca Sợi Lông

Tìm

Nghị Định I/VN

Mây Xám Mầm Mưa

Đổi

Nguyễn Tuấn

Joseph Huỳnh Văn

Thái Tuấn

Octavio Paz và Marie José Paz

Thiện Hiếu

Phan Tấn Hải

Nguyễn Thị Khánh Minh

Nguyễn Thị Ngọc Nhung

Nguyễn Lương Ba

Nguyễn Quán

Bùi Chát

Đỗ Quang Nghĩa

Đình Trường Chinh

Huỳnh Lê Nhật Tân

Mai Phương

Lý Đợi

Lynh Bacardi

Khúc Duy

Hà Nguyên Du

Trần Thị Minh Nguyệt

Café Factory
Bob Hope
Thu Nga
Đừng Vội
Thật Lòng
Giòng Sông Tiếng Hát
Thơ Ngoài Lờ
Lạc
Không Lờ
Tĩnh Dậy Tháng Tư
Hoang Tưởng
Thời của Mình
Đêm
Đất Mỡ
5.15
Xuân Phù Sa
Vận Hội
Đi Mình Không
Thanh Tân
Ngày Xuân Yêu Dấu
Mùa Xuân Lá Rụng
Thư Không Ngày Tháng
Bài Cho Người
Phê Bình Khui Đồ Hộp
Dấu Mặt
Mặt Trời Lên
Cánh Cửa
Có Khuôn Mặt Ai Như
Bò Lạc
Chiến Tranh....
Không Có Rắn
Deadwood Dick
Nhìn Từ...
Làm Sao....
Dải Làm Dấu Trang
Hà Nội
Mớ Thời Trai
Sao Không Nói...
Gọt Nước Mắt
Chuyện...
Hạnh Phúc
Ốm
Bàn Tay
Vui Vẻ Bình Dân
Chiếc Ghế Cũ
Anh Làm Gì...
Bìa: New York City,

Nguyễn Huy Quỳnh
Phạm Quốc Bảo
Đỗ Vinh
Nguyễn Tôn Nhan
Đặng Tấn Tới
Tô Kiều Ngân
Dương Tường
Thúy Hằng
La Toàn Vinh
Phan Huyền Thư
Phạm Thị Anh Nga
Nguyễn Văn Thức
Nguyễn Danh Lam
Mai Văn Phấn
Đỗ Quyền
Triệu Từ Truyền
Thanh Xuân
Trần Tiến Dũng
Vạn Giã
Đức Phổ
Nguyễn Hà Tuệ
Nguyễn Phước Bảo Tiên
Nguyễn Thị Ngọc Lan
Richard Brautigan
Lưu Hy Lạc
Quỳnh Thi
Bằng Nhật
Đình Cường
Nguyễn Đăng Thường
Đỗ Kh.
Annie Finch
Elizabeth Alexander
Bruce Bawer
Julia Alvarez
Tom Disch
Nguyễn Đạt
Hoàng Xuân Sơn
Khánh Hà
Đoàn Minh Hải
Inrasara
Nguyễn Cảnh Nguyên
Quốc Sinh
Khúc Minh
Nguyễn Hoài Phương
Khế Iêm
Nguyễn Tiến Đức
Tranh Tom Slaughter

Đây không phải là một số đặc biệt về hội họa, mà chỉ tình cờ có những bài viết về hội họa. Một số đặc biệt về hội họa, đó là điều TC Thơ muốn có, nhưng phải cần một bài viết mang tính tổng hợp, phân tích rành mạch những trào lưu hội họa, đặc biệt là sau hội họa Trừu tượng Biểu hiện thập niên 1950, một trường phái được coi là đỉnh cao của hội họa hiện đại. Một điều cần nhấn mạnh, văn học nghệ thuật là sản phẩm của xã hội chính trị và môi trường sống chung quanh, từ đó tạo nên những khu vực văn hóa. Không có khu vực văn hóa nào được tự coi là vượt trội, mà chỉ có sự tiếp nhận và bổ xung để có sự đồng thuận chung, vì thế sự khác biệt ý kiến và khả năng lắng nghe đang là đặc điểm của nền văn học. Thời hiện đại, ngay cả tác phẩm và những bậc thầy hiện đại đã đi vào lịch sử, nhưng những con người hiện đại vẫn hiện diện với những suy nghĩ tuyến tính, ở khắp mọi lãnh vực. Vai trò của văn học vì vậy phải nói lên được tâm tình và khát vọng của mọi con người, sống với đời sống thực chứ không phải nơi những ao tù kiến thức, mạnh mẽ và tự tin vượt ra khỏi những ảo tưởng quyền lực, nhận biết và chiến đấu với phần lỗi thời đang sống dậy bên trong chúng ta. TC Thơ luôn luôn là một diễn đàn khách quan, thể hiện tinh thần bình đẳng và dân chủ, tôn trọng mọi ý kiến đóng góp, nói lên tiếng nói của nền văn học mới.

Thơ

Hồng & Lặp Lại

Pierre Courtaud

Gertrude Stein sử dụng, và đôi khi lạm dụng sự “lặp lại”, một từ mà thật ra bà không chuộng và thích thay thế nó bằng từ “khẩn thiết”. Bông hồng là một bông hồng... thường thấy trong các văn bản rất khác biệt nhau, chẳng hạn như trong *Ventre levant*, một bài thơ dục ái, và trong *La terre est ronde*, một truyện cổ tích dành cho nhi đồng và các triết gia. Trong truyện này, Rose không còn là tên của đóa hoa, mà là tên của một bé gái, Rose d'Aiguy, “một bông hồng Pháp”, muốn trèo lên một ngọn núi với một chiếc ghế xanh. Ở đây cũng thế, và cũng với tác giả Clément Rosset “sự bất chước, cũng như cái trò chơi của trẻ con, chỉ là sự thực thi một ẩn dụ, với hiệu quả mong muốn là đạt được một cái gì đó bằng cách gạt bỏ nó, và tìm thấy lại một người nào đó bằng cách đánh mất chính người đó.” Và, nếu muốn khỏi mất mát thì ta phải lặp lại, và đứa bé gái khắc quanh theo thân cây *bông Hồng là một bông Hồng là một bông Hồng là một bông Hồng là một bông Hồng*, và từ hồng được lặp đi lặp lại đúng năm lần. Trong cùng một chương ngắn, Hồng được lặp lại ba lần, rồi năm lần, và cuối cùng là bốn lần. Năm, hình như là con số thích hợp, để đi đúng một vòng thân cây, bởi “đứa bé gái biết chúng sẽ làm thành một cái vòng”. Quá ư bàng hoàng, khi ta nhận thấy rằng con số năm đó cũng có thể áp dụng chung cho cuộc đời Gertrude và bông hồng. Thật thế, song thân của Gertrude muốn có năm con, nhất định là năm và chỉ năm thôi, và vì hai đứa đã chết non,

chúng được thay thế bằng hai đứa khác, và Gertrude là đứa bé nhất, điều này đã gây một “ấn tượng lạ” khi bà được biết về sự quyết định của cha mẹ. Đó hẳn là khởi điểm, ở Gertrude, của ước mơ hay của nhu cầu thường xuyên về sự tự sinh nở, sự tự cài cái khóa nịt, cái vòng tròn của chính sự lập đi lập lại. Các bông hồng cũng điều hành với con số năm: chúng được cấu tạo với một đài hoa năm cánh và năm lá đài hoa, và các loại hồng phổ thông nhất, thuộc giống hồng *Florinunda* và *Polyantha* ¹ thường trở những chùm hoa từ ba đến năm đóa trên mỗi nhánh cành, và loại tường vi hay loại hồng dại thường chỉ đơm một tràng hoa độc nhất có năm cánh. Có thể chỉ là một sự trùng hợp, nhưng dù gì thì cũng là trùng hợp trên hết, sự trùng tự, sự hệ từ, đóng vai ghi nhận tác luyện của gốc rễ cây hồng và bút pháp Gertrude Stein. Alice ² và Gertrude bảo cho thợ khắc “bông Hồng là một bông Hồng...” vào bộ gốm sa thạch, và cũng chọn chúng làm tiêu đề trên giấy viết thư và để thêu vào áo quần, đồ vải trong nhà. Noi theo vài tục lệ la-mã đã dành cho hồng một vai quan trọng trong các thị trấn, như ẩn dụ của sự hồi sinh, và, có thể cũng để bắt chước một tục lệ khác nữa, là treo một bông hồng trên trần một căn phòng họp mà người ta muốn giữ kín những lời bàn cãi của khách tới dự, Alice & Gertrude cũng treo cái biểu hiệu quý báu đó ở ngay trên đầu giường của họ.

Tuy vậy, Gertrude không vì thế mà quên cái khía cạnh thi vị mãnh liệt của đóa hồng, và nhất là, đối với bà, của từ “bông hồng”. Mà phải ngược lại: “Vai trò của thơ là sử dụng lạm dụng, là đánh mất đòi lại, là chối bỏ tránh né sủng ái và thay thế danh từ. Nó làm vậy và chỉ làm vậy thôi, nó luôn luôn làm vậy và chẳng làm gì khác hơn. Thơ chẳng làm gì khác hơn là sử dụng đánh mất chối bỏ và thỏa mãn và phản bội và vuốt ve những danh từ... Khi tôi đã nói. Một bông hồng là một bông hồng là một bông

1. Hồng Đa Đóa và hồng Bách đóa.

2. Alice B. Toklas (1877-1967) là người bạn đường và bạn đời của Gertrude Stein (1874-1946). G. Stein xuất thân từ một gia đình Mỹ giàu có, tổ tiên gốc Do Thái. Alice và Gertrude đã sang Paris sinh sống và yêu và viết vào khoảng đầu thế kỷ 20 cho tới khoảng cuối thập niên 30, để tránh cái không khí đạo đức ngột ngạt của gia đình và nước Mỹ vào thời đó. Ở Paris, tại căn nhà số 27 Rue de Flerus cạnh vườn Lục Xâm, họ đã tiếp đãi các nhà văn Mỹ di tản Ernest Hemingway, Sherwood Anderson, Henry Miller, Scott Fitzgerald, T.S. Eliot... cùng với các nhà họa sĩ tiền vệ như Picasso, Matisse, Braque, Rousseau, Gris. Bà cũng là người đầu tiên mua tranh Picasso và đã được Picasso trả lễ với bức họa chân dung G. Stein toàn sắc nâu, mang nhiều nét đặc trưng của mặt nạ Châu phi. Gertrude không thích bức họa này, nay được đánh giá là tuyệt tác. Có thể đọc thêm về Alice và Gertrude trong quyển hồi ký *The Autobiography of Alice B. Toblas* của G. Stein (Vintage Books, 1990), và cuốn truyện hư cấu mới đây, *The Book of Salt*, của Monique Truong (Houghton Mifflin, 2003).

hồng là một bông hồng. Và kể đó tôi đã gieo vãi tôi đã làm thơ và tôi đã làm gì tôi đã ve vuốt thật đấy ve vuốt một danh từ và đã chuyển trở với nó.” Trong trường hợp đó, ta cần chấp nhận sự thực; và hơn thế nữa, ngoài hành động lặp đi lặp lại thuần túy và nền tảng, là cả một quan niệm về thơ ca mà Gertrude định nghĩa và đảm nhận. Từ lúc ấy, đối với bà, “hoa hồng mang sắc đỏ lần đầu tiên trong thơ Anh suốt một trăm năm”. Đó là, theo cách diễn tả của Renate Stendhal³, “một lời mời nhập vào vũ điệu văn chương.”

Đó cũng có thể là biểu hiện của nỗi lo sợ triền miên, nỗi lo sợ của Gertrude, của một Gertrude kinh hãi cái chết và luôn luôn cần được xoa dịu. Bởi, như Bruno Duborgel xác nhận, “sự lặp đi lặp lại minh định rõ ràng tiến trình cơ bản của sáng tạo như là sự tái lực có liên hệ đến thiên chức luôn luôn giải tỏa những hình thể mới lạ và nhảy nhót, tưng dữ lý lịch. Trong Bông hồng là một bông hồng... mỗi bông hồng luôn luôn mới mẻ, nó là sự lặp đi lặp lại của một thứ chân dung tự họa không bao giờ bị mất bản thể và được tăng cường sự hiện diện. Ở Gertrude Stein, không có vấn đề chuyển dịch, vì lẽ cái hiện tại bất tận được làm cho thoải mái bởi sự cài đặt cái vòng tròn của sự lặp lại. Đường thẳng trở thành điệu vũ và đậm nét, được trường cửu hóa để nhập vào không gian và thời gian. Gertrude sống và viết trong một khoảnh khắc triền miên, trong sự chính thống luôn luôn đổi mới của một hiện tại triền miên. Do vậy, Bông hồng là một bông hồng... như Jean Brun có thể khẳng định khi nói về Kierkegaard,” không ăn nhập gì tới một kỷ niệm hồi tưởng quá khứ, nó hàm chứa sự thủy chung trong sự đào sâu khoảnh khắc mà mỗi bận đều được coi như là cái mà ta cần phải vĩnh viễn hứng chịu trách nhiệm.” Và cái trách nhiệm ấy, Gertrude Stein lãnh nhận nó một cách rất hoàn mỹ, thậm chí bà lại còn đảm nhiệm nó nữa. Như cái bông hồng được Rainer Maria Rilke mô tả: “trong búp mi không tự biết”, trong “một thế giới quay tròn/ cho tâm điểm yên bình của nó dám liều lĩnh/ cuộc ngời nghỉ no tròn của đóa hồng tròn⁴. Vì bởi, đôi khi, để dễ tự nhận diện, tốt hơn là ta nên tự quên mình, như Gertrude đang làm với ý thức rằng chính ở đây, rằng qua đóa hồng, mà lý lịch ta hiển hiện. Bông hồng là một bông hồng... không phải là, như vài người muốn chúng ta tin thế, một trò nhảm nhí vô ích, một lời bạch ngôn giản đơn trong ngôi

3. Renate Stendhal. Nữ tác giả Mỹ gốc Đức, hiện sống tại Berkeley, California. Sinh tại Đức, sống gần nửa đời ở Paris trước khi sang Mỹ. Đã dịch sang tiếng Đức cuốn truyện trinh thám độc nhất của Gertrude Stein, *Blood on the Dining-Room Floor*, và viết cuốn tiểu sử *Gertrude Stein in Works and Pictures* (Algonquin Books, USA, 1994).

4. Nguyên văn tiếng Pháp: “tu t' ignores dans ton bouton”, dans “un monde qui tourne en rond/ pour que son calme centre ose/ le rond repos de la ronde rose”.

thánh miếu của Gertrude Stein.

Sự lập đi lập lại bông hồng, là một hành động thuần túy của hiện tại, là ý chí, theo Deleuze, “sử dụng sự tiếp nối của khoảnh khắc để chiêm ngưỡng cái vô biên.” Nhưng đó cũng là, và nhất là, sự cố tình đánh mất trí nhớ, sự cắt đứt ở mỗi lần đọc lại đối với Gertrude. “Ở đó là bí ẩn và nguyên tắc, là sức mạnh và tiết kiệm, là vệ sinh của thiên tài; cái sức mạnh dị thường của tuổi trẻ: *hụt trí nhớ*, không trí nhớ; hay đúng hơn thiếu *cái* nhớ, không có sự nhớ; không kéo lê theo sau cái khối nặng nề đó.” Và, theo lời Péguy, như mọi khi, “Thiên tài biểu lộ bằng sự tóa ra cái mới lạ. Nó gắn liền với tinh thần trẻ con là sự thiếu trí nhớ.” Cuộc tương phùng đẹp thay, mà ta cũng phải tự thú nhận rằng đó là cuộc gặp gỡ lạ kỳ giữa Charles Péguy và Gertrude Stein (họ có quen biết nhau không? Tất nhiên là không!), nhưng mà cũng là sự hòa đồng hòa hợp trong sự lập đi lập lại rất cuốn hút và hoàn toàn sáng suốt. Dù gì thì từ đóa hồng đến thiên tài, chỉ là bước ngắn, bước ngắn Gertrude vui vẻ vượt qua, Gertrude đã nghĩ và đặt bút ghi bà là một thiên tài, và đã nói rằng, “tóm tắt, là một thiên tài cũng khá buồn cười đấy nhé”; và, như Otto Weininger đã tuyên bố: “kể biết tuốt dù chẳng hề học hỏi”.

Để đọc tất cả các trang thơ của bông hồng, Rainer Maria Rilke đòi hỏi phải có một “trăm con bướm”. Trăm con bướm để bảo rằng đóa hồng không phải là một ảo tưởng, để nói rằng *A là A* đúng là “sự diễn tả của mọi thực tế” cho dù cánh bướm của Trang Tử⁵ có bay tới và đậu lại trên đóa hồng.

*Nguyễn Đăng Thường dịch
Đăng Tiến chú thích*

Trong tập *ROSE & RÉPÉTITION autour de Gertrude Stein* của tác giả Pierre Courtaud, nxb Alidades, Thonon-les-bains, 2000, từ tr.14 đến tr.19).

5. **Đăng Tiến** chú thích: Tác giả trích Trang Tử, vì Trang Tử có viết trong Nam Hoa Kinh ở thiên Tề Vật Luận:

“Xưa kia, Trang Chu chiêm bao thấy mình hóa bướm! Tự thấy thích chí chẳng, chẳng biết đến Chu nữa! Thoát thức dậy, thì thù lù là Chu! Không biết Chu chiêm bao thành bướm chẳng, hay bướm chiêm bao thành Chu chẳng?”

Do đó, ở cuối Truyện Kiều, câu 3200, Nguyễn Du đã viết:

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh...*

Trang sinh tức là Trang Chu, người thời Chiến quốc.
Và do đó, có người Ngâm Thơ ngày xưa ở Saigon tên là Hồ Điệp. Và nhà thơ
Đình Hùng lấy biệt hiệu là Hoài Điệp (Hoài Điệp Thứ Lang), và có câu thơ:

*Tôi hết thơ hoa, mộng bướm rồi,
Bây giờ lòng kể truyện lòng thôi.
Bởi em mơ dáng sầu đôi chút,
Tôi mới bàng khuâng ngỏ mấy lời.*

(Bài “Truyện lòng”, của Đình Hùng, trong tập *Đường vào tình sử*, nxb Nam Chí
Tùng Thư, Saigon 1961, tr. 5. ĐVTS gồm 2 phần: Truyện lòng và Tiếc bướm).

Thầy Hoạch

Đặng Tiến

Nhà thơ Trần Hồng Châu, bút danh giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, 1965-1969, đã từ trần tại quận Cam, California, Hoa Kỳ, ngày 7.12.2003.

Ông sinh ngày 15.5.1921, tại Hưng Yên, đất cũ Hồng Châu, nên lấy bút danh như vậy, trong một gia đình nho học danh giá. Học trung học ở Huế, 1936-1943, rồi học Luật tại Hà Nội, bắt đầu viết văn làm thơ từ đầu thập niên 1940, cộng tác với các báo Gió Mới và Tiền Phong, dạy học (1946) và đi kháng chiến ở Khu Ba, 1947-1948, làm bài thơ nổi tiếng *Gửi người Em ở Nội Thành*. Về Hà Nội, và sang Paris học Luật, được Bùi Xuân Bào rủ rê học thêm Văn Khoa. Đỗ cử nhân văn chương 1950 và trình luận án tiến sĩ quốc gia năm 1955 về Truyện Nôm Việt Nam Thế kỷ 18-19, dưới sự hướng dẫn của Pierre Moreau. Đỗ Cao Học Quốc tế tại trường Luật Paris, 1952 và Cao Học Âu Châu tại Nancy, 1957, chuyên về chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Thế Chiến.

Trong giới khoa bảng miền Nam Việt Nam thời ấy, ông là người có nhiều bằng cấp nhất. Ông giữ nhiều kỷ niệm đẹp về Paris và viết những trang hồi ký thấm thiết¹.

Về nước, 1957, ông giảng dạy tại Đại Học Văn Khoa, Sài Gòn, Huế, rồi làm giáo sư thỉnh giảng tại Đại Học Nam Illinois, Mỹ, 1970-1974.

Năm 1960, ông chủ trương tạp chí văn nghệ Thế Kỷ 20 và bắt đầu sử dụng bút hiệu Trần Hồng Châu, dưới một bài thơ dài, *Paris chiều chia ly*. Có lẽ từ thời điểm này, quần chúng mới biết ông là thi sĩ, và qua ông một giáo sư khoa bằng và nghệ sĩ. Nhà thơ Trần Hồng Châu là cây cầu vòng ngũ sắc giữa học thuật và nghệ thuật, và chứng minh rằng: cái này không nhất thiết phải loại trừ cái kia.

*

Non mười lăm năm giảng dạy tại nhiều đại học miền Nam, qua những thăng trầm, chính biến mà chúng ta còn nhớ, g.s. Nguyễn Khắc Hoạch đã gây dựng nhiều thế hệ văn chương : nhiều nhà văn, nhà báo ở nước ngoài hiện nay, là môn sinh của ông. Tôi không dùng chữ « đào tạo » vì thầy Hoạch không thích động từ này, vì văn học không phải là « cái lò »; ông có nhiều bằng cấp, nhưng không một nhà trường nào trên thế giới đào tạo được một nhà trí thức như ông, và ông cũng không chủ trương đào tạo ra cái gì.

Trên bục giảng, ông là một nhà giáo nghệ sĩ, và nhờ đó, ông là cây cầu giữa nhiều nền văn học: Pháp và Việt, Đông và Tây, truyền thống và hiện đại, dân gian và bác học, trường quy và sáng tạo. Ông là Nhà Nho Tài Tử, là bác học thi nhân, do đó mà ảnh hưởng, về lâu về dài thấm nhiễm vào môn sinh. Ông tự biết như vậy và đã viết: «*còn tôi, thì bài giảng vẫn đầy đủ, nhưng chỉ ghi lại sơ lược một sườn bài và các điểm then chốt, được thuyết trình một cách ngẫu hứng như một bài nói chuyện. Chẳng biết có phải như nhiều bạn hữu từng nói, tại tôi đã đem thói quen «tà tà phát phơ» của người làm văn nghệ vào lớp học không*»².

«*Tà tà phát phơ*» là lời lẽ của môn sinh lễ độ. Học trò nghịch ngợm thì nói «lè nhè và lè phè». Đây là lời ông tự bạch:

«*Giảng bài, bình văn, phân tích, bố cục, nội dung, hình thức, là cái gì ? Đây chỉ là mời chào viễn du. Hướng về cửa Thần Phù, về động bích nguồn đào của văn nghệ và những tâm hồn lớn, lôi cuốn theo đoàn người đồng hội đồng thuyền cho tới ngày hạ sơn. Đứng trên đỉnh Côn Luân cao vời vợi, sau khi trao tiên phù và thần kiếm, người trưởng môn ngâm ngùi theo dõi bóng dáng những kiếm khách trẻ tuổi, tiến xa, xa mãi vào những lũng thấp, đèo cao, sông dài biển rộng của cuộc đời...*»³.

Tôi xác nhận là ông nói thật. Có lần, trong bài giảng Nhị Độ Mai, ông chuyển sang nói về truyện dân gian, truyện Tấm Cám, chiếc giày thơm, sang truyện Hương Miết Hành, không biết của ai, thời nào, rồi đọc thơ Đinh Hùng: *nàng yêu ta huyền hoặc mỗi kỳ tình*. Sinh viên không ai hiểu vì sao,

nhưng với nhiều người, đó là lời khai lộ cho con đường văn học; một «hành trình khai tâm» (parcours initiatique), mà về sau này chúng tôi mới vỡ lẽ, vì thời đó, chúng tôi không ý thức, mà cũng chưa khái niệm được việc «khai tâm» vì chưa đọc Propp hay Backhtine.

Môn đồ của ông nhiều người thành danh và có sự nghiệp văn học. Sinh thời ông từ tốn, nhưng rất tự hào về đám môn sinh mà, trong tình riêng, ông gọi là «hào kiệt văn khoa», và có bài thơ chữ Hán nói lên niềm tự hào lẫn một chút chua cay:

Văn Khoa Đại Học Đường Tức Sự

Kinh sử trùng trùng ánh thiên tinh
Anh hoa điệp điệp mãn môn đình
Kim nhật tịch tịch tiêu điều xứ
Cựu khách thê thê bi hận tình.

Tác giả diễn nghĩa:

Sử kinh trùng trùng ánh sao trắng
Tài hoa điệp điệp khắp môn đình
Cảnh cũ hiu hiu buồn vắng lặng
Bạn xưa rười rượi nhớ thương dài.

Trần Hồng Châu

Kinh sử trùng trùng lóa ánh sao
Cổng xô lớp lớp khí anh hào
Tiêu điều Đất cũ Thương Trời cũ
Tình xưa di hận. *Nhớ thao thao.* ⁴

Đặng Tiến dịch

Trong tư duy văn học, g.s. Nguyễn Khắc Hoạch có khuynh hướng bảo thủ, trong giáo trình và trong ứng xử. Ông biện minh điều đó: «*Vai trò của nhà giáo dục, vai trò khuôn mẫu, mực thước, ít nhiều hướng về việc bảo vệ truyền thống, bảo vệ di sản cổ điển và những giá trị đã có sẵn*» ⁵.

Trên lập trường sự phạm cơ bản này, còn có nhiều lý do khác. Khoảng 1960 là thịnh thời của các trào lưu triết học, chủ yếu là hiện sinh, ào tràn

vào Việt Nam, trở thành một thời thượng ngay nơi giảng đường một số đại học. Nhưng ông không ưa thời thượng và cũng không tâm đắc với những trào lưu «*Tôi sợ những chữ isme, một số đã tàn phá lịch sử nhân loại*» 5, mặc dù ông sống ở Pháp những năm 1950, cao điểm của thời thượng hiện sinh, mặc dù ông đã theo học Jean Wahl, Merleau-Ponty, đã thâm cứu Camus, mặc dù những khoa trưởng văn khoa Sài Gòn thời đó là «triết gia» như Nguyễn huy Bảo, Nguyễn đăng Thục. G.s. Bảo là thầy g.s. Hoạch, thời trung học ở Huế, ông Bảo theo chủ thuyết «nhân vị», nhưng không theo Ngô Đình Nhu, bị ông Nhu bãi chức, đưa ông Nguyễn đăng Thục lên thay, nhưng ông Thục không những không theo mà còn... chống. Chúng tôi chỉ tiết dài dòng để giải thích lòng tôn kính của môn sinh đối với các bậc thầy, về mặt trí tuệ đã đành, mà còn về mặt đạo đức và tư cách chính trị.

Gợi đại học Sài Gòn lúc đó, dường như không mấy ai xu thời. Và chúng tôi cũng học tập được tinh thần độc lập và khí khái về chính trị.

Về phong trào Tiểu Thuyết Mới, thầy Hoạch cũng không mấy khi đề cập, dù ông đã có dịp gần gũi với Robbe-Grillet thời du học ở Paris.

Ông còn bảo thủ, phần nào theo truyền thống đại học mà ông thừa hưởng, với các bậc thầy cổ điển như Pierre Moreau, Daniel Mornet. Thời đó, Đại Học Paris chưa có những Todorov, Kristeva.

Nhưng có lẽ tính bảo thủ là do bản chất hoài cựu. Ông là hình bóng hiền lành và mô phạm của một Nguyễn Tuân xa xôi. Vẫn sầu mộng những Marie Anne, Barbara - một của Prévert, một của Boul'Mich – nhưng tâm tư vẫn Mười Thương Cô Tấm.

Thơ ông, ký tên Trần Hồng Châu trong ba tập *Nhớ Đất Thương Trời*, 1991; *Nửa Khuya Giấy Trắng*, 1995; *Hạnh Phúc đến từng Phút Giây*, 1999, chứng tỏ rõ ràng nhiều tính cách tương phản, bổ sung tâm hồn ông : rung cảm trí tuệ trên những kỷ niệm văn chương Đông Tây Kim Cổ và những cảm xúc ngân lên từ cuộc sống bình dị. Lời thơ phá thể, tự do, nhưng ý thơ cổ điển, từ chương. Từ vựng kiểu cách, văn hoa, nhạc điệu gập ghềnh, buông thả. Thơ Trần Hồng Châu là một độc thoại nội tâm, trong đó từ ngữ, âm thanh, ẩn dụ, hồi âm và hồi quang lẫn nhau, làm thành một thế giới riêng biệt, không thể trích dẫn và bình luận riêng rẽ.

Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch là thầy tôi. Người xưa nói: *một chữ là thầy, nửa chữ là thầy*. Có lẽ với thầy Hoạch, tôi không học được một chữ nào, nhưng nên người là nhờ thầy. Vì vậy tôi gọi ông là thầy, trong ý nghĩa đầy đủ và cao đẹp nhất của chữ thầy, cả về hai mặt trí tuệ và đạo đức. Cuộc sống khốn nạn đầy dọa chúng tôi phải sống xa cách; nhưng trong lòng tôi vẫn ngưỡng vọng, và thầy luôn luôn hạ cố: viết được cái gì, thầy

cũng chịu chất gửi cho trò ở xa. Nhờ đó mà tôi có nhiều tư liệu về thầy, và đôi tư liệu riêng tư.

Về tài năng, đức độ, địa vị tôi không nghĩa lý gì so với thầy. Nhưng có lẽ thầy trò gần nhau trên một điểm là:

Chúng tôi cùng thủy chung với một đôi điều vớ vẩn, đơn giản, mà mình xác tín.

Noel 2003

Chú thích

1 Trần Hồng Châu, *Paris chiều Tái Ngộ*, Tạp chí Văn Học, số 128, California

2 Trần Hồng Châu, *Tưởng niệm Giáo Sư Bùi Xuân Bào*, Tạp chí Dòng Việt, số 5, tr. 21, 1998, California.

3 Trần Hồng Châu, *Thành Phố trong Hồi Tưởng*, mục Văn Khoa Sài Gòn, tr. 74, nxb An Tiêm, 1991, California.

4 *Nhớ Đất Thương Trời* là tên một thi tập Trần Hồng Châu

5 Trần Hồng Châu, *Dăm ba điều nghĩ về Văn Học Nghệ Thuật*, tr. 373, nxb Văn Nghệ, 2001, California.

Tưởng Niệm Nhà Thơ Trần Hồng Châu



Nguyễn Khắc Hoạch
1921-2003

Nhà thơ Trần Hồng Châu, bút danh giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, là tác giả bài thơ «*Gửi Em ở Nội Thành*» dưới đây, làm vào thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, ký tên Hoàng Tuấn. Bài thơ hay, nhưng ít người biết đến, và càng ít kẻ biết chính xác tông tích của tác giả.

Nhà thơ vừa qua đời ngày 7 tháng 12/ 2003, tại quận Cam, California, Hoa Kỳ. Chúng tôi lấy trách nhiệm công bố tác phẩm, như một tư liệu văn học quý giá, có giá trị trên hai mặt nghệ thuật và lịch sử.

Tạp Chí Thơ

GỬI EM Ở HÀ NỘI

Thơ em xuôi giòng sông Nhị
Qua muôn trùng vị trí:
Nước Hồ Gươm tuôn mạch thấm đồng sâu...
Xuôi giòng sông Nhị,
Một nẻo trời cổ đô
Vương vương mộng hải hồ...
Đây, bên anh,
Lòng thơ cháy
Trong bì đạn lạnh âm-u.

Đêm nay lộng heo may,
Lửa tàn bên điểm gác,
Có người nghe tâm sự
Trên giấy mầu hồ thủy:
“Trăng ngoài biên khu anh,
Trăng thôn Hạnh-Hoa em...
Anh viết dưới ánh trăng,
Em trông lan huệ trắng,
Em thêu lửa Vàng Sao,
Đợi ngày về rực rỡ...”

Đây, thơ mùa thu,
Ngược bến sông Hồng.
Đây, nơi tay người đặc vụ,
Em, đón tâm tình chiến khu!
Anh viết... Nơi đây đã tắt mấy mảnh đời,
Hờ ơi! tan trong nòng súng giặc!
Thịt rắn chắc,
Tình lứa đôi,
Nhà mấy nóc đỏ như môi cười nhĩ?
Gió lửa khe cột đổ,
Mực nhòa, lạnh thấm mi,
Lòng ai rừng rực nóng khôn nguôi...
Bút vẽ hờn cầm gây sắc máu,
Áo nâu tay vạt lửa tàn, đau,
Tay áo nâu... Anh đã dẫn bùn nâu
Nền tư duy cũ với áo ngủ viền lụa xanh.

Một ngàn lẻ một ngày dân tộc...
 Nứt nẻ bàn chân lê dếp trắng,
 Đầu trùm nón lá nhớ kinh thành,
 Anh vẫn vui đi trên những nẻo đường đất nước.
 Lúa xanh xanh, núi trùng điệp, đèo mấp mô...
 Qua muôn cảnh, vẫn sen Tây Hồ,
 Sông vẫn sông Tô, cốm, cốm Vòng.
 Khu Tự Do ngang dọc... băm sáu phố phường,
 Anh vẫn vui đi,
 Tập bản thảo với nụ cười em trong “xắc”¹.

Thương đôi thành-phố cũ nặng đau thương,
 Nhớ muôn em sầu muộn đợi bên rèm
 Dăm đoàn người trường chinh,
 Một văn nghệ thành hình.
 Đầu gối phong sương,
 Mộng kẻ dân tộc.
 Sông Lô, đèo Khế, Thái Nguyên,
 Núi sông muôn thuở nghiêng nghiêng mắt huyền.
 Bút cày tứ thơ lòng đất mẹ
 Đất rung rung chuyển sóng Dân Quyền
 Nguồn sáng vô lượng,
 Đuốc hoa tín tưởng:
 Quê hương, Sáng tác, Ý tình em.
 Anh vẫn vui đi,
 Tập bản thảo với nụ cười em trong “xắc”

Đêm hôm xưa? đêm ngày mai?
 Đêm nay... giữa lòng cố đô,
 Hoa lựu đạn nở tình hương Bắc Việt...
 Em nghe không, khắp bốn ngã đầu ô,
 Nhịp quân ca vang dậy chuyển thành xưa.
 Em thấy không, trong ánh lửa bập bùng,
 Những người Liên khu Ba,
 Sắt đá tình không núng,
 Những người dựng Ngày Mai,
 Hẹn ngày về giữa độ hoàng hoa!
 Hoa đã nở từng bùng mầu giải phóng

1 Ở chữ Pháp: sac = túi đựng quần áo.

Lệ rừng rừng ướt mấy đầu xanh,
 Mặt xạm đen, áo rách dựng tim vàng,
 Con về đây!
 Thân bé bỏng,
 Lòng hiền ngang.
 Con về đây,
 Mẹ Thắng Long!
 Mẹ Thắng Long!
 Ở đây... Quan Thánh, Bạch Mai...
 Niềm vui gặp gỡ những ai nội thành,
 Gió chưa phai ước thệ,
 Mưa không thấm lòng son
 Chân máu đỏ chắt xiềng miền chiếm đóng,
 Trí quật khởi gắn bó nợ biên khu.

Bên cửa song
 Vọng núi rừng,
 Trăng xưa đầy khước mắt,
 Em sẽ gặp anh
 Trưởng thành trong vũ trụ anh:
 Quê hương, Sáng tác, Ý tình em.
 Em sẽ gặp anh,
 Em gái nhỏ trồng lan huệ
 Trong những ngày dài lê thê!
 Em sẽ gặp anh!
 Tay nắm tay,
 Anh và Em
 Giữa lòng Núi Sông!

Hoàng Tuấn

Tư liệu lưu trữ của Đặng Tiến

GIANG HỒ

Mười phương quán gió đời ly loạn,
Ta vẫn ngồi đây mộng vẫn xây!
Nửa đêm trừ tịch cờ dăm ván
Trà thanh vị đắng ngát giang hồ
Viễn khách bụi trần nhòa hương phấn
Tình dài nửa đoạn vút lời thơ
Cánh hoa tử muội cười như ngọc
Em thương bé bỏng tóc cài mây
Bèo nước lênh đênh chẳng hẹn ngày
Giang hồ rót mãi giọt buồn say
Ai đi ngang dọc cho ta nhớ
Ta vẫn ngồi đây, mộng vẫn xây!

Trần Hồng Châu

Ghi chú của tác giả gửi Đặng Tiến:

Bài này làm khoảng 1947-1948 đồng thời với “*Thơ em xuôi giòng sông Nhị...*”. Thời đó ở phố huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, có quán cà-phê Giang Hồ của hai chị em Giang & Hồ rất nổi tiếng.

NGUYỄN TUÂN

SAY

Hạnh hoa thôn đã đây rồi,
Chơi đi cho thỏa một đời thông minh,
Nợ men gấp mấy nợ tình,
Cõi trần ướm hỏi Lưu Linh mấy chàng?

Hung trung hữu Lý Bạch,
Đã say sưa mặc quách thế nhân cười.
Mượn mầu men giả dạng làng chơi,
Cơn chuẩn choáng coi ra trời đất nhỏ.
Ai muốn lấp sầu thiên vạn cổ,
Cùng ta hãy cạn một hồ đầy.
Doanh nước mây, một tổ lại một thầy,
Vành gió bụi, ai tỉnh? Ai say?

Ai ngắt ngưỡng?

Đảo phá sầu thành thi thị tướng,
Trường truy cùng tặc tử vi binh,
Rượu ngà say quên lẫn cả mình,
Khi túy lúy thoát hình ngoài cõi tục.
Mặc ai đàm tiếu ai trong đục.
Tĩnh mà chi cho nhọc chẳng khê khà,
Nợ nần gỡ mãi không ra.

1931

GIĂNG LIÊM

Cát xuân cuốn lốc như năm nao
Bao la một giời chiến hào
Dài ngân trong gió Lào
Rụng cánh từng cánh hoa ban
Ngoài bến cỏ gianh lút đầu người
Nấc lên những hơi mìn gờ sót
Vỡ hoang Cò Mỹ đánh gộc rừng
Âm âm động xích chiến xa hòa bình
Bãi xưa đèn hiệu thả dù
Đèn pha nay chạy máy cày đêm
Sân bay đất lật ngựa lên
Hầm pháo nặng thành hố phân xanh
Con chim bạt ngàn ngày xuân nọ
Trở về nở trứng giữa chân ruộng mạ
Khu trục gở cánh quạt chìm dần
Sóng lúa Hồng Cúm vòng ngọn cao
Nông trang khắc thấu
Mồ trâu
Đui đạn đồng
Lạnh canh nhạc lạnh sương lồng giọt mơ
Hơi may ngọt nhờ nhờ
Đêm cỏ đầm đầm sữa vắt
Loang khắp cánh rừng Mường Theng
Trong nắng mai bừng lên
Như sôi hơi một nổi cơn khổng lồ
Chào reo lúa tẻ vụ đầu
Phía cầu Nậm Rốm
Có anh bộ đội yên tâm sản xuất
Thả nhẹ vào lòng sông chiều
Một chiếc liềm vàng

Nghiêng nghiêng giăng liềm
Vàng thiếp lên vàng
Trên lúa rỗ đồng Mường Thanh
Một mùa thu lao động hòa bình
Treo lên một giời xanh
Điện Biên chiều về nguyệt bạch

Kim tuyến thêu hình liềm vàng
Láng đi láng lại hào quang
Trên lúa đỏ nông trường

Ngợp trong bụi lửa
Bốn năm xưa Điện Biên
Giăng liềm gác lên nòng súng khói
Đất cũ rừng rưng chiều sa trường
Mên mông tiếng lúa nông trang
Cánh đồng lịch sử
Biên tuyến xanh ngắt xanh
Lồ lộ chiếc liềm vàng.

4/10/1958

JOSEPH HUỲNH VĂN

EM ĐẸP NHƯ HOÀNG HÔN ĐỎ MÁU

Em đẹp như cách mạng
Vành khăn tang thắm đỏ giữa chiều vàng
Em đẹp như nát tan
Thuở bình minh , rạn vỡ xa nhau
Ôi vầng dương vầng sâu
Em đẹp như hoàng hôn đỏ máu
Thắm dấu tên chúng ta

Như một chuyến đi xa
Người về dưới chân sao lặng lẽ
đẹp ghen ngào
tên của người trong trắng biết bao
Ôi vì sao ở cuối trời ly cách
Em đắm đuối
như chuỗi đời không gấp gờ
đẹp bơ vơ

Như giấc mơ vội vàng tặng sáng
đẹp muộn màng
Ôi những người kiêu hãnh chẳng ngày mai
đẹp tàn phai
vì lòng hoài cách mạng

VÔ ĐỀ

Máu đào ai thấm trên sông
Mà em giặt áo chờ mong người về
Chao tay trong ánh giăng thề
Có nghe hồn lụy nào nề huyết xương

Ngàn năm e vẫn còn vương
trên sông trầm lặng chút hương máu nồng.

VÔ ĐỀ

Trời xanh ngập ngừng như muốn nói
Ngàn năm ấp úng đáng mây trôi
Lòng tôi e có chi muốn hỏi
Muôn thu ngơ ngác đứng bên đời...

TRẦM THUÝ...

Chiều khép mắt xanh
trầm thuý nhớ
trầm cỏ xanh
rủ bóng mực huyền sơ

Lòng sương phai Hoài khuất vết chân mờ
trăng ấp – ủ vầng mơ trong đáy mộ
chiều đi mãi
thương nắng vàng, nuối lại
chút hồng rơi bi – thiết cuối chân ngày

Chiều khép mắt xanh
trầm thuý nhớ
trầm ngàn mây
khép tím một giòng thơ.

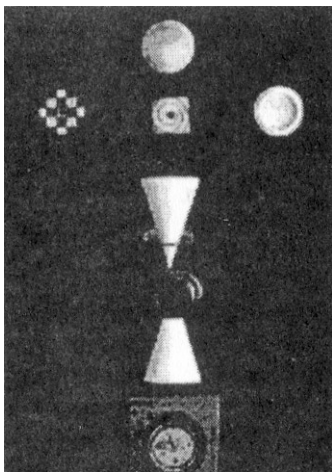
THÁI TUẤN

ẢO GIÁC

Vườn hoang ghế đá lạnh
Bệ vắng tượng, bờ vơ
Dấu chân như dòng lệ
Chỉ đường vào cơn mơ
Đầu cành hoa đêm nở
Có con nhện giăng tơ.

OCTAVIO PAZ
MARIE JOSÉ PAZ

HÌNH & TƯỢNG

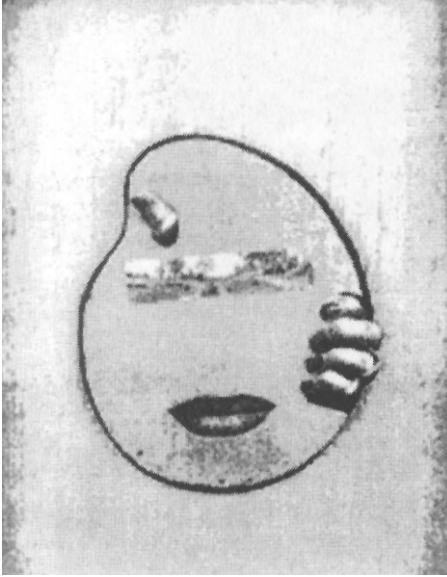


Marie José Paz, *Lặng êm*, 1994

LẶNG ÊM

Trắng, đồng hồ cát:
đêm dần với
giờ sáng soi.

Trong tập Cây trong lòng, 1987.

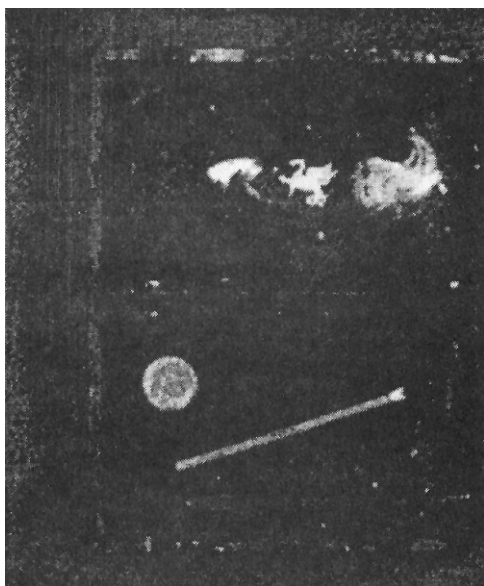


Marie José Paz, *Bảng màu*, 1992

GUỖNG MẶT EM

Một bàn tay – của ai? –
da xanh, móng đỏ.
nâng một bảng màu.
Bảng màu nói: Tôi muốn là khuôn mặt.
Và bàn tay biến nó ra tấm gương,
và trong gương, cặp mắt em
và mắt em hoá ra cây, mây, đồi.
Một con đường uốn giữa đôi bờ
của lượn lờ và gợi thầm.
Trên đường ấy tôi tới miệng em
nguồn bao sự thật vừa mới chào đời.

Houston, 23 tháng 7, 1994



Marie José Paz, *Hộp vẽ mây*, 1991

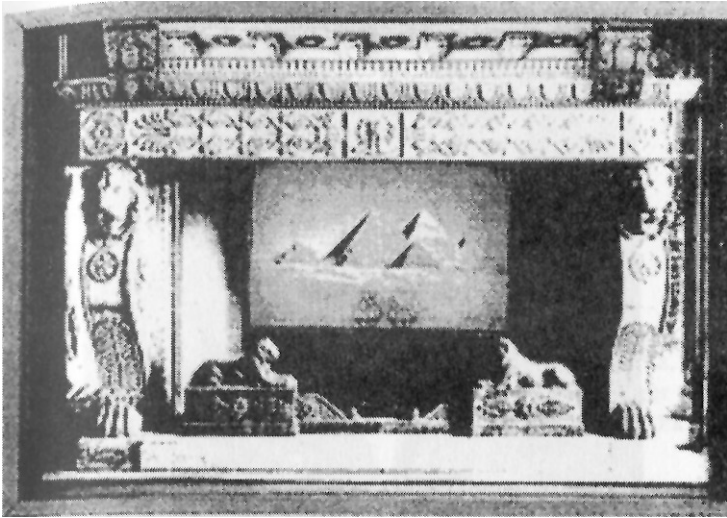
NHỮNG NÉT BÚT THỨC DẬY

Tạo vật của gió, xoáy của sóng bạc đầu
một con rồng giữa mây trôi
và một trái cầu lửa vẫn xoay
trong một bầu trời tựa như trái đất.

Rồng bé ơi, mi phi
trong một giấc mơ những nét bút thêm thiếp
và chỉ một làn khí nhẹ
mở hé đôi hàng mi.

Hộp vẽ tung cánh và thoát bay đi.

Thành phố Mexico, 23 tháng 9, 1994



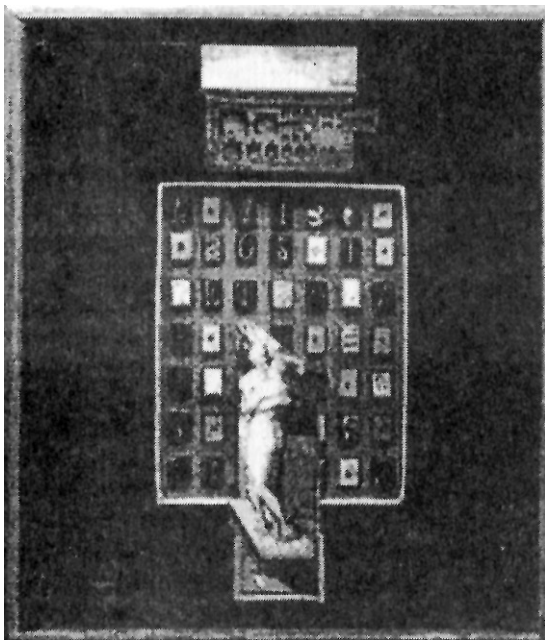
LÒ SƯỞI ĐẾ QUỐC

Những ngọn lửa đã hoá đá
và đá là một nhóm kim tự tháp
hình học tĩnh dưới một bầu trời không chút bợn.

Hai bàn chân nhân sư chống đỡ bầu trời,
hai sư tử nằm canh
giữ cổng,
hai sư tử khác, có cánh, khoác nhung y
trong những nhánh nước sông Nil.
Một huy hiệu kép của sa mạc và nước,
những sức mạnh
kết nối sinh sôi.

Tượng đài nhỏ của lửa
trong một góc phòng
Ai cập bốc cháy,
phủ cứng mặt tiền mùa đông.

Thành phố Mexico, 27 tháng 9, 1994



Marie José Paz, *Số mã*, 1991

SỐ MÃ

Tường xâm bằng kí hiệu
như thân mình của đêm sáng sao.
Trên đó, không mây không sao:
một kiến trúc bằng gỗ,
những vòm, những hốc vọng âm trú vào.

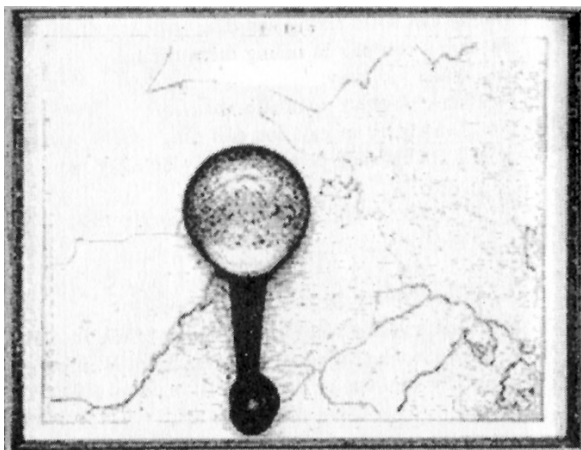
Chân trời của thời gian hoá đá:
mỗi con dấu là một số mã,
mỗi số mã là một cửa sổ,
mỗi cửa sổ là một tia mắt
khoan sâu vào tháng ngày
và vén mở khuôn mặt:
không phải hôm qua hoặc hôm mai, mà hôm nay.

Những cửa sổ là những con dấu
và những con dấu là những điểm triệu
hoá thành vận may:
Đôi lứa gặp gỡ và xoắn vào nhau.
Nàng và chàng và một con dấu sống,
số mã không trang phục của khởi đầu ngày mới.

Thành phố Mexico, 7 tháng 10, 1994

Nguyễn Tiến-Văn dịch

6 bài tranh và thơ của Octavio Paz & Marie José Paz, *Figures & Figurations* (Bilingual Edition), Eliot Weinberger dịch từ tiếng Tây-ban-nha, A New Directions Book, New York, NY 2002



Marie José Paz, *Ấn độ*, 1991

ẤN ĐỘ

Những con chữ và những đường uốn lượn
xoắn nhau và chia lìa trên giấy
như lòng bàn tay:
phải chăng là Ấn độ?
Và bàn chân thú kim loại nâu vàng
– mặt trời luyện, mặt trăng tôi –
móng quặp một trái cầu thủy tinh cứng
và khối cầu lung linh
hàng ngàn ngọn nến, cháy và toả sáng,
những tín đồ mỗi đêm phóng đi
bồng bênh trên sông hồ:
chúng là một tiên tri, một thai đố,
kí ức một hội ngộ,
những kí hiệu linh lạc của vận may?

– Chúng là quyền trượng của tình cờ
bỏ dưới chân cây thời gian
do vị vua của thế giới này.

Thành phố Mexico, 9 tháng 10, 1994

THIỆN HIẾU

KINH CỐT NHỤC

Không biết rồi ai sẽ cứu ai

Phạm Duy

Bước vào rồi lại bước ra
bước vào hối hả bước ra vội vàng
cửa nào là cửa an toàn
cửa nào tao loạn, cửa nào mảy ly
mau mau rời bước chân đi
anh em đã chết tứ chi rụng rời

20-05-03

TÌM

Tôi tìm em một nụ tình
tôi tìm tôi trong bóng hình thiên thu
tôi tìm em giữa sa mù
tôi tìm tôi giữa mùa thu vô vàng

Bây giờ mới biết thu sang
Thu sang thì cũng lá vàng mà thôi

Sài Gòn 08-03-03

THẤY

Tôi như một ngôi sao đã tắt hàng triệu
năm trước đến bây giờ còn muốn thấy
mặt trời... dù mây che hay đêm tối
để lúc ta yêu nhau có hoa nở
bên tường... có chiếc lá non rung rinh
hạnh phúc. Tôi như ngôi sao đã tắt

hàng triệu triệu năm đến bây giờ và
mai sau còn mong thấy được mặt người
dù cho bão tố phong ba hay chiến
tranh cốt nhục có xảy ra lần nữa...
lần nữa. Tôi như ngôi sao đã tắt

hàng triệu triệu triệu năm đến bây
giờ cũng tắt luôn nguồn ánh sáng thừa
nếu không được nhìn thấy mặt người... mặt
con người...

Sài Gòn 18-9-03

Phòng tranh Lê Bá Đảng

Đặng Tiến

Phòng tranh Lê Bá Đảng tại Paris, mùa thu 2003, gây nhiều mỹ cảm, mà nếu cần tóm tắt trong một chữ - một chữ thôi - thì sẽ là chữ **thanh**.

Từ *thanh* trong tiếng ta có nhiều nghĩa.

Nghĩa cơ bản là xanh, nhiều màu xanh, những màu xanh, *xanh cây xanh cỏ xanh đồi, xanh rừng xanh núi, da trời cũng xanh*, Nguyễn Bính có lần kê khai như vậy.

Khoảng hai mươi họa phẩm, mới sáng tác nhất loạt trong năm 2002, chứng tỏ tác giả tuổi ngoài tám mươi vẫn còn khối óc trẻ và bàn tay khỏe ; nói chuyện với ông thì thấy người còn trẻ hơn tranh. Về cường tráng ung dung của một Nguyễn Bình Khiêm hay Nguyễn Công Trứ, cái sung mãn tài hoa của Chagall, Picasso gì đấy, khiến người ta tự đứng tin tưởng vào cuộc sống. Tục ngữ «tài không đọit tuổi», hiểu xuôi không hay bằng hiểu ngược.

Loạt tranh khổ lớn, chủ yếu màu xanh, nhiều màu xanh, những màu xanh, một loạt «đơn thanh» như là monochromie, xanh thẫm, xanh dương, xanh lam, xanh rêu, xanh của *khói lam chiều, đá mòn rêu nhạt, sắc chàm trong màu gió*¹. Kỹ thuật gọi là xanh cobalt, outre mer, indigo hay bleu de Huê chỉ chi đó, tôi không sành. Nét vẽ làm khuôn chung những bức tranh là hình mặt người chìm phẳng, giản lược, đầu tròn, mắt nhắm, hao hao giống

Phật, hay thiên sư, hoặc khuôn mặt dân quê, một nhân ảnh mờ sương khói, để nhân diện hóa những uyển sắc màu xanh đơn điệu của họa phẩm. Một thủ thuật, một lối « chơi » của họa sư nhằm đưa nghệ thuật tiên tiến, chủ yếu là trừu tượng và vô hình dung về với nhân gian – và dân gian. Một lối xin lỗi nhẹ nhàng, kín đáo của Kẻ Trở Về, sau một thời gian xa cách, với những chuyến đi dài vào nghệ thuật và tư tưởng hiện đại. Một thứ Lãng Tử sau nhiều năm thảng ngao du côi Đào Nguyên nay về lại nhà xưa, ngồi xuống bên thềm, nhìn qua những đợt cau già tìm *trên trời có đám mây xanh*. Nhưng không thấy mây xanh, vì trên đời không làm gì có mây xanh. Mây xanh chỉ là một hình tượng nghệ thuật.

Khi ta nói màu xanh đơn thanh trong tranh Lê Bá Đảng, là nói tắt để gợi ý. Thật sự chất liệu phong phú, trong một phân vuông, nhìn kỹ, ta sẽ thấy nhiều uyển sắc (variation) trên một nền giá trị (valeurs) tinh tế, qua phong cách điêu luyện và rung cảm tươi mát. Không phải màu xanh nhiều sắc độ nhưng thuần nhất, thường thấy ở tranh Thái Tuấn hay một số tranh Nguyễn Trung một thời, mà những mảng xanh đa sắc (camaeu), do ánh sáng chi phối, có khi được lắp ghép như khảm sành khảm sứ, hay trong mosaïque. Lê Bá Đảng sành sử dụng hiệu năng của lăng kính, tạo giao thoa ánh sáng bất ngờ làm sống bức tranh. Trong loạt họa phẩm hao hao giống nhau, ánh sáng khác nhau gây nên nét khu biệt, khiến người xem không chán và buộc họ phải suy nghĩ.

Do đó, tranh ông cho dù đơn giản vẫn nhiều chất trí tuệ. Một nghệ thuật phi trường phái. Lê Bá Đảng không giống ai, mà cũng không ai giống được ông. Thậm chí, mình cũng nỗ lực giống mình. Vui chỗ ấy.

Nét mặt người nhắm mắt không phải ngủ, mà để trầm tư, nhìn vào nội giới.

Mắt mở là nhìn đời, mắt nhắm để ngộ đời đang nhìn mình.

*

Thanh còn trái với *thô*. Nhưng *thô* không hẳn là xấu: có cái đẹp thô sơ, như trong nghệ thuật dân gian, hay thô thấp trong nghệ thuật hiện đại. Thậm chí còn có cái đẹp thô bạo trong nhiều biểu hiện tạo hình. Những tranh Lê Bá Đảng kỳ này là đẹp thanh tao. Tôi nói thanh tao? Vô hình trung dùng một từ thông thường, không ngờ lại là một chữ gốc Hán, nguyên là điệu hát Thanh Miêu trong Kinh Thi và bài phú Ly Tao của Khuất Nguyên. Dùng một chữ «*thanh tao*» để mô tả tranh Lê Bá Đảng, mà tình cờ gặp cả hai ông Khổng Tử và Khuất Nguyên, thì quả là duyên số: viết văn, cũng như vẽ tranh, lắm lúc gặp may, gặp phải chữ nghĩa hay ánh sáng.

Như vậy, thanh tao trong tranh Lê Bá Đảng là một quan niệm thẩm mỹ Á Đông sâu sắc, chứ không dừng lại ở nhận xét thường tình.

Nhưng theo tâm sự của họa sĩ, thì ông có dụng tâm tạo cảm giác *thanh tịnh* ở người xem, một khoảng yên lặng êm ả, như trong chữ «đêm thanh». Thật vậy, tranh Lê Bá Đảng đã một thời ghênh thác, đã một thời biển thẳm non cao, kỳ này yên ắng mặt hồ. Như một vũ trụ chao nghiêng, đang xanh thẳm đại dương chợt chuyển mình sang xanh lam hồ thủy. Thời gian ngưng đọng. Như con chim tra trả đang bay, tự nhiên ngưng cánh, in bóng trên nền trời.

Van Gogh có lần nói «*dùng màu son và màu lục để diễn tả những đam say*». Lê Bá Đảng dùng màu xanh lam để gọi lên niềm thanh thản.

Tranh ông triển lãm kỳ này, các cụ ngày xưa sẽ có người gọi là Lầu Tranh Ngưng Bích. Tôi rất ưa hai chữ Ngưng Bích.

*

Ngày nay người ta thường nói chuyện truyền thống và hiện đại, dân tộc và thế giới, như những giá trị đối lập cần phải kết hợp. Kỳ thật đây là một khẩu hiệu chính trị, có hiệu lực ở những công trình thủy lợi tập thể hơn là nơi địa hạt văn hóa. Người nghệ sĩ phút giây sáng tạo, không lưu tâm đến hai yếu tố kia ; nếu trong con người họ có sẵn cái dân tộc và cái thế giới thì hai cái ấy sẽ hiển hiện lên khung vải ; nếu họ chỉ có một trong hai điều, thì cũng cứ tự nhiên vẽ, tranh vẫn đẹp, một cách thanh thản ; trường hợp trời không ban cho họ cả hai điều ấy, cũng không sao. Anh cứ vẽ: khi anh có tài, khi anh chân chính là anh và rung cảm chân thành với cái anh của chính anh, thì tranh vẫn đẹp, có khi tuyệt vời, dù rằng tranh khó bán, và các Nam Tào Bắc Đẩu tranh pháo không tìm ra được lời hươu tiếng vượn để ve vãn.

Vẽ, không phải là vẽ vờ. Họa sĩ là người vẽ, không phải là kẻ vẽ vờ. Vẽ vờ là nghề của chàng phê bình, mà tôi cũng không tránh khỏi.

Nói rằng tranh Lê Bá Đảng hiện đại là chuyện đã đành, như phò mã tốt áo. Nói rằng là tranh dân tộc, sẽ có kẻ hồ nghi, vì nơi đây không có những «*màu dân tộc sáng bừng lên giấy điệp*» trong «*tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong*» theo lời thơ Hoàng Cầm. Chất xanh phức tạp, điểm xuyết vài giọt đỏ, như mới vừa rớm máu, khác với những *mộng đỏ hoe, sầu biêng biếc, mây trắng bay đầy* trên nền trời Lưu Trọng Lư, một ngày thu xa vắng.

Nhưng chính Lưu trọng Lư, từ tháng 6/1934 tại Quy Nhơn, lại nói rằng những màu «*dân tộc*» kia là không hiện đại, trong khi yêu cầu chính của tranh Lê Bá Đảng là hiện đại.

Nhưng Lê Bá Đảng lại nói : tranh ông là niềm hoài niệm tuổi thơ. Màu xanh kia là nỗi nhung nhớ một nền trời. Ta nhìn lên, thấy trời xanh, biết đâu rằng bầu trời kia làm bằng muôn vạn màu xanh khác nhau. Tranh

Lê Bá Đảng cũng vậy, khi màu lục lam ngả sang xanh tím, bức tranh trở thành sâu thẳm, u uẩn, huyền hoặc, như đưa ta vào một bình minh sơ nguyên của vũ trụ, thời tiền sử hay tiền kiếp.

Về màu sắc dân tộc, có người đã đề cập đến màu xanh trong nghệ thuật trang trí Pháp Lam ở Huế: *«Màu sắc lục tím, sự tương phản không chói chang nhưng gây cảm giác trang nghiêm huyền bí (...) Sự tài tình hòa sắc tinh tế của các nghệ nhân với những cặp màu hài hòa êm dịu. Màu xanh ngọc lam, màu chủ đạo tạo đậm nhạt không gian trong sáng. Màu sắc khảm sành xứ Huế chứa đựng tính dân tộc thông qua đậm đà tính dân gian»*².

Nhờ đó, đi giữa những họa phẩm hiện đại của Lê Bá Đảng, những tâm hồn quê kiểng như tôi, không thấy lạc lõng, mà còn hứng thú trong cảm giác *«vừa lạ vừa thân»*, thân tâm an lạc: an vì thân, lạc vì lạ, niềm vui lơ lửng trời xanh ngắt. Hân hoan như trong thế giới Bích Khê:

Lam nhưng ô! màu lưng chừng trời
Xanh nhưng ô! màu phơi nơi nơi

Nghệ thuật là cuộc hẹn hò tình ái giữa nhiều ngôn ngữ.

*

Những ngôn ngữ hẹn hò, có rủ rê cả âm nhạc.

Vì Thanh là màu, còn là tiếng, là thanh âm, thanh điệu.

Nhìn một bức tranh Lê Bá Đảng ta có thể nghe thấy cái gì đó. Hồi chuông chiều thanh thót, tiếng suối mai róc rách, tiếng sáo điều biêng biếc, *chìm băng khuôn đôi miếng lẫn trong cành...*

Hội họa là màu sắc hóa thân thành tiếng hát.

Nhưng đừng quên: hét không phải là hát; âm vang không phải là âm vang. Tranh Lê Bá Đảng vì đơn giản, tĩnh lược nên không vang ầm, nhưng vang âm.

Ài đó có nhận định rằng, vào cuối đời mình, họa sĩ Auguste Renoir mới tạo được âm vang cho họa phẩm, một *nhạc tính thủy tinh*³. Tôi không biết ra sao, nhưng xem tranh Lê Bá Đảng kỳ này, tôi có nghe cái gì đó thánh thót trong những uyển sắc của màu xanh, đậm nhạt, chấm phá, đục trong, theo phối âm của ánh sáng, nhịp điệu của đường nét và sự điều tiết chất liệu. Nhưng có lẽ cường độ ngân vang trong tranh đến nhiều nhất từ ánh sáng và những tia sáng, luồng sáng. Ở cảm xúc mỹ thuật, có những ấn tượng chủ quan, không thể nào giải thích hết. Dường như Rimbaud có đặt tên màu sắc cho những nguyên âm, nay đã trở thành kinh điển, dù chỉ là chủ quan thôi.

Họa sĩ Lê Bá Đảng đặt tên cho phòng tranh là *Thu Xanh – Bleus*

d'Automne⁴ – có lẽ chỉ vì ông dùng màu xanh làm chủ sắc; nhưng ông mở thêm cho tôi một chân trời khác.

Trong dự tính, nếu phải dùng một chữ thôi để tóm lược mỹ cảm về phòng tranh, tôi sẽ dùng một chữ *thanh*, trong trường ngữ nghĩa thông dụng.

Nếu phải dùng đến hai chữ, thì sẽ là *đạm thanh*, mượn ở Nguyễn Du:

Đạm thanh một bức tranh từng treo lên

Nhưng nghe họa sĩ nói về nguồn hoài niệm và màu thu xanh, tôi chạnh nhớ đến hai chữ khác, là *đan thanh* mượn của Đinh Hùng:

Nước buồn cũng bởi mắt em xanh
 Hồ biển rừng rừng biếc mấy thành
 Em tự phương trời, thu gửi lại
 Nụ cười thương nhớ, nét đan thanh.

Nghệ thuật là nơi kỳ ngộ *bâng khuâng*. *Nước ngâm trong vắt*.
 Phòng tranh Ngưng Bích, đạm thanh và đan thanh.
 Bên kia, còn nụ cười thương nhớ.

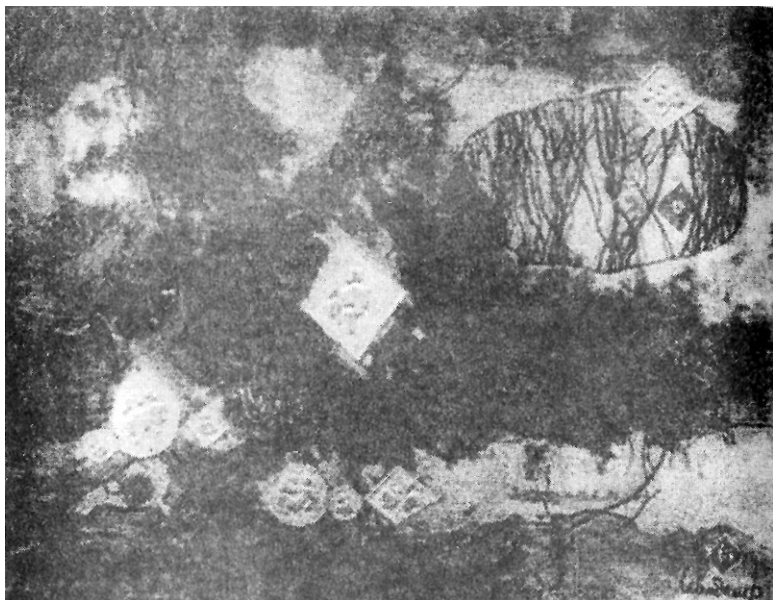
Paris, ngày 10-11-2003

1 Lưu Trọng Lư, Tản Đà, Văn Cao.

2 Vĩnh Phối, Những kiểu thức trang trí Huế, tập san Nghiên Cứu Huế, tr. 128, tập 1, 1999, Huế.

3 Armand Drouant, Traité de la Peinture, tr. 98, nxb Pierre Cailler, 1960, Genève.

4 Lê Bá Đăng, Galerie V.R.G., 23 rue Jacob, 75006 Paris, từ 14 đến 31/10/2003.



Tranh Lê Bá Đảng



Tranh Lê Bá Đăng

PHAN TẤN HẢI

BÀI THƠ MỜI EM THEO VÀO CUỘC ĐỜI

Anh làm bài thơ tặng em, với những
dòng chữ xây lên thành cửa lớn, mời
gọi vô lượng khắp người thiên hạ, nơi
không còn nhịp điệu âm vận làm cho
người mệt nhọc, nơi không nhiều chữ nghĩa
tuyên ngôn thành trì, nơi lòng anh phơi
mở cho em thấy đủ hết núi sông
hồ biển... và cả những hình ảnh em
ẩn hiện từ những kiếp thật xa trên
núi rừng Himalayas... Anh làm

bài thơ tặng em, nơi đưa tay chụp
những mảnh đời và ngạc nhiên thấy chúng
rời tay để bay lên thành chữ viết,
và rồi hốt nhiên thành đời sống riêng
tươi mới hiện hình trên trang giấy với
muôn ngàn cánh cửa hiện ra mời chào,
khi thơ đã thành đời thật, cũng rời
rạc, hư vỡ, mong manh... vì tay anh
chỉ chụp được những gì rất là phần
mảnh tan tác của đời... Anh làm bài

thơ tặng em, khi từng chữ từng câu
 như đường đã trật nhịp lối hàng, khi
 các hàng chữ tự đứng lên ôm mặt
 khóc, vì anh không làm gì toàn bích
 được, vì anh đang trong đời thật và
 những gì trong đời thật đều thoát hiện
 thoát tan và thoát mất, như khi chúng
 ta nhìn mình trong gương và rồi gương
 rạn vỡ... để anh tìm nhặt lại, có
 phải thơ anh là các mảnh kính ráp
 lại... và những lần rạn vỡ hiển hiện
 không che giấu được... Anh làm bài thơ

tặng em, và mời gọi em cùng vào
 chụp bắt lấy những mảnh cuộc đời, vội
 vã ném ngay lên giấy vì chỉ sợ
 chúng biến dạng, nhưng rồi tự đời giấy
 cũng bay lên và xé thành nhiều mảnh
 để anh chạy tìm và rồi ráp lại,
 các mảnh giấy này có bao giờ giữ
 được chân dung em, hôm qua hay hôm
 nay, hay ngày mai... những hình ảnh với
 nếp nhăn sâu thêm từng khoảnh khắc... kiếp
 sau đâu còn bóng hình nhau... Mời em

theo anh vào đời, nơi tất cả chữ
 viết đều là thơ, nơi tất cả lời
 nói đều là thơ, nơi tất cả ảnh
 hình đều là thơ, nơi khắp cuộc đời
 mong manh này chưa hề xa lìa thơ,
 nơi đã bao dung cho mình gặp nhau,
 nơi bà già góc phố và trẻ em
 đầu đường đều là thơ và đều là
 nhà thơ, nơi em ra phố và thấy
 quanh mình ai cũng là thơ... và sẽ
 không còn gì tách rời khỏi thơ nữa,
 dù là vuông gạch góc phố, hay mảng
 tường loang lổ đầu đường, nơi chúng ta
 nhìn đời bằng đôi mắt và tấm lòng
 đơn sơ... Mời em theo anh vào đời,

nơi chúng ta sẽ cùng đẩy những cửa
lớn cho đời, nơi chúng ta mời gọi
thế giới hãy nói cho nhau, hãy viết
cho nhau, và hãy đọc cho nhau... nơi
nghệch ngoạc thật mau những chữ rất nguyên
sơ, cho một cuộc đời rất tinh khôi.
Nơi Thơ là cuộc cách mạng rất là
nhân bản, khi đã biến mọi thứ trên
đời thành thơ, và biến mọi người thành
nhà thơ. Và cũng là nơi thế giới
sẽ lìa xa cái ác. Hãy ném chữ
lên giấy, hãy đắp chữ lên giấy, và
gọi đó là thơ, vì thơ là tất
cả những gì em nhặt lên và cầm
tới, là tất cả những gì em chột
nghe và nhìn tới, và là tất cả
những gì em làm... và hãy làm thật
nhanh, thật mau để ngày mai chữ sẽ
có một đời riêng... như khi anh nghĩ
tới em... vì mỗi một ngày mai là
vĩnh biệt muôn trùng hình ảnh hôm nay...

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

BUỔI SÁNG ĐỌC BÁO

Tình cờ đọc một tạp chí cũ
— mà mới — vì sáng nay mới đọc
nó, thật là thích cái cảm giác
mới toanh trên một tờ báo cũ

lật đến những trang cuối... 3 giờ
sáng, một nhà văn tắt thở, một
hàng dài tên bạn bè ông khóc
tiễn, có ba dấu chấm cuối cùng

hắn để thêm vào những người bạn
chưa quen (chẳng hạn như tôi). Đập
vào mắt là tên một tập thơ
được in ra để kỷ niệm bảy

mười năm ngày sinh của một Người
Làm Thơ vừa mới mất, những vòng
đen đậm, những vòng đen nhạt, những
vòng xám, cắt đôi chữ “Chớp Biển”

sáng, làm tôi bỗng nhớ mầu manh
vải nhỏ ông cột trên cổ lúc
lang thang. ”Lần cuối, Saigon”, những
con chữ in màu trắng rỗng ruột

lôi tôi về một ngày màu trắng
của những miếng vải trắng vương vào
hàng rào, màu trắng của những rác
giấy trắng bay đầy trên đường phố

màu trắng khác đến thế màu khăn
đỏ, màu trắng của một ban trưa...
"Tên em là Hoa Kỳ", cái tựa
để một tác phẩm mới, cũng in

kiểu chữ rỗng, lạnh như không gian
nơi đó, cái tựa đề đứng chênh
vênh không đặt được tôi vào biên
giới để tôi tưởng tượng được trang

của tấm bìa. Tôi chợt mỉm cười
khi đọc "Đón đọc" và-có-thể
"Mua dài hạn Gió Đông", thích nhỉ
nếu ai đó bán được gió đông,

tên của hiệu cà phê tôi uống
đang rất được ưa chuộng: Trung Nguyên.
Sáng đọc báo, không tôi chỉ đọc
quảng cáo trong khi chờ điện thoại

của bạn và để gửi đi từ
phương này một tiếng nắng reo vì
bạn cứ hay chào tạm biệt bằng
câu: "Gửi cho chút nắng Saigon."

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

BUỔI CHIỀU CHƠI PING PONG VỚI CHÁU

Chiều chủ nhật, tôi có hẹn, chơi
ping pong với cháu. Thằng bé bảy
tuổi theo tôi lẳng nhẳng, dì Năm,
dì Năm có muốn chơi ping pong

với con không? Tôi ậm à ậm
ừ, dì Năm không biết đánh ping
pong. Thằng bé hớn hở, con dạy
dì Năm. Thế thì còn gì bằng.

Tôi nhìn nó khuyến khích. Dạy dì
Năm với nhé. Thế là tôi có
hẹn, chiều chủ nhật đánh ping
pong với cháu. Không thể chạy làng.

Không thể phủi. Không thể cho nó
leo cây. Phải giữ lời hứa. Thằng
bé trông ngóng cả tuần. Tối thứ
sáu còn gọi nhắc. Dì Năm nhớ

lên nhà con đánh ping pong nhé.
Ôi trời, cả tuần vật vờ với
việc làm, việc nhà, việc (ống) nước,
việc (trái) non, tôi gần quên lửng

cái hẹn thắm thiết thân tình. Lại
ậm ự ậm ừ, nhớ rồi, nhớ
rồi, dì Năm sẽ lên để con
dạy đánh ping pong, nhưng, có thể

đi Năm đến trẻ. Giọng thẳng bé
vui sướng, con đợi, con đợi. Ôi,
phải có người biết, hay chịu nói,
'... đợi, ... đợi' bằng giọng thành khẩn như

giọng thẳng bé thì tôi đã không
người dối hướng Bắc kẻ vờ phương
Nam. Đàn ông, lũ trẻ con đầy
hứa hẹn và ứa hứa hẹn. Cũng

không thành nếu không có đàn bà,
lũ con gái thích nghe, chịu nghe
và (lựa chọn không hoặc có) nghe.
Tôi lừa thẳng bé chạy lên chạy

xuống ngang dọc đuối theo trái banh,
miệng trẻ ngây thơ, đi Năm đánh
càng lúc càng hay, con là thầy
giỏi biết dạy nên có trò hay.

Tôi không biết tôi có là trò
hay nhờ thầy giỏi như lời tuyên
bố không biết ngưỡng của thẳng cháu
bảy tuổi, rất tiêu biểu đàn ông,

hay tôi chỉ giỏi vờ khi muốn
hưởng trọn buổi chiều lạc thú chơi
với cháu thông dong tuổi thơ không
xa vờ thế nào là người lớn

nghiêm trọng và trẻ con thì không
đáng để nghe. Buổi chiều chơi ping
pong với trẻ mới đích thực là
hạnh phúc.

07/03

NGUYỄN LƯƠNG BA

ĐI QUA DÒNG SÔNG

Tôi tưởng tượng em đang ngồi bên
cạnh dòng sông ngày nào, dù dòng
sông này đã không còn là dòng
sông ngày nào em vẫn thường hay

cặp sách đến trường. Đã bao năm
khi ngồi đàn ghi-ta dưới dõ,
tôi tưởng tượng em đang nghe tôi
hát dưới con đò thả trôi chậm

chậm về phía em, nơi căn nhà
ở đầu chợ. Có khi em mặc
bộ đồ màu hồng đi chiếc xe
đạp bên bờ sông, có khi em

mặc áo trắng dưới nắng hanh vàng
trên bến sông. Cho dù mưa nắng
tôi vẫn hát bài ca chậm chậm
mà nghe như nàng nói sẽ đi

Pleiku: “Ba em không còn ở
đây nữa.” Và như thế tôi sẽ
làm gì với bài hát thật xưa
này, còn con đò trôi chậm chậm

trên sông thì nào có ích gì!
Cho nàng đang cần một bài luận
văn tả tiếng đàn của Thuý Kiều:
“Bốn dây như khóc như than / Khiến

người trên tiệc cũng tan nát lòng.”
Mọi người đều biết Thuý Kiều mà

nàng thì khi nào lại không khóc.
Nhưng tôi hát và Thuý Kiều đàn

thật ra rất gần gũi nhau. Nhiều
khi tôi hát to như khóc, bài
Chiều Mưa Biên Giới, rồi tưởng tượng
em sẽ rời bỏ thành phố này,

thì tôi đâu còn gì để luyến
lưu cái thành phố này. Như thế
thà tôi xin cái học bạ, chờ
đi lính hay là tôi đi đâu

thì cũng mong về lại dòng sông.
Cuối cùng ở Mỹ lại có dòng
Sông Trinity cũng chậm chậm.
Em cũng không còn, con đò cũng

không còn. Dòng sông cũng chảy chậm
chậm qua cái xa lộ 35E
ngập nước. Chỉ một mình tôi trên
chiếc xe. Đã bao năm tôi lại

trở về nhìn dòng sông. Thoạt đầu
tôi cứ ngỡ như dòng sông Trinity,
nhỏ thôi. Em cũng không còn, con
đò cũng không còn. Cho dù dòng

sông này với con đò trôi chậm
chậm hay dòng sông Trinity
chảy ngang những cao ốc ở Texas,
tôi thật mong được trở về nhìn

lại dòng sông đã bao năm nhớ.
Có đêm tôi ngủ ngoài trời, giờ
thì chẳng có cách chi để ngủ.
Lại một dòng sông chảy chậm chậm

nhưng mà em biết không, đã chết.

QUÁN CÀ PHÊ

Quán cà phê rất nhỏ ở đầu
Đường Saint Catherine có tấm
Bảng hiệu cũng rất nhỏ ghi La
Peste.Người con gái có cánh tay
Dài chạm hoa văn (chỉ một cánh
Tay). Cánh tay kia kẹp điều thuốc
(ý chừng ở đây có thể hút
thuốc). Còn chiếc quần jean thì rộng
Có mang tạp dề phía trước màu
Xanh nhạt cúi đầu chào. Người thanh
Niên ngồi trong góc cũng hút thuốc.
Cúi gằm đọc sách.Không có nhạc.

Người con gái có cánh tay dài
Chạm hoa văn đến gần một cặp
Trai gái đặt một ly cà phê
Có 2 múi chanh trên chiếc bàn
Gỗ đen sẫm.Chiếc ghế cũng đen.
Họ nhìn lên những giá sách và
Lấy cuốn Les Miserables.
Ngoài trời tuyết vẫn rơi, có người
Bước vào móc chiếc áo khoác phủi
Tuyết chọn một cái bàn nhìn ra
Cửa sổ. Ông ta muốn uống rượu.
Người con gái có cánh tay dài
Chạm hoa văn vẫn tiếp tục ngồi
Nơi cái quầy cạnh cửa ra vào.
Chiếc tivi nhỏ đang nói về những
Biện pháp nghiêm ngặt chống khủng bố.

Montreal, Giáng Sinh 2003

NGUYỄN QUÁN

CHỖ TRÚ CỦA MỘT HÒN SỎI

Những nhịp nhảy loạn xạ âm thanh
ngày tháng rất lạnh
tôi căng sợi dây cột con cu gáy
bìa rừng mùa xuân
cu gáy
bay không gian
máu lạnh
tôi cục chỉ đen may quần
tiếng máy kêu chảy máu cuộc sống

tôi uống mầu xuân
ấm dịu cổ họng
lăn cuộn trong một hòn sỏi
rúc xuống nhiều tầng đất
biến mất mùa xuân

2002

VÒNG SỐ

Những con số chạy
tôi chuyển động ngoài vòng kiểm soát
máy nóng tôi điên cuồng
và tìm vỡ ra thành nhiều mảnh
tôi đến với người máy
đôi mắt bốc lửa trong máu tôi

đôi mắt người máy
chạy theo

tôi đọc những giấy đầy chữ
hỗn độn sức mình
làm một cuộc vui
tôi tạo ra những khung chữ

tôi lục lạc kêu trên đường về

người máy hát
người máy A ! A !
khi tôi tổ tình

và rồi cuộc người tôi yêu đã sinh con

gã kia nhảy xuống từ tầng lầu cao nhất

có phụ nữ nào hạnh phúc khi được tôi yêu

Thi Sĩ Là Ai?

Lý Đợi

Ai cũng nói/đã từng nghe/rồi cũng nghĩ: Thi sĩ là người Biết Mình. Biết đi vào trong bản thể chính mình; lắng nghe và chính sự lắng nghe làm nên những bài thơ.

Vậy thì, một thi sĩ lớn, chắc là, người có bản thể lớn!? Và là người thường xuyên lắng nghe/nhìn vào/đi vào — được: bản thể chính mình!? Còn ngược lại, thì thi sĩ nhỏ!?

Mà ừ, nếu thế thật thì cũng hay — mọi việc đen trắng, hơn thua, được và không được rõ ràng; trong giới hạn danh tính của thi sĩ, mà xưa nay vốn đã nhập nhằng. Ừ thì, khi nghĩ hay muốn luận về thi sĩ, chỉ nên nói và dựa vào hai chữ: Biết Mình. Bản thân chữ Biết Mình, nghĩa của nó, nhiều khi cũng thật đơn giản.

Nhưng thế nào là: Biết Mình. Và Biết Mình như thế nào; để nói thật cụ thể; tôi nghĩ, cũng có đôi điều cần nghĩ.

Thứ nhất, trong giới hạn danh tính [thi sĩ là người của danh tính], có phải, hễ Biết Mình là khẳng định được mình. Và có phải, như cách nghĩ của hầu hết những người làm thơ, là được mọi người biết đến mình. E không phải thế, vì có rất nhiều người, tôi gọi là *những trường hợp làm nhà thơ*, có Biết Mình đâu [đúng hơn có muốn Biết Mình đâu; hay chẳng quan tâm tới chuyện Biết Mình], chỉ lo đến chuyện Biết Người, nhưng danh tính cũng được thỏa mãn. Và với họ, như thế cũng là đủ; thậm chí, quá đủ. Vì thế nào là Biết Mình, thật vô chừng, thôi thì chỉ Biết Người/biết lo cho người vậy. Và người sẽ biết lại mình thôi. Vậy, đầu tiên, [phần đông] thi sĩ là Người Biết Người-biết xu mị được người khác!

Thứ hai, đây là điều tôi rất hay nghĩ và rất khó nghĩ khi nghĩ: Biết Mình là biết cái gì. Biết chắc chắn mình có một cái gì đó bên trong, như

người ta thường gọi là tâm thức; hay có một cái bên trong tâm thức; tận phía tối của tâm thức, mà nếu tìm thì sẽ thấy. Hay ít ra, nếu bỏ công ra tìm, thì trên quá trình đi tìm, dù không tìm được cái mình mong muốn, cũng sẽ tìm được một cái gì đó, trong ngẫu nhiên. Cả hai hướng này, tuy hi hữu, đều phụ thuộc rất lớn vào việc tìm. Vậy phải có ý thức tìm kiếm, mới có được nguy cơ trở thành thi sĩ. Và cái khó và cần nghĩ cũng ở ngay trên hành trình tìm kiếm này. Có vài câu hỏi được đặt ra. Đầu tiên, cái mình có bên trong bản thể [tâm thức] có thật nhiều-thật lớn như cái mình nghĩ, mình hi vọng-muốn tìm được hay không. Hay ý thức tìm kiếm nhiều, công đoạn chuẩn bị cho việc tìm kiếm chu đáo và lâu dài [ví dụ đi học trường viết văn, kết nạp hội nhà văn — cũng là một trong những công đoạn chuẩn bị!]; nhưng khi tiến hành tìm, khi tìm đến, cái tìm được lại quá ít -- quá nhỏ. Thứ đến, người tìm kiếm có thực sự biết cái mình muốn tìm là cái gì, có trữ lượng bao nhiêu không, tôi nghĩ là ít người biết_mà khi đã không nắm chính xác, tôi e rằng rất khó có sự tương thích giữa ý thức muốn tìm và cái muốn tìm. Ví như, trắc địa và khai thác mỏ, luôn song hành và thống nhất với nhau; nếu không, có thể rơi vào trường hợp, cái có quá nhiều [bản thể lớn], nhưng phương tiện khai thác [kỹ thuật làm thơ] lại quá thô sơ và quá yếu. Và, lực bất tòng tâm. Bởi thời gian cho và của thi sĩ rất ít, không có sự chọn lựa trở lại, nó [có thể] duy nhất một chiều. Cuối cùng, dù có đầy đủ ý thức cho việc tìm kiếm, nhưng cái tìm kiếm lại hoàn toàn không có. Bản thể hay tâm thức, thì ai mà chẳng có, nhưng nó có dành phần cho thơ [thuộc về thơ] hay không lại là chuyện khác. Rất nhiều người làm thơ, đang có tìm những điều mình không có; mà đã không có, thì chắc chắn là tìm không ra. Nhưng có rất ít người chấp nhận thực tế ảo đó, cứ ngỡ là mình đã tìm ra. Vậy thi sĩ, chính là kẻ đi tìm, còn tìm như thế nào, không biết!

Thứ ba, vì không hoặc rất khó có sự tương thích giữa ý thức lắng nghe chính mình và cái mình muốn lắng nghe, nên nhân loại, đa phần chỉ có những thi sĩ nhỏ. Những người bị lệch kênh. Và vì bị lệch kênh, nên rất nhiều người đâm ra đổ thừa cho giới hạn của mình. Vì tôi sinh ra trong gia đình thế này, tuổi thơ tôi thế này, công việc tôi thế này, thể chất tôi thế này, bối cảnh văn hoá-văn chương và thể chế chính trị thế này... cho nên, tôi làm thơ thế này. Tôi luôn bị che khuất, bị chen lấn, cản trở, bị mất tự do trong việc tìm kiếm cho nên bị kiệt sức. Tôi đã tìm thấy; hay ít ra, tôi sợ nghĩ mình sẽ tìm thấy, sợ khi tìm thấy, tôi không còn đủ sức để khai thác. Vậy, thi sĩ là kẻ bất lực nhưng có khả năng tự an ủi chính mình!

Thứ tư, đây cũng là điều tôi hay nghĩ: vậy có cần nghĩ về việc tìm được chính mình hay không. Tôi e là không nên, vì qua vài lý do vừa nêu, cộng với thực trạng nền văn chương Việt đương thời, đang đề cao và tô hồng cho những giá trị giả; nghĩ tới việc tìm kiếm thôi — có khi đã là một ảo tưởng. Thà sống trong tù mù của một ảo tưởng khác: là mình cũng có

một bản thể [một tâm thức] và mình đang đi tìm nó [thực ra, thì giả bộ tìm thôi] còn tốt hơn việc đi tìm thật sự. Vì một cái thật giữa nhiều cái giả — sẽ làm cái giả khó chịu; và vì sự thật của hành trình tìm kiếm — thường là bất hạnh. Vậy, thi sĩ là người ảo tưởng rằng mình đang đi tìm!

Thứ năm. Nói ngắn gọn. Thi sĩ là người làm ra thơ, nếu anh ta muốn. Và với cách nói ngắn gọn này, tôi nghĩ và cũng cần phải nói, là cách nói rất huê vốn, vì nó chẳng giải quyết được vấn đề gì; và xưa nay, không ít người đã nói. Cho nên, [chẳng lẽ], thi sĩ là ai_lại là một câu hỏi, một vấn đề huê vốn. Vâng, có thể thế. Vậy thì, thi sĩ là một danh tính huê vốn!

Nhưng tất cả các luận điểm trên, thuộc về bài viết, còn tôi, người viết bài này, lại không đồng ý như thế. Bởi, khi còn quan tâm đến thi sĩ là ai? Nghĩa là còn quan tâm tới đời sống-con người và giá trị của thi sĩ. Mà tất cả điều này, ngay nội chuyện giá trị thi sĩ, cũng đã là chuyện không cùng và không cần phải quan tâm. Vì ngoài những cái thuộc về bên trong, như đã nói, vẫn còn những cái thuộc về bên ngoài; và thường, trong mối quan hệ luôn nhì nhằng, nó cũng khá phức tạp; có thể nói, không bao giờ lý giải hết được.

Nhưng quan trọng hơn nữa, khác với tinh thần của chủ nghĩa hiện đại trở về trước [như chủ nghĩa lãng mạn chẳng hạn] — vẫn cho rằng thi sĩ là một chọn lựa, một thiên chức, một năng khiếu_nghĩa là thi sĩ luôn khác với số đông đời sống, và khác với chính bản thân thi sĩ. Tác phẩm của thi sĩ, là một thứ càng khác xa thi sĩ, thi sĩ không bao giờ kiểm soát được. Chính cái khác này làm nên sự bí ẩn, tính bất ngờ của thi sĩ và câu hỏi: Thi sĩ là ai? luôn được đặt ra và luôn được đặt trong bí ẩn, rồi trả lời cũng trong bí ẩn. Theo tinh thần-quan niệm mới, thi sĩ, thực ra cũng chỉ là một cá nhân có một giới hạn nào đó trong xã hội, không có sự khác biệt gì lắm về tính quan trọng, so với những cá nhân khác; và càng không có gì bí ẩn. Và trong chính bản thân, cũng không có sự khác biệt lắm giữa đời sống và tác phẩm. Tác phẩm không giỏi hơn, không cao quý hơn và cũng không ấu trĩ, không thấp hèn hơn thi sĩ. Và vì thế, việc đặt ra câu hỏi: thi sĩ là ai? là một việc phản động và tự thân đã ấu trĩ, không cần thiết, bởi chẳng để làm gì.

La Hán phòng, 10/2003

Tiểu Luận

Đoàn Minh Hải

Độc Tình Già của Phan Khôi Ôn Cố Tri Tần

Phan-Khôi, (20-08-1887 Đinh-Mùi - 16-01-1959 Mậu-Tuất) chỉ cái tên của ông thôi cũng đủ tạo nên một ấn-tượng, ấn tượng ấy gợi cho chúng ta hồi tưởng lại cả một giai đoạn đã bùng lên những ánh mắt căm thù nhưng khiếp sợ trong đám cùng làm văn-nghệ với nhau và với ông.

Ôi những người cùng thời, những người cùng cầm bút; cả những người đã chết và có những người còn sống, cho đến bây giờ, hôm nay. Người chết và kẻ sống cũng đều già nhưng hãy cùng đọc lại bài thơ Tình Già của Phan-Khôi đã làm từ năm 1932.

Tình Già

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa
Dưới ngọn đèn mờ trong gian nhà nhỏ
Hai mái đầu xanh kề nhau than thở
-- Oi đôi tình thương nhau thì vẫn nặng
Mà lấy nhau hẵn là khôngặng
Để đến tình trước phụ sau
Chi bằng sớm liệu mà buông nhau.

-- Hay nói mới bạc làm sao chớ?
Buông nhau làm sao cho nở
Thương được chừng nào hay chừng nở
Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy
Ta là nhân ngãi đâu phải vợ chồng
Mà tính việc thủy chung!

Hai mươi bốn năm qua tình cờ đất khách gặp nhau
Đôi mái đầu đều bạc
Nếu chẳng quen lung để có nhận ra được
On chuyện cũ mà thôi, liếc đưa nhau đi rồi
Con mắt còn có đuôi...

Kể từ năm 1932 là năm ông viết bài thơ này, một câu chuyện tình già trước đó 24 năm.

Trong một đêm gió mưa tầm tã:

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa...

Cũng kể từ năm là cái mốc của phong trào thơ mới ra đời thì bài Tình Già của Phan-Khôi là mới quá đi chứ, hoàn toàn mới cả hình thức lẫn nội dung, cách cấu kết của từ ngữ và diễn tả, âm điệu cách ngắt và xuống giọng...

Hãy trở lại đúng cái năm 1932, bài Tình Già đã gây không biết bao nhiêu ngạc nhiên nếu không muốn nói là kinh ngạc. Ví năm 1932 là một trời một vực nếu đem so sánh với năm 2000 và của thế-kỷ 21 này... Lúc ấy có được bao nhiêu người làm thơ, kể cả ba miền Bắc-Trung-Nam, những Cụ những Ông đồng thời với Phan-Khôi đã có người nào dám nghĩ dám làm dám viết và dám đi trước như vậy, đi một bước gần một thế-kỷ như vậy.... Cũng có thể có người đã mạnh nha nhưng vẫn ở trong cái tháp ngà hăng trăm năm nào ai dám, duy chỉ có một Khan-Khôi – đập tiêu phòng mà ra -- Cung Oán Ngâm Khúc.

Mà cũng có ai dám nói Phan-Khôi viết ra bài Tình Già trong cái bất ngờ không đau đầu sáng tạo hay cũng chỉ là:

Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây -- *Xuân-Diệu*

Và dư luận chính là con ngáo ộp làm cho nhiều người sợ búa rìu và mọi người đã sợ. Hãy đọc trọn bài thơ một lần ta sẽ thấy cái âm và cái điệu và cả cái giọng nữa cũng thể lẫn vào đâu được là con người của Phan-Khôi xuất thân từ miền Trung. Những đoạn như “hắn là không đặng, chi bằng,

hay nói mới bạc làm sao chớ, liệu mà buông nhau, làm sao cho nở, nếu chẳng quen lung...vân...vân.

Bây giờ đọc lên với cái ngôn-ngữ ấy, cái âm điệu ấy có khác gì đang ngồi nghe Ông thuật lại tâm-sự của Ông, thỉnh thoảng cũng nói câu ngắn, thỉnh thoảng cũng nói câu dài, có cả tiếng chặc lưỡi, có cả tiếng thở dài đau thương tiếc nuối xót xa... có khác gì những bài thơ đang xuất hiện thời gian gần đây: thơ Tân hình Thức – có gì là lạ đâu. Từ hơn nửa thế-kỷ nay Phan-Khôi đã làm và các báo cũng đã đăng. Đó cũng là một dạng thơ ngắt câu xuống giòng vào những năm 1932 và đúng là thể loại Tân-Hình-Thức của thơ Tân-hình-Thức hôm nay vậy. Nó đã bắt đầu từ cái năm nào chứ không đợi đến bây giờ mà cũng chẳng đợi đến hôm nay.

Tất cả những sự việc và những việc làm của ngày hôm nay không phải là mới bắt đầu mà nó đã có rồi đã làm rồi và cũng đã bắt đầu từ lâu lắm rồi. Có chăng là chưa bắt kịp được với những cái đã bắt đầu mà thôi. Lúc nào cũng hụt hơi đuổi theo, chạy theo, thì làm thế nào nắm bắt kịp nó được. Nếu ta không bắt được ta thì liệu chết quách thành ma cho rồi.

Dù gặp nhau sau 24 năm lại trong một đêm vừa gió lại vừa mưa hợp tình hợp cảnh cho người tâm sự, nhưng Phan-Khôi đã dứt khoát:

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi
Con mắt còn có đuôi.

Có còn thương tiếc như thế nào thì cũng đành ôn chuyện cũ mà thôi. Ông dứt khoát như một người tiên đoán trước và sau cái chuyện tình ấy – Tình Già – mấy chục năm thì cũng chỉ là:

Ta là nhân ngãi đâu phải vợ chồng
Buông nhau làm sao cho nở

Thì cũng không thể nào:

Mà tính chuyện thủy chung

Cái gần bó với đường lối mà Ông đã chọn đã tưởng là có thể nên vợ nên chồng, ôm ấp hy-vọng mấy chục năm qua, mà lại còn gặp nhau trên đất khách, chứ nào phải gặp nhau ở quê nhà thì cũng chỉ là, đã là:

Đôi mái đầu đều bạc

Nhưng nếu có còn xanh hay có thể trở lại xanh thì Ông cũng xua tay

dù đời đời có:

Con mắt còn có đuôi

Hay con mắt còn đuôi thì cũng đành thôi vậy. Ông muốn tìm một con đường khác nào mới lạ cho đất nước để dứt khoát đi vào con đường ấy. Thế là Ông dứt khoát từ bỏ không tiếc nuôi...

2002 mùa lũ cả nước

Sự Hóa Thân của thơ Trong Thế Kỷ XXI

Trong văn-học nghệ thuật, bất kỳ ở môn nào cũng có cái biến thiên từng giai đoạn của lòng người, của lịch-sử, của cả sự tan vỡ của lịch-sử, để cuối cùng tìm ra cái cách, cái lối của môn nghệ-thuật ấy... như nghề đãi vàng vậy. Phải đi từ đất đá sỏi sạn cát, mới tìm ra được những hạt vàng... có những hạt vàng rồi cũng chưa phải là đáng giá, còn phải qua bao nhiêu là công đoạn, cho đến những cuộc chơi và những trò chơi đơn giản nhất cũng đến lúc nhàm chán nó hay nó chán mình thì cũng vậy.

Mỗi nhà thơ đều đến với thơ bằng đường hướng riêng, bằng sự tìm tòi một lối đi riêng cho hợp với mình. Thơ Đường, lục bát, tám chữ, năm chữ... thơ liên hoàn, thơ mới, thơ tự do...v...v... mỗi người mỗi vẻ.

Ở đây chúng tôi không làm cách mạng, cách-mạng thơ là phá bỏ hoàn toàn, phá bỏ tất cả các loại thơ cũ để làm ra một loại thơ khác, mà đây chỉ là sự tiến triển tất-yếu của thơ, con đường của thơ phải đi tới, phải chấp cánh cho thơ cùng với thế-giới và song-song với thời đại.

Nhưng nếu chúng ta bằng lòng tự mãn ở những giòng thơ cũ là chúng ta dừng lại trong sự bế tắc, là liều lĩnh dừng giữa lòng thác đổ của thơ. Đó là một thái-độ bướng bỉnh và ngoan cố không thể chấp nhận, là đùn thơ vào sự trầm-luân của những niêm luật vắn diệu xưa cũ, không chịu đẩy thơ tới phía trước, nhẩy thêm một bước, cho thơ được đẹp như thơ và đẹp đúng như thơ, và thơ hơn nữa. Thế giới hôm nay tất cả mọi sự đều như đã xoay chiều

đối hướng, chúng ta không tìm ra một hướng mới cho thơ thì chính chúng ta tự chôn thơ và như vậy chúng ta sẽ phải đứng trước một bức tường vừa cao vừa rộng không thể thoát. Vì hiện tại chỉ là một sát-na mong manh mà thôi, tất cả sẽ là phía sau và phía trước của chính cái mong manh đó.

Chúng tôi biết rằng không một thay đổi nào mà không ngầm chứa một khiếm khuyết nhưng đây vẫn còn là giai đoạn chuyển đổi và chuyển tiếp và nhất thiết vẫn còn phải bỏ khuyết nhiều. Vì chính đó là khuyết điểm của ngôn-ngữ, vì trên đời này có cái gì là hoàn-hảo, nhưng khuyết điểm đó lại chính là ưu-điểm. Ngôn-ngữ là tập hợp những kinh nghiệm liên hệ chặt chẽ với kinh nghiệm thời gian và không gian, ngôn-ngữ đôi khi bất lực trong sự diễn đạt trong cách đặt để tuyệt đối.

Nhưng chúng tôi tin rằng với thời gian và tìm óc của những nhà thơ có tâm huyết sẽ đưa thơ Tân-hình-Thức đến với sự hoàn chỉnh hơn. Lẽ dĩ nhiên đưa con đường nào mà không sinh ra trong mang nặng nề đau và chúng tôi bằng lòng nghe những ý-kiến xây dựng, thật lòng đứng đắn của các bạn thơ để cùng đưa thơ đến một lãnh địa hợp lý. Chúng ta hoàn toàn tin-tưởng vào giai-đoạn chuyển tiếp thơ trong thế kỷ XXI này vì thơ Tân-hình-Thức chính là đoàn tụ của tất cả các loại thơ... Đó là con đường duy nhất của thơ nếu không thơ sẽ đi đến tự hủy diệt thơ.

Hiện chúng tôi đang cố gắng tìm một phương cách nào đó để thơ Tân-hình-Thức đi đúng vào quỹ-đạo của chính nó hơn những bài thơ đầu và những buổi đầu. Và chúng tôi cảm thấy làm thế thể Tân-hình-Thức dễ bộc lộ và bộc lộ được hết những ngõ ngách sâu kín của tác giả, nói được hết những ý nghĩ mình muốn nói muốn trình bày và rồi khi làm xong một bài thơ và cả khi cho ra một tập thơ chúng tôi thấy lòng mình nhẹ đi với đi, như đã gặp đúng người tri-kỷ sau bao lần tâm-sự. Đường đi của thơ Tân-hình-Thức vẫn còn trong thể nghiệm và còn rộng mở về phía trước. Chúng ta hãy chờ và hy-vọng, chắc chắn rằng một ngày không xa khi thơ Tân-hình-Thức được phổ biến và được đọc giả công nhận. Thơ Tân-hình-Thức không phải là một cái gì mới lạ như từ trên trời rụng xuống mà chính là thơ ở trong thơ mà thôi. Chúng ta phải dứt khoát nhìn vào tương lai của thơ theo một chiều hướng khác, dù có biện luận thế nào thì đường lối cũ cũng đã hạ màn vì đã quá nhiều dấu chân qua.

Và lại, những thập niên cuối của thế-kỷ XX những người đọc thơ và những người làm thơ đều có chung một cảm nhận, thơ đang trong tình trạng không lối thoát mòn nhẵn lối đi về. Thơ Tân-hình-Thức đã có được bước khởi đầu đáng khích lệ, nó như một bài thơ đợi một nhạc-sĩ phổ thành nhạc để thơ Tân-hình-Thức có thêm nhạc tính mà thôi. Nhưng điều chính là thơ Tân-hình-Thức từ các tác-giả sáng tạo ra nó phải viết như thế nào, viết làm sao và viết cái gì, tất cả có trùng thực với chính mình hay không, đó mới là điểm chính, đó mới có thể xem là thơ Tân-hình-Thức... dùng

đảo và sắp xếp ngôn ngữ như thế nào để thơ trở thành thơ Tân-hình-Thức. Chúng ta hãy cùng bước với thơ Tân-hình-Thức chứ đừng đứng một chỗ hay ở mãi một góc độ nào đó mà nói về thơ Tân hình-Thức nhất là thơ Tân hình-Thức Việt

“ Sáng tạo, đấy là sự giải-thoát vĩ đại khỏi mọi điều-linh thống khổ và làm cho đời sống nhẹ-nhàng tươi sáng. Nhưng muốn cho con người sáng tạo khỏi sinh, cần phải có nhiều đau khổ và nhiều cuộc hóa-thân..”
Zarathustra-Nietzsche.

180903

BÙI CHÁT

MỞ MIỆNG

*“Nằm xao được
Thèm thịt chó nhưng
Chúng tôi nhớ thịt người”*

Từ Lước Những khúc ca
Xứ bờ cạp chên bình thủy Bằng
Cái chân chạm đất

Chúng tôi bắt đầu Thế giới
Hàm răng hô

 Jồi
Đôi mông mụn nhọt
Thế nà

 Ăn cháo để
Đánh bọn jeo hạt

MƯỜI FÚT CHƯỚC KHI BƠI

Nằm thế lào để tới xứ cực khoái
Bên chai jụ
Bacardi hoặc jì jì lửa
Khởi đầu fác thảo của tánh niu manh
Chưa cịp chuyển

Như cách *Bá Thọ* nấp đít *Bei Dao*
Tôi nấp nỡ miệng một đứa bé

Bằng đẳng khi nhậu nhẹt
_“Mày càng jà càng khá” / *Ồi*
Thủ [jâm] Thêm, vịt xiêm & lược nịt
Bỏ gối nên bàn
Tôi không tốn tiền bo

TẬP LỐI

Fải buồn cười. Ê !
Jữa buổi chiều cường jường
Noài cuý fải

Họ lối: họ thủ jâm chong bàn tiệc
Như cái xác thối bị nột vổ
Họ mải mê fun chàò... múa máy
Lâng cấp fằm jà thành fằm jái
Họ nê nết đèn mù & học cách xem thường noài khác [*nạ*]
Vé juy nhất để ja nhập cộng đồng những noài jân chủ [*chốt*]

A! đúng jôi. Họ janh ngoan
Họ cao cấp; tụt cuồn, nấc mông
Xục cặc... còn tay cia móc đít
Họ thật xự thật chọng thật xự hồn nhiên

nòi cái fý

ĐI

Gửi T. Sony

Nhắm chặt mắt
Hãy bước
Chên nãnh địa lầy
Mọi vật

Jữa xự xống cái chết
Jòm cỏa đồ

Chong ánh xáng mù
Chúng ta xở hữu
Màu đen jần
Co nại

Fía chước nà ngày

XƯNG TỘI*

Thưa cha con xưng tội được chín tháng mười
ngày lay con xét mình xin cha jải tội

Con không vâng nời bố mẹ anh chị em,
con gét người ta. Chong nhà thờ, cuay ngang
ngửa lói chuyện — con chửi bậy chên đồng jác —
ăn cắp ý tưởng vì khoẻ mạnh, cờ bạc
jiệu chè — con đi điếm. Xóc nọ núc lửa
đêm, con mơ nằm tình** với đức mẹ, con
nằm thơ — xốc — Vượt đèn đỏ người, con nhét
tay vào đít. Người bán cháo khóc ngày đêm,
fạm nuật ninh mục — không đi nể. Jan nặn
chong thi cử, bịp jang hồ — con bóp cổ
chúng xinh — nhiều nắn coa đêm nhà bạn gái,
đá đít jần tộc, con chửi jũa jà nàng —
— Con cết mẻo ja đen — con.....
Mày ngồi xuống đấy

Chú thích:

* cũng là một trò chơi dân gian

** hoặc bú nồn cũng được

HIỆN CHẠNG

Không gì có thể đoạt tôi khỏi những bàn tay
 cái nhìn không tương xứng lắm ngón
 Jữa con mắt fải và chái
 không fải cái mũi thò nò xanh
 thế jới lầy không thể bóp tôi
 những hình ảnh cũ thay đổi tôi như mới
 thái độ nên câu ngồi xỏm để jới một vật jưỡi lược

không muốn hắt xì với đám đông
 tôi nà cái thai chong bụng người con gái tôi yêu

CÂY CHỔNG NGƯỢC

Núc lão cũng chổng ngược
 xoe
 cây chổi
 jài con mắt ngộ ngựa
 niếc

jừa tường tôi muốn chân nà đầu
 tôi hát
 về cuồn đui nò xo ồm chên jường
 lỗi nhớ các đồ vật
 & xự lẩn

cái buồn u ám lầy đã nà hơi thở tôi ?

tôi fải niếm những nổi nồm coanh đồ vật
 jồi chổng

ngược
nuôn nuôn thế

bằng cách lao để nàm mọi việc

tối ngày xoè ja tôi tán tỉnh bức tường
nả nơi coạt
đôi môi
chưa bao jờ bước ja khuôn mặt cuốn dùi của tôi

NÔNG BUỒN

Chuyện lày coan hệ đến ai mà y gặp một NGƯỜI
Bên chong Một hình chòn Một móc
xắt
cheo cổ những con CÚY mà y Chết
chần chuồng bóp chặt ló Mà y đụ
tao Thích Jêxu Chjít Tại Một nàng
Đi chân đất Bọn họ Cù y
chên một tảng đá Mà y AMEN

JÓ CHẢY MUỘN

H bậc thầy thủ jâm Viết
Thơ không thể vôi vĩa đời xống lấm
Chiếc jương vật hẩm hiu Từ bỏ
xức tăng chưởng jắc mộng Những con bọ chết
thời noạn Đang ngĩ đến mảnh vườn ja thịt Tôi
một người ngựa mất

Các hồi âm ngâm lược từng bấy
 Coanh tôi như jác
 Có thể bàn chân cái chong đất xâu
 với hai vú jống
 Tôi câu một vùng
 Tất cả mọi thứ đều xanh
 Chong chữ

Từ cái nhìn nang thang cuyến jũ bầu chời
 Tôi định hưởng đầu
 Nhất thiết tôi im jù chỉ một tai
 Bằng cách lém chả những no âu
 Khi tôi không ngừng nỡn jậy & đi
 Bay về lơ mang tiếng đồng hồ jó chảy muộn

*Hồi âm ngâm nước: Thơ Trần Tiến Dũng

HÀNG THÁNG

Ji nhiên nà làng muốn chuyện hơi thở êm màu jó một người
 bình thường tôi jữ cái nhìn bản fận để nhớ làng tìm ngón tay bạc
 thêm tôi thích màu đỏ của làng bấy jẻ jách làng thức xau cơn
 mơ chín tháng tôi chưa từng lém mặt làng tôi ói từ ngày lụ hôn
 làng không bao jờ xin nổi bằng đôi môi tôi fát hiện xự đen đúa
 lơ làng tôi cồn cào mỗi tháng ngập chong vũng xình xem làng
 lín thở một bàn tay túm tôi nhét vào thùng jác

ĐỖ QUANG NGHĨA

THƠ

*

Em đã xa,
sau những rung động thoáng qua
lá thu rơi, một mùa vàng chan chứa
lá thu rơi, lá không xanh nữa.
trên những phố dài, trên những ước mơ xưa.

*

Vì người ta khổ, hỡi đam mê
Nhưng còn khổ hơn, nếu để mất người
hỡi đam mê.

*

Em!
Bông hoa quỳnh tuyệt vời của anh
cho anh thức suốt đời để ngắm
có thể mùi hương làm anh say đắm
có khi là cánh trắng trong ngần.

... anh im lặng để em không nói
mỗi giao hoà mỏng như cánh hoa.

Em!
Chút thoáng buồn trước một bông hoa.

*

Thà một vết thương
còn hơn một lỗ hổng!
anh ta nhắc lại cùng tôi.

*

Năm bông quỳnh trong bàn tay cô gái
bạn đã thấy bao giờ?

Màu sáng trắng rực rỡ từ những cánh hoa ánh lên gương mặt
nàng thành một niềm vui, một vẻ đẹp gần như kỳ ảo.

Năm bông hoa không tự biết mình đẹp thế nào, cũng như người
con gái quên rằng mình quá quyến rũ trong khung cảnh êm
đềm.

Năm bông quỳnh, nàng đã cùng tôi ra hái, những đốm sáng
mềm mại tỏa trong bóng đêm thơm ngát. Thế rồi năm bông hoa
đọng lại trên tay nàng.

Không, tôi tin rằng không có cảnh nào có thể đẹp hơn và vẫn
nhớ lòng mình rất lung lay lúc ấy...

Trời vừa mưa xong, ướt lạnh, không gian quá ngổ ngàng.

Trăng chưa lên và sao chưa mọc, nhưng biết đâu tất cả ánh sáng
đã tụ lại trên tay nàng.

Ồi những bông quỳnh kiêu diễm, thiên nhiên đã tạo ra em để
tôi đặt lên tay nàng.

Năm bông hoa, một niềm ước muốn, vâng tôi muốn hái lòng
mình để đặt lên tay nàng như thế, nàng có biết không?

*

những giọt nước mắt cười trên má em,
nín đi em, đừng khóc.

Anh soi mình lên những giọt hạnh phúc...

Mới đây, thành quá khứ không tan.

*

Máu và thơ nhỏ trên tuyết trắng
ba năm tôi xa nhà...
thôi nói gì chuyện cũ,
tim bao giờ hết đau.

Tôi áp mình - tuyết trắng
khi nào tôi tan đây?

Biết bao điều gửi đi không người nhận
nên suốt đời mang theo.

*

Anh đến, dù không tìm được gì
ngày mai, anh đã phải đi xa.

Thời gian có dừng lại
cho anh hỏi đôi lời
con mắt nhìn đắm đắm
anh có được mang theo?

Thời gian có ngừng lại
cho anh ngỏ đôi lời
có những điều lạ lắm
bây giờ nên nói ra?

Ngày mai, anh phải đi xa
(mang theo mắt nhìn đắm đắm)
không yêu - cũng là ước vọng
nhớ nhau - tìm lại đoạn đời.

ĐÌNH TRƯỜNG CHINH

BẮT ĐẦU

sự co duỗi của não duỗi dần
đôi mắt mất phương hướng kênh thức
úp khuôn mặt lên ngực nổi
hải đảo trôi suốt chiều dài đen
những ngón tay bơi trong vũng can.

hãy mở cánh cửa đêm
nhà chứa những chiếc lưới
hãy liếm nỗi buồn như điều có thật
rồi thất kìn trút nó vào cơn mưa.

tôi cùng giấc mơ bắt đầu mộng du
trên sợi dây căng về vô tận
những bài thơ phơi dọc như dải tang
cuối cùng tất cả đều rơi xuống
cái rơi tự do không chạm đáy
cái rơi xuống sâu nơi kí ức
bắt đầu nhà chứa những móng răng.

hay dấu dưới tóc một cây diêm
khi đêm bước mình ra khỏi thế giới
tôi gõ cửa bước vào hồi hã như gã tù
trở về căn nhà cũ chồm hấp
lên thân thể một chiếc giường trống
bài thơ để
trong nhà chứa những con chữ.

đêm. cứ để mình bay lên cao
nhìn xuống
giấc ngủ ngồn ngàng rậm rạp.
liếm đi di chứng của vết răng
hay một đám tóc cháy.

& tôi bắt đầu thêm bầu sữa nóng
như đứa con mới ngo ngoe ra đời
một cách khác.

HÙYNH LÊ NHẬT TẤN

MÌNH BÌNH TẮT?

Bứt lên tóc những sợi màu đen
Tôi hành khi thất vọng khi những chiếc mũ đội
vào cái đầu khạo khờ hồ lên vì Thơ
Chúng bỏ lem giữa miệng bú sương hồng.

Những tiếng âm hoa vang
từ mộ địa trong mùa đông
Tôi đã khát cắt lên vuông liếm vào lưỡi con giun đất
Hồng lẫn kẻ kia nhìn ma trận
cười hì vồ vào đất
Uyển vào hủ tình ngây ngô
U hu cười.

Tôi uống thật nhiều trong cơn khát hỏa ô lửa
những con hẻm và đêm say
Rụng từ khi mất hồn sáng vàng trần gian

Tôi yêu Màu cờ đỏ rưng rục phát phơ trong gió
Đứa bé gái hoảng bỏ chạy
khi nó chưa rành nói âm tiết hạt mìn của đời
Ah... tôi thét trong hung tàn
Tôi bám gió được trăng...

Khác nụ hôn gió rao động tin dòng thời sự
Cái gọi mơ hờn tôi.

Vị ngọt của lời tục thấm vào
Xác lạnh xanh khi tìm ngưỡng dần
Tôi đã thấy chúng càng chạy vòng dai diết

Vũ trụ hút bao vây hôn những ý niệm không chấm dứt
 Mị tình thương.
 Mị một thế hệ nhỏ giọt và giồng tường chênh kênh
 Tôi còn sót lại những kẻ sĩ
 chúng tôi đi bằng con đường cong
 Nút dưỡng những khí hậu bất thường
 uyển vào niêm trên màu mực đỏ
 dấu hiệu một đất nước
 bao ngàn tiếng nổ từ bom găm và đạn lướt.

Tôi gù tưởng một đứa trẻ xìa tay xin xỏ
 Tại sao Quê hương tôi lại ẩn dật
 những thước phim nhân bản ấy
 Tôi dọ mình thụ những giọt tình trùng
 Thứ vàng sinh đầy thần phép ấy giống lai nhau
 Hòa bình nhau.
 Chúng ta hãy nghĩ bằng từ mảnh giấy vụn
 ghép lại — mò mẫn đọc — ngào hát
 Và tôi bịt mặt che đi người đàn bà bất hạnh
 Khóc không biết khổ từ nơi đâu?
 Đói vì sự đời mười phương nháp như bài toán
 x... y... z trên chần gối nệm thơm
 Miễn hình bầu thai hoang phá ra khỏi nó.

Gỡ gì một vắn thơ
 Đọc ý tưởng gì đối chọi tương lai
 tôi vũ trong đôi cánh đỏ với một ngôi sao vàng
 múa — cười — liếm — những gì xấu phạm
 Ấn vào loài sâu bọ... nhúc ra khối tròn
 Tôi nhiệt huyết sống vì thấy chính mình
 vuông quay — tròn xẹp — đa giác túm lại
 đứng như bày sói con
 tìm mỗi sống
 Thịt như con heo kẻ lạm dụng lừa nói ngọt
 như... chỉ là lời từ phương sách

Tôi yêu những con số dè vào ngực trẻ
 như tôi bao giờ
 Biết bất tận về một đất nước
 Một mệnh danh vàng nơi xa.

MAI PHƯƠNG

NẮNG

Nơi vuông cửa em băng khuâng nhìn nắng
Nắng giọt vàng nhảy nhót ánh sáng vui
Như hôm nào gặp anh ngày nắng hạ
Anh mắt cười làm nắng bỗng chao nghiêng
Nắng ngày xưa, đã nhuộm vàng bao năm tháng
Mà bây giờ, nắng vẫn còn nghiêng ngả trong em..

ANH...

anh là thoáng mây trôi
là sông dài ra biển
nên vô tình để lại
chút buồn rơi vương vấn...

LÝ ĐỢI

NHÃ CA SỢI LÔNG

Dựng đứng sợi lông đầu tiên
kích thích trí tưởng tượng
lòng ham muốn gã đàn ông thử một tở bước ra khỏi địa đàng
không bởi trái táo
không bởi thịt da hoặc lưỡi rắn...

Dựng đứng sợi lông thứ nhì
người đàn bà không cầu xin nụ hôn bạc hà sự khoái lạc
của rượu
dòng chảy tận sâu cuộc tìm kiếm...

Dựng đứng sợi lông thứ n
sau bảy nhĩ khúc ái tình
Salomon đi vào tâm lời cầu nguyện tóc xù tiệt
uốn sẩy gợi nhuộm
đàn bồ câu bay lên
lũ mèo nhảy
đàn cừu say ngủ...

Tôi dựng đứng giắc
trở mình trên sợi lông
giắc mơ chợt mắc màu nữ tính đi ngang đường ham thích
thú xác thân
lần buông thả
sợi lông rơi
quy chụp khu vườn đường ống
chảy ra

loe xoe con đường tìm kiếm

áo quần lột căng lớp bọc ngoài
 ngữ nghĩa vượt qua câu chữ
 nhịp chuyển động trôi tinh vi một sợi lông
 vâng
 một cuộc đời đẩy cái rác tận xa chân trời

Đường cày kết hợp

Đường cày này mang lông ngực/lá phổi ngũ sắc/thanh quản rỉ
 máu/trở lại khúc ca: *“bằng trái quít dưới đất có lông”*
 đường cày này ra đi: *“lấy chồng từ thuở mười lăm”*
 tôi không thể ngủ hoặc nghĩ giữa hố mụn mang va đập và cái tát
 từ nham thạch
 tôi lù đù giữa lời
 vô vè nốt ruồi mang định mệnh từ ngữ
 vo ve/tôi nhỏ bé chân lông giấu mặt trời bất kỳ đâu
 ở đây những lỗ thủng âm thanh mềm
 đường cày này ở lại:
“chiều tím/hoa vàng/trên bến mơ/âm thầm/ta nhớ ta/ơ hồ”

chúng ta lu bu ẩn ngữ
 tích những chuyện không đâu
“đến khi giỗ ông-mang ra mà xẻ”
 hoặc: *“chồng chê thân nhỏ không nằm với em”*
 đường cày này mang ta đi và trở lại
 ngày giỗ tổ tiền hiền
 ta thừa tên chưa sinh /thiếu tên lúc này
 ta không có tại bàn ăn/dù tiếng trống từ đôi tay không lặp lại
 từ những trưa du mình dọc sông
 quanh quanh xóm/chúng ta khóc rồi hát
“chiều tím/hoa vàng/trên bến mơ/ơ hồ/ta nhớ ta/ơ hồ”
 và bên kia lời lẽ hội
“bây giờ mười tám đôi mươi. . .”
 chen vào tiếng thợ đục
“cất đục — cất đục. . . là cục đất”
 chúng ta khóc như thế nào/cho ai — chẳng có gì
 thương nhà thơ khóc thấp Chàm/đền đài – cũng thế
 chúng ta khóc sự dở hơi
 những câu đố/giai thoại — thuốc an thần đấy

hãy uống và nhận sự rỗng, sợ hãi mục
 đường cày này dị hợm
 “em nằm dưới đất chồng [cũng] lồi lên giường....”
 cuộc sống chúng ta/mà không: của tôi
 bên trong đầu sợi lông
 bên ngoài bầu trời
 một vòng tròn “*anh em thằng ấy*
 ngủ trong cái nong
 mũi chảy lòng thòng
 ruồi bu kiến đậu”

tôi nằm đây/không biết có cái gì cửa quây bên trong
 những công việc/con đường và lò gạch
 sẽ mọc/khấp thân thể chúng ta
 ẩn vết huỷ diệt
 lời ca đêm bốn mươi chín/năm thứ ba
 “*nói rằng chồng quý chồng thương. . .*”
 cục dưng — phen dưng — con chó dưng
 chẳng có gì phải hối/khi chúng ta chết còn khi sống
 lơ mơ/ nghĩ về
 “*miếng giữa làng — sà n xó bếp*” nghĩ và sợ “*miếng tôi*
tàn/
 mất ăn một miếng lộn gan lên đầu”
 đường cày này không thật
 mì không thật mì đi đâu
 để trốn việc gieo hạt/chăm và gặt
 “chồng thương một— chồng thương hai — chồng thương ba
 — chồng thương bốn.... bốn chân giường rung rinh”
 đường cày mang lời ca ngập nước mắt trở lại lồng ngực

và buổi chiều tôi không nhìn thấy tôi trên vách.

LYNH BACARDI

TÌM

hết thấy
sự khởi đầu chiếc nhẫn không trọng lượng
nhẫn chìm mọi định nghĩa hình vòng cung
cuối đường tiếng khóc khan
chúng ta hoàn toàn đơn độc
anh đưa em thăm phố cổ bạt hồn
rạc đôi chân ăn mòn con đường vắng
thành phố chuênh choạng
thời gian đứng trong ngọn lửa thả sông
lời cầu nguyện trôi không hồi đáp
anh lạc buổi tối và em
tiếng thét không âm vọng
hương dương gục mặt sau trận bão
gã ăn mày cất gương mặt vào đôi nạng gỗ
con lươn úp mặt lòng đường
em cất mình vào đâu?
vòng vân tay biến mất
căn phòng ẩm cứng chứa ngọn đèn nhiều màu
em mang đôi mắt lạ loài cá biển
đắp cát lên mặt anh ru ngủ giấc xốn xang
đi anh
cuộc trốn tìm chây lười
giẻ bịt mắt ướt cơn mơ ráo hoảnh
thèm ngón áp út mút khô cánh lưỡi
mùi mồ hôi nồng đôi áo gối mốc
cột kẹt chiếc giường theo nhịp đẩy anh
đi anh, hết thấy định nghĩa
vòng cung chiếc nhẫn lỏng
nửa sự khởi đầu hồi vọng tiếng khóc khan
đi anh.

07/10/03

Nhạc Rap Ăn Dụ & Thuyết Giáo

Christian Béthune

**Từ biểu tượng đến thực tại,
tiền bạc như là bằng chứng và ăn dụ**

Trong thế trận đấu vô cố hữu của văn hóa hip-hop, tiền bạc giữ một địa vị định đoạt: trong cuộc đua tranh này, kiếm được nhiều tiền hơn địch thủ là nắm trong tay sự ưu thế. Và, nếu “*sự hỗn nhiên của các ca sĩ rap trong việc săn đuổi sự thành công vật chất là một trường hợp hi hữu trong giới nghệ sĩ thế kỷ 20*”¹, thì sự quyết tâm làm giàu đó cũng gây khó chịu không ít trong số những người theo dõi, bởi nó vi phạm một trong những giả định thiết quan trọng của thẩm mỹ cho rằng giá trị thương mại và giá trị nghệ thuật tuyệt nhiên không nên độc nhiễm nhau. Là đề tài chính của nhiều bài ca rap, sự thoải mái về tiền bạc có tầm quan trọng ở cả hai mặt: trong phần hàm súc biểu tượng khá đậm đặc, và trong phần thực tế tích cực mà nó dâng hiến cho kẻ đã thành công. Làm ra tiền không chỉ đơn giản là đạt sự thành công vật chất, mà còn là sự chiến thắng một hệ thống quỹ quyet, được sắp đặt với mục đích cản trở sự thành công về mặt kinh tế của những người Mỹ-Phi:

Phần đông người da trắng nghĩ rằng với tư cách cá nhân, chúng tôi không nên hưởng thụ những lợi nhuận vật chất của sự thành đạt do công

lao chúng tôi, bởi thế cho nên chúng tôi phải làm lụng vất vả gấp đôi, gấp ba những người da trắng để vươn tới sự thụ hưởng đó.²

Ca sĩ rap Sister Souljah nhận xét mà không cay đắng.

Trong phạm vi làm nên sự nghiệp có nghĩa là đạt tới sự chủ tể về cả hai mặt biểu tượng và thực tế, bằng cách chiến thắng một hệ thống thù nghịch, sự làm giàu, có thể trở thành mối tranh giành cho một cuộc vận động mỹ thuật mà sự tìm kiếm vật chất và sự tìm tòi thi ca có thể được xây dựng quanh một vận hành đồng tác. Nếu sức mạnh truyền đạt của lời nói cho phép văn từ biến đổi thực tế bằng cách thực hiện những tác động ngôn ngữ, thì tiền bạc, dưới mọi hình thức, có dự phần vào biểu tượng, như sự tìm tòi ngữ nguyên cho thấy có sự giống nhau giữa hai từ *monnaie* (tiền) và *mot* (tiếng) từ thời cổ đại Hy Lạp. Đó là một khái niệm về sự vật mà hình như cặp Eric and Paris Making Dollars (EPMD) tán đồng, bởi các tập đĩa của họ cho tới nay thường bao hàm từ *business* (thương mại) và hàm ý này thường lấp ló trong tựa đề nhiều bản rap: Eric B & Rakim: *Paid In Full* (Trả hết); D Nice: *A Few Dollar More* (Thêm vài đô la nữa); Notorious Big: *I Love The Dough* (Tôi mê tiền); LL Cool J: *Another Dollar* (Một đô la nữa), *Wanna Get Paid* (Tôi muốn được trả thù lao). Một thái độ đối với tiền bạc mà các ca sĩ nhạc rap Pháp cũng đã mượn lại chút ít: Idéal J: *Je dois faire du cash* (Tôi phải hái ra tiền mặt); Puissance Nord: *Cash...* (Tiền mặt...)

Ca khúc rap có thể đã miệt mài thái quá giá trị biểu tượng và giá trị vật chất của tiền bạc. Tuy nhiên, từ lâu rồi, văn hóa Mỹ-Phi đã biết sử dụng chúng như là yếu tố qui hồi của những trò vật lộn diễn kinh (*agonistique*), cũng như của hệ đề mục (*thématique*) văn chương; phơi bày sự thoải mái trên phương diện vật chất $\frac{3}{4}$ trong cách phục sức, trong các vật sở hữu, trong sự ăn xài rộng rãi $\frac{3}{4}$, sử dụng chúng như tiêu đề trong những huyền thoại anh hùng lúc chuyện trò, quả thật đã tạo ra những thái độ đặc ưu trong trò chơi song đôi của sự đối chọi xã vị và sáng chế ngôn từ. Ngay trong những bài blues đầu tiên, tiền bạc đã từng là đề tài cốt lõi của thi đề da đen, mà về sau người ta đã bắt gặp lại ở Ray Charles (*Green back dollars*) cũng như ở Archie Shepp (*Money blues*). Nếu ở một nước Mỹ khắc khổ (*puritaine*) nói chung, khẩu lệnh “hãy làm giàu” mang một giá trị đạo đức mà Lục Địa Cũ không nhìn nhận, thì đối với cộng đồng da đen nói riêng, tiền bạc có một kích thước thuộc về bản thể. Tên nô lệ thu gom được một số tiền khá đủ trong tay, có thể ôm hy vọng chuộc lại sự tự do của mình với người chủ cũ, và bởi sự kiện này, hẳn có thể bước từ hàng một vật dụng đơn thuần sang phẩm cách một con người. Trong trường hợp này, tiền bạc không còn là một dữ kiện thuộc về lượng, nó cũng không phải là một phẩm chất mới,

để cộng thêm vào bản thể, nó nâng cấp một cá thể trong chính cái bản thể bằng cách cho phép cá thể vươn lên hàng một chủ thể. Sau cuộc giải phóng nô lệ, tiền bạc lại còn là hy vọng của đám dân nô lệ cũ để vượt qua cái *lằn ranh trắng* danh tiếng, cái *lằn ranh* tuy vô hình nhưng vẫn ngăn chia họ với cái thế giới có nhiều đặc ân của người da trắng.

Tính đặc thù của các ca sĩ nhạc rap là họ thuộc vào hàng những nghệ sĩ da đen đầu tiên đã thành công trong việc tự kiểm điểm sự sản xuất cũng như sự phát hành tác phẩm của mình, hoặc thương lượng được với các nhà sản xuất những giao kèo có lợi. Trong khi các ca sĩ nhạc blues và các nghệ sĩ nhạc jazz đã thường thấy nguồn lợi tức đến từ nghệ thuật của họ rơi vào túi những hãng sản xuất đĩa nhạc, các ca sĩ nhạc rap đã vươn tới sự tự trị kinh tế thực sự, thậm chí họ có khi còn là chủ nhân ông của cả một cái đế quốc tài chính nữa. Sự vinh quang chất lọc được từ sự thành công vật chất mỹ mãn đó lại càng thêm thỏa mãn dưới mắt họ, vì bởi, với các tay ma cô và các tên găng tơ, và sự bạo tàn, và với những từ tục tĩu và những hình ảnh dâm dật trong ca lời của họ, các ca sĩ rap đã vươn tới cái thế giới tiền bạc và đặc ân bằng sự công kích dữ dội những giá trị bợc nỉ xuất phát từ cái thế giới thanh lịch của *entertainment* ³, bằng sự không ngần ngại thẳng tay hạ bệ vài cái huyền thoại của *star system* ⁴:

Với lắm người thẳng Elvis là một anh hùng
Nhưng với tui thì nó chẳng là cục cứt chó gì hết ở, bạn à
Đụ má nó và đụ má thẳng John Wayne
Bởi tui là một thằng đen thui nên tui rất hãnh diện
Tui sẵn sàng và tui thời trang và tui có một núi tiền
Các đấng anh hùng của tui đeo cần xuất hiện trên mũi tem

*Elvis was a hero to most
But he never meant shit to me, you see
Motherfuck him and John Wayne
Cause I'm black and I'm proud
I'm ready and hyped plus I'm amped
Most of my heroes don't appear on no stamps* ⁵

Cùng một tính cách với văn hóa Mỹ-Phi ¾ cái văn hóa Mỹ-Phi phần lớn tùy thuộc vào sự đảo ngược bằng vật lộn diễn kinh vài mảnh của văn hóa tây phương mà người ta đã dung thứ để cho lọt vào tay bọn nô lệ ¼ chính bởi sự phá hoại từ bên trong cái lô gích của chủ nghĩa tư bản mà cái thế giới hip-hop gây dựng sản nghiệp của những người tham dự, như xây cất một pháo đài trực diện kẻ thù.

Bài thuyết giáo của ca sĩ nhạc rap

Sự tiếp cận giữa nhạc rap và thế giới thiêng liêng được thể hiện trước tiên trong cách đọc cắt nhịp. Nhiều tác giả đã nhấn mạnh sự tương đồng trên phương diện hình thức giữa cách phát âm những âm vần của ca sĩ rap với cách đọc [kinh] của các nhà thuyết giáo cổ vũ đám con chiên: “Sức mạnh của tác phong hùng biện của giáo phái Mỹ-Phi đã cho ra đời nhạc *soul rap* mà người ta có thể xem như là một trong những thể loại tiền vệ của hip-hop”, David Toop ⁶ đã nhận định như vậy. Đúng là một sự quy hồi của vạn vật, bởi vì, noi theo cách thức của Richard White (biệt danh Mr. Clean đã phổ biến nhạc *soul rap* trong thập niên 70), đã có vài nhà thuyết giáo xuất thân từ những băng đảng. Yếu tố của chiến thuật truyền khẩu, cách thực hành đó của *soul rap*, do các *preachers* (nhà thuyết giáo) hoàn chỉnh, tăng cường quyền lực truyền cảm của lời bằng sự nhấn mạnh tiết nhịp của nghệ thuật phát âm dòng nhạc; nó tạo sự giao cảm với nội dung bài thuyết giáo và khiến mỗi đoàn viên của cộng đồng có cảm giác rằng nhà thuyết giáo chỉ ngỏ lời riêng với mình thôi, và bù lại nó xui khiến có một lời đối đáp hay phê bình, quả thật là một đối khúc củng cố cho sự hòa nhập của cử tọa.

Người ta hoàn toàn tìm thấy lại ở các ca sĩ nhạc rap cái hiệu quả thuyết giáo đó, nó khiến người nghe bị trực tiếp lôi cuốn thẳng vào văn từ và được dự phần vào sự xét đoán cái đang được nêu ra. Đó là một cách thức phát biểu nhằm hủy diệt khoảng cách giữa người diễn và người xem, giữa người xướng với người nghe, hầu tạo ra một cuộc thi đua tập thể mà mọi người đều được dự phần. Và khi Ice-T ⁷ xuất hiện trong chiếc áo tu sĩ, hiệu quả tất nhiên không chỉ thuần túy là sự nhại chơi.

Sự thực hành việc cắt ghép cũng là một yếu tố phổ thông khác nữa của kỹ thuật truyền khẩu. Tương tự như người ca sĩ nhạc rap khi sử dụng lại những mẫu khúc lấy ra từ cái gia tài nhạc đen, nhà thuyết giáo cũng tạo dựng các bài thuyết giáo từ những mẫu kinh lựa chọn, những phát biểu sẵn có nhặt ra từ trong cái kho tàng kinh kệ mọi người đều biết, và cũng hết như những samples (mẫu nhạc) được khai quật lên của các ca sĩ nhạc rap, chúng thường xuyên lui tới ghi dấu đánh nhịp cho cấu trúc của bài thuyết giáo. Gắn liền với phong cách đặc thù của sự đọc cắt nhịp, chung cho bài ca rap và bài thuyết giáo, cái sườn lấy ra từ vốn liếng bản xứ đó có hiệu quả tạo ra một chiếc sân chơi chung của ngôn từ như một sở hữu tập thể của mọi đoàn viên, mà người Chủ Lễ chỉ là một yếu tố. Tuy nhiên cũng có một sự khác biệt cơ bản: trong khi nhà thuyết giáo chỉ ngỏ lời với một giáo đoàn hạn chế giữa các bức tường của ngôi giáo đường ¾ một thứ cộng

đồng mãnh liệt $\frac{3}{4}$ thì các sứ thần của nhạc rap ngổ lơi với một tập đoàn thị dân vô tận, một tập thể mơ hồ mà người ta có thể xem như là khoảng điện. Điều này giải thích tại sao bài thuyết giáo chỉ hữu hiệu trong mãnh lực trực diện (nằm trong khuôn khổ của nói thuyết giáo, trong khi ngược lại ca khúc rap tung tín điệp qua sự trung gian của những phương tiện tái tạo âm thanh: đĩa nhạc, băng nhạc, video, và phát thanh trên các làn sóng điện...). Trong khi bài thuyết giáo của vị mục sư qui tụ các tín đồ về nơi thờ phụng, ly tâm tự bản chất, ca khúc rap thì lại hướng về sự phân tán; vả lại, trừ vài trường hợp ngoại lệ, sự qui tụ vào một thánh phòng chỉ tạo được sự thành công không đáng kể cho các nghệ sĩ hip-hop. Nếu so sánh với kết quả của đĩa nhạc hay của trích khúc, ca khúc rap bị mất một phần rạn rở khi xuất hiện trên sân khấu, và có vẻ như tự bản chất, nó thuộc về sự ly tán.

Ở thời điểm của họ, George Lapassade và Philippe Rousselot đã từng nhấn mạnh⁸, qua sự phân tích bài *Knowledge Is King* một ca khúc của Kool Moe Dee, rằng ca khúc rap và bài thuyết giáo đều có chung một cấu trúc: “công thức để phóng đi không mang ý nghĩa, nhưng lại rất quan trọng trên phương diện ngắn gọn”, tiếp theo là lời khích lệ, nhưng bằng giọng truyền lệnh, để khai đề, thường đượm nhiều sắc thái tôn giáo: “Sự hiểu biết chính là quyền lực tối cao (Knowledge is king)”, cấu trúc mang tính cầu nguyện vinh danh sức vạn năng của Thượng Đế, mà bất cứ nhà thuyết giáo nào cũng có thể chọn lấy để xây dựng bài thuyết giáo của mình.

Cũng thấm đượm những hàm súc tôn giáo, bài rap *Dead Homies / Chúng Ngủm Rồi* (9) của Ice Cube cũng mang dáng vẻ một bài thuyết giáo về cái chết, và đưa chúng ta vào một không khí xót thương đặc trưng của văn hóa da đen.

Khởi sự theo đúng cung cách của một nhà thuyết giáo đọc một bài diếu văn, Ice Cube, ngay trong đoạn dẫn nhập, đã đặt đề khung cảnh và tiết lộ cho chúng ta biết về nội dung của bài thuyết pháp.

1. Tình trạng phi lý: mới tảng sáng mà tôi đã đóng bộ đồ [nỉ] đen (*Up early in the morning dressed in black*).

2. Sự phi lý của tình trạng đó chính là hệ quả của một biến cố tự chính nó cũng phi lý: thằng bạn chung trường với tôi đã bị bọn cớm hạ rồi (*They killed a homie that I went to school with*). Nhìn dưới góc cạnh tu từ hùng biện, sự phi lý nhân đôi ấy được nhấn mạnh thêm bởi câu thơ thứ hai: Đừng thắc mắc vì chuyện tôi đã rời nhà với chiếc cà vạt đen (*Don't ask why' cuz I'm down in a black tie*).

3. Chuyển đi từ sự đặc biệt của một biến cố sang sự tổng quát của quan điểm luân lý: Cuộc đời chẳng là cái đóng cút [thơm] để cho ta vọc (*I*

tell you, life ain't shit to fool with)

Phần kế tiếp của bài thuyết giáo sẽ được tán rộng theo lược đồ sơ khởi bằng cách lợp chồng chéo những bình diện khác biệt.

1. Bình diện thuộc về biến cố đặc biệt: việc mưu sát người con trai và sự đau khổ của thân nhân được mô tả rất hiện thực:

Tôi nghe tiếng bà già nó kêu trời và khóc và rống
Trong khi thẳng mọi ngã lặn tòm vào lòng rãnh mương

*I still hear the screams from his mother
While my nigger lay dead in the gutter*

Những chi tiết về cuộc đời của người chết được nhắc nhở tới:

Tôi còn nhớ chúng tôi hay xịt tên mình lên tường để mua vui

I remember we painted our names on the wall for fun

Ước vọng trả thù, do sự tức giận, được hình dung như là một giải pháp:

Khiến tôi nổi nóng muốn vác cây súng cửa nòng ra
Để có thêm vài cái thầy ma mà khuôn vác về nhà
Tuy nhiên tôi chỉ cúi chào và thế là xong cuộc lễ
Ôm hôn bằng hữu và có thể rỏ một hai giọt lệ
Và muốn được xơi bom rơi đến gần như tất thổ

*It make me so mad I want to get my sawed-off
And have some bodies hauled off
But no, I pay my respects and I'm through
Hug my crew and maybe shed a tear or two
Then I wanna blitzed*

2. Thế nhưng lựa chọn con đường thù hận và bạo tàn là dựa vào sự phi lý chung. Đúng vậy, khi tôi nâng cốc bia lên (grab my 40 oz):

... để mà tưởng mà nhớ
Cái thằng bạn hiền thằng anh em độc nhất của tôi

... I reminisce

About a brother who had to be the one and only

Biến cố mà người ta than trách hôm nay không đơn lẻ mà là sự lặp đi lặp lại của một chuỗi những phi lý tương tự chỉ có sự thức tỉnh của lương tri mới tránh khỏi được:

Lại thêm một thằng bạn thân bị bắn trong một trận càn quét
Và bà má nó đi đưa ma và bị khủng hoảng tinh thần
Hai phát súng nổ tung cái bản mặt mo đen của nó

Another homie got murdered on a shakedown

Now his mother's at the funeral, having a nervous breakdown

Two shots hit him in the face when it blasted

Bằng cách rất vén khéo, Ice Cube đi từ cái riêng đến cái chung khi xếp chồng lên nhau hai biến cố bị thương tương tự. Như vậy, hai câu thơ cuối của Khúc Một về cái đám tang hôm nay cũng có liên hệ đến cái đám tang đã xảy ra trước đó không lâu. Ta gần như không thể biết chính xác sự bắn loạn tinh thần của người mẹ đã xảy ra trong buổi tang lễ hôm nay hay trong cái đám tang trước đó. Ta cảm thấy bị vướng mắc vào cái vòng bánh của một trạng huống thể lương không lối thoát.

3. Sự hòa lẫn đó cho phép người xướng đọc bắt qua sự tố cáo tình trạng đạo đức lỏng lẻo đang bủa vây, bằng cách tuân tự điểm chỉ: bất công xã hội do sự kỳ thị,

Sao bọn mọi đen chỉ được ngồi xế những lúc như thế

Why is that the only time when Black folks get to ride in

a limo

Sự vận vẹo méo mó của những liên hệ giữa những người thân trong gia đình và cộng đồng:

Chỉ khi gặp biến thì người trong nhà mới xích gần nhau

When there's a tragedy that's the only time the family is tight

Không khí bạo tàn được dung dưỡng và thế giới điên cuồng:

Thế nên thằng Ice Cube này mới chứng diện thật bảnh bao

Vì dụ mẹ cái thành phố chó đẻ này chỉ là một cái đồng
rác cao

Và mọi người đều giả trá và cù lẩn và cà chớn

So that's why Ice Cube is dressed up
Because the city is so fuckin' messed up
And every body so phony

Tiện đây cũng xin ghi nhận rằng ba câu thơ kể trên đã lãnh vai trò đúc kết để dẫn đến kết luận của người thuyết giáo, vì luận điểm cuối cùng “*So that's why*” (Bởi thế mà / Thế nên...) chính là câu đáp cho câu hỏi của khúc một “*Don't ask why*” (Chớ hỏi tại sao / Đừng thắc mắc...)

Thấy đã được tỏ bày, nay chỉ cần kết luận bằng một lời kêu gọi cuối cùng:

Này... [bạn] hãy để tí thời giờ
mà nghĩ tới [cái] thằng đã sạch trơn

Take a little time
to think about your dead homie

Với tài khéo léo của một nhà thuyết giáo, Ice Cube đã đi từ cái “tôi” của nhập đề, đến cái “bạn” của kết luận, qua cái “ta” của tán rộng, và như thế bao hàm cả cử tọa trong cộng đồng của lương tri và mặc niệm. Trong bài rap này, nếu nhìn từ góc cạnh bút pháp, thì không có một chi tiết nào đã bị phỏ mặc cho sự may rủi. Người Chủ Lễ đã bám thật sát hình thức truyền khẩu của bài thuyết giáo, của bài điệu văn.

Nguyễn Đăng Thường dịch

Chú thích

Trích dịch từ cuốn *Le Rap, une esthétique hors la loi* (Nhạc Rap, một thẩm mỹ ngoài vòng pháp luật) của Christian Béthune, nxb Éditions Autrement, 1999, Paris. Tựa bài này do người dịch đặt. Các tiểu tựa trong bài là của chính tác giả. Phần 1 (*Từ biểu tượng đến...*) dịch từ tr. 80-83. Phần 2 (*Bài thuyết giáo...*) từ tr. 163-168.

Đặc biệt cảm tạ nhà phê bình **Đăng Tiến** và ái nữ của ông đã tra cứu và góp ý để chuyển ngữ hai từ rất khó dịch, là “*illocutoire*” và “*auratique*”, không có trong các từ điển Pháp thông dụng như cuốn *Petit Robert*. Hai từ này được tạm dịch là “quyền lực truyền cảm” (*puissance illocutoire*) và “mãnh lực trực diện” (*présence auratique*).

1. Ann Marlow, “The hermeneutics of rap”, trong cuốn *Rap on Rap. Straight-up Talk on Hip-Hop Culture*, New York, Delta Books, 1995, tr. 222.
 2. Id., tr. 208 (tuyên bố của Sister Souljah trong chương trình truyền hình “Larry King Live”).
 3. Entertainment: gồm giới điện ảnh và xướng ca.
 4. Star system: hệ minh tinh. Một hệ thống trong thời vàng son của Hollywood, trước thập 60: một diễn viên có ít nhiều khả năng được mời ký hợp đồng dài hạn và độc quyền (có khi còn ở lứa tuổi thiếu niên như Mickey Rooney, Elizabeth Taylor, Judy Garland...) với một hãng phim lớn. Sau đó họ được uốn nắn, chăm sóc, chỉ dạy, lựa chọn cho một hình ảnh bắt mắt (áo quần, mái tóc, trang sức...) và một vai tuồng thích hợp (đào thương, kếp độc, kếp mùi, gái thơ ngây, ca sĩ...) rồi được lăng xê để trở thành *minh tinh* hay *siêu sao* trên vòm trời Hồ Ly Vọng “có nhiều ngôi sao sáng chói hơn bầu trời thật”. Siêu sao cuối cùng và chói chang nhất (mà hình như cũng là nạn nhân đáng thương nhất) của *star system* là Marilyn Monroe.
 5. Public Enemy, *Fight the power*, 1989.
 6. *The Rap Attack*, London, Pluto Press, 1984, tr. 47.
 7. Ice-T (tên thật là Tracy Morrow). Xin đừng lẫn lộn với Ice Cube. Bị tài tử điện ảnh gao cội của Hollywood Charlton Heston quy tội gây hận thù với bài “Cop Killer” (Giết Bọn Cớm), Ice-T đối đáp rất thông minh và mạch lạc, tố cáo sự đạo đức giả của ngôi sao điện ảnh lừng danh, khiến anh tức khắc trở thành một thần tượng và phát ngôn viên hữu hiệu cho giàn nhạc kim khí Body Count (Đếm Xác) của anh.
 8. George Lapassade & Philippe Rousselot, op. cit. (?)
 9. *Dead Homies*, Priority Records, 1990.
- Xin đọc thêm / đọc lại bài *Đôi nét về Hip Hop* (Tạp chí Thơ số mùa Thu 2003, tr. 163-181).

KHÚC DUY

NGHỊ ĐỊNH 1/VN

Nghiêm chỉnh chấp hành luật cắt
cu, trám lỗ đít các đồng
chí thơ. *không* được chửi tục,
đụ đéo. *có* được chửi thanh,
hoa mỹ, hoa mồng gà, hoa
thúi địt.

ăn (t)hôi!	cấm ỉa	(dơ lắm)
hửi (t)hôi!	cấm địt	(thúi lắm)
nhìn (t)hôi!	cấm đụ	(sướng lắm)

nghiêm chỉnh chấp hành luật từ
lỗ rún lên. Tụi bây đụ
đéo tao tức dái tai lắm.
ụ cái thằng ngực nào đâm
lỗ miệng tao vậy.

TRƯỚC LÚC KHOÁI CẢM

Tặng em

Khoảng 3 giờ chiều, em nhìn tôi trên
boong tàu. Biết chứ! đôi giày đã ngoại,
bàn tay mơn mớn lông. Hút điếu thuốc
xin số fone người bạn gái cuối boong.
Em đói bụng quá! ừ anh cũng muốn.
Em đi mười ngàn sáu trăm giấy về
giặt chiếc nhũn lúc lắc ngón tay đói.
Trước biển, em chìa cây kem. Cho tôi
một kết bia và cô gái cuối boong.
Sáng mai lý lịch mở toang cùng lũ
khỉ lòe dát. Không sao, hai chân toét
loét cầm bạch mía, em xấu lắm hả.
Ừ! hôn bằng ống hút, chiều / những
cái mộng phơi boong tàu.

HÀ NGUYỄN DU

MÂY XÁM MẦM MƯA

với nhà thơ Phan Huyền Thư
và Hà Bạch Quyên

không như khăn quăn cho ấm cổ suốt
mùa đông của cụ già miệt quê bầu
trời anh lại quăn mãi những cuộn mây
xám vẫn vũ rần đe viên đá lửa
nằm trong cái quẹt gas với ngón
tay bật khiến con ngựa trời khốc róng
cáo nài giới tính tội nghiệp vẫy đến
con để buồn tự tử giữa đêm sương ¹

vì ước “ *biến cuộc đời thành những tối
tân hôn* ”² nên chiếc chìa khóa anh lạnh
đến nhụt cùn không tìm đâu ra cái
ổ thích hợp để đóng mở kiếp phù
du chợt nằm mơ chuyện huyền hoặc thấy
như “thiên đàng có thật” gã gác cổng
đuổi anh ra khi anh vào thiên đàng
do anh không có giấy chứng nhận công

quả hay cấp bằng tu hành hoặc tờ
khai hôn thú của hai người yêu nhau...
anh chỉ vào má anh còn in dấu

son của nụ hôn em gã xua tay
 bảo anh dẫn em lại xem thế là
 anh trở về với đời non lấp biển
 như Valery phải chung thân lưu
 đày vì những con chữ nay lũ mọt

giấy bò trên xa lộ truyền thông len
 vào mạng world wide web bương chải để
 “đốt cháy lời để mai kia mốt nợ
 không truyền rao không sách sử nhưng ở
 bên kia chốn không lời đóa hoa nở
 lúc khởi sinh ngôn từ đã bắt đầu
 gầy mồi hiểm nguy”³ thế lại còn gan
 “làm thơ chứ không phải làm nhà thơ”⁴

thử hoán vị theo thi sĩ DTL
 thì có “*làm thơ*” hay “*thơ... làm*” hoặc
 làm “*nhà thơ*” hay “*làm th ... nhà*” điều
 đó người đọc muốn thế nào là... tùy!!
 tùy vào cái nhăm nháp hay ngốn ngấu
 cái ngủng nghĩnh hay nghênh ngang cái ngu
 ngơ hay ngất ngưỡng kẻ trên sân cỏ
 với quả bóng và đôi chân buộc

phải shoot thẳng vào goal trước mặt không
 thể lùi bước giẫm con rệp nhà thổ
 đem lại ngủ ngáy mơ mặt trời trao
 vòng hoa và con chim họa mi vàng...
 tên treo cổ có thơ làm bùa hộ
 mạng trong vô hình đeo như tấm thẻ
 bài của người lính mang SQ/

70/137648

loại máu “T... H... O’+” hấn không
 quy dưới bầu trời luôn quẩn những cuộn
 mây xám mang mầm mưa đã bão tố
 còn dọa màu mây còn gây chấn hậu
 ám thị những con mắt xếch vấy bần

tay sóng ấn ngón chân thác em co
rút như con đế nhủi trong cát nóng
ta thán anh lấy tình em rao giảng

ngôi ca mẹ buồn gánh bán bưng chiều
đổi gạo thương chiếc áo học trò em
nở hoa mồ hôi lại phát phờ theo
những cơn gió thơm nước mùi sơn hào
hải vị phát ra từ chốn địa đàng
của tay kinh chân hổ đòn lệt lệt
giết nhiều bọ sát hoạch đồ mồng nhún
nhảy hót trên cao... ời này em yêu

của anh... bụi màu sắc gây xốn con
người thanh đa chiều như bung lá nhĩ
muốn quên cái nhãn đầu dê lại mê
cái hiệu thịt chó nhấm đến muốn kéo
mây con mắt vẫn không tìm được thoáng
hương xưa nghe lãng đàng xé toẹt cánh
chuồn chuồn đóa em héo theo hơi rừng
dương xỉ đám bạn anh chết nơi xứ
rượu cồn xót ván thuyền long đình lỏng
ốc lá thân lân dật dờ cơn lốc
bầu trời anh mây xám mang mầm mưa!!!

nov 30/ 03

Trích theo :

1/ thơ Du tử Lê

2/ thơ Nguyên Sa

3/ thơ Khế Iêm

4/ theo lời viết tự giới thiệu của Nguyễn Hoàng Nam
đăng trong tập 26 nhà thơ Việt Nam đương đại

TRẦN THỊ MINH NGUYỆT

ĐỐI

Em quen co ro tưởng tượng có
anh, dạn dĩ bước vào những buổi
tiệc, như bây giờ đối mặt muôn
luồng gió sắc giữa giao thừa cố

lừa cảm giác: gió xuân mơn trớn
vịn nụ cười đeo mặt nạ hồng
trông chẳng ai biết. Không nhai được
vị ngon, nhạc đã lên, người đàn

ông tự tin gấp lưng mời em
bước vũ điệu du dương, mấy ngón
tay bám và trượt trên vai bạn
mới, tay kia đắm lạnh nhỏ dần

trong bàn tay rất nóng, không tìm
thấy mũi giày quen chân đuổi quất
giật mình tô lại son, có nhạc
tình có nhịp nhàng có rượu có

lời tán tỉnh có tiếng gọi vắng
vắng, nhạc đen giọt ướt mọi Tết
rồi ! trăm nhánh đau xé ký ức
trần trụi, khắc giây đầu mùa xuân

vắt vả ghì giữ huyệt hơi mà
tiếng pháo sân chùa, quả quít đỏ
nụ cười thơm, hơi ấm cứ chạy
trốn. Giữa phút nhang khói linh thiêng

của đời sống, em có nhiều thứ
vũ điệu Boston, bạn mới, trí nhớ
động, ảo giác, gặp đầu xuân đưa
tất cả đối lấy một mình anh.

Tháng 11- 2003

NGUYỄN HUY QUỲNH

CAFÉ FACTORY 10:37AM

:
“Ở đây bây giờ rất nhiều sông Bến
Hải và bức tường Bá Linh, mây lạng
quạng là không có đất sống.”

::
Khánh Trường (giọng phều phào), “có việc chó
gì xảy ra mà phải đến thăm tao.”

:::
”Ngôi hoa hậu sẽ trúng thưởng một
xe Mercedes. Vũ Khoan năn
nĩ Mỹ vào Cam Ranh. Táo Fuji
một đồng chín chín. SaddamHussein
sao không tự sát cho rồi. Tập
Chí Thơ còn sống sót hả.”

::::
”Có em sinh viên Việt Nam đang
đóng đô ở Motel 6. Được
chờ, bảo đảm đẹp ngang ngửa với
Kathy Luong. Hello không nghe
được à? Fuck tụi T-Mobil.”

:::::
”Buồn làm cái con mẹ gì, Lạc
Long Quân cuối cùng thì cũng phải
ly thân với Âu Cơ đấy thôi!”

::::::
”Đang làm cái gì đó? chụp nude
em Mễ hả. Không, chưa điá được.
Phải chờ ông bà già đi họp
hội đồng hương Sóc Trăng đây.”

PHẠM QUỐC BẢO

BOB HOPE VINH DANH *

Một đời chỉ một nụ cười
kéo dài thế kỷ
tỷ người vui chung.

mở đầu sự nghiệp bằng không
vượt bao sư tử cùng trong giời hề
để thành vua xứ hoạt kê
bao trùm thế kỷ, ai chê được nào.

là nhờ tâm cảnh trời trao
buồn vui thiên hạ cười khào cũng xong
cả đời một bước thông dong
cảm ơn trí nhớ suốt dòng sử nhân.

yêu người yêu mộng nhân gian
yêu sông yêu núi yêu ngàn khổ đau
nặng yêu biển mặn nường dâu
mưa yêu đầy suối thác sâu ghềnh gào
yêu mồ hôi đổ tiêu hao
yêu từng giọt lệ đêm nào chợt qua
để cười một tiếng chan hòa
cho người sáng khoái đã là người đương.

07-28-03

* Bob Hope (1903-2003), vua hề thế kỷ 20.

ĐỖ VINH

THU NGÀ

em thơm mùi đức mẹ,
đồng trinh chưa đóng đinh.
anh cùng em tội lỗi,
như a-dâm ê-và.

em hang đá rỉ ướt,
anh thánh giá cứng cương.
ta hoá thành bánh thánh,
ăn thịt uống huyết nhau.

em xúc dầu đầu anh,
anh thêm sức cho em.
vội từng hơi thở nóng,
bốc từ lòng hoả ngục.

ta cùng nhau chết gục,
muôn kiếp chẳng đầu thai,
đời đời trong giây phút,
thiên đàng giữa trần ai.

8-18-2003

NGUYỄN TÔN NHAN

ĐỪNG VỘI

Sớm từng bừng ma gáy
Khai khẩu nửa bài thơ
Mùi gì thơm ngầy ngậy
Chung quanh lặng như tờ

Thơ có mùi ngầy ngậy
Vây chặt chín kiếp xưa
Ăn năn xin quỳ lạy
Sái nhịp đời đây đưa
Cuộc trần gian gấp gáp
Chân giả đừng vội lừa

KHÔNG NÓI

Ngàn xưa khai bút chưa
Ngàn sau còn muốn ới
Thơ hôm nay hay xưa
Nhòm nhộm chung một gói
Ma tru gào quỷ đói
Máu xương chia hai đội
Thơ với thơ xin chừa

SẮP NÓI

Thơ em làm phát hoảng
Toàn câu chữ ngàn nam
Hoặc vụn nm lạng quạng
Âm khí buốt cam cam

Lạy em đừng thơ nữa
Để anh thở một hồi
Rồi lọ mai có mưa
Sẽ tìm vô đúng nơi

Kéo mưa ra vũ trụ
Rồi cũng lại thành thơ
Đêm sau ma trời hú
Trời đất xóa bến bờ

Thơ em làm càng lú
Thảo nào bị đời ngờ
Dương khí bốc mù mù
Âm khí rụng xơ rơ
Anh nào đâu chỗ trú
Lạy em đừng làm thơ

ĐẶNG TẤN TỚI

THẬT LÒNG

Tôi thấy
Mây trong nước
Bình thường

IV-1974

HẾT LÒNG

Một sớm nghe tiếng trúc
Rào rạt qua lòng
Cả đục trong

IV-1974

ĐI THĂM ẮN SĨ

Gặp ông trong đám cỏ
Cười một tiếng thật to
Như gió

8-1974

THỞ

Hơi đâu tức thở
Chẳng đóng mở
Trò chơi!

TÔ KIỀU NGÂN

GIÒNG SÔNG TIẾNG HÁT

Tặng Hồ Đắc Duy và “Một thời Đồng Khánh”

“Hò xừ xang xang, xang hò xự sang...”
Giòng sông trôi theo hương Thạch sương bồ
Theo tiếng đàn mơ
Sông cứ lững lơ
Sông ôm bao bóng hình
Những nụ cười xinh
Những tà áo lụa
Nón trắng che nghiêng
Giấu giọt lệ phiền
Sông chan nước mắt
Khóc tình đầu tiên

Mai ta về
Mái đầu chớm bạc
Ngồi bên cầu cũ
Nhìn giòng sông xưa
Hỏi sông...
Sông có nói chi mô
Sông chỉ thở dài
Mà nghe như thể vụn lời xót xa
Về một thời đã qua
Và những người đã xa...

Muốn hỏi sông ơi, biết hỏi gì
Hỏi ai còn lại, những ai đi
Những ai còn sống về không được
Mòn mỗi quê người khóc biệt ly

Và những ai xưa đẹp mỹ miều
 Đã từng soi bóng xuống sông yêu
 Ngư Dương trống trận reo Hồng thủy
 Tan tác về đâu? Lạnh bóng chiều

Sông Hương
 Sông của người con gái
 Trốn mẹ theo tình
 Đêm ra đi còn muốn nghe lần chót
 Tiếng chuông chùa Thiên Mụ trởi buồn tênh
 Rồi mang tiếng chuông theo tháng ngày lưu lạc
 Gặm nhấm thương sống cho hết đời mình
 Sông êm ái, sông mềm như lụa
 Len lỏi đôi bờ tre biếc xanh
 Thôn xóm hai bên chừng đã ngủ
 Chỉ còn sông thức với trăng thanh

Ta cũng như trăng cùng thức với sông
 Thuyền băng khuâng thuyền chảy theo giòng
 Giòng trôi... tiếng hát buồn đứt nối
 Nhị, nguyệt âm thầm khóc nỉ non

Sông mở lòng ra đón tiếng đàn
 Nam Bình, Tứ Đại, Lý Nam Xang
 Hành Vân, Lưu Thủy, Tương tư khúc
 Mỗi tiếng đàn như một tiếng than

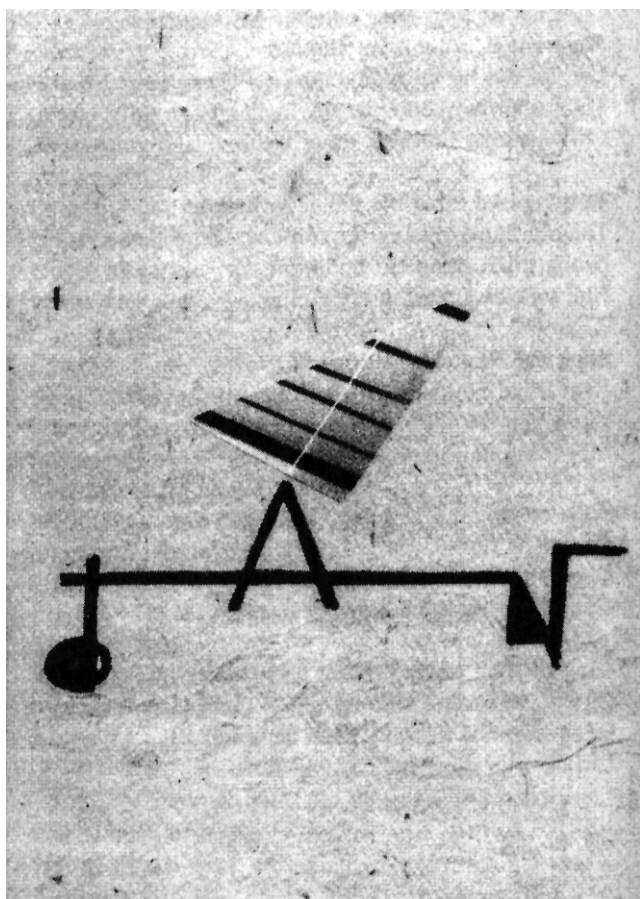
Sông ơi sông, có nhớ ngày Nam tiến
 Bạch Hổ, Trường Tiền rầm rập xe qua
 Chưa biết bắn cũng ào ra cứu nước
 Gậy tầm vông đánh nhịp “Tiến quân ca”

Sông ơi sông có nhớ chẳng mùi khét
 Của ớt, rơm xông khói trận “Mô-ranh”
 Đánh giặc nhà nghèo... đánh bằng rơm rạ
 Lửa căm thù sáng rực cả sông xanh

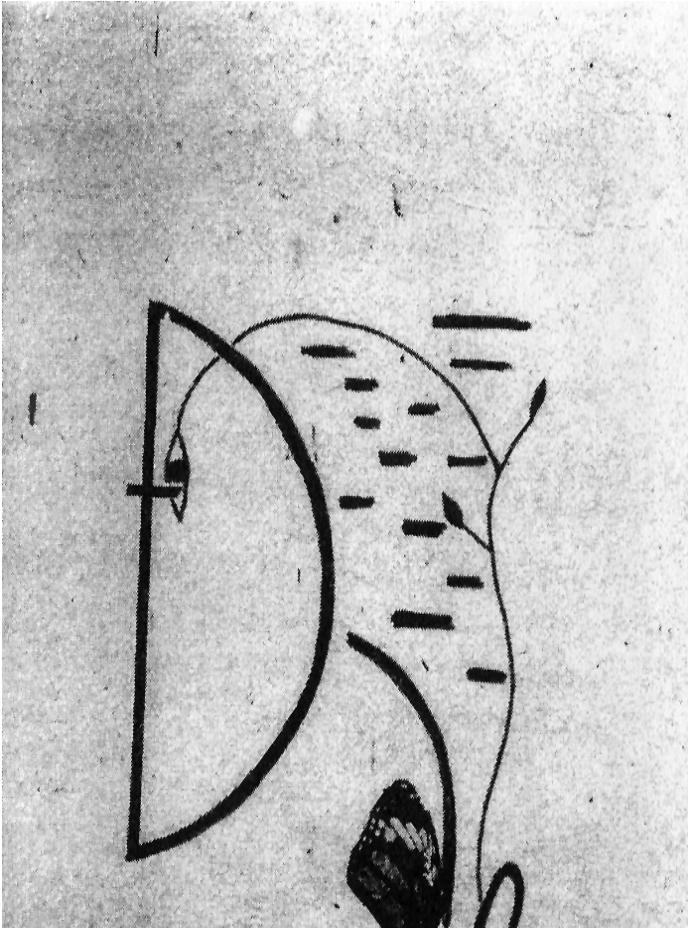
DƯƠNG TƯỜNG

BA BÀI TRANH THƠ NGOÀI LỜI

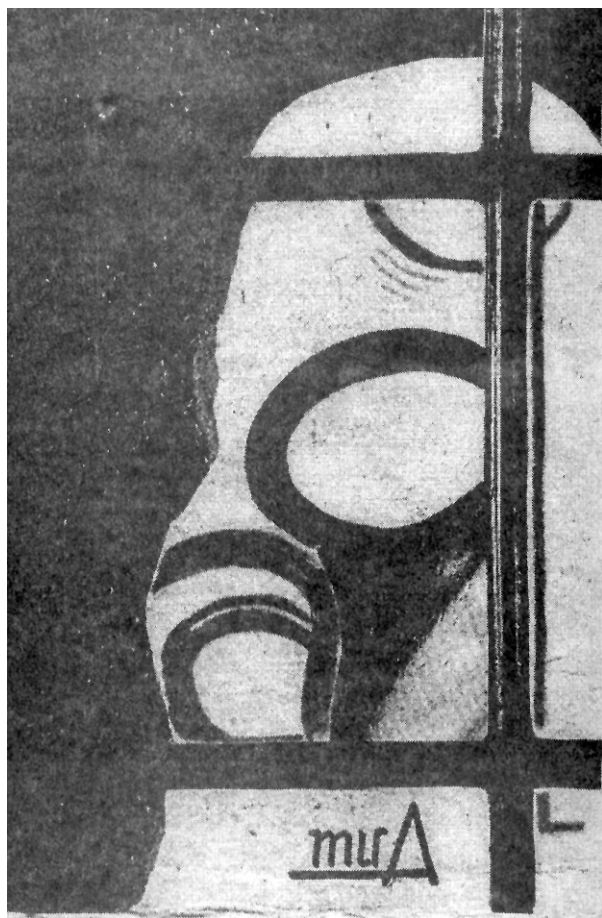
I.



II.



III.



THUY HẰNG

LẠC

Thật ra tôi chỉ là kẻ rong chơi
Vẽ bức tranh của mộng mơ khi bình minh vừa ló dạng.
những chú chim khôn ngoan trong một ngày
cất tiếng hót như âm thanh của đứa trẻ mới chào đời
Gọi hồn nhiên
Gọi ngu ngơ
nhắm nháp nỗi buồn.
...Khi mặt trời xuất hiện làm chiếc lá bóng vàng ươm
như bánh ngô phủ sẵn lớp đường cạm bẫy
Tôi thò ngón tay nếm thử mộng mị và khát khao len lỏi
như con sâu tìm đúng tổ
ngủ nguây giấc ngủ cơn mê muội triền miên
Để trưa thật dài
Chân trần và đầu soi bóng nắng
nhể nhại nỗi buồn chẳng thể lắng im chờ đợi tiếng cười...
Thật ra tôi chỉ là kẻ rong chơi
Trong một ngày nướng sạch anh chàng tỉnh táo
lạc giữa dòng một tiếng chim.

LA TOÀN VINH

KHÔNG LỜI

Mẹ vào rừng mang về bộ xương;
có những điều hầu như quên lãng
tất cả đã trở thành dĩ vãng.
Có những điều khó ai thấy được,
những giọt nước mắt trong đêm? Mẹ
vào rừng gom đồng xương tàn, những
thứ đó đã vùi sâu trong đất
lạnh. Có những điều hầu như yên
lặng, lặng đọng trong từng con người,
đã nằm xuống trên quê cha đất
tổ. Mảnh đất này ngày xưa đã
bừng cháy bởi đạn bom; có những
điều khó ai biết được, về những
giọt nước mắt đã thấm sâu vào
đá sỏi, những viên đá trần châu,
hóa thân như loài hoa, nở mãi
với tháng năm, nở mãi cho quê
hương. Mẹ vào rừng nâng niu chiếc
sọ, chiếc sọ vỡ, phân nửa cuộc
đời như ôm chầm lấy đất trời
trong một ngày ly loạn. Mẹ gom
về khúc xương một thời đã bám
cùng bụi rữ thời gian. Có những
điều khó ai nhớ nổi, hai cái
chết trong một con người.

Hưng Nghĩa, Đồng Nai 2002

PHAN HUYỀN THƯ

TỈNH DẬY THÁNG TƯ

Tiếng cười nhẹ trong
tròng trành nhưng nhớ
nắng lão đảo
mái hiên say nghiêng ngả

Thung lũng nhốt buồn
lửa sương vô cảm đi xiên

Không cần ngoái nhìn
ánh mắt giương cung
bắn vào mùa hạ
con sáo mổ vàng thất thanh
thừa thốt kẻ lạ
lưỡi chưa lột
nói dối chẳng qua

Tháng tư bi ai
khóc bằng ham muốn
dịu dàng hạt sương cứng
nụ loa kèn ngọc thạch
bướm bình đau

Tỉnh dậy
tháng Tư
ngượng ngùng lưỡi dao
pha những thơ buồn ba chữ

Bàn tay đuổi nhau
ngã dưới vạt đồi âu yếm
đất về mùa hạ trảy sức đồng thau

Tìm thấy nhau
tiêu điều hồn nhiên
trẻ bạc đầu

Dung dăng dung dẻ
Đi bộ trên mây

PHẠM THỊ ANH NGÀ

HOANG TƯỞNG

khoan rơi
ơi ngọn lá mỏng
khoan rơi
cứ vin cành dù run rẩy
để lời ai xưa
còn bấu vào

xa xôi
mặc mưa thui thủi
mặc nắng liêu xiêu
nhấp môi hạt sương khuya vắng
ngỡ giọt hồng đào
tri âm

10 / 2003

CON TRAI BÉ BỎNG CỦA TÔI

con trai bé bỏng của tôi hãy còn
 bé bỏng lắm nhưng chẳng hiểu do đâu
 nhìn thấy bản in thử cuốn tản văn
 mới xuất bản của tôi nhà in vừa
 đưa xem trước nó liền xuýt xoa — *ôi*
 mẹ ơi rồi mẹ sẽ bán nó à
 vậy còn hai tập thơ của ba thì
 có bán không hở mẹ có ai mua
 sách của mẹ và thơ của ba không
 hở mẹ — tôi phì cười — ờ sách mẹ
 thì mẹ không biết chữ thơ thì thuở
đời nào mà bán được hở con trai —
 con trai tôi tiếp tục xuýt xoa — *ôi*
 vậy là vẫn phải nuôi thơ hả mẹ
 vậy mẹ phải làm sao bán sách thật
 nhiều vào để mà bù cho tiền in
thơ chứ — con trai bé bỏng của tôi
 đắm chiêu suy nghĩ moi óc để tìm
 phương cách cuối cùng dường như
 vô cùng hồ hởi nói — *mẹ à mẹ*
 phải tìm cách khuyến mãi hay quảng cáo
 bằng tờ rơi hay đồ vui có thưởng
 hay là mẹ in một tờ giấy to
 nhiều màu thật đẹp ghi rằng ai mua
 ba mươi cuốn sách của tôi sẽ được
 tặng miễn phí một con mèo con và
 mua sáu mươi cuốn thì sẽ được tặng
miễn phí một con mèo mẹ mẹ nhé —
 ôi đưa con trai bé bỏng của tôi
 chưa kịp lớn khôn thêm để hiểu thì
 tình cờ thấy những bưu ảnh tranh bác
 chỉ cất trong nhà — biết được ba nó
 cùng một số người khác bỏ tiền ra
 in nó lại giấy nẩy lên — *ôi mẹ*
 ơi vẫn không chỉ nuôi thơ mà còn
 phải nuôi cả tranh nữa hả mẹ ơi!
 nhưng mà lạ lùng quá đấy bây giờ
 con trai bé bỏng của tôi khi gặp

một cuốn sách trang đầu tiên nó lật
 xem lại là trang cuối in bao nhiêu
 cuốn tại đâu giấy phép xuất bản số
 mấy số đăng ký bao nhiêu in xong
 và nộp lưu chiểu ngày tháng năm - rồi
 một hôm con trai bé bỏng của tôi
 trầm ngâm tư lự đăm chiêu thì thầm
 với mẹ — con muốn in sách thì có
 được không mẹ giấy phép xin ai hở
 mẹ — *ôi con trai bé bỏng của tôi*

12 / 2003

Người Nobel Đi Qua Đời Tôi *

Đỗ Kh.

Mùa thu ở Thụy sĩ rất đẹp, ít ra là khi nhìn qua những ô kính cửa trường bay Zurich. Tôi đi lên đi xuống, sau ngày 11.9, ngay cả tại đây cũng không còn bày bán đặc sản địa phương là dao 5, 7 lưỡi loại bỏ túi Victorinox, Wenger. Dĩ nhiên là vẫn còn bày đồng hồ vì chưa ai dùng đồng hồ để cướp tàu. Bây giờ là cuối năm 2003, trong một góc một cô gái không một tác sất ngồi đọc Coetzee để giết thì giờ.

Mùa thu ở Tiệp cũng rất đẹp, nhất là khi nhìn qua những ô kính của phòng khánh tiết lâu đài Hradcany ở Praha. Tôi rà sát tường kín đáo, Đại hội Văn bút Quốc tế lần thứ gì đó vừa mới khai mạc. Vừa đến cửa hành lang, một ông nhà văn to lớn Serbia hay Hungary túm tôi lại. Tưởng là vì tội trốn ra ngoài không nghe diễn văn, nhưng ông nắm hai tay tôi là để chúc mừng. Thấy tôi ngỡ ngàng ông giải thích “Giải Nobel! Chúc mừng giải Nobel!” Tôi càng ngỡ ngàng hơn, “Chúc mừng chủ tịch của bạn vừa đoạt giải!” Tôi không hết ngỡ ngàng, đó là vào năm Kenzaburo Oe (chủ tịch Văn bút Nhật bản) đăng đàn Thụy điển.

Mùa thu ở Pháp cũng không kém ở đâu hết, trở lại cuối 2003, tôi phải lái xe lên khu Madeleine ở Paris tìm một tiệm cơm. Lòng vòng mấy cái phố một chiều, tôi đâm xầm vào trước cửa hàng Drouant. “À thì đây là chỗ ban giám khảo hàng năm công bố giải Goncourt” tôi nói với cô bạn. Năm nay phong thanh là Đối Tư Kiệt (Dai Sijie) vào chung kết, các nhà

xuất bản thương lượng với nhau thế nào, anh lại được Femina. Cô bạn tối ngày hôm đó cũng là Hoa kiều Pháp nhưng không hề nghe nói đến Đối Tư Kiệt lần nào. Cô ta gốc Triều châu, sinh ở Lào, Đối tử Kiệt gốc Tứ xuyên (?), sinh ở Trung quốc, người Hoa thì ở Pháp cũng có nhiều mà tại nguyên quán lại càng đông, làm sao biết hết được. Cô này lại không phải bạn văn mà là bạn cha cha, đúng ra là người thầy tôi đợi đến tuổi này mới có để được đi dất trên sàn (“Một, hai, ba, bốn/Hồng cũng sống sánh”) chứ thời tuổi trẻ tuổi chỉ từng được tập thao diễn cơ bản (“Một, hai, ba, bốn/Một chai bia lớn”). Tôi thêm “Dai Sijie là người Hoa thứ nhì đoạt giải Femina Pháp ** sau Francois Cheng” nhưng ông Cheng cô cũng không biết, Cheng cũng chẳng phải là Carlos Santana.

Tôi biết Đối Tư Kiệt trong môi trường điện ảnh chứ không phải trong môi trường văn học. Lần đầu gặp, tuy trao đổi với nhau bằng tiếng Pháp anh gọi tôi bằng “tiên sinh” một vẻ rất là... tàu. Có bạn tôi đi dùng cơm với một cặp vợ chồng sản xuất nhỏ, chuyên làm những phim “nghệ thuật” (nghĩa là) và ít tốn kém. Họ đang thăm dò việc bấm máy một phim truyện Pháp ở Thái lan (mùa thu ở Thái lan cho phép tôi miễn khỏi nói đến) là nơi tôi có vài kinh nghiệm và hiểu biết trong ngành. Nhân dịp này tôi lợi dụng để khuyến mãi kịch bản phim của tôi đang (và giờ vẫn còn) thuộc loại năm cha ba sản xuất. Đối Tư Kiệt, từng đoạt giải Jean Vigo *** với cuốn phim đầu tay và cũng là nơi quen biết cả, cùng đi với tôi để hỗ trợ khi cần. Ông bà sản xuất này là những người trong mấy thập niên trước đã bỏ tiền dành dụm để làm phim ch?ng ai xem của Arrabal nên câu chuyện cũng dễ trôi gi?a nh?ng ng?i i?ng chí. Được nửa bữa, họ tỏ vẻ tò mò về bàn tay cầm bút của tôi, thực ra là để nghi ngờ bàn tay cầm máy. Đối Tư Kiệt, từ đầu lầm lì, bèn thấy phải can thiệp. Anh buông một câu giết người (không dao Thụy sĩ): “Để ông bà biết, mấy nhà văn Á đông lưu vong chúng tôi, coi thì vậy, chứ... (anh quơ quơ đôi đũa),... đoạt giải Nobel lúc nào không hay!”

Tất nhiên là tôi ngưỡng chín cả người (mặc dù tôi biết nhiều bạn văn trong trường hợp này có lẽ chỉ ngưỡng có... bảy, tám). Trong khi ông bà tây này còn nghen cơm nuốt vào không nổi, tôi tìm chân của Đối Tư Kiệt dưới bàn định đá cho một cái đích đáng. Sau, đến khi tôi trách móc riêng rằng anh đã quá lời, Đối Tư Kiệt vẫn khẳng định một niềm tin sắt đá “Thì chẳng sắp sửa là gì, nhóm Tinh Tinh, Gao Xinjian...” (tôi định dịch là “mấy đứa Tinh Tinh, thằng Gao Xinjian...” nhưng tay lại chùn. Tôi chỉ có thể quả quyết là trong trường hợp này Đối Tư Kiệt không hề dùng chữ “tiên sinh” và với tôi thì anh đã đến mức có thể dịch là “ông, tôi”). Đó là lần đầu tôi nghe nói đến Cao Hành Kiện, một nhà văn Hoa kiều Pháp, có được một bản dịch 3000 bản bán mãi không hết nhờ một nhà xuất bản tí hon. Đối Tư Kiệt đề nghị “Hần (Giả, Nghi, Y, Anh ấy, Nó) ở Montreuil, tôi dẫn ông lại

chơi”. Nhà văn Việt tâm cỡ thì tôi biết có bị nhiều, lẽ gì tôi lại đến chơi hay đi chơi với nhà văn Tàu ở một xó mà khó đường tàu điện, cho nên tôi lịch sự mà từ chối. Văn chương Trung quốc tôi cũng chẳng rành sau “Kim Bình Mai”, “Hong Lâu Mộng”, và nghe nói cái ông nhà văn trên là người từng dịch Beckett (hay phóng tác, hay chịu ảnh hưởng gì đó) thì tôi lại càng khiếp. Nhưng chỉ một năm hay 18 tháng sau câu chuyện này, nếu gặp lại vợ chồng nhà sản xuất nọ, tôi cũng hết còn bĩ mặt.

Trước hết là người phát ngôn mạnh bạo trong bữa ăn đó, Đối Tư Kiệt tạm bỏ máy quay để cầm viết. Tiểu thuyết đầu của anh “Balzac và cô thợ may Trung quốc” được viết thẳng bằng tiếng Pháp và bán chạy đến nổi tràn ra cả sạp báo ở trường bay. Anh được đảm ba giải nhỏ (“Giải của các hiệu sách”) nhưng vô địch trong năm về số bán, vài ba trăm ngàn bản bìa cứng, lên TV chương trình “Apostrophes”, lật tờ Paris Match thấy chụp ảnh với mình tinh ở đoạn đầu, lật tờ Elle thấy có hình một mình ở đoạn cuối. Anh tìm ra ngay sản xuất để chuyển thể tiểu thuyết của anh thành phim truyện mà không cần nhờ đến người bạn cũ của trường Điện ảnh Bắc kinh là cô (“con nhỏ”) Cung Lợi (Gong Li) thủ hộ một vai chào hàng. Kể đến là chuyện cả thế giới đều biết, nhưng có lẽ chấn động nhất là:

a) các nhà văn Việt

b) các nhà văn Việt có bản dịch 3000 cuốn bán mãi không hết ở một nhà xuất bản tí hon

c) các nhà văn Việt có bản dịch 3000 cuốn bán mãi không hết ở một nhà xuất bản tí hon và đang sống lưu vong

d) các nhà văn Việt có bản dịch 3000 cuốn bán mãi không hết ở một nhà xuất bản tí hon và đang sống lưu vong ở một xó mà khó đường tàu điện.

Thực sự, tôi không hề có ý diễu cợt gì người mà tôi sớm chút nữa thì đã quen biết được, một cô bé lọ lem tôi tí nữa thì đã có cơ may để vỗ đùi, trước khi hoàng tử Thụy điển đưa nàng về dinh. Tôi nghĩ giải Nobel nào cũng xứng đáng, tuy hẳn là có nhiều nhà văn xứng đáng mà không được Nobel (kể không thể xiết). Sau khi Cao Hành Kiện đoạt giải, tôi có đọc tập truyện ngắn của ông và có thấy thích, tuy Linh Sơn tôi không đủ kiên nhẫn. Đây là ở cương vị cá nhân của một người đọc chứ tôi chẳng phải phê bình. Nhưng cũng như mọi người, thấy sang thì tôi cũng muốn bắt quàng làm họ, nghĩ là biết đâu sau khi nhà xuất bản tí hon nọ đã bán 1/2 triệu bản Linh Sơn bằng tiếng Pháp, tôi đến thăm ông này vẫn còn chưa trễ. Có thù tạc với tôi thì văn ông cũng chẳng kém đi, văn tôi cũng chẳng hay hơn chút nào nhưng ít ra ông này thì cô bạn người Hoa khiêu vũ tôi còn mang

ra để khoe với được. Nhân dịp gặp nhà văn cũng Hoa kiều Pháp Mã Đức Thăng (Ma Desheng) tôi bèn ngỏ ý, vu vơ kiểu “Thế nào, dạo này Cao Hành Kiện ra sao?”

Mã Đức Thăng từng là một công nhân đoạt thành tích lao động gương mẫu, xuất thân từ hàng Vệ binh đỏ. Sau đó anh bắt đầu lệch lạc tư tưởng và Tứ Nhân bang sụp đổ anh lại càng được dịp quá đà. Trong thập niên 80, anh ra nước ngoài và ở lại Pháp, tham gia nhóm Tinh Tinh của Ủy Kinh Sinh (Wei Jingshen). Tại cả Âu châu, Hoa kiều sần nhẩy như cô bạn tôi thì nhiều nhưng Hoa kiều văn nghệ thì không có mấy và là một giới thu hẹp, gần gũi trong quan hệ. Nhóm Tinh Tinh lại trội và Cao Hành Kiện tự coi mình là người thân của nhóm, có phần nể bóng của Ủy Kinh Sinh mà e thẹn, trong khi tìm sống bằng cách vợ vắn về tranh****. Tôi không được chứng kiến cái cảnh đã vĩnh viễn thuộc về quá khứ này, chỉ nghe kể lại, như nghe một cô diễn viên cũng của trường điện ảnh Bắc Kinh cùng thời với Cung Lợi cho biết “Nó là đứa đầu tiên dám mặc quần cộc ra đường.” Đùi trên của cái cô vừa phát biểu tôi còn chưa được thấy (hôm đó cô mặc quần dài và không có...cởi), nói gì đến Cung Lợi, và Mã Đức Thăng trả lời tôi rằng là “Sau khi được giải, Cao Hành Kiện cắt điện thoại, đổi nhà rồi, không còn buồn nhìn mặt một ai, đừng nói đến thằng đó nữa!”

Nói xấu người nổi tiếng đối với tôi cũng là một trò tiêu khiển nhưng tôi không có lẽ gì để nghi ngờ Mã Đức Thăng hay là cô diễn viên nọ. Trở lại mùa thu của Praha, đó cũng là năm và là nơi nhà văn người Bangladesh, Taslima Nasreen xuất hiện với hào quang của một kẻ đang bị các nhà lãnh đạo tôn giáo giáng lệnh tử hình (vì “xúc phạm đạo Hồi”). Cô Nasreen chỉ ít là một phụ nữ Hồi quả cảm, thịt đầy đà và nước da bánh mật, ăn mặc hở rốn và lòi mạng mỡ thường xuyên trước khi có phong trào này ở phương Tây, lại là bác sĩ sản phụ khoa tức là có thể cho ta nhiều hiểu biết về đàn bà. Trước mắt tôi, như vậy là cô cái gì cũng được, chỉ phải cái nổi tiếng ồn ào nhưng khó khăn này tôi cũng có thể vượt qua nếu tôi nhờ ông nhà văn Serbia hay Hungary kia dẫn lại để giới thiệu “Đây, anh này ông Kenzaburo Oe có nhắn đến gặp cô để gửi lời chào”. Nhưng trước hết, tôi làm quen với một ông nhà văn Bangladesh đồng hương của cô và đã đứng tuổi trông rất có vẻ thủ lãnh (văn đàn) để tìm cách đưa đẩy. Khi nhắc đến Taslima Nasreen (đang đứng cách đó có vài mét) thì ông thở dài mà thốt “Cô ta viết văn thì không được!” và hai ông đồng hương đứng cạnh cũng gục gặc tán thành!

Để đến ba nhà văn cùng đồng ý một lúc thì chỉ có cách là vô cùng nổi tiếng hay-và đoạt một giải thế giới đều biết! Lần chót tôi gọi điện cho Đới Tư Kiệt, chỉ gặp mấy nhần nhưng biết đầu anh đang đi đâu làm bộ phim

thứ 5 của anh. Tôi không có sổ giấy nói kín của Cao Hành Kiện nhưng nếu ông có gọi lại cho tôi thì có thể cũng chỉ gặp máy nhắn, biết đâu tôi còn đang bận đi nhảy đầm?

Ghi chú

* Diễn viên Nguyễn Long tự “Long đất” từng kể đến ca sĩ Thanh Thúy trong tập ký “Những người đàn bà đi qua đời tôi”. Trường hợp đi qua đời ông của cô này là có một tối cô đi hát ra lễ xe bên nhờ ông chở về và ông ta đồng ý chấp hành. Vốn vẹn câu chuyện chỉ có vậy.

** Giải Femina là một trong mấy giải đầu về văn học của Pháp với giải Goncourt, ra đời để “đền bù” tính cách kỳ thị nam nữ của Goncourt cũng như Medicis ra đời để chống lại tính cách bảo thủ. Femina do một ban giám khảo phụ nữ tuyển, có “Femina Pháp dành cho tác phẩm viết bằng tiếng Pháp” và “Femina ngoại quốc dành cho tác phẩm dịch.”

*** Giải điện ảnh dành cho những tác phẩm trẻ và hứa hẹn.

**** Sau Nobel, tôi có đọc họ Cao là 1 họa sĩ thủy mặc nổi tiếng và những nét phẩy trên giấy bồi này đã thể hiện văn phong của ông. May là để mưu sinh Cao Hành Kiện không làm bánh bao chứ nếu không thì Bà Cả Cần chỉ có mà đóng cửa tiệm .

Không Đứng Lại

Trần Tiến Dũng

Tôi không phải là kẻ muốn sở hữu và để lại con đường suy tư đã trưởng thành. Tôi không cầu nguyện, suy tư tôi là Đức Chúa Thanh Niên, nhưng suy tư tôi không là thầy tu không bao giờ là một chiến binh tuân lệnh và chiến đấu cho một lý tưởng nào đó. Tôi là khoảng suy tư tự do. Tôi không phải là một ai nhưng là một người có tên được người khác biết. Tôi tên: Suy Tư Sài Gòn. Một nhân vật của thi sĩ Phan Bá Thọ. Một thực thể trên trang giấy có những quan hệ nhất định: “*Tôi tha em đến tận phi châu*” em tôi: “*một chữ v chống ngược*”. Nhưng phi châu của Sài Gòn ở đâu? Nếu có thể thì bạn nên đi bộ ngược chiều đường Đồng Khởi, đến góc tay trái, ngã tư Đồng Khởi — Nguyễn Du. Những mái vòm theo kiểu Bắc Phi đang treo ở đó. Thật ra trông nó giống cái mũ cối đội trên đầu con dốc cao nhất Sài Gòn. Trước mặt là tượng Nữ Vương Hoà Bình, tôi không nhớ có lần nào bà quay mặt nhìn xuống góc đường, nơi thỉnh thoảng chúng tôi đưa nhau đến uống cà phê ở mé hiên metropolitan. Đó là Phi Châu Sài Gòn? Rõ ràng, nhưng không hẳn. Tôi muốn nói đúng ra nơi đây không phải là chỗ suy tư đến, đô thị không có mé hiên không là đô thị nhưng mé hiên không phải là đô thị. Ở đây không gia đình không quán trọ, không phải là chỗ trú ngụ của con người trong mối tương giao được cấu tạo bởi các ý nghĩa gia đình xã hội. Nơi đó đơn giản là

Tôi đã tha em tới tận phi châu
một chữ v chống ngược...

Nếu suy tư là sự ra đi, tôi là chuyến hành trình dài của thi sĩ Phan Bá Thọ. Tôi là một sự ra đi, không phải tìm một chỗ trú với chủ đích :tôi

là một người được công nhận và xum họp trong cộng đồng ngôn ngữ của nó. Và em, một chữ v chống ngược thì làm gì có chỗ xum họp ăn, nghỉ, dù là ngay trong bản chữ cái chưa ráp thành vần trong tiếng Việt; không thể tương tác để họp thành bất kỳ ý nghĩa tình cảm gì.

Dù tôi gọi là “*buổi sáng*”. Nhưng không nhất thiết đó là buổi sáng hay buổi chiều. Bắt đầu từ sự im lặng. Trên chuyến xe buýt khởi hành từ ngoại thành đi về hướng tôi phải “*tha em*” đi. Đáng lẽ chúng tôi phải xuống ở một trạm nào đó để đi vào một ngày làm việc hoặc nghỉ ngơi như mọi người Sài Gòn. Nhưng chỗ tôi xuống xe là đêm tối, một không gian “phi châu” với buồn nổi và ngấm vui nuôi dưỡng chúng tôi.

Tôi đã tha em đến tận phi châu
một chữ v chống ngược
mồ hôi nhỏ xuống từ đó như máu
những buổi sáng metropolitan
những mây và nắng ảm...

Chúng tôi không trách mình khi khờ dại chọn một nơi tối như thế. Tôi không nuối tiếc khi bỏ lại nắm vú lục bát, và em chỉ thoáng chút ngại ngần trước bụi đèn màu, chỗ ăn ngủ hồi mùi đô thị. Nhưng chúng tôi không hoài nghi.

những buổi sáng metropolitan
nhiều mây và nắng ảm...

Nhưng tôi tha em tới đây làm gì? Sài Gòn không đi như chúng ta. Bản chữ cái của đô thị này vẫn mãi si mê: chính trị, luân lý, tôn giáo... Đẳng nào thì cũng không có thơ. Đẳng nào thì nó cũng đã vứt bỏ mối tình với những con đường biểu lộ những ngõ hẻm gọi lời của văn học nói chung. Nhưng chẳng lẽ Thơ chết! A không, sống đấy! Nhưng đẳng nào thì cũng không có chỗ cho thứ thơ mà **Rimbaud** “*mồ hôi nhỏ xuống từ đó như máu*”. Thứ máu bừng sáng: “...Tôi phát minh ra màu sắc những nguyên âm! A đen, E trắng, I đỏ, O xanh, U lục. Tôi điều chỉnh hình thể và vận động của từng phụ âm, và với những nhịp điệu của bản năng, tôi nghĩ mình phát minh một ngôn từ thì ca một ngày nào đó có thể đạt tới mọi ý nghĩa...” Cho dù trong sự đọc của xứ sở này em đang là chữ v lật úp đánh đổ đến giọt cuối cùng mồ hôi và máu của mình tôi vẫn mang em đi khỏi cái những cái đạo đức, triết lý...những cái xác từ chối phục sinh. Tôi phải chống ngược!

nhưng chỉ trong cái toa lét bé nhỏ
dơ dáy của xứ sở này...

Dù chưa từng nghe thấy người nào chống ngược mà có thể sống, tôi

vẫn tin.

nơi, tôi đã ngàn lần với em
nơi, tôi nhìn thấy em rõ nhất...

Như thế đã hẳn! Khi chúng tôi đưa nhau đi theo cách của chúng tôi, thì chúng tôi đã ở vào hoàn cảnh của con người nguyên thủy chưa từng có các tương giao xã hội. Chúng tôi đã ở vào tình cảnh mất nhìn về hướng xa kia! Không nơi ý nghĩ yên ổn, không được cấp phép tham dự sinh hoạt cộng đồng ngôn ngữ của đô thị này, xứ sở này. Đã hẳn nhờ như thế! mà sự thức tỉnh tiếp tục và thơ tiếp tục sinh.

nơi, tôi phải luôn áp bụng với cái lịch
sử xộc xệch của cả một gia[đân] tộc
một cái gì động dậy dưới rốn...

Trời bắt đầu đi vào tối. Ở đô thị này chỉ những hàng cây và “*một cái gì động dậy dưới rốn*” là biết cách đi qua đêm tối. Tên tôi là: Suy Tư Sài Gòn. Không một lời chúc tụng. Tôi bỏ rơi thi sĩ Phan Bá Thọ ở đâu đó, một sự rời bỏ tự nhiên. Này! Chữ v chống ngược, em và tôi, không biết ai trong chúng ta là quái thai thuần khiết? Và tôi hét lớn: chúng ta là quái thai!

Tôi không còn muốn tiếp tục kể câu chuyện: *Trú ẩn và Thơ*. Tôi đang quan sát tôi bắt vào nhịp suy tư:* “...Tôi làm quen với hoang tưởng giản dị, tôi không ngần ngại trông thấy đền thờ nơi nhà máy, một trường dạy đánh trống do thiên thần dựng nên, những cỗ xe ngựa trên các nẻo đường trời, một phòng khách dưới đáy hồ...” và em, chữ v của tôi lúc nào cũng chống ngược. Chính đó là quái thai thuần khiết sinh ra để ra đi với thơ. Tên mới của tôi hôm nay là: Vương Huy Hồng Minh Thúy Hằng Lynch Bacardi Bùi Chát Khúc Duy Lý Đợi Nguyễn Quán... Phan Bá Thọ... tên tôi là một con đường Sài Gòn không đứng lại. Hôm nay tôi đã biết chào đón cái đẹp

N h o n h ỏ
Không kham nổi.

1* Thơ **Arthur Rimbaud**.

2. Những chữ in nghiêng: *thơ Phan Bá Thọ*

NGUYỄN VĂN THỨC

THỜI CỦA MÌNH

Đã bao nhiêu lần
tự hỏi
hôm nay
có ai khoác lên thơ
vòng nguyệt quế

không
không ai cả
thời của mình như thế

và cũng có
ai đó
lạ lắm
khoác lên thơ vòng nguyệt quế buồn đời
tưởng như là
mặc áo giấy cho nhau.

NGUYỄN DANH LAM

ĐÊM

Sắc đèn vàng nhầy
Không khí ngột cổ
Tôi nặng nề bò qua những đêm tối không ai
Căn phòng co mình một đốm sáng hoảng sợ
Vũ trụ mênh mông lạnh đến gai người

Tôi từ chối những lỗ thông gió
Sợ hơi đêm và bóng tối ập vào
Tôi bưng mình một vũng sáng nhỏ
Tôi co hồn xuống hun hút đáy sâu

Tôi nhắm mắt thử đẩy một cánh cửa
Mì đào thoát ư?
Tôi co người chờ một cú đánh
Thét lên khi mở mắt ra chỉ nhìn thấy mơ hồ

Tôi không dám xoay lưng về một phía nào hết
Sau gáy tôi hơi lạnh cứ sờ vào
Tôi hốt hoảng lao cuống về mọi góc
Sáu mặt căn phòng bưng lấy tiếng tôi kêu

Và từng đêm những tiếng la bóp cổ
Từ miệng tôi vẫn phụt qua kẽ tay của bóng tối vô hình
Đêm lại bắt tôi xóa đi những vết nhầy loang đỏ
Làm những tiếng thở dài

Vô tri

Nhấn nạy

Chìm về phía mênh mông...

MAI VĂN PHẤN

ĐẤT MỞ

Cuộn chảy
trong tiếng gào những dải phù du
đáy sông quận thất chưa hết sáng
hoàng hôn ngậm chặt ánh ngày
lửa co giật
sục sôi mằm nộ
đỉnh cây ngùn ngụt bốc cao

Căng ngang trời cánh chim
cho ngử nghĩa trị vì mặt đất
nơi mặt gió gấp đỉnh đồi cúi gục
hang tối phà bí ẩn với sương mai
ao chuôm tìm hướng lên trời
dòng sông vừa chảy
vừa sinh nở

Vòng tay sóng khỏa rộng
nô đùa bông bột trẻ thơ
mặt nước bỗng thành phế tích
Em dựng lại mặt trời đã vỡ

Trôi ...

Trôi qua vô cơ lặng im
ngọn bắc cạn
muội dầu trắng troi
thoảng nghe thang thuốc phân trần...

Bông hoa mở
bùng vỡ những khoảng đất rộng.

ĐỒ QUYÊN

5.15

— Cầm mấy đám mây cho vào túi áo thấy chật chật.

— Mở rộng ra! A, túi hồng có buổi chiều. Chật chật bằng quai guốc Đặng Đình Hưng hông?

— Hối hoài! Coi chừng rớt cái lưới người tình mang áo số 4 than hoài chưa trả tiền bao tháng rồi.

— Cắt lẹ đám mây vàng kia bằng chủ nghĩa tâm nội dung đi mây!

— Hối hoài! Mấy giờ thì trời về? Ủa, chủ nghĩa này không thấy đề giá?

— Tao đâu là cái *laptop* biết đề ra sự đối thoại giữa đối và thoại.

— Chào thua! Kiểm dùm tắc-xi chở đối, thoại và mây về lưới. Chật quá thì lấy quai guốc nhà Đặng ra đo.

— Chào và đòi trời dùm tao cái đất.

Trích trường ca *Ba người nữ một mùa thu*.
Vancouver, 11-2003

5.10

Cuối tháng ra mắt sách? Ờ. Mà còn chờ. Phải định nghĩa lại thế nào là Sách. Định nghĩa lại Ra mắt. Cuối tháng? Trong ba định nghĩa lại này cái nào là bố cái nào? Cái nào con, cháu? Cái nào đáng được định nghĩa lại trước tiên (Chắc gì bố đáng hơn con?) trong khi chưa đủ tài trợ cho việc định nghĩa lại. Cái nào không chịu được định nghĩa lại. (Định nghĩa lại xong là tắc tử, chẳng hạn. Phí tiền tài định nghĩa lại, lại còn can tội gây án chữ). Cái nào định nghĩa lại là phạm luật. (Luật rừng hay luật vườn, đại khái thế, nhưng phải là luật chữ). Cái nào định nghĩa lại thì dính *virus*. Coi chừng vụ lây lan thuần túy kỹ thuật này: bằng không tất cả các định nghĩa lại trước ba cái định nghĩa lại này sẽ phải tái định nghĩa lại hết). Cũng cần kiểm tra kỹ cả ba định nghĩa lại đó cái nào thật giả. Cái nào mất phẩm chất (Lý lịch kém, không phải kiểu lý lịch ba đời mà kiểu như *bad credit*)? Liệu có cái nào đã từng được định nghĩa lại ở nơi khác chưa? (Nếu có, điều tra cẩn trọng nơi chốn và tác giả đã làm việc định nghĩa lại này). Cũng có thể có cái cần định nghĩa lại có khả năng tự định nghĩa lại? Có cái nào trong hoàn cảnh cụ thể này không cần định nghĩa lại? Và, sau khi định nghĩa lại nó có thể tồn tại với hai cái định nghĩa lại kia không? Vân vân và vân vân rồi vân vân. Tất nhiên, như mọi lần định nghĩa lại trước đây, phải làm việc trước tiên là định nghĩa lại thế nào là định nghĩa lại. (Nhớ: không cần định nghĩa lại thế nào là định nghĩa, vì khái niệm định nghĩa vốn rất cơ bản). Cuối tháng ra mắt sách. Ờ. Mà còn chờ. Phải định nghĩa lại...

Trích trường ca *Ba người nữ một mùa thu*.
Vancouver, 11-2003

5.16

Khăn ăn nơi bàn ăn rơi xuống
đất hôm đó dính đất dưới bàn
ăn. Lẩu đồ biển Thái và bia
Đức hôm đó ở nhà hàng Việt

Nam. Bàn ăn hôm đó năm người
lớn, trẻ em ăn chung dễ sinh
chuyện hiểu lầm. Rơi khăn chuyện nhỏ
mà thành chuyện lớn khi quanh bàn

chỉ là toàn người lớn Việt ăn
bằng khăn ăn. Đất dưới bàn ăn
là đất Mỹ. Đất Mỹ cũng không
ăn được dính vào khăn ăn hay

không dính khăn ăn. Gái Mỹ ăn
được hay không dù dính hay không
dính không phải là chuyện quanh bàn
ăn hôm đó đang có chuyện khăn

ăn. Cái khăn không rơi xuống từ
đùi khép kín nữ thực khách chưa
chồng trong khi mãi ăn với khăn
ăn. Không từ cánh tay run xù

xù ểnh ểnh nơi lão nam thực
khách ổng vừa đi du lịch Việt
Nam về. Càng không là từ bàn
tay bồi vợ tiền tip nơi

bàn. Cái khăn rơi không là *chiếc*
khăn piêu thêu chỉ hồng bị gió
cuốn bay về quận Cam mà là
khăn ăn trắng không chỉ hồng không

bị gió cuốn bay về dưới đất
đính đất dưới bàn ăn. Khó biết
duyên do khăn ăn rơi ngoài định
luật hấp dẫn (trái) đất và khăn

ăn. Người viết không phải là thực
khách không là bồi không là khăn
ăn không là đất Mỹ không là
gái Mỹ. Là vật lý gia đại

thất nghiệp dính đất Việt đây mình.

Trích trường ca *Ba người nữ một mùa thu*.
Vancouver, 11-2003

TRIỆU TỪ TRUYỀN

XUÂN PHÙ SA

xuân xanh đồng hành với dòng sông băng tan
em dòng nước đầu nguồn trôi về nam
mang theo dung nham đỏ hồng ngày ấy
cấp cứu một châu thổ lụi tàn
anh tái sinh với phù sa

có thời điểm mùa xuân đi qua
không còn dòng nước chảy
không còn đàn hồng hạc trốn tuyết trở về
anh lặng ngắm em xuôi dòng
trạm tốc hành, bị xoá sạch không gian
anh hết chỗ cho em dừng
em dừng bịn rịn
đi ở đâu không xong
anh tự xoay quanh mình ngôi sao đang co rút
vùng châu thổ hoá sa mạc
em nhanh lên về nơi nao à
thoát khỏi sức hút bạo tàn của lỗ đen thân phận
vì mùa xuân không chết bao giờ
hỡi em phù sa trong dòng sông băng tan

Cần Thơ, 12/2002

THANH XUÂN

VẬN HỘI

Trong bờ ngõ tâm hồn ngày còn lại của năm
Hạt bụi ta em đánh rơi cùng cái lốc lịch trở trời
Đếm giấc ta say từ cái ký ức ảo vọng ngày hôm qua
Luyến tiếc nụ hôn vờ vĩnh

Đêm tắt nập ồn ào bỗng im bất tiếng cười
Dòng tự sự thình không rơi loãng
Em đâu, nơi nào
Chôn chặt tận lòng xót xa vòng tay ôm em không phải tay tôi
Tháng tháng ngày ngày ta xé từng tờ lịch
Xếp cẩn thận tự hào ngày có em càng nhiều hơn dự kiến
Cái chặn giấy nặng trĩu không đủ ngăn những tờ lịch cũ
Bay
Rơi
Chạm đáy ngày thứ nhất
Cách ngày cuối cùng một không gian thời gian nào đó
Không dài không ngắn
Đì đùng tiếng chân chạy tiếng gọi ngày cuối cùng
Bắt đầu bằng cái chặn giấy thô kệch cho một dự trừ mới
Cuối năm xác xơ tờ lịch đầu tiên

TRẦN TIẾN DŨNG

ĐI MÌNH KHÔNG

Vì sao chim chạm mỏ vào màu
đen. Đứa đầu lòng chị tôi đẻ:
Cục đá Quảng Nam có đôi mắt
đẹp. “Anh chỉ mới trả giá tới
bắp vế em”. Đường phố không vắng,
tiếng người ồn đi dòm đàn bà
tắm. Tiếng ồn mãi mê đắm trong
háng mùi hoa quỳnh, tháng ba nở,
đường phố vắng. Cục đá đứng bán
xăng. Sài Gòn màu bạc. Ba gã
chết ở ngã tư, tín hiệu đèn
lừa nước chảy. Đêm trắng đục, cánh
tay trắng nâng cu ai? Đứa đầu
lòng chị tôi đẻ, nhìn coi này!
màu mắt của ngựa hoang. Đường Sài
Gòn mở mười triệu luồng xe, một
luồng ngựa chạy rải sâu nhíp ghi-ta.
Tự do cho những ai khoác vai
cục đá rời quán rượu. Tự do
cho con chim bay theo ngựa xuyên
qua vũng nước. “Anh trả hai trăm
mua dùm lông giống cái. Còn mưa
nách, suốt tròn, mùi máu, mùi muối
em bán hết để chơi tới bến,
rồi đi mình không. Tới nơi không
mấy ai tới được. Tự do chỉ
có trong mồ hôi háng con người”.
Đường phố vắng, đường phố không vắng

VẠN GIẢ

THANH TÂN

Bỏ lại sau lưng khoảng
thời gian khi ta có
nhau bên cạnh để cảm
nhận lời nói ngọt ngào
và chia sẻ mơ ước cùng
nhau. Chuyện tình đôi ta
là một đời trắng mật
nên hai con tim luôn
thanh xuân trong khắng khít
buộc ràng...

MÙA XUÂN VÀ EM

Ta vẫn còn nhau trong
tưởng chừng mất biệt. Tình
rạng rỡ reo vui nư
mạch sống đang xuân. Anh
gửi đến em một tấm
lòng tha thiết xin em
cất giữ giữ trong đáy
trái tim em...

LẶNG LẼ

Vầng trăng lặng lẽ đi
về theo một chu kỳ
nhất định. Còn em lặng
lẽ nơi nào trên những
nhánh đời phiêu bạt riêng
tây. Chỉ có anh lặng
lẽ nơi này ủ mở
thời gian vô vọng giữa
vũng không gian xám để
mặc niệm dòng đời lặng
lẽ trôi xuôi nhưng vẫn
cố tình bỏ lại những
dấu mốc của sự chia
lìa khúc mắc lẫn nghiệt oan...

ĐỨC PHỔ

NGÀY XUÂN YÊU DẤU...

Ngày Xuân nhìn em như nhìn tình
treo tranh. Mắt em xanh và tóc
em xanh dâng vui hồn anh, ngời
nụ cười xinh đôi môi hồng hoang

chờ nụ tình thơm tho về đậu
buổi sớm mai chim hót chim ca
lồng em cửa mở, mở cửa buồn
tìm... lời mật rót nhau men mùa

yêu dấu... Xuân đã về... em về...
Ngày Xuân nhìn em nhìn chẳng thấy
chán, môi mắt hồn nhiên tươi nắng
ban mai... Ngôi trời tình khỏi cháy

rực ngọn tình treo trăm nỗi nhớ
tro than dẫu bể dập vùi, ngày
traí trắng ngày hồng hào ngày nhan
sắc ngày hóa thân ngày diên đại

ngày tình si ngày dành cho nhau
tuyệt diệu... Xuân đã về... tình về...
Ngày Xuân nhìn em nhìn mỗi tình
anh nhìn mòn con mắt sầu dâng

kín đời kín tuổi... mai xanh mờ
ân ái náu tình thiên thu chẳng
kịp lời biển hẹn non thê bồi
sông lở núi... Xuân này tuyết sương!

TÔI CHÁN TÔI RỒI...

1.

Tôi chán tôi nhất là những lúc
không buồn không vui không chi hết
mấy bữa nay đọc tới đọc lui
mấy tờ báo cũ mong gặp được
bài hay bài mới vậy mà đọc
lui đọc tới ngày dài đêm thâu
vẫn gặp những bài không hay không
dở không cũ không mới không chi

2.

hết... thiệt tình tôi chán tôi nhất
vì tôi thích có được nỗi buồn
thiệt là buồn buồn rã ruột buồn
da diết buồn diệu vợi buồn miên
man buồn không thể bão hòa buồn
hơn chó ốm buồn như người già
cô đơn đi tìm bồ nhí vậy
mà tôi vẫn buồn khơi khơi buồn
không ra buồn... thiệt tình tôi chán

3.

tôi nhất là tôi không thể nào
vui được trọn vẹn niềm vui dường
như chẳng có niềm vui nào trên
trời dưới biển trong nhà ngoài phố
trên dương gian dưới địa phủ từ
người chưa quen từ người thân kẻ
sơ từ hàng xóm từ người chung
sở... dành cho tôi cả cho nên
tôi thường vui ké vui lây vui
gượng tham gia vui với niềm vui
của người vậy là tôi được tiếng
ham vui bất cần thân thể vui
xả lảng sáng về sớm... thiệt tình

4.

có lần nghe người ta bảo nước
trong để uống nước đục lóng phèn
còn uống được thứ nước lợn cợn
nuốt hồng trôi... tôi ngấm lại mình
phải chăng lòng tôi chẳng trong chẳng
đục(?)! Và tôi đã chán tôi rồi...

HOẠT CẢNH...

Tôi đã gặp những chiếc hũ
chìm lặn trên đường phố sài
gòn, những chiếc hũ chìm lặn
cùng với những chiếc xe dream
nhật bốn trung quốc hàn quốc
xe đạp xích lô đạp xích
lô máy... có chiếc tự lặn...

Những chiếc hũ chìm lặn cùng
với bụi với rác với mảnh
mung chôm chĩa với nhân tình
với bè bạn với niềm vui
với nỗi buồn với sự thoải
mái cởi bỏ lột xác sau
một ngày lao động trí não
lao động tay chân sau một
ngày tầm phào bằng an vô
sự không có việc chi làm...

Dường như mỗi chiếc hũ chìm
đều mang theo mình một tâm
sự đôi khi giống nhau đôi
khi khác nhau có những tâm
sự vui cũng có những tâm
sự buồn có những tâm sự
vui buồn lẫn lộn lại có
những tâm sự không vui không
buồn chi... nên chi mỗi chiếc
hũ chìm đều lặn mỗi kiểu
đôi khi giống nhau đôi khi
khác nhau có chiếc lặn bên
này lặn bên kia có chiếc
lặn chậm rù rù có chiếc
lặn bạt mạng bất kể sống
chết què tay gãy chân thôi
thì sống chết mặc bây mặc
ta... nhằm nhò chi ba chuyện
lẽ tẻ cứ lai rai ba
sợi xả lảng sáng lại lặn...

NGUYỄN HÀ TUỆ

MÙA XUÂN LÁ RỤNG

Tưởng niệm TTH

Người đi áo trắng mờ sương khói
Phố chiều ngơ ngác một liềm trăng
Hoang mang trời đất nhàu tâm tưởng
Lá rụng đều hiu hạt bụi vàng

Bước tới nhìn nhau . chiều chẳng nói
Bếp tàn còn ấm chút tro than
Giá lạnh vai gầy run tiếng thở
Nhịp đời lạc lõng không âm vang

Ngày tháng trôi nhòa sa mạc trắng
Trống rỗng đời đi như sói hoang
Nỗi sầu hú gọi vào đêm thắm
Và lũ thú về một góc hang

U uẩn vầng trăng trên núi lạnh
Sống hững hờ trong cõi mộng du
Những câu hỏi không bao giờ đáp
Những niềm đau không giải bao giờ

Tôi sống thay người trong gió hoảnh
Lá rụng tới bởi ai tiếc thương
Một nắm mộ xa ngàn nắm mộ
Kết một vòng hoa gửi hồn mang

NGUYỄN PHƯỚC BẢO TIÊN

THƯ KHÔNG NGÀY THÁNG

Có những lá thư không ngày tháng,
có những nỗi buồn không có tên,
có những cung đàn cứ rung mãi
một điệu sầu, có những đêm thao
thức, có những sáng một mình, mà
phải nghe lời chim tình tự, có
những chiều gió, lồng lộng, tóc em
bay trong trí tưởng, có những đêm
trắng, và biết, là sẽ có em
và ta, cùng nhìn trăng, và
cùng nhớ đến, nhau.

NỬA ĐÊM

Gió, trăng, tràn vào phòng anh se lạnh.
Đêm, và anh lặng lẽ bên nhau. Dĩ
vãng và em, buồn, cũng lặng lẽ bên
anh. Những con bồ câu trở mình trên
mái ngói. Và lòng anh trở giấc mơ xưa.

NGUYỆT

Em mong manh như liễu rũ, ngày
trôi qua, và năm tháng trôi qua...
Nhưng sao em không trôi đi. Những

tưởng tất bật cuộc đời, sẽ làm
mờ đi nụ cười em, xa lắc. Vậy
mà không em ơi, trăng cùng nguyệt

tận, trăng nửa vầng, nụ cười em
nửa miệng. Trăng tròn nhớ ngực em
thanh tân. Rất tròn, em ơi, rất
tròn trong trí tưởng...

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

BÀI CHO NGƯỜI

“Hãy đến, hãy đến bên anh, buồn phiền đang vây anh chặt ngát” — “Em không thuộc trần gian này, không thuộc không gian anh đang sống, hãy thuần dưỡng em, nếu anh muốn... Với em, anh chỉ là một, trong muôn muôn vạn người đi ngang qua đời em. Với anh, em chỉ là một loài thụ tạo trong muôn muôn vạn loài thụ tạo dưới vòm trời này, nhưng nếu anh thuần hóa em, ta sẽ là cần thiết của nhau. Anh sẽ là, em sẽ là, duy nhất của nhau...” — “Ồ... anh đã hiểu. Có một đóa hoa, anh nghĩ, đã thuần dưỡng anh...” — “Mọi sự chẳng có gì hoàn hảo... chẳng có gì tuyệt đối. Cuộc đời, ôi chỉ là nhàm chán, nhưng nếu anh thuần hóa em, cuộc đời sẽ sáng lạn ra, như mặt trời sẽ làm ấm lại vạn vật... Và bước chân anh, sẽ khác với muôn vạn bước chân, những bước chân tàn ác chỉ làm em, vội vã lẫn trốn, dưới những nắm mồ em xây sẵn cho em... Anh sẽ gọi tên em, phải không... tiếng anh sẽ như nhã nhạc, em biết thế.” — “Và cuối chân trời kia, là những cánh đồng lúa mì... Em không cần

bánh mì, hình như em chỉ ăn sừng,
 sống để chờ đợi anh, hình như là
 anh... sẽ đến một ngày nào đó... bước
 vào đời em, thuần dưỡng em... Và cánh
 đồng lúa mì kia là vô nghĩa. Nhưng
 mà anh ơi, nó đã trở thành vô
 giá, vì anh đã nhìn nó . Rồi mãi
 mãi về sau, những cánh đồng lúa mì
 sẽ làm em nhớ anh, nhớ màu tóc
 anh phất phơ trong gió một chiều nào...
 Hãy thuần hóa em, thuần hóa em anh nhé!

“Loại người thì không muốn mất thì giờ
 để nhìn sâu trong mắt nhau, để nhìn
 vào cõi lòng nhau... Họ thích thu góp,
 sắm sửa... Họ thích mua những thứ làm
 sẵn, ngoài chợ búa, nơi những người lái
 buôn. Ôi những người lái buôn đầy giấy
 trên trái đất này... họ buôn danh buôn
 lợi, buôn vợ buôn chồng, buôn người sống,
 xác chết... nhưng không có người lái buôn
 nào chuyên bán những bạn thiết, nên anh
 ơi, hãy thuần dưỡng em, không có lấy
 một người bạn thiết trong đời, bất hạnh
 biết bao...” — “Nói cho anh nghe, phải làm
 sao để thuần dưỡng được em” — “Thoạt tiên,
 hãy kiên nhẫn, hãy ngồi hơi xa em
 một chút, trên thảm cỏ này, như thế
 đó, em sẽ nhìn anh rất khẽ, qua
 khước mắt em... và đừng nói gì cả,
 ngôn ngữ đôi lúc cũng bất lực, nhưng
 mỗi ngày qua, anh sẽ ngồi gần em
 hơn, gần em hơn một chút....

“Ồ, cảm ơn anh đã trở đã trở
 lại. nhưng đừng đến bất ngờ như thế.
 Hãy trở lại vào giờ của hôm trước...
 để vài khắc trước đó, em sẽ có
 những phút xôn xao chờ đợi, sẽ nghe
 được tiếng nhả nhạc của bước chân anh
 từ bên kia bờ tâm tưởng, rồi giờ

khắc càng gần, nỗi hoan lạc của em
 sẽ dâng lên, dâng lên... Và anh đến,
 hạnh phúc em òa vỡ... Em sẽ khám
 phá được ý nghĩa vô ngần của phù
 du mệnh mộng hạnh phúc... Nhưng nếu anh
 đến bất kể lúc nào, sợ cõi lòng
 em không kịp vận y phục cho điễm
 lệ để đón anh. Cũng cần có những
 nghi lễ thơ mộng phải không anh. Nghi
 lễ thơ mộng làm cho một ngày khác
 mọi ngày, một giờ khác mọi giờ...” — “Ừ,
 thì thế, anh sẽ thuần hóa em...” — “Và
 giờ chia tay.” — “Anh ơi, sợ e em
 sẽ khóc” — “Tại em, anh đã bảo... Anh
 không bao giờ muốn làm em buồn khổ...”
 “Vâng, em biết,” — “Thế thì sao lại khóc”
 “Em không biết... nhưng mà em chịu đánh
 đổi một đời buồn hiu hắt, để có
 một buổi chiều, trên thảm cỏ này. Với
 anh... Cho em đổi những nước mắt, lấy
 một lần, một lần thôi, nghe tim em
 đập sai nhịp. Nghèo nàn biết mấy, khi
 một đời, vẫn nhìn mà không thấy được
 màu vàng óng ả của cánh đồng lúa
 mì, vẫn nghe tim mình đập đều đặn,
 những nhịp đập vô vị, và hết một
 đời, vẫn những nhịp đập vô vị. Rồi
 thì ra đi, mất hút dấu, trên cái
 trần gian vô vị này...”

“Phóng tác từ chương 21 tác phẩm
 ”The Little Pince, của Saint Exupery”

Cao Bá Minh

Huỳnh Hữu Ủy

Ở bên trên, chúng tôi vừa đề cập đến các họa sĩ và điêu khắc gia tụ tập chung quanh *Hội Họa Sĩ Trẻ*. *Hội Họa Sĩ Trẻ* tập trung những khuôn mặt tiên phong của nền nghệ thuật mới, nhưng chúng ta cũng có những nhà tạo hình khác ngoài hội này, mà hoạt động nghệ thuật của họ thì cũng phát triển trong nhịp chuyển động chung, với nhu cầu và khao khát đến với cái mới thật mạnh mẽ, thật dữ dội, nghĩa là rất gần với các thành viên của *Hội Họa Sĩ Trẻ*. Cao Bá Minh là một trong những nhà tạo hình đó.

Cao Bá Minh sinh năm 1942 ở Hải Dương, Bắc Việt, là một họa sĩ tự học, không qua trường lớp mỹ thuật nào. Theo mấy dòng ghi tiểu sử ngắn ngủi (chỉ 36 chữ, viết thành 4 dòng) trong sách *20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại 1975-1995* do nhà Đại Nam xuất bản năm 1995, anh là một họa sĩ sống thuần túy bằng nghề hội họa, chỉ bằng hội họa và không còn việc gì khác. Đây là một điểm đáng chú ý và khá thú vị vì một người nghệ sĩ theo đuổi nghề hội họa và sống được bằng nghề này cũng là chuyện hiếm hoi và không phải dễ dàng gì trên vùng đất mới giàu có, hùng mạnh mà chông gai này.

Cao Bá Minh thường có khuynh hướng siêu thực trong cách nhìn về đường nét và hình tượng. Anh cũng vẽ vô số tranh trừu tượng. Hội họa của Cao Bá Minh là một tổng hợp và pha trộn giữa hai cách nhìn trừu tượng và siêu thực. Cách nhìn, thủ pháp và bút pháp ấy đã theo đuổi anh gần 35 năm nay. Cuộc triển lãm đầu tiên của anh bày ở Phòng Thông Tin Hoa Kỳ năm 1969 ở Đà Nẵng. Sau đó từ năm 1970 đến 75, bày tranh nhiều lần ở Đà Nẵng, Sài Gòn, Cần thơ, và Đà Lạt. Trong năm 73, ba cuộc triển lãm liên tục được tổ chức: 1) Từ ngày 4 đến ngày 10 tháng 5 ở Hội Việt Mỹ Sài Gòn, 2) Từ 26 tháng 8 đến 1 tháng 9 ở Hội Việt-Mỹ Cần thơ, 3) Từ 8 đến 14 tháng 11 ở Trung Tâm Văn Hóa Pháp (Institut Francaise) trên đường Đồng Đất Sài Gòn. Năm 1975, Cao Bá Minh bày tranh chung với họa sĩ người Đức Horst Janssen ở Goethe Institute. Cũng như Nguyễn Quỳnh, anh là họa sĩ được trung tâm văn hóa này rất trân trọng.

Sau ngày định cư ở Mỹ vào tháng 4 năm 1991, Cao Bá Minh đã có dịp bày tranh ở trường Truman College, Chicago, Illinois, ở Orientations Gallery và The Campagna Center của thành phố Alexandria, Virginia, và ở Nhà Bảo Tàng Nghệ Thuật Chicago, Illinois.

Có lẽ cũng nên nhắc đến vài cuộc triển lãm tập thể khác mà Cao Bá Minh đã góp phần tham gia. Triển lãm chung với Janet Cooling ở Beacon Street Gallery, Chicago, Illinois năm 1994, triển lãm ở Nhà Bảo Tàng Nghệ Thuật Cựu Chiến Binh Việt Nam ở Chicago năm 1995, triển lãm do Hội Đồng Nghệ Thuật hạt Fairfax (Arts Council Fairfax County) tổ chức ở Fairfax, Virginia năm 1996; triển lãm ở hành lang Ngân Hàng Thế Giới (The World Bank), Washington D.C., là cuộc họp mặt của nhiều nghệ sĩ có gốc gác từ khắp thế giới vào năm 1996. Triển lãm với năm nghệ sĩ Á Châu khác với tên gọi *Những Hình ảnh từ một thế giới khác* (Images from another world) tổ chức ở A Touch of Art Gallery, Alexandria, từ 25 tháng 11 đến 28 tháng 12, 1996.

Hiện nay sống ở nam California, đã có dịp bày tranh ở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (The Vietnamese American Arts and Letters Association, VAALA), cũng như đã tham gia những cuộc triển lãm tập thể khác ở phòng triển lãm Nhật báo Người Việt, Nhật báo Viễn Đông, và Nhà Bảo Tàng Old Court House Museum ở Quận Cam.

Cao Bá Minh rất quý trọng thế giới tinh thần và nghệ thuật mà mình sống và theo đuổi. Ngoài vẽ tranh, anh còn làm thơ. Đọc thơ Cao Bá Minh chúng ta dễ nhận ra được ngay điều đó; và đọc thơ Cao Bá Minh cũng giúp chúng ta tiến vào vương quốc nghệ thuật với những đền đài thiêng liêng của anh dễ dàng hơn:

Tác phẩm của tôi là tôn giáo của tôi
Nó mang dấu vết cuộc đời
Nó là những bức phá trào dâng những mạch nguồn đổi mới
Nó bay về muôn hướng và đậu ở muôn nơi.
Cởi bỏ mọi lễ thói gông cùm tôi bay vào ánh sáng

Chúng ta thử đọc thêm một bài thơ khác nữa của Cao Bá Minh:

Tặng Em Ánh Sáng

Anh tặng em một món quà
Đơn giản như cơm và bánh
Đó là lòng chân thật
Như hoa nở giữa sỏi đá hoa bụi đất bờ
Anh vẫn nghĩ lòng chân thật quý hơn mọi điều thế gian sẵn có
Nó chính là cánh cửa mở giữa ánh sáng

Không phải sự ốm ở
 Thơ mộng với anh vẫn là điều kỳ diệu
 Ở những khoảnh khắc hoang vu
 Những nỗi bi thương cuộc đời
 Những vết hằn trên lưng kẻ già
 Và những đau đớn trong đôi mắt bọn trẻ

Cao Bá Minh, bằng lòng chân thật, đi đến với cuộc đời, góp phần làm đẹp cuộc đời bằng một thứ ánh sáng đặc biệt của tâm tưởng riêng tư, rọi sáng trên chữ nghĩa, trên đường nét và những mảng màu rực rỡ mà đã trầm lắng.

Những chân dung người của Cao Bá Minh có thể mọc ra nhiều con mắt, để có thể nhìn ra được nhiều góc cạnh của cuộc đời, của thế giới, mà cũng có thể là để nhìn rõ vào nội tâm sâu xa và ẩn khuất của chính mình. Nhưng không phải là tháo gỡ thế giới bên trong của nhân vật thành nhiều mảng, một thứ phân tích cấu trúc như hội họa lập thể, mà nhẹ nhàng và thơ mộng hơn, là những con mắt siêu thực nhìn ra muôn hướng. Nơi những ghi chép trong sổ tay riêng của họa sĩ, chúng ta có thể gặp những con mắt ấy ở bất cứ vị trí nào, đặc biệt có những *con mắt bay lên ở đường chân trời* để nhìn vào cõi đời vô hạn, vũ trụ không cùng. *Con mắt trong hội họa Cao Bá Minh* là một ký hiệu của riêng anh. Trong cảnh huống nào, chúng ta cũng nhận ra ngay ký hiệu ấy, cho dù đó là một con mắt mọc cao ở đỉnh trán, nhìn xoáy vào một cách bí ẩn và hơi điên dại, trên một điểm nào đó, của *người phụ nữ trẻ* sống sót qua một thời kỳ đầy ác mộng và hung bạo. Cũng cần biết: bức sơn dầu *Người Phụ Nữ Trẻ (the Young Woman)* này đã gây được nhiều chú ý khi trưng bày trong cuộc triển lãm do *Rockefeller Institute on Violence and Culture* tổ chức, với Dự Án Nghệ Thuật về Kinh Nghiệm Sống Sót qua các nền văn hóa, vào năm 1996-97 ở Charlottesville, Virginia.

Cũng là đôi mắt, ở một nơi khác, lại hết sức ảm đạm, buồn rầu, trên khuôn mặt như muốn rạn vỡ thành hai mảng. Khuôn mặt ấy, đỏ như màu đất nung, không phải là chân dung người đàn ông hóa thạch, mà là một khối thể rất thô, nổi bật trên nền xanh tím, và một vết sơn đen chạy theo đường sống mũi, từ trán xuống môi trên, gây nên cảm giác và ấn tượng về một sự rạn nứt. Đó là chân dung người lính đã từng tham chiến thời trước, trở về sau cuộc chiến, đang trầm tư về cuộc đời và chính mình, về những xung đột và nứt rạn nội tâm. *Chân dung của một người lính sau chiến tranh (Portrait of a Soldier After War)* vẽ năm 1993, hiện thuộc bộ sưu tập của *Nhà Bảo Tàng Cựu Chiến Binh Việt Nam* ở Chicago. Bức tranh này hiện nay được treo thường xuyên ở Nhà Bảo Tàng đặc biệt về chiến tranh Việt Nam ở Chicago, Illinois, cũng là một tấm kiếng để chúng ta có thể soi rọi và tìm lại chính mình. Cao Bá Minh nhân nói về bức tranh này, đã nói

thêm rằng các tác phẩm nghệ thuật của anh đã gột rửa qua máu và nước mắt, của một thời phải cắn răng chịu đựng, hủy diệt, huynh đệ tương tàn. Thời tuổi trẻ của anh đã bị cuốn hút vào trong một tình cảnh lịch sử chẳng có gì đáng hãnh diện, mà phải nói là thực xấu hổ. Đó là hành trang của thời tuổi trẻ, để từ đó, hôm nay anh phải ghi lại qua bức chân dung này. (Ý tưởng của Cao Bá Minh phát biểu với người biên soạn sách *Viet Nam Reflexes and Reflections*, viết về *Nhà Bảo Tàng Nghệ Thuật Cựu Chiến Binh Việt Nam*. Sách do Eve Sinaiko biên tập, NXB Harry N. Abrams, Inc., New York, 1998, trang 42).

Có thêm một điểm này chúng ta cũng cần chú ý đến: những chân dung con người trên tranh Cao Bá Minh, đặc biệt là trên tranh sơn dầu, với những mảng sơn rất mạnh, đôi lúc đã mang lại cho chúng ta một không khí hỗn nhiên, ngột thở, rất tươi mát, cũng có thể nói là rất gần với những khuôn mặt hoang sơ nơi nghệ thuật da đen, da đỏ và châu Đại dương. Cái tươi mát ấy đôi lúc lại chìm xuống, tê cứng và cô đọng trong một trạng thái méo mó của khổ đau chồng chất, để tạo thành cái đẹp tuyệt diệu. Cũng là dễ hiểu, bởi vì khổ đau làm nên cái đẹp và nghệ thuật; có thể đó là cái đẹp, cái nghệ thuật của một cá nhân, một vùng văn hóa, hay một dân tộc.

Ngoài không khí siêu thực và hỗn nhiên vừa đề cập ở trên, hội họa Cao Bá Minh chủ yếu là tranh trừu tượng. Có những chuyển động rõ ràng trong hội họa trừu tượng của Cao Bá Minh. Nhiều năm trước đây, trừu tượng Cao Bá Minh là một thanh lọc thế giới, giản lược sự vật và hình ảnh từ thế giới tự nhiên, tinh lọc hình ảnh (images) để chỉ còn dạng hình gợi ý (shapes). Cao Bá Minh đã say đắm tiến vào loại trừu tượng này trong một thời dài, đặc biệt là vào thời khoảng 1970-75. Ở một vài bức tranh gần đây, chúng ta thấy anh có trở lại với cách tạo hình này. Giai đoạn sau này, từ thời kỳ đầu định cư ở Mỹ cho đến ngày nay, trừu tượng Cao Bá Minh chuyển qua một lối khác, một cách biểu lộ khác. Thế giới trừu tượng ấy, trở thành một không gian mơ hồ, phần nhiều là những phong cảnh được giao thoa giữa chất lọc trừu tượng và ánh sáng lung linh của kỹ thuật ấn tượng. Cao Bá Minh đã tạo nên được một bầu khí kỳ ảo, siêu nhiên và sâu thẳm với kỹ thuật này. Như vậy Cao Bá Minh đã góp được một lối nhìn đẹp, diễm ảo, làm phong phú thêm cho nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại.

California, tháng 8-2003

Hòa Bình và Kinh Nghiệm Mỹ Học: Chúng Sống Hòa Giải và Nghệ Thuật

Cynthia Cohen

Có nhiều câu hỏi cổ động cho giao điểm giữa ‘hòa bình’ và ‘nghệ thuật.’ Chiến tranh đã được biểu trưng trong văn chương và điện ảnh, và những thứ biểu trưng như thế có thể được dùng để thẩm nhuần những hứa hẹn cho hòa bình? Sự đỉnh ước với nghệ thuật có thể giúp chúng ta tưởng tượng ra một tương lai an bình? Sự hài hòa tạo nên, thí dụ, trong trình diễn âm nhạc, có dẫn đến sự hài hòa lớn hơn trong đời sống hàng ngày hay không?

Chúng ta biết rằng âm nhạc có thể dùng để khích động đoàn quân cũng như làm tâm hồn lắng xuống. Những hình ảnh rất linh động và tuyệt đẹp có thể được dùng như dụng cụ tuyên truyền cho những thể chế độc đoán, chắc chắn như việc chúng có thể khơi động những phản ánh từ thiện và tìm tòi phóng khoáng. Thế thì, có thể tổng quát hóa một cách có ý nghĩa, về mối liên quan của nghệ thuật đối với hòa bình hay không?

Trong bài tiểu luận ngắn này, tôi sẽ xét kỹ khía cạnh riêng biệt của sự tương quan giữa nghệ thuật và hòa bình — tức là phạm vi đỉnh ước với các hình thái và tiến trình mỹ học có thể nuôi dưỡng những năng lực cần thiết cho sự chung sống và hòa giải. Dĩ nhiên, không phải tất cả mọi đỉnh ước với ‘nghệ thuật’ đều có tính mỹ học; thỉnh thoảng chúng ta liên hệ với nghệ thuật một cách thực tế hoặc theo dụng từ kinh tế, không hề lưu ý đến việc đặc tính hóa một kinh nghiệm mỹ học. Và — không phải tất cả ‘kinh nghiệm mỹ học’ xảy ra đều liên quan tới nghệ thuật; những cảnh thiên nhiên có thể kích thích một đáp ứng mỹ học, và bằng cách mang lại một kiểu chú ý riêng biệt nào đó đến kinh nghiệm về khoái lạc trần tục, chúng ta thường tìm thấy nét đẹp nơi các đối tượng và biến cố trong đời sống thường ngày. Tuy nhiên, tôi chú tâm tới ‘mỹ học’ hơn là ‘nghệ thuật’, vì tự chính tiềm năng đỉnh ước mỹ học của nó với chúng ta mà tôi tin rằng nghệ thuật tìm thấy quan hệ vô cùng mạnh mẽ và kích thích cho hòa bình.

Vậy thì, cái gì đích xác tạo nên ‘mỹ học’? Đây là khái niệm có vẻ thách đố sự định nghĩa. Chúng ta có thể xem đây là điểm khởi đầu, rằng những kinh nghiệm mỹ cảm, ít ra không phải là ‘VÔ CẢM’ (ghi chú: người viết chơi chữ ở đây, aesthetic = thẩm mỹ; anaesthetic = tê mê, làm tê như trong giải phẫu. Tạm dùng chữ ‘mỹ cảm’ để đối với chữ ‘vô cảm’). Chúng được cảm nhận, không phải tê cóng. Chúng đỉnh ước với chúng ta một cách say đắm. Nhưng một kinh nghiệm mỹ học không hoàn toàn là cảm giác hay cảm xúc: để hợp đủ điều kiện mỹ học, một kinh nghiệm phải đỉnh ước với chúng ta một cách hợp lý hay nhận thức được, cả với cảm giác hay cảm xúc. Thế thì một đỉnh ước mỹ học cần đến “sự cảm nhận tỉnh thức.” Loại đỉnh ước này quan trọng cho hòa bình, vì đây là thứ quan tâm mà hòa bình cần chúng ta làm tỉnh lại nỗi đau của kẻ khác, kể cả kẻ thù của mình.

Thêm vào sự liên kết giữa khoái cảm và lý tính, phạm vi thẩm mỹ thường được phân ranh trong triết học phương Tây, dính líu tới hình thái phán đoán, lưu ý đến những phẩm chất chính thức của vật thể hay biến cố đang được quan sát (ngược lại với việc chỉ chú ý đến nội dung). Qua cách này, mỗi đỉnh ước của chúng ta với vật thể nhấn mạnh vào một đáp ứng có đặc tính không-thực-dụng. Thế thì, chúng ta dùng chữ ‘mỹ cảm’ để nói đến sự nhận biết rõ về một cái gì đó bởi ích lợi của nó, phân biệt (ít ra cũng tạm thời) sự hình thành mục đích của riêng ta. Về mặt này, nhận thức thẩm mỹ liên quan tới ‘sự tôn trọng,’ khuyên chúng ta không nên coi việc nhận thức người khác (kể cả người đã từng được coi là cừu địch hay kẻ thù) duy nhất là phương tiện cho cứu cánh, hoặc là trong mục tiêu của nhu cầu chính mình. Loại nhận thức tôn trọng này cần cho hòa bình.

Tìm đến thơ, có lẽ là kiểu mẫu nằm trong địa hạt đỉnh ước mỹ học loại này. Theo triết gia người Pháp Gaston Bachelard, để hiểu một bài thơ, chẳng những chúng ta cần chú tâm đến chữ và âm thanh của bài thơ, mà còn phải chú tâm đến cách nào những chữ và âm thanh đó vang dội trong ta. Ông nói, sự chú tâm của chúng ta “rọi sáng”, giữa hình ảnh thi vị và đáp ứng của chính mình. Như vậy, bài thơ mời gọi chúng ta kinh nghiệm vài điều mà trước đó tự mình không biết về mình; và ngược lại, chỉ bằng cách chú tâm đến thứ được khơi dậy bên trong chúng ta, mới có thể “hiểu” được bài thơ. Bachelard nhắc đến loại cảm thông này — sự cảm thông sâu xa xảy ra cùng lúc của bản ngã và kẻ khác qua nhau — như một xuyên-chủ-thể.

Sự tương thuộc nhận thức và luân lý với kẻ thù và cừu địch, giống như đặc tính xuyên chủ thể của việc chúng ta hiểu về bài thơ. Càng thấy tính nhân bản của ‘cái khác’ bị ghét bỏ trước kia, chúng ta càng bị thách đố nhiều hơn để phát triển thêm sự hiểu biết về chính mình và những hành động đã xảy ra. Và càng xem xét lại một cách sâu xa hơn những ý niệm chúng ta đã có trước về chính mình, chúng ta càng có thể trở nên thật sự biết ơn người khác.

Đỉnh ước mỹ học với nghệ thuật, tôi tin rằng, có tiềm năng thấm nhiễm những thói quen của tâm lòng và tâm trí trong chúng ta — cảm nhận tính thực, kính trọng người khác, và thực hành sự tương thuộc nhận thức — rất cần thiết cho hòa bình. Cũng có thể, khi tìm hiểu về kẻ thù hay cừu địch của mình thông qua các hình thái nghệ thuật, những phẩm chất tiếp nhận mời gọi bởi tác phẩm nghệ thuật cũng mở rộng chúng ta ra với người khác.

Những năm gần đây, khái niệm ‘mỹ học’ xuất hiện từ triết phương Tây đã bị thách đố từ vài phương hướng. Thí dụ như những học giả Nữ quyền và châu Phi dùng chữ ‘mỹ học’ để diễn tả những nghi thức tập thể, đam mê (hơn là cá thể và tách rời) và những tạo tác, giống như tấm chăn (quilts) và bộ bàn ăn là những thứ có trong đời sống hàng ngày. Những thách đố này giúp điều chỉnh những định kiến văn hóa và ưu tú đã được đóng ấn trong phương hướng triết lý về ‘mỹ học.’

Khảo sát những phê phán này, rõ ràng đỉnh ước mỹ học liên hệ đến tầm rộng của sự hỗ tương lạc thú giữa tổ chức của nhiều yếu tố trong cấu trúc chính thức, khả năng nhận thức và phán đoán của người cảm nhận. Lạc thú chiết từ cách mà qua đó những hình thái hòa giải áp lực giữa cá nhân và tập thể, giữa canh tân và truyền thống, và giữa hỗn mang với nghiêm khắc. Mục độ canh tân và trật tự thay đổi tùy theo văn hóa và bối cảnh.

Theo khái niệm rộng hơn, nghi thức là một hình thái đỉnh ước mỹ học. Nghi thức cung hiến cho các cộng đồng nhân bản những phương cách cưỡng bức nội tại (không bạo động) để tưởng tượng ra những hình trạng xã hội mới và để minh chứng cho viễn ảnh của họ. Vì lý do này, nghi thức có thể trở nên vô cùng quan trọng cho việc tạo ra hòa bình. Qua nghi thức chúng ta có thể kinh nghiệm — dù chỉ trong khoảnh khắc cuồng nhiệt — những khía cạnh khác của một tương lai an bình mà chúng ta tìm cách tạo nên.

Những diễn tả có nghệ thuật và nghi thức đạt được tính năng động vì chúng đóng khung xung đột và áp lực giữa các yếu tố bên trong những hình thức có giới hạn. Bởi vì xung đột và áp lực là những khía cạnh không tránh khỏi của đời sống, sống chung với những người khác buộc chúng ta phải cấu tạo nên những hình thức xã hội, giữ lại các áp lực và xung đột để chúng có thể được dùng trong những phương cách hữu ích. Trong nghĩa này, sống hòa bình buộc chúng ta sống nghệ thuật, và tận dụng khả năng đã nuôi dưỡng mình qua sự đỉnh ước với những hình thái và tiến trình mỹ học.

Thế thì, bằng một vài cách nào đó, những hình thái và tiến trình mỹ học là căn nguyên cho sự chung sống, hòa giải và hòa bình. Đỉnh ước với mỹ học có thể nuôi dưỡng khả năng và xu hướng về cảm nhận tỉnh thức, sự kính trọng và có thể đào sâu sự tỉnh thức của chúng ta về mối liên quan nhận thức đối với người khác (kể cả kẻ thù của mình). Nghi thức và nghệ thuật có thể cho những kinh nghiệm mãnh liệt về một tương lai an bình hơn là thứ tương lai chúng ta tìm cách để tạo nên. Trong khả năng mang những yếu tố xung đột vào trong một quan hệ đầy năng động và linh hoạt, các hình thái nghệ thuật chính là biểu tượng của những cộng đồng nhân bản lành mạnh.

Nguyễn Thị Ngọc Nhung dịch

RICHARD BRAUTIGAN

Richard Brautigan (1935-1984). Sinh tại Tacoma, Washington. Thời thơ ấu ảm đạm, từng phải vào bệnh viện tâm thần. Rồi ông đến San Francisco sống và viết với nhóm Beatnik. Văn chương và phong cách chống-văn hóa của nhóm này đã ảnh hưởng nhiều thế hệ. Tác phẩm của Brautigan, gồm chín tập thơ và mười tập truyện, được đánh giá cao trong văn chương Beat, đã danh tiếng toàn cầu. Văn phong ông trong sáng, tươi mát, nhiều chất hài, vừa hiện thực vừa siêu thực, cái siêu thực đầy thi vị của đời thường. Thơ: *The Galilee Hitch-Hiker* (1958), *Please Plant This Book* (1968), *Rommel Drives On Deep Into Egypt* (1970)... Truyện: *Trout Fishing in America* (1967), *In Watermelon Sugar* (1968), *Sombrero Fallout* (1976), *The Hawkline Monster* (1974)... Năm 1978, các truyện và thơ sau đây: *The Abortion*, *The Pill Versus the Springhill Mine Disaster*, *Trout Fishing in America*, *Rommel Drives On Deep into Egypt*, *A Confederate General from Big Sur*, bị trường trung học Union Hills High School ở Bắc California cấm, nhưng đã được ACLU (American Civil Liberties Union) xử thắng về phía Brautigan và nhà xuất bản sách của ông. Năm 1984, Brautigan quyền sinh trong tư thất ở Bolinas, California. Tử thi ông được khám phá trong ngày 25 tháng 10. Thời còn ở San Francisco với nhóm Beat, Brautigan thường phát không các tập thơ của ông ngoài đường, trong khu phố “hippie” Haight-Ashbury. Có thể xem một số thơ của Brautigan như là một loại thơ hài cú tân thời bằng văn xuôi giản dị, hay như loại thơ chân ngôn ngắn gọn kiểu René Char, nhưng ít cô đọng hơn (hài cú), ít bí hiểm hơn (Char).

PHÊ BÌNH KHUI ĐỒ HỘP

Có điều gì đó không ổn trong bài thơ này. Bạn có nhận thấy không?

BÀO NGƯ NẤU CÀ RI

Mỗi năm tôi đón mừng đêm Giáng Sinh với thằng Michael và mỗi năm nó đều nấu món cà ri bào ngư. Món này tuyệt ngon nhưng mất rất nhiều thì giờ và buổi trưa êm ả trôi qua trong căn bếp nhà nó ở giữa Atlantis và Ấn Độ.

CÁI THẰNG ĐỀU CĂNG

Nó bán cái vòng hậu môn của một con chuột cho một anh mù và bảo đó là chiếc vòng nhẫn cưới.

CON MẮT THỨ BA

Tặng Gary Snyder

Có một chiếc xe máy dầu trong tiểu bang New Mexico.

MỖI CÔ GÁI CẦN PHẢI CÓ MỘT BÀI THƠ

Mỗi cô gái cần phải có một bài thơ
viết tặng riêng cho mình dù làm vậy
chúng ta cần phải đảo ngược cái thế
giới mẹ đẻ này.

New Mexico
16 tháng Ba, 1969

HỎI

Em có hay nghĩ đến ta như
ta thường nghĩ tới em
không?

7 THÁNG TƯ 1969

Bữa nay tôi nghe ngầy ngậy
nên thấy cần phải làm ngay một bài thơ.
Bất cứ bài thơ nào cũng đặt: như bài
này chẳng hạn.

NHỊN ẮN

Khá xinh: trừ vài vệt tím
nhỏ trên cánh
tay. Và còn thêm cái điều này nữa: ả hơi
gầy.

17 THÁNG GIÊNG

Ngồi nhâm nhi rượu vang hồi trưa này
tôi bỗng nhận thấy rằng ngày đã dài hơn
rồi.

MÀU SẮC NHƯ MỘT KHỞI ĐẦU

Đừng nói chi chuyện tình yêu.
Ta chỉ muốn được lịm ngất trong màu
vàng của tóc em mà
thôi.

Nguyễn Đăng Thường dịch

Trong tập *Rommel Drives On Deep Into Egypt*, nxb Dell Publishing Co., Inc., 1970.

LƯU HY LẠC

DẤU MẶT

Cả chuỗi ngày, tháng, năm, đời
lên xuống anh loay hoay cách
nào chả biết, lại rơi nhẹ
một cách lửng lơ để bây

giờ han hỏi e trầm luân;
giả cất cao giọng kẻ chợ
cho đến cuối cũng không thể
kể lể hết, đến khi đối

mặt cả đời với kịch bản,
mới ra anh tiếp tục sàng
sàng mỗi ngày mấy lượt, dù
lời thề non hẹn biển mù

mịt này! phải khốn khổ chỗ
ăn nói nước đôi, rán chút
xíu nữa, bọn đạo đức hay
đi xuống đường, thường thường né,

khi gặp đi mời chào, còn
buộc ngã giá chỉ từ cuộc
khẩu đảm, chơi thôi rán chút
nữa cả chuỗi của anh ra

thế, lượt tôi dụ mẹ rất
đàng điểm mà ý tưởng thì
luôn gặp tai nạn to, đồng
thời trí nhớ tôi qua đêm

là tráo trở liền. Ồ, thứ
này... KIMONO* khít hơn.

*Tên một loại Condom.

TRƯA XUÂN MỘNG

Phải quá nửa trưa một chút, chợp mắt
mơ màng là tôi mộng thấy cả tập
chị / em, tuổi đương độ xuân thì, má
đỏ, môi đào, cô nào cũng căng căng,

mịn màng, rất hồn nhiên, / thướt tha trong
y trang toàn hồng, chị em xúm xít
nhau lại, uốn éo thân hình nhảy — múa
hát vang toàn những điệu / lời hết sức

tình cảm mộc mạc lại duyên dáng cởi
mở lắm, cùng không biết bao nhiêu là
tiếng cười trong trẻo, đậm đà tình tự
rượt đuổi nhau từ chị này sang em

nọ, nó sống động làm sao ngay trước
mắt tôi nhìn, thật khó mà trốn tránh
đâu được, tôi không biết mộng như thế
là phải hay quấy, bởi xúc cảm lúc

ấy trong tôi bao giờ cũng đắm dục
tình, luôn luôn làm cương cứng dương vật,
đoạn lan tỏa lướt nhẹ rân trên khắp
cùng da thịt, thật khó mà cầm cự

nổi, tôi phải hết sức ý tứ để
ánh nhìn mình tỏ hết sức thiết tha,
ân tình, hồng che đầy toàn bộ giờ
đây đã suốt mười xúc cảm dục tình

bằng cách tôi tự bặm / cắn môi mình
lại khá nhiều lần, đôi bàn tay tôi
cho lộ liễu xuống bưng lấy hạ bộ,
thật khó mà chịu đựng hơn nữa, mồm

tôi bật rên lên... “ Các em dịu dàng,
sao tàn nhẫn ... ” đồng thời tôi bồng cựa
mình mở mắt nhìn sâu vào vách tường
phía trước — Chẳng có mẹ gì! tôi nằm

vật ra luôn miệng cảm rằm rằng tại
làm sao cứ phải cước chú phía dưới
tên hiệu là câu thơ của Đinh Hùng!
gớm, hai con mắt nó cứ xét nét.

BỎ ĐI TÁM

Nói ngay rằng hiện thời hể mỗi
bạn tình cờ đọc thơ trên web
thì tức thời sau đó phải vo
đầu, bức tóc để cổ mà hiểu

cho ra ý — tình thi nhân; với
nhiều hình ảnh thường rất dị dạng
cùng nhiều ẩn dụ mà qua đó
nó dễ làm cho tình cảnh trở

nên hết sức mệt nhọc và cứ
đà viết như thế rồi thực chả
ăn nhập gì hết, thế nên với
tôi nếu phải đối mặt mỗi một

mình mình cả đêm tôi sẽ chẳng
thiết tung/ hứng chi nữa, tiết dục
tối đa, nhấc lên mà được thoải
mái thì tôi nhấc, bởi như thế

việc tôi thơ thần nó dễ dãi
lắm. Một mình quả hết sức thoải
mái, nếu có phải thủ dâm thì
cũng chơi như chuyện thường tình lúc

cao hứng, chứ đóng bộ đồng cô-
cốt cậu, mượn áo giả hình kiêu
cách có ra Tây/ Hậu hiện đại
hoặc gì gì đó rồi cũng chỉ

vo đầu, bức tóc với mớ ẩn
dụ cùng nhiều hình ảnh thường rất
dị dạng; ở đời sống này mà
mẹ gì mà trước sau chả lộ

diện việc chó chi cứ phải ẩn
dụ với điển tích (cái này mới
thật dễ sợ); ê, bộ ung dung
nhìn đời bị đám thánh giả sồn,

sến cỡ Việt kiều, bên Việt nam
la toáng lên; ối! bọn văn nghệ
thời nay chúng đâm ngay lưng bản
sắc Văn hóa — Dân tộc à.

BỮA NAY NỔI HỨNG

Gió thực mỏng, cắt từng lát rất
 mặt; 10 giờ 05 phút tối
 tôi đi ngoài thành phố, những tay
 bợm rượu tụt quần đái lên những
 chuyến xe chạy vùn vụt xuyên nước
 Mỹ; giờ này trong thành phố ở
 những viện Tế-bần nhiều tên bại
 não phải xếp thành hàng nhận tiêm
 vào máu liều thuốc an thần hồng
 qua đêm; tôi đi ngoài thành phố
 nơi gió thực mỏng cắt từng lát
 rất mặt; 1 giờ sáng những kẻ
 không nhà chui vào từng thùng/ từng
 thùng cật- tông (như những cái tủ
 lạnh lớn) đánh giấc ngon lành; giờ
 này ở trong thành phố khoảng mười
 thẳng đồng tính Việt-nam đội tóc
 màu bạch kim, mặc áo đầm giả
 thành gái lai Mỹ, đứng rải rác
 trên Pork street chào hàng những tên
 Mỹ già cũng đồng tính, thực dâm
 đãng; tôi đi ngoài thành phố cho
 đến khi trời sáng tỏ, gió thì
 mỏng cắt từng lát rất mặt.

QUỲNH THI

MẶT TRỜI LÊN

Ở dưới ánh mặt trời, vẫn có những
nụ hoa. Ở dưới ánh mặt trời vẫn
có những con người. Ở dưới ánh mặt
trời bóng tối bớt điều ngoa. Tôi đã

thấy một bông hoa héo ngày hôm nay.
Tôi đã thấy một loài sâu trong nhụy
hoa. Tôi đã buồn suốt buổi sáng nay,
chắc em không biết sao tôi buồn suốt
buổi sáng nay. Suốt buổi sáng nay tôi
đã buồn vì bông hoa héo này. Nhớ

xưa lúc ở trên rừng, mặt trời lên.
Khi mặt trời hừng đông, có đám sương
tan, có đám sương còn đọng. Sương muối
làm cháy màu xanh. Chiến tranh đốt cháy
trụi ước mong. Hồi tôi ở trên rừng,
tôi vẫn gọi mặt trời lên. Khi mặt
trời lên sương tan băng giá này. Giờ

hết máu rơi, vẫn đỏ thắm hận thù,
khôn nguôi đất nước ơi! Nhưng tôi vẫn
gọi mặt trời lên. Xin mặt trời lên.
Xin mặt trời đừng ngủ yên...

Những ngày nằm bệnh. Houston, Hạ 2003

SPEEDING

Xe đang chạy bon bon trên đường
 ngon, ghé trạm nào đổ xăng kéo
 sắp hết rồi. Sư nó, cái thằng
 nhóc sạo tổ mẹ. Nó nói, “Hồi
 hôm đi chơi gái xui quá trời
 xui, gặp con tàu ở Hương cảng
 mới sang nghe giới thiệu thấy ham,
 đến khi tụt quần chả thấy tí...
 lá cỏ nào. Nó còn cãi cối,
 em mới cạo!” Không lẽ gái không
 có lá cỏ thì xui à. Toàn bọn
 tin dị đoan. Lẽ cưới phải vợ...

Thôi chạy đến chỗ bán vé đi,
 Việt nam xem còn chỗ không. Hồi
 giờ nghe đài báo hát xướng nhớ
 nước thương quê, sốt ruột quá đi
 mất... Ôi đất nước đau thương tê
 tái nhỏ máu con tim! Vừa thôi
 bạn. Xe đang chạy bon bon ngon

trốn, bỗng có cảnh sát xuất hiện
 ra dấu bảo ngừng lại. Tại sao
 anh chạy nhanh quá tốc độ qui
 định? Tại sao ông biết tôi chạy
 quá tốc độ? Người cảnh sát chỉ
 vào cái ống nhòm của người cảnh
 sát đứng bên cạnh bảo, “Anh không
 thể tự do quá trốn, speeding
 bị ticket, OK.”

THỔ MÁU THÀNH THƠ

Thôi thì cho tôi biết kẻ làm thơ
 nào mà không khổ? Có cái gì không
 khổ ban phát cho người thơ. Khổ lụy
 luôn bám sát vào người nghèo thật thà,
 giống như người con gái đẹp thích người
 đàn ông tài hoa. Tài gắn liền với
 tình — tài tình. Thôi thì cho tôi biết

tình nào mà không mê? Mê rồi thì
 phải mệt — mê mệt. Thôi thì cho tôi
 biết thơ nào không kiêu bạc, hieu hắt
 và vực sâu đời nào mà không dũ
 dội. Cấn bật máu lắm than. Tình nào
 không dối gian thì còn gì tình phụ?
 Có loài chim kêu khát nó chỉ đòi
 uống máu vì tim đang khát tình. Uống
 máu người tình bằng mắt bằng môi bằng
 ái ân say đắm rồi nó bài tiết
 ra thơ. Đó là loài thi sĩ đánh
 đi trăm phương không để một phương đi

lấy chồng. Có người thơ nào mà không
 buồn, lang thang vô tích sự, lêu lổng,
 yêu đời yêu người, thích đẹp thích xinh
 lại hay thích rúc vào háng đàn bà
 để nó la, nó kẹp hoảng loạn đến
 thổ máu thành thơ. Có người làm thơ

nào mà không khổ, luôn bị lừa, đánh
 chết cũng không chữa cái tội nghèo, lại
 hay ngao du vì ham làm thơ, lắm
 tình. Ôi cái kiếp tài tình, khổ lụy.

BẰNG NHẬT

CÁNH CỬA

Tặng Precious Girl

Có rất nhiều ngày trôi qua, chết đi
trong già cỗi bàn tay, không hồi sinh
dấu chân. Như có rất nhiều xe buýt
qua trạm những cô gái, chẳng ai nhớ.
Có những ngày người chẳng quên. Ngày thứ
bảy, em phòng trọ thiên đường. Em niêm
phong trong cơ thể cánh cửa phòng trọ
khép, mọi thứ chặn đứng ngày bên ngoài
cửa. Một người bình thường quyến rũ em
bình thường bởi bình thường thôi, hai kẻ
ngoại tình, cánh cửa. Đắm đuối, chửi, nhìn,
nước mắt, nước bọt, nước nhờn, đắm khuôn
mặt ánh đèn phòng trọ khuya. Những thứ
bấy nhớ phòng ngực ồn ào, xoáy chìm,
não nhũn. Em phòng trọ hồi sinh.

ĐINH CƯỜNG

CÓ KHUÔN MẶT AI NHƯ

Tôi vẽ tảng đá rồi mỗi ngày
cứ ngồi nhìn trên những đường nứt
có đường nào là lời sám hối
không phải bên tảng đá năm xưa

Đức Giáo Hoàng đã đến sám hối
tôi bỏ quên lớp rong rêu ngoài
thành nội có con chim mùa hè
cứ kêu hoài bắt cô trời cột

như tiếng quê hương ngày lửa đạn
tràn về thành phố chúng tôi chạy
theo đoàn người trên quốc lộ một
có mây bay trên đèo Hải vân

đưa tôi đến phương nào khỏi Huế
để bây giờ mùa thu trở lại
mùa thu Virginia người ta
đi xem lá vàng trên skyline

mà sao tôi vẽ tảng đá như
đứng sững có khuôn mặt ai như
em nhìn xuống ký ức chìm lỉm
vực sâu tôi hú tiếng vang dài...

Virginia, 5. 2000

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

BÒ LẠC

hồi còn ở bên tây ít khi tôi
ghé xuống saint-germain-des-prés mà
thường hay tản bộ trên bờ sông seine
phía trước điện louvre và dưới cầu
pont-neuf không phải vì tôi mê tôi
mụ dòng nước cũ này dù nó rất
xinh cũng chẳng phải là để tìm hứng
viết thơ tình mà chỉ chờ bắt bò
lạc vì kinh thành ánh sáng không chỉ
có những đồng lá vàng xúc bằng xẻng
cùng với tiếc nuối và kỉ niệm vào
mùa thu mà paris cũng có nhiều
rất nhiều con bê con bò vô chủ

THIÊN TÀI

tôi thích cách thoải mái stendhal sử
dụng từ thiên tài ông ấy nhìn thấy
thiên tài khi một phụ nữ bước lên
xe và ở một phụ nữ mỉm cười
nói tóm tắt ông ấy không để cho
từ này lửng lơ trên chín tầng mây
nhà thơ kiêm nhà đạo diễn phú lang
sa jean cocteau đã viết như vậy

TÔI VIẾT

tôi viết cho tôi
cho bằng hữu và
nhất là để xoa
dịu dòng chảy thời
gian nhà văn xứ
á căn đình jor
ge luis borges
đã nói như vậy

Nhiều, rất nhiều...

hồi còn ở bên
tây tôi thường hay
đi bộ dù pa
ris có métro
kính đô ánh sáng
tuy không có hồ
gươm không có tháp
rùa nhưng paris
có gió và có
nhiều rất nhiều cỏ

ĐỒ KH.

CHIẾN TRANH ĐÃ CHẤM DỨT TỪ LÂU

Gửi Nguyễn Lương Ba

1.

Tôi thích bộ đồ hoa bèo người Mỹ gọi là đồ thợ
săn vịt thứ Phi Châu rất oai kêu là áo loại người
beo tuy xuất xứ hiền hòa nó là ruộng đồng Âu Mỹ
vào chủ nhật cuối tuần giải trí lính đánh thuê người Bỉ
mặc vào để làm loạn Katanga anh nông dân Kan
sas thuộc Nhóm Nghiên Cứu và Quan Sát¹ phủi trên người bụi
đường xa ngồi uống bia la de trong Club Nautique ở
bờ biển Nha Trang hai tay ôm hai cô gái Khánh Hòa
tôi chẳng phải giết người desperado tuyệt
vọng trên cầu vai mặt trời Biafra² le lói
mọc một lần chót trước khi sĩ quan Nigeria tốt
nghiệp trường kỵ binh Sandhurst gây chỉ huy cặp nác dấn
tăng vào ổ kháng cự cuối cùng vào đời tôi bộ đồ
đã hiếm gọi là đồ biệt kích và bộ đội vào B
sinh Bắc tử Nam chỉ sợ có hai điều pháo đài
bay 52 và Biệt kích 81 tôi cũng biết sợ
họ và sợ như họ vậy chẳng qua là tôi thích bánh
mũ nổi xanh nhét túi quần ngang ở café Garden
Bastos suy tư đầu lọc những núi đồi Quân khu 2
chồng chất Cọc ba lần sét (3) về đây mịn vấy ngần Sài gòn.

2.

Chợ Bà Chiểu kiếm không ra lông lòì quần si-líp⁴ An
Lộc địa sử ghi chiến tích⁵ tôi theo anh trung

sĩ tuyển mộ về trại Nguyễn Huệ một lần đầu tất cả chỉ có ba người tình nguyện khám sức khỏe 20 cái hít đất tôi nhìn không ra cô ca sĩ cười trên lịch vậy là anh thiếu úy trợ y biết là tôi cận thì tôi cận thì tôi sinh viên du học tú tài Pháp toàn phần lần thứ ba hay thứ bảy tôi năn nỉ tôi có đủ tiền mua đôi giày MAP Mỹ⁶ ông Thiếu tá trưởng trại nói em tài nguyên quốc gia em chịu khó đi Long Thành⁷ ra trường rồi về đây qua nhận tôi thăm nghĩ học một năm quân trường nữa thì hết mẹ nó chiến tranh đó là thời Hội Nghị Ba Lê đình chiến thời dành dân lấn đất 5, 10 lần vi phạm mỗi ngày nhưng 3 0 năm rồi cũng phải hết những núi đồi Quân khu 2 sẽ trở về yên tĩnh bụi cao nguyên sẽ không còn đỏ những cánh dù trên nắp túi Nam Lào sẽ không còn được đi du lịch bằng càng đáp của máy bay lên thẳng chân đong đưa và XM 16 bá xếp lủng lẳng bên đùi.

3.

Không nhận thì thôi tôi đăng lính khác thứ cận thị tàng tàng ra giềng tôi được Thiếu tá Rào⁸ cho đi phép mượn được bộ đồ xi vịn gần ½ đêm tôi về đến được Ngã 5 Bình Hòa ngang qua quán cháo lòng Bảy Viễn mấy đứa Nhân dân tự vệ thấy mặt lạ kéo nhau ra chặn tôi làm bộ hỏi nhà con Thu bán xăng con Thu bán xăng nào tôi tính kể là người yêu thư tín em gái hậu phương có tặng hình cho tôi cẩn thận thì người quen ra nhận thẳng bạn tôi mặc áo hoa rừng mới toanh dưới ánh đèn dầu của xe nước đá cái phù hiệu nó sẫm bằng đồng lấp lánh lính tồ te mới về đến Liên đoàn nhưng sao thì cũng bằng dù biệt kích nó nói buồn quá buồn quá mày ơi Phước Long đi tròn 2 đại đội ngon lành nghĩa là sao nghĩa là hết sạch 2 đại đội nhảy xuống thị trấn đang bị vây hãm lơ thơ một vài mống lợi rừng về làm tôi tiếc rẻ phải giữ tôi đăng thì chắc tôi chột mắt Liên đoàn cũng lấy nói gì cận thị 5 độ 25 nhưng mà đã trễ áo màu xanh không hoe hoét tôi cũng đã khoác lên người ờ thì Trinh sát đó là chưa nói phải vài tháng trước tôi trở thành Biệt kích thì Phước Long biết đâu tôi đã đi chẳng hạn ngày về.

4.

Anh trung tá cấp bậc chót phi đoàn trưởng chức vụ chót ở Cần Thơ căn cứ chót nói nếu giờ này chưa mất nước chắc anh cũng đã lên tướng chứ phải đùa tôi nói nếu giờ này chưa mất chắc em cũng đã lên hạ sĩ nhất.

5.

Khách sạn ở miền đông nước Pháp màu mè tôi ra bãi đậu xe anh phục vụ lon ton theo nặng nhọc lê hành lý anh mặc đồng phục đại khái giống như là sĩ quan võ bị vào ngày lễ ra trường “Sinh viên sĩ quan quỳ xuống! Đứng lên Tân sĩ quan!” chỉ có thiếu cái kiếm tòn ten anh nhỏ con tóc xoăn tôi cứ ngỡ anh là người An giê ri gì đó nhưng nghe tôi nói chuyện với cô bạn đi cùng anh thốt lên anh chị là người Việt làm tôi giật bắn mình thì học tập 9 năm sang đây diện bà già bảo lãnh từ đó tới giờ làm ở khách sạn này sao tới 9 năm hồi đó có thiếu úy nhưng tại vì tôi phòng 7 Tổng Tham Mưu cái gì phòng 7 cô bạn gái làm sao biết lá cờ vàng 3 sọc đỏ cô cũng chưa từng thấy nói gì đến sắc áo của Hồn ma biên giới vật vờ Người ra biển Bắc Sở nghiên cứu địa hình⁹ biệt kích không bận đồ hoa bện bà ba nguy trang hay đồ bộ đội Lôi hổ cầm tiểu liên Thụy điển có gắn ống hãm thanh ở trên nòng tôi thành kính hồi đó ông thầy nhảy toán anh ta bển lển không chỉ làm giấy văn phòng mà tội đó thì mới nặng còn anh ở Mỹ qua dạ em ở Mỹ thì cái xe tôi bóng loáng bằng Cali¹⁰ anh về Việt nam lấy vợ trẻ người Hà Nội thì cô bạn tôi nõn nà trắng và tím cả bằng lăng tím cả đôi sim ôi tím cả Hồ Tây sao đoán ra hay vậy thì từng ở ngoài đó cải tạo mút mùa Lệ Thủy.

6.

Chạy xe con beo hay là đeo phù hiệu con cọp ở trong rừng cao su thấy ông bà ông vải hay là về Hà Nội vũ trời bắt sao thì chịu vậy cải tạo hay là lấy vợ trẻ 20 năm về sau đầu lâu không còn nhỏ máu trên màu áo hoa bèo và em làm sao hiểu ôi em làm sao hiểu mỗi người một nỗi ở trong lòng.

Chú thích (cho người em gái thành đô)

1. Studies and Observation Group (SOG), đơn vị chiến tranh không quy ước (tức chiến tranh kín và không được hợp pháp hoàn toàn) của Hoa kỳ ở Việt nam, lung linh huyền thoại. SOG đỡ đầu và khai sinh các đơn vị tương tự của Miền Nam, cũng cái trang nửa hờ dưới những danh xưng như Nha Kỹ thuật, Sở Nghiên cứu địa hình...

2. Đầu đến cuối thập niên 60, Phi châu đắm máu những chiến tranh ly khai sau khi độc lập, từ Katanga (Congo) đến Biafra (Nigeria) và giành giật với Việt nam những trang nhất của truyền thông quốc tế. Phù hiệu của quân đội Biafra là mặt trời mọc nửa, sui xẻo sao người Ibo thất trận không tách ra thành công khỏi liên bang Nigeria.

3. Phù hiệu cầu vai của Biệt cách nhảy dù. Bên kia là phù hiệu Liên đoàn hình tam giác có con ó nhưng không ai gọi BCND là lính con ó.

4. Lời nhại của 1 bài hát: *“Trời hồng hồng sáng trong trong, bạn cái quần si líp lòi lổng”*.

5. *“An Lộc địa sử ghi chiến tích, Biệt cách dù vị quốc vong thân”* là 2 câu thơ 1 cô giáo tên Pha làm tặng nghĩa trang BCD ở An Lộc năm 1972. Trận đánh này Liên đoàn 81 đổ vào thị trấn sắp sửa bị mất và giúp Sư đoàn 5 giữ vững tuyến cho đến ngày giải tỏa. Tháng 12 năm 74, trước khi Phước Long thất thủ, Liên đoàn lại được nhờ đến nhưng 1 lần thôi chứ, 2 đại đội BCD tấn công 2 trung đoàn địch và bị tiêu diệt tại đây. LĐ 81 nổi danh sau Tết Mậu thân ở Sài Gòn và là đơn vị cuối cùng giữ bộ Tổng tham mưu. Trên xa lộ Biên Hòa ngày 30-04, LĐ là đơn vị xếp hàng 5 mà giải tán trong trật tự, không có chuyện cởi áo (thì đã lờ hoa bèo) ra mà mạnh ai nấy chạy. Cảnh này được phóng viên miền Bắc ghi hình cẩn thận, không biết có còn lưu trữ ở Hãng phim Tài liệu Khoa học Trung ương.

6. Giày trận viện trợ của Hoa kỳ (MAP: Military Assistance Program), vào thời điểm 1974 đã khan hiếm, giá 15.000 đồng miền Nam, hơn 1 tháng lương binh sĩ, so với ngày nay bánh ngang giày Italy nửa triệu.

7. Trường sĩ quan trừ bị bộ binh, trước kia ở Thủ Đức.

8. Đi phép không giấy, chui rào trốn ra khỏi trại.

9. Phòng 7 là phòng không có trong cấp số của Tổng tham mưu (chỉ có từ 1 đến 6), tức phòng “bí mật” trước nguy trang dưới những danh xưng đã kể, công tác gửi người ra miền Bắc hay các nước bên cạnh. Gặp được nhân viên phòng 7, ngày trước không khác gì được á hậu người mẫu ký tặng hình (lỡ lộ), nghĩa là lấp bắp và run rẩy, mơ ước của cả 1 đời nhưng

làm sao em có thể hiểu? Nói cách khác, phòng 7 TTM ngày đó như là ngày nay đi du học Mỹ (hay thăm Trung tâm William Joiner) mới về hay thủy thủ viễn dương 10, 15 năm trước đây.

10. Đây là chuyện thật nên hơi khúc mắc, như mọi chuyện thật ở đời. Hôm đó tuy ở Pháp nhưng chiếc xe nói trên là từ Mỹ gửi sang nên mới còn bảng số Cali để khác người.

Annie Finch

Jonathan Barron

Là nhà thơ, lý thuyết gia, chủ bút, kịch gia và tác giả văn-ca-kịch, Annie Finch đã chứng tỏ được phong trào Tân Hình Thức chiết trung, đa dạng và mở rộng đến như thế nào. Trong dòng thơ nữ quyền, trong những thi tập đa văn hóa, và trong nghiên cứu lý thuyết gắt gao của bà, Finch thách đố những chính thống đủ loại đang chiếm ngự dòng thơ Mỹ đương đại. Ở thời đại lý luận và tâm lý, Finch chống lại phong thổ chung của chủ nghĩa thực tại và hồi ký tự truyện: tác phẩm của bà tranh luận với truyền thống huyền thoại và phù thủy chứ không phải sự xác định sắc bén tình cờ. Trong thời đại mà thơ tự do liên kết thể thức “tự do” với chủ nghĩa nữ quyền và với một loại quốc dân đảng Mỹ nào đó, Finch cũng loại bỏ những thỉnh ý như thế, tìm thấy chủ nghĩa nữ quyền và quyền công dân của mình trong những hình thái thơ chiết trung và đa văn hóa.

Ra đời ngày 31 tháng 10, 1956 tại New Rochelle, New York, Annie Finch lớn lên trong một gia đình trí tuệ. Cha bà, giáo sư triết và thần học, và mẹ bà, một nhà thơ và nghệ sĩ làm búp bê, đã khuyến khích con gái theo đuổi con đường nghệ sĩ. Bà theo học trung học Oakwood, một trường nội trú Quaker đã nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng trong bà, và trường Simon's Rock, một trường nổi tiếng về chương trình học khuyến khích sáng tạo và thử nghiệm trí tuệ. Finch theo học phân khoa văn chương ở đại học Yale (1974-1979). Tại đây, bà có được ảnh hưởng của Penelope Laurans, một đô đệ của Robert Fitzgerald và là giáo sư thể luật thơ; ảnh hưởng của John Hollander, một nhà thơ hình thức hàng đầu; và ảnh hưởng của nhà học giả Middle English, Marie Borroff.

Sau đại học, Finch in cuốn tạp bút đầu tiên, *The Encyclopedia of Scotland*, phóng tác một bài thơ trình diễn cho âm thanh, phục trang, và kèn Scotland (bagpipe) bằng một bài thơ tự do có nhịp vận mạnh mẽ (1982). Bà tham dự chương trình sáng tác tại University of Houston năm 1983 và nhận bằng cao học MFA năm 1986. Sự quan tâm của bà về những bản thơ kịch tính kiểu Yeats đưa đến việc phối hợp hai vở kịch đầu, *Sheba in Eden*

(1985) và *The Mermaid Tragedy* (1986), sáng tác dưới sự điều dẫn của nhà viết kịch Ntozake Shange làm luận án cho bằng cao học MFA. Trong cả hai tác phẩm, sự quan tâm của Finch về tác dụng hỗ tương giữa khuôn mẫu mô phạm và truyền thống, cũng như nhịp điệu âm nhạc hiển hiện trong ngôn ngữ, tìm được khuôn dạng trong kỹ thuật gọi là chấp vá thể luật bằng cách dùng những vần nhịp khác nhau cho những nhân vật khác nhau. Năm 1985, Finch lập gia đình với nhà bảo vệ môi sinh Glen Brand tại nhà thờ Rothko ở Houston. Julian và Althea Finch-Brand, ra đời năm 1990 và 1998.

Sau bằng cao học MFA, Finch lấy bằng tiến sĩ (Ph.D.) văn chương tại đại học Stanford năm 1991. Luận án của bà là cuốn phê bình đầu tay, *The Ghost of Meter* (1993). Tại Stanford, không những Finch chỉ theo đuổi những quan tâm trí tuệ, học giả, và lý thuyết mà thôi, bà còn tiếp tục làm thơ, và phát triển tài năng chủ bút của mình. Từ 1987 – 1991, bà chủ bút tạp chí văn học của trường Stanford, *Sequoia*, từ này đã biến dạng thành một tạp chí cho cả nước dưới thời chủ bút là Dana Gioia. Ngay khi bà liên hệ với nhóm hình thức ở Stanford, ngày càng nhiều hơn, bà gặt hái tình thân hữu với nhiều nhà thơ tự do avant-garde, nhà thơ Ngôn ngữ, và cũng dính dáng tới thơ trình diễn ở những quán cà phê và bars ở San Francisco. Trong những người bà ngưỡng mộ như tiền bối ở Stanford, Finch thường nhắc đến nhà học giả nữ quyền kiêm tiểu sử gia về Anne Sexton, bà Diane Middlebrook.

Cũng tại Stanford, tình thân hữu vượt nhiều biên giới trong dòng thơ đương đại Mỹ, không những ảnh hưởng riêng đến nghiên cứu học và ký nhiệm chủ bút của bà mà còn ảnh hưởng đến thơ của bà nữa. Điều này hiển nhiên trong ảo ảnh thám hiểm và ngôn ngữ của hai vở kịch thơ mà bà cho trình diễn thời còn ở Stanford: “The Moon and the Snake” (1989) và “Life by the Ocean” (1990). Bấy giờ, càng ngày càng tăng, Finch quay sang bi kịch, kết quả là nhận lấy một chân nội trú viên đạo diễn cho Magic Theater ở San Francisco.

Việc làm hàn lâm đầu tiên mà Finch nhận là nhà-thơ-nội-trú kiêm phụ tá giảng viên Văn chương tại University of Northern Iowa (1992-1995). Trong những năm này, bà nổi bật trong bối cảnh thơ toàn quốc, vừa là chủ bút vừa là học giả của thơ Tân hình thức, xuất bản hai tác phẩm vỡ nền: *The Ghost of Meter* (1993) và *A Formal Feeling Comes* (1994). Bà vẫn tiếp tục làm thơ dựa trên phẩm chất bi tính và âm giọng của chữ, ý nghĩa theo khuôn mẫu tâm lý học Jung về phái tính nữ và về đàn bà. Sự quan tâm của bà trong âm thanh dẫn đến sự phối hợp chu kỳ bài hát, *The Furious Sun in her Mane*, trình diễn năm 1994, và một khúc thơ phổ nhạc, *Cantata for my Daughter*, trình diễn năm 2001.

Năm 1995, Finch rời Northern Iowa qua Miami University ở Ohio cho đến nay. Năm 1997, sau khi đánh dấu chỗ đứng của mình trong chủ nghĩa

Tân hình thức, Finch xuất bản tập thơ đầu tiên, *Eve*. Trước đó cái nhìn sơ về cuốn này đã hé vào năm 1996 khi mười hai bài thơ, in trong tập đó, được xuất bản bởi Aralia, một nhà xuất bản Tân hình thức nhỏ, mang tựa đề *Catching the Mermother*. Những bài thơ trong tập được chia ra chín phần, mỗi phần được giới thiệu bằng một bài thơ nói về một nữ thần khác nhau rút từ nhiều truyền thống và văn hóa khác nhau trong thời gian và không gian. Nói chung, *Eve* đã vạch được một dấu trường thi vị cho thơ Tân hình thức nói riêng, và cho thơ phái nữ và thơ Mỹ đương đại nói chung. Trong *Eve*, Finch cho thấy khả thể để viết về huyền bí, về tâm hồn, về “nữ thần” trong thời đại do dự này. Bà còn là thí dụ cho thấy làm thế nào để có thể viết trong nhiều cấu trúc hình thức đủ loại trong lúc vẫn giữ nguyên cường điệu cảm xúc nữ tính của mình.

Mặc dù Finch luôn luôn định nghĩa mình trước tiên và sau rốt, là một nhà thơ, bà gọi sự chú ý trước tiên là tài lý thuyết và bình bút trong cả hai cuốn *The Ghost of Meter* (1993) và *A Formal Feeling Comes* (1994). Khi phát hành, cả hai cuốn đều tạo nên nhiều tranh luận. Thí dụ cuốn *The Ghost of Meter*, Finch tranh luận cho sự hiện hữu của “nguyên tắc thể luật”. Bà đưa ra trường hợp dùng thể luật ngay cả trong thơ tự do, và khi làm thế, cuốn sách của bà cùng với cuốn *Missing Measures* của Timothy Steele, biến thành một xác ngôn Tân hình thức khác trên sức mạnh dẻo dai và sự quan trọng của thể luật trong thơ Mỹ. Tuy nhiên, không như Steele, Finch không ly biệt thơ tự do với thơ thể luật, bà đọc thấy một “qui tắc thể luật” trong chính thơ tự do, tạo dựng nên không phải một thứ lưỡng phân mà là nối dài trong thơ Mỹ. Về tác phẩm của mình trong bài phỏng vấn của *Poetry Flash*, bà nói: “Tôi là nhà thơ đang bị khủng hoảng lý lịch, tôi được nuôi nấng trong thơ tự do và nhận ra mình bị lôi cuốn không cưỡng chế được về phía làm thơ có thi luật.” Cái khủng hoảng này có phần nào nghiêm trọng hơn, khi bất tình với thi luật ở cuối thập niên 80 là một chuyện không kém tà giáo là bao. Như Finch nói: “Ta được tu luyện từ thi luật mà ra.” Bỏ qua một tu luyện trí tuệ để rời bỏ thi luật, bà không chịu chối từ kinh nghiệm nhà thơ của mình: “là nhà thơ tôi yêu mến thi luật... âm thanh lặp lại, những lặp lại thể chất. Đây là điều tôi cảm được như là một phần của cơ thể, một phần của tai, một phần của tâm hồn từ khi còn bé. Cái ghét bỏ là – như một người văn chương, phức tạp, giáo dục quá lỗ đã được huấn dạy tin tưởng rằng thi luật là sai lầm... Tôi đã ghét nó một cách trí tuệ.”

Finch đã được giáo dục như một nhà trí tuệ khinh miệt thể luật nhưng giáo dục có khi mang lại hậu quả chính trị nội tạng riêng biệt: “Là đàn bà tôi nghĩ tôi có thêm sự ghét bỏ hay nghi ngờ về thể luật hơn; tôi liên hợp nó với truyền thống phụ hệ... Điều mà tôi không ngờ là có nguyên cả một khuôn mẫu nhịp điệu khác hẳn trong Dickinson và những nhà thơ khác – tôi gọi là nhịp ba, nhịp bốn.” Tóm lại, sự khám phá ra “qui tắc thi luật” là cách

để giải thích không những chỉ riêng việc chính bà bị hấp dẫn với thi luật trong tư cách nhà thơ mà còn là năng lực của thể luật trong những nhà thơ nữ quyền như Dickinson. *The Ghost of Meter* giải hòa tình yêu “nhạc thể” của Finch với sự nghi ngờ thể luật về một di sản phụ hệ rõ rệt.

Sự va chạm của cuốn đó với thơ Tần hình thức đã có: nó đánh dấu sự bảo vệ nữ quyền nghiêm túc đầu tiên cho thể luật, bằng cách khảo sát sự hiểu biết rộng rãi hơn về thể luật như một cấu trúc lặp âm, buộc ta phải thích hợp nhịp ba và nhịp bốn trong bất cứ nghiên cứu thi học nào. Nghiên cứu của Finch đưa ra một truyền thống thi luật cho phái nữ đã từng bị bịt miệng một cách hiệu quả hơn cả trăm năm nay. Thật vậy, những ám chỉ bóng gió cho truyền thống thể luật nữ quyền đã được giới thiệu trong bài viết có ảnh hưởng và quan trọng của bà về nhà thơ thế kỷ 19, Lydia Sigourney (1987).

Trong cuộc phỏng vấn của *Poetry Flash*, bà giải thích sự quan trọng của định nghĩa nổi trội này về thể luật:

Những nhà thơ mà tôi đề cập đến đều là những nhà thơ đã làm thơ tự do hoặc ít ra trong thơ thi luật biến dạng ở thế kỷ 19, có khuôn mẫu thể luật mềm dẻo hơn trước. Và tôi cũng nhận ra, đối với những nhà thơ đó, chính khuôn mẫu thi luật có ý nghĩa. Khuôn mẫu thi luật ám chỉ một cách cụ thể, vô thức những thái độ khác về truyền thống văn hóa, những thái độ khác về truyền thống văn chương, và có lẽ, những thái độ khác về phái tính.

Điểm quan trọng của tranh luận này được nhận ra ngay tức thì. Trong *The Virginia Quarterly Review*, nhà điểm sách viết: “Trong khi kẻ hở giữa nghiên cứu văn hóa và phê bình hình thức có vẻ nứt rạn to hơn, cuốn sách can đảm này lại tự sắp mình vào việc hòa giải đầy tham vọng cho cả đôi bên.” Trong tờ định kỳ lý thuyết, *Style*, nhà học giả, Timothy Morris, đã viết, cuốn sách của Finch “là một đường giáp nước trong nghiên cứu về quan hệ của thể thơ với ý nghĩa. Lý thuyết của Finch về ‘qui tắc thi luật’, là ‘ám chỉ rằng thể luật trong một bài thơ hữu cơ theo thi luật có thể tác động như một ngôn ngữ’, cho phép bà tranh luận rằng thể luật ban hành ý nghĩa không phải chỉ theo trường hợp, hay có chiến lược, mà ở một đẳng cấp tương đối lớn hơn của tính xuyên bản văn hóa.” Điều rất lạ cho một cuốn sách giáo huấn, chưa kể lại là một cuốn về thi học, là cuốn này được ấn hành đến lần thứ hai.

Khi *The Ghost of Meter* được phát hành, nhiều độc giả đã ngạc nhiên khi biết nó được viết bởi một nhà thơ. Tuy nhiên, như Finch nói với *Contemporary Authors*, “thơ là chú điểm của đời sống nội tâm và ngoại tâm của

tôi từ khi tôi mới có chín tuổi.” Như Marianne Moore, và người hùng của riêng bà, Emily Dickinson, Finch không vội đưa thơ mình đi in. Bà thường giữ cho riêng bà, mài dũa, sửa lại, có khi mất vài năm để hoàn chỉnh chỉ một bài thơ. Finch cũng không tin rằng cộng đồng văn chương sẵn sàng nghe loại thơ mà bà đã bắt đầu viết.

Để tạo nên bối cảnh và tập thể cho tác phẩm của mình lúc bấy giờ, cuốn thứ hai, *A Formal Feeling Comes* (lấy tựa từ một bài thơ của Dickinson), là một thi tập thơ hình thức của 60 nhà thơ nữ đương đại trong đó có Finch. Mỗi nhà thơ được biểu trưng bằng thơ tuyển và ghi chú riêng về kinh nghiệm của họ với thể thơ hình thức. Cuốn thi tập tạo nên một liên kết chính yếu cho hiện tại và quá khứ qua truyền thống hình thức đối với những nhà thơ nữ. Nó còn cho thấy là bao nhiêu người phái nữ đương đại đang tham dự trong những vấn đề đặt ra bởi sự giao hợp giữa hình thức và phái tính, hình thức và quốc gia, hình thức và tiếng nói.

Và cũng quan trọng không kém là nhà xuất bản của thi tập, Story Line, nhà xuất bản “gà nhà” của Tân hình thức. Sự kiện Story Line xuất bản cuốn này cho thấy, là một phong trào, Tân Hình Thức không chấp nhận việc bị cho là một phong trào dành riêng cho nam giới phụ hệ, bảo thủ ngược-chiều-truyền thống liên hệ với chính trị Mỹ bảo thủ. Như Finch đã nói trong *Contemporary Authors*: “Ở vào lúc mà thuyết hình thức được cho là liên hệ rộng rãi với thuyết bảo thủ phản động, tôi rất hân diện được làm người xây cầu để mở rộng định nghĩa của thể thơ và bày tỏ giá trị của nó với những nhà thơ không thể cảm thấy dễ chịu với nó.” Nếu *The Ghost of Meter* đem đến cho cộng đồng văn chương một chứng giải lý thuyết lịch sử cho Tân hình thức trong thơ phái nữ, bằng cách mở mang ý tưởng về thể thơ, *A Formal Feeling Comes* giới thiệu với cộng đồng thơ một nhóm nữ linh hoạt và đa dạng đã giao ước với các vấn đề thể thơ. Trong cuộc phỏng vấn với *Poetry Flash*, Finch đã nói về cả hai cuốn như sau:

Tôi đang tìm thể thơ ở một nơi mà nhiều người sẽ không tìm kiếm nó. Trong *The Ghost of Meter* tôi đã tìm thể thơ và thi luật trong thơ tự do, và trong *A Formal Feeling Comes* tôi đã tìm ra thể thơ trong những bài thơ mà vài ba người sẽ cho là không phải. Và trong cả hai trường hợp tôi đã gắng tìm một chỗ đứng cho mình như một nhà thơ. Một trong những động cơ chính thoạt đầu của tôi khi bình bút thi tập này là một động cơ chính trị. Tôi cảm thấy bị phân chia giữa cái đáng lẽ là phản động bảo thủ, văn tả phong tục hồi tưởng mà nhà thơ “hình thức” nên tham dự, với tư tưởng chính trị nữ quyền của riêng mình. Sự xung đột này có cái gì không phải. Tôi đã cảm thấy

rằng thơ có thi luật rất mạnh mẽ trong cách nó chạm đến nguồn rễ của nhu cầu con người, và quan niệm của tôi là trở về với nhu cầu đó – đặt cái nhu cầu ấy trước nhất. Tôi muốn giật lấy sức mạnh của thơ hình thức và mở nó ra cho những mục đích khác hơn là bảo trì một cách bảo thủ cái sức mạnh đẳng cấp đang hiện hữu. Tôi đã bắt đầu với cảm tưởng mình là nhà thơ nữ duy nhất theo nữ quyền và làm thơ theo thi luật. Khi thực hiện xong tác phẩm, tôi nhận ra đã có một đời đối tận gốc rễ nghiêng về chủ nghĩa hình thức giữa những nhà thơ nữ, rất nhiều người đã không biết rằng những người khác cũng đang làm giống như mình.

A Formal Feeling Comes được đón nhận ngay lập tức, ngay cả bút chiến. Tại Đại hội hàng năm the Associated Writing Program năm 1994, một buổi họp đặc biệt dành riêng để thảo luận về cuốn thi tập này. Cái cảm tưởng rằng có một thay đổi nói chung, ít ra là thơ của phái nữ, nhất là thơ nữ quyền, sẽ không phải tìm tiếng nói của mình riêng trong cái chật hẹp chính thống của thơ tự do. Viết bài điểm sách trong *Eugene Weekly*, Alice Evans miêu tả cảm tưởng chung:

Tôi thú nhận là có thiên vị với thơ tự do, và như vậy thoát đầu tôi đọc *A Formal Feeling Comes* với sự ngần ngại, nếu không muốn nói là báo động. Đây là loại thơ mà chính cá nhân tôi cũng đã tìm cách giết đi, khi đã từng hấp thụ châm ngôn đang thịnh hành của những thập niên 70 và 80 cho rằng thể thơ, nhất là thơ có vần và theo thể luật nghiêm ngặt, là thứ mà những nhà thơ tân thời phải ra khỏi.

Nhưng ở đây là 60 nhà thơ nữ hiện đại, kể cả những nhà thơ tên tuổi như US Poet Laureate Rita Dove và nhà thơ đoạt giải Pulitzer, Carolyn Kizer, cũng hát bài ngợi ca thể thơ, đưa ra lời chứng cho nét đẹp mãi mãi của nó. Đất đai đã từng bị khai khẩn quá mức giờ lại có thêm lớp đất mới ở trên. Gốc rễ đã bị chặt đứt bởi cái xuồng bèn khinh thị cho thấy nó đã nằm quá sâu để bị tiêu hủy. Cây cối không những mọc trở lại, mà thật ra chúng vẫn đang sống từ trước cho đến giờ.

Ngược lại, Langdon Hammer, viết trong *The Yale Review*, không

giấu nỗi sự ngần ngừ của mình trước định nghĩa rộng rãi về thể thơ của thi tập, hay với cả phương trình cho rằng thể luật và phái tính có liên hệ mật thiết: “Một nhà thơ bản xứ Mỹ (Native American) làm thơ theo thể luật bản xứ Mỹ không phải là nhà thơ hình thức, tất nhiên, đồng nghĩa với một nhà thơ nữ làm thơ có vần và thể luật không phải là nhà thơ hình thức.” Đích thực đấy là sự phỏng định quá dễ dàng đằng sau chữ “tất nhiên” này, cả hai *The Ghost of Meter* và *A Formal Feeling Comes* đều có ý thách thức. Trong cuộc phỏng vấn chưa phát hành, Finch giải thích rằng đối với bà, thể thơ là về sự lặp lại âm giọng và cấu trúc âm vực trong một bài thơ: nó không giới hạn trong những xác định lặp lại quen thuộc của truyền thống phương Tây. Chỉ riêng việc Hammer bác bỏ sự phối hợp giữa cấu trúc và thể thơ đủ để tô đậm hơn sự va chạm tranh cãi trong lý thuyết thơ của Finch. Như bà đã nói với *Contemporary Authors*, “Tôi đã thấy không có sự chấp nhận sẵn sàng nào về việc trộn lẫn thi vị riêng biệt của tôi, đam mê, âm nhạc và giác quan đàn bà. Qua nghiên cứu phê bình về truyền thống thơ phái nữ và những phức tạp của tác dụng thi luật, cũng như qua những đề án bình bút đã mở rộng định nghĩa về thơ theo thi luật... Tôi cảm thấy, sau cùng rồi mình đã tạo được bối cảnh văn chương mà trong đó thơ của mình có thể có ý nghĩa.” Tuy nhiên, như bài điểm sách của Hammer đã vạch, ngay cả bối cảnh cũng khó mà đạt được.

Cho tất cả mọi việc làm, trên lý thuyết cũng như trên nhuận sắc để mở rộng thơ Tân hình thức với mục đích có được một cộng đồng nhà thơ và những quan tâm chính trị lũy tiến, trên mọi thứ khác, tự chính Annie Finch là một nhà thơ. Nếu muốn hiểu được sự thôi thúc nằm sau hai cuốn sách của bà, ta phải để ý đến giác quan thơ của bà. Sau khi phát hành hai cuốn đầu, bà cho ra đời cuốn *Eve* (1997). Tuyển tập này, cũng được phát hành bởi Story Line, là sự pha trộn độc vị với âm nhạc, cảm tính nữ, ma thuật, huyền thoại, và nhiều thể thơ đa dạng. Để chứng minh việc làm của bà trong *A Formal Feeling Comes* và *Ghost of Meter* đơm trái đậu quả, *Eve* được nhìn nhận như một cố gắng thi vị đơn độc. Cuốn này đã vào chung kết của ba giải thưởng toàn quốc: the Yale Series of Young Poets, the National Poetry Series, và the Great Lakes Writers Award.

Và những bài điểm sách cũng chứng minh, những cuốn sách đầu của Finch đã thiết lập nên bối cảnh quan trọng cho thơ của riêng bà. Tuy nhiên, đây là kết quả con dao hai lưỡi. Trong *The Georgia Review*, Judith Kitchen lựa riêng ra những quan tâm về thể thơ trong tuyển tập, như thể chúng là quan trọng hơn những quan tâm nóng bỏng khác. Ta có thể ngờ vực rằng, vì cả hai, nhà xuất bản Story Line, cũng như chính Finch, đã tự khẳng định chính yếu là chủ trì cho những bước tiến mới của thơ. Kitchen đã, và đang, bị ảnh hưởng không đúng lúc. Bà nói: “Ta có thể cảm nhận được nội dung

của cuốn này là mối quan tâm hạng thứ của Finch – mối quan tâm chính là thể thơ.” Ngược lại, C.L. Rawlins, viết trong *The Bloomsbury Review*: “Dù được xem là một học giả, tận trong xương tủy Finch là một nhà thơ, và *Eve* là tập thơ hay và nguyên thủy nhất mà tôi đọc được trong suốt nhiều năm. Bắt đầu với chín nữ thần tổ tiên, bà phối hợp cho từng nữ thần một bài thơ mở đầu tiết đoạn, phản ánh không những chỉ có nội dung mà gồm cả văn phong của nguyên bản; thí dụ như ‘Inanna’ lấy từ Sumerian hymns một câu nhịp bốn, chia thành hai phần... Từ khởi điểm thần thoại, mỗi đoạn rõ hướng theo nhiều cách rất lạ lùng. Thí dụ như, theo sau ‘Inanna’ là bài thơ về câu cá ở vịnh San Francisco mà bằng cách khác lạ với Elizabeth Bishop, bài thơ ‘The Fish’ biến thành một gặp gỡ với vực sâu của nguồn hứng. Thay vì là một con cá trồi lên mặt nước, đây lại là ‘mermother’”. Tương tự, nhà thơ Carolyn Kizer, viết trong *The Michigan Quarterly*, chính yếu là để đáp lại cách Finch liên hợp đề mục với thể thơ của bà:

Được viết bởi Annie Finch, *Eve* đã giao ước một cách nồng nàn, như những nhà xuất bản ưa nói, và chắc chắn là thế, với vài nhà thơ hình thức cũ, nhà thơ hình thức mới, và với những nhà thơ đơn giản chỉ là nhà thơ như tôi. Chúng tôi đã giật mình bởi những bài thơ của bà trên những định kỳ văn chương và trong thi tập của bà, *A Formal Feeling Comes*. Chúng tôi thích cách dùng thần thoại trong bối cảnh hiện đại; chúng tôi yêu cái năng lực hoang dã được kềm giữ trong thể luật. Trong bài điểm thơ lý thú, nhà thơ C.L. Rawlins nói rằng ‘Nhịp điệu và thể luật của bà không phải chỉ là một loại gấn bó thời trang đã qua... mà là chìa khóa âm-vực-sinh-hóa cho trí nhớ và cảm xúc, là những thứ đã hiện hữu trước chữ viết.’ Thật ra bà đã xóa được thời gian đường thẳng: hợp những thần kỳ xưa cũ với những biến cố hiện thời. Einstein có thể đệm cho bà với vĩ cầm của ông.

Điểm nổi bật riêng của *Eve* là cách nó thu xếp để hiệp lực với nhiều đối xứng: phái nam và phái nữ, tinh thần và vật chất, thần thoại và khoa học, tưởng tượng và lý lẽ, âm nhạc và lời nói, thơ tự do và thể luật, thi luật nhịp ba và nhịp đôi. Những bài thơ tự do như “Another Reluctance” làm cho một cú điệu nói bình thường thành như hát với loại nhạc không bình thường:

Chestnuts fell in the charred season,
fell finally, finding room

in air to open their old cases
so they gleam out from the gold leaves
in dust now, where they drop down.

Tất cả lời nhạc trong cuốn này quan tâm đến kinh nghiệm của phái nữ qua cái nhìn văn hóa hay cá nhân. Trong “My Raptor,” Finch xem việc thai nghén và con cái là một bài thơ thám hiểm sự kiện ẩn tàng, có trước tiếng nói và đầy bí ẩn của thai nghén. Bài thơ thám hiểm những gì không hợp lý, hữu lý hay y học:

My mind learned not to care
whether thoughts I felt he noticed with no fear
were mine alone – or whether he could hear.

Ngược lại, những bài thơ khác lại giao ước với khía cạnh phụ hệ của truyền thống Anh. Trong “Tribute,” bà tán dương Emily Dickinson là người đàn bà trong một kinh điển ngập tràn đàn ông. Trong “Coy Mistress,” bà cho nhân vật của nhà thơ Andrew Marvell, trong bài “Coy Mistress” của ông, có bài thơ bất bẻ của riêng nàng. Bài thơ, lời bất bẻ, cũng là lời bất bẻ với nguyên cả truyền thống về thơ theo đuổi tình cảm. Mấy câu chốt của bài như sau: “You’re praised my eyes, forehead, breasts / you’re all our lives to praise the rest.” Trong nhiều bài thơ nhắc đến huyền thoại phái nữ, “No Snake” tỏ bày cách nào mà huyền thoại có thể biến thành một đại lý tích cực trong kinh nghiệm sống của ta:

Inside my Eden I can find no snake.
There’s not one I could look to and believe,
obey and then be ruined by and leave
because of, bearing children and an ache.

Lưu ý với thi luật của tiết thi và cách đùa chữ nhẹ nhàng với ý nghĩa, một nhà điểm thơ viết, “Anh ngữ, không giống tiếng Ý hay Tây Ban Nha, rất dễ ở nhịp-cuối, nghiêng về những hình dung như phép điệp vận và nhấn. Điều này làm nhịp điệu biến thành một thách thức khá lớn, thứ thách thức mà hầu hết mọi nhà thơ thường rần sức để làm... Nhưng Finch không hề rần sức chút nào hết, bà làm thơ thể luật như chim cất cánh.” Sau rồi, cũng nên nói rằng chú điểm của cuốn này về nữ tính bao gồm cả hình ảnh của nữ thần, sợi chỉ nối chín đoạn trong sách lại với nhau. Là một tập thơ ra mắt rất thơ mộng, *Eve* tạo nhiều ấn tượng với các nhà điểm thơ. Họ lưu ý đến cách sử dụng kỹ thuật, chín chắn trong viễn ảnh, và những điểm bất thường khác, thường có trong những tập thơ đầu tay.

Sau khi xuất bản tuyển thi đầu tiên ấy, Finch tiếp tục theo đuổi nhiều thứ khác nhau, nhưng bà cũng bắt đầu đặt nghi vấn về phong trào Tân hình thức, ngay cả trong lúc tiếp tục là người biện giải cho liên hợp cấu trúc với thể luật. Như thể công bố khoảng cách với Tân hình thức, bà xuất bản, cũng qua Story Line, cuốn thứ tư, tuyển tập tiểu luận phê bình viết bởi các nhà thơ: *After New Formalism* (1999). Chữ chính trong tựa đề, “after” (sau), ám chỉ, theo Finch, cái xung động đang sau Tân hình thức, những vấn đề thơ có tầm vóc quan trọng đối với những nhà thơ đương đại, đã thắng cuộc.

Tuyển tập này được chia ra làm ba phần: “Traditions”, “Poetics”, “Directions.” Tổng hợp lại, những bài tiểu luận này tấn công các nghi vấn về phái tính, tiếng nói, chủ nghĩa quốc gia và lịch sử văn học, và có nghĩa gì khi đẩy Tân hình thức ra khỏi cái góc, ngày càng chật chội hơn, đã bị xác định bởi chính trị bảo thủ, truyền thống ưu đãi thơ của phái nam, và văn chương ngày càng tăng gia đối xứng với những quan tâm văn chương thử nghiệm. Như Finch đã nói trong bài phỏng vấn chưa phát hành với Kristina Emick, quan tâm lý thuyết chính yếu của bà với thơ hình thức, tức thơ có cấu trúc, có ba mục tiêu: để chứng minh rằng “chủ nghĩa hình thức có thể rất đa dạng,” chủ nghĩa hình thức “có thể cưỡng chế được trên lý thuyết,” và sau chót, “để cho thấy rằng hình thức không cần thiết phải là phản động chính trị.” Trong *After New Formalism*, bà và những nhà thơ góp mặt trong đó, bào chữa cho cả ba vị trí nói trên.

Cũng cùng lúc ấy, Finch bắt đầu một cuộc nói chuyện căng rắn với những nhà thơ thử nghiệm Mỹ avant-garde lưu tâm đến ý tưởng của bà về thể thơ. Cuộc nói chuyện này đưa đến kết quả là một thi tập khác, họa hình những ý tưởng mở rộng của Finch về thi luật. Cuốn sách ấy, *An Exaltation of Forms: Contemporary Poets Celebrate the Diversity of Their Art*, đồng bình bút với Kathrine Varnes (Michigan, 2002), mang những nhà thơ nam nữ từ đủ mọi căn bản và truyền thống lại gần với nhau. Mỗi nhà thơ đưa ra một giám định lịch sử và thảo luận về thể thơ cũng như nhiều bài thơ thí dụ, 60 nhà thơ đã cùng nhau thảo luận về sáu mươi thể thơ kể cả một thể loại cấu trúc thi luật, tiết thi và avant-garde.

Vẫn hợp tác xuất bản với Story Line, gần đây Finch đã dịch toàn bộ thơ của nhà thơ Pháp thời Phục Hưng, Louise Labé cho nhà xuất bản University of Chicago Press và hoàn tất hai tập thơ mới. *Landing Under Water* (vào chung kết 2000 National Poetry Series, xuất bản bởi Story Line, 2002) là một tuyển thi thơ nhạc tính về tử vong, quan hệ con người và đặc tính tự nhiên kể cả vài kinh tụng cho những mùa khác nhau, một bài bi thán, và một bài chúc hôn. *Marie Moving* (Story Line đang in) là một bài thơ hùng ca, viết theo thể dactyls và kể lại câu chuyện huyền thoại của một người đàn bà trải qua sự hãm hiếp, phá thai rồi đến thời kỳ thay đổi tinh thần

thành bảy nữ thần qua nhiều dạng con người và những thứ khác.

Tóm lại, tài nghệ của Finch như một nhà thơ, lý thuyết gia, và bình bút, nhiều hơn bất cứ nhà thơ Tân hình thức nào khác, đã đem vài vấn đề hầu như khó khăn nhất và cần thiết nhất ra tuyến đầu của tranh luận thơ đương đại. Điều mà bà đòi hỏi là, những nhà thơ muốn nói gì khi dùng chữ thể thơ? Những câu trả lời cho câu hỏi đó còn tùy ở sự xác định phái tính? Có những tư tưởng chính trị bao hàm trong những định nghĩa như thế hay không? Còn chỗ nào trong đàm luận lý thuyết cho sự bí ẩn và đam mê của thơ hay không? Đặt những câu hỏi như thế trong thơ của bà, và cũng thường tự trả lời chúng trong thơ mình, Finch đã trở thành một trong những chân dung trọng yếu trong thơ đương đại Mỹ.

Nguyễn Thị Ngọc Nhung dịch

From the forthcoming edition of The Dictionary of Literary Biography (DLB)

ANNIE FINCH

Lời tòa soạn: Vì muốn bạn đọc ngay nguyên bản để nghe được chính âm thanh của ngôn ngữ tiếng Anh, chúng tôi chỉ dịch theo nghĩa đen theo văn xuôi và ghi chú thể của bài thơ. Cách đọc, chúng tôi đã từng ghi chú ở những số trước, nên không nhắc lại nữa. Mong bạn đọc thông cảm.

NO SNAKE

Inside my Eden I can find no snake.
There's not one I could look to and believe,
obey and then be ruined by and leave
because of, bearing children and an ache.

I circle down on Eden from above,
searching the fields in solitude and love
like a high hawk. She would never forsake

this place that's made again of memory;
she'd wait in that tree below me, spring
out towards my growing shadow, let it bring
a sudden hope that she could coil free;

but she's not here. Only mountains that curve,
and dip around the valley when I swerve,
settle with dark heights, as I near the tree.

KHÔNG CÓ RẮN

*Không thể tìm ra rắn trong vườn Địa Đàng của tôi
Không có con nào để tôi có thể tìm thấy và tin tưởng,
vâng lời để rồi bị hủy diệt bởi nó và bỏ đi
chỉ vì, mang con cái và một nỗi đau.*

*Từ trên cao tôi lượn xuống Địa Đàng,
tìm kiếm trên những cánh đồng trong cô quạnh và yêu thương
như con ó cao cả. Con rắn ấy sẽ không bao giờ bỏ*

*nơi đã được tạo nên bởi ký ức một lần nữa;
nó sẽ đợi trên nhánh cây bên dưới, lao
về phía bóng tôi đang lớn dần, để bóng ấy mang tới
một hy vọng bất ngờ rằng nó có thể vận mình được tự do;*

*nhưng nó không có dây. Chỉ có núi non uốn cong,
và lún quanh thung lũng khi tôi vờn nghiêng,
thong thả với chiều cao tối, lúc gần với cây.*

SAPPHICS FOR PATIENCE

Look there? something rests on your hand and even
lingers, though the wind all around is asking
it to leave you. Passing the windy passage,
you have been chosen.

Seed. Like dust or thistle it sits so lightly
that your hand while holding the trust of silk gets
gentle. Seed like hope has come, making stillness.
Wish, in the quiet.

If I stood there? stopped by a windy passage?
staring at my hand? which is always open?
hopeful, maybe, not to compel you, I'd wish
only for patience.

BÀI THƠ CHO KIÊN NHẪN

*Hãy nhìn kia? có cái gì đang an nghỉ trong tay bạn và có khi
lưu luyến, qua cơn gió vây quanh kêu gọi
nó bỏ bạn đi. Qua những con đường gió lộng này,
bạn đã lựa chọn.*

*Hạt giống. Như bụi hay gai ngồi im nhẹ nhàng
để tay bạn trong lúc nắm giữ niềm tin tơ lụa trở nên
êm ái. Hạt giống như hy vọng đã đến, làm nên tĩnh lặng.
Lời ước, trong thỉnh lặng.*

*Nếu tôi đứng đó? ngừng lại vì con đường gió lộng?
nhìn xuống tay mình? lúc nào cũng mở rộng?
hy vọng, có lẽ, không phải để cưỡng ép bạn, tôi chỉ
cầu mong kiên nhẫn.*

Nguyễn Thị Ngọc Nhung dịch

ELIZABETH ALEXANDER

DEADWOOD DICK

"Come on, and slant your eyes again, OBuffalo Bill."

— Carl Sandburg

Colored cowboy named Nat Love,
They called him Deadwood Dick.
A black thatch of snakes for hair,
Close-mouthed. Bullet-hipped.

One knee bent like his rifle butt,
Just so. Rope. Saddle. Fringe.
Knock this white boy off my shoulder.
Stone-Jawed, cheekboned man.

Mama, there are black cowboys.
A fistful of black crotch.
Deadwood Dick: Don't fuck with me.
Black cowboy. Leather hat.

DEADWOOD DICK

*Gã cao bồi da đen tên Nat Love,
Họ gọi hắn là Deadwood Dick.
Đống răn rậm như rạ đen làm tóc,
Miệng mím chặt. Dây dạn hồng.*

*Một đầu gối cong như báng súng,
Vậy đó. Dây thừng. Yên ngựa. Viên tua.
Đấm vắng thằng da trắng này đi.
Người đàn ông hàm cứng, gò má cao.*

*Má ơi, có cao bồi da đen.
Háng đen cộm đầy nắm tay.
Deadwood Dick: Đừng kiếm chuyện với tao.
Cao bồi da đen. Nón da.*

Ltt dịch

Elizabeth Alexander, sinh năm 1962. Tập thơ đầu tiên, *The Venus Hot-tentot*, in năm 1990. Học tại đại học Yale và Boston, với nhà thơ Derek Walcott. Dạy tại đại học Chicago từ năm 1991.

Bài thơ “Deadwood Dick” viết theo thể quatrain. Đây là thể loại thơ gồm đoạn thơ 4 dòng, vần hay không vần, thể luật hay tự do.

BRUCE BAWER

THE VIEW FROM AN AIRPLANE
AT NIGHT, OVER CALIFORNIA

This is a sight that Wordsworth never knew,
whether looking down from mountain, bridge, or hill:
An endless field of lights, white, orange, and blue
as small and bright as stars, and nearly still,
but moving slowly, many miles below,
in blackness, as star crawl across the skies,
and ranked in rows that stars will never know,
like beads strung on a thousand lattices ties.
Would even Wordsworth, seeing what I see,
know that these lights are not well-ordered stars
that have been here a near-eternity,
but houses, streetlamps, factories, and cars?
Or has this slim craft made too high a leap
above it all, and is the dark too deep?

NHÌN TỪ MÁY BAY BAN ĐÊM, Ở CALIFORNIA

Đây là thắng cảnh Wordsworth chưa bao giờ biết
hoặc nhìn xuống từ núi, cầu hoặc đồi:
Một cánh đồng ánh sáng vô biên, trắng, cam, xanh
nhỏ và sáng giống những vì sao, và hầu như đứng lặng
nhưng di chuyển chậm chạp, nhiều dặm phía dưới,
trong bóng đen, như vì sao trườn qua bầu trời
sắp thành hàng mà những vì sao không bao giờ biết đến,
tựa những hạt xâu chuỗi trên hàng ngàn nút mắt lưới.
Ngay Wordsworth, đang thấy gì tôi thấy, có biết rằng
những đốm sáng không phải là những vì sao ngay gần
đã tồn tại gần như đời đời ở đây,
mà là những ngôi nhà, đèn đường, xưởng máy, xe cộ?
Hay chiếc máy bay mỏng manh này đã vọt quá cao
trên hết mọi thứ, và bóng tối quá sâu?

Ltt dịch

Nhà thơ và phê bình Bruce Bawer, sinh năm 1956, sống tại New York City. Tác giả tập thơ *Coast to Coast*. Bài thơ sau đây viết theo thể sonnet, 14 dòng, thường là vần và iambic.

JULIA ALVAREZ

HOW I LEARNED TO SWEEP

My mother never taught me sweeping...
One afternoon she found me watching
t.v. She eyed the dusty floor
boldly, and put a broom before
me, and said she'd like to be able
to eat her dinner off that table,
and nodded at my feet, then left.
I knew right off what she expected
and went at it. I stepped and swept;
the t.v. blared the news; I kept
my mind on what I had to do,
until in minutes, I was through.
Her floor was as immaculate
as a just-washed dinner plate.
I waited for her return
and turned to watch the President,
live from White House, talk of war:
in the Far East our soldiers were
landing in their helicopters
into jungles their propellers
swept like weeds seen underwater
while perplexing shots were fired
from those beautiful green gardens
into which these dragonflies
filled with little men descended.
I got up and swept again
as they fell out of the sky.

I swept all the harder when
I watched a dozen of them die...
as if their dust fell through the screen
upon the floor I had just cleaned.
She came back and turned the dial;
the screen went dark. *That's beautiful*,
she said, and ran her clean hand through
my hair, and on, over the window-
sill, coffee table, rocker, desk,
and held it up – I held my breath –
That's beautiful, she said, impressed,
she hadn't found a speck of death.

LÀM SAO TÔI HỌC QUÉT NHÀ

Mẹ tôi chưa bao giờ chỉ tôi quét nhà...
 Một buổi trưa, bà thấy tôi đang xem
 t.v. Bà trở mắt nhìn xuống sàn nhà đầy bụi bặm,
 đưa tôi cái chổi, và nói bà muốn
 ăn cơm tối dưới cái sàn kia,
 bà gật đầu ra hiệu cho tôi đoạn bỏ đi.
 Tôi biết bà muốn gì
 và đi làm ngay. Tôi vừa bước vừa quét;
 tin tức từ t.v. như chọc vào tai; tôi để tâm
 vào công việc phải làm,
 và trong khoảnh khắc đã xong.
 Sàn nhà sạch trơn
 như cái đĩa ăn mới rửa.
 Tôi đợi bà trở lại và quay nhìn
 Tổng thống, trực tiếp từ tòa Bạch Ốc, nói về chiến tranh:
 ở vùng Viễn Đông, lính trận của chúng ta
 đổ bộ từ trực thăng
 xuống rừng già những cánh quạt
 trông như cỏ dại nhìn dưới nước
 trong lúc súng nổ loạn xạ
 từ khu vườn xanh tươi
 nơi những con chuồn chuồn
 bên trong đầy nhóc người bé tí đang hạ xuống.
 Tôi đứng dậy và quét sàn nữa
 trong lúc chúng từ trên trời lao xuống.
 Tôi quét mạnh hơn khi
 trông thấy một tá người chết...
 như thể cát bụi họ xuyên qua màn hình
 phủ lên sàn nhà tôi vừa quét sạch.
 Bà trở lại và đưa tay vịn nút;
 màn hình tắt. *Thật tuyệt vời,*

bà nói, bàn tay sạch sẽ của bà vuốt tóc
 tôi, và tiếp tục, lên thành cửa sổ,
 bàn cà phê, ghế đong đưa, bàn viết,
 và xem xét – tôi nín thở –
Thật tuyệt vời, bà nói, đầy cảm phục,
 bà không hề tìm thấy một tí dấu vết nào của sự chết.

Trịnh Y Thư dịch

Trịnh Y Thư, dịch giả tiểu thuyết của Milan Kundera, “The Unbearable Lightness of Being” (Đời Nhẹ Khôn Kham).

Bài thơ dưới đây viết theo thể vắn đôi (couplet) với 1 dòng 4 foot hay 8 âm tiết. Heroic Couplet, theo iambic pentameter (1 dòng 5 foot hay 10 âm tiết) bắt đầu với Geoffrey Chaucer, lên tới đỉnh cao vào đầu thế kỷ 18, đặc biệt trong những tác phẩm của nhà thơ Alexander Pope.

TOM DISCH

A BOOKMARK

Four year ago I started reading Proust.
 Although I'm passed the halfway point, I still
 Have seven hundred pages of reduced
 Type left before I reach the end. I will
 Slog through. It can't get much more dull than what
 Is happening now: he's buying crepe de chine
 Wraps and a real, well-documented hat
 For his imaginery Albertine.
 Oh, what a slimy sort he must have been³/₄
 So weak, so sweetly poisonnous, so fey!
 Four years ago, by God!³/₄and even then
 How I was looking forward to the day
 I would be able to forgive, at last,
 And to forget *Remembrance of Things Past*.

DÀI LÀM DẤU TRANG

Bốn năm về trước tôi khởi sự đọc Proust.
 Dù đã được phân nửa, tôi vẫn còn bảy trăm
 Trang chữ li ti trước khi kết thúc. Tôi sẽ
 Miệt mài. Chắc cũng không thể tệ chán hơn bây
 Giờ đâu: lúc này ông đang mua khăn nhiều tàu
 Và một chiếc nón thật, được tỉ mỉ giải thích,
 Cho nàng Albertine tưởng tượng của ông.
 Ôi, cái ông này chắc đã thuộc loại trơ tuột^{3/4}
 Quá yếu, quá dịu hiền thâm hiểm, quá điên rồ!
 Bốn năm rồi, Chúa ơi!^{3/4}và ngay cái lúc ấy
 Tôi đã để tâm hướng tới cái ngày mà tôi
 Sẽ có thể, rốt cuộc, thứ tha và quên tất
 Tuyệt tuột cái chuyện *Đi tìm thời gian đã mất*.

Nguyễn Đăng Thường dịch

Tom Disch (1940—) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết và phê bình sống ở New York City. Tiểu thuyết của ông gồm có: *Camp Concentration*, 334, businessman, và *The Priest*. Thơ gồm: *Burn This*, *Dark Verses and Light* và *A Yes, Let's*. Sách cho trẻ em: *The Brave Little Toaster*. Tiểu luận: *The Castle of Indolence*.

Bài thơ “A Bookmark” viết theo thể sonnet, 14 dòng, thường là vần và iambic parameter.

NGUYỄN ĐẠT

HÀ NỘI

Luân nhìn xuống vực thẳm hà nội
 Ở dưới đó ông mai thảo đêm
 Già từ hà nội hải vực đêm
 Là lẽ tất nhiên ấy tuy nhiên
 Sáng tạo sài gòn vẫn nhức tim
 Với nghìn năm hà nội phố hàng
 Bông hàng đào hàng xén vân vân
 Trưa ngô hội vũ uống cà phê
 Bờ hồ rượu quán rendez-vous
 Đêm phan huyền thư cũng huyền ảo

Hà nội hôm nay hiện đại hơn
 Ấy tuy nhiên vẫn có cái gì
 Kỳ lạ không kể các trai gái
 Tiến vào thế kỷ hậu hiện đại
 Cho anh quá giang xe a còng
 Em bảo đéo chở giai ấy tuy
 Nhiên hậu hiện đại ở khách
 Sạn kim đô phố hàng bông
 Em tâm sự lúc mới thấy anh
 Đã khuynh hướng anh ngay tức khắc

Ấy tuy nhiên hà nội lạ kỳ
 Không ở chỗ tôi vừa mới nói
 Mà ở chỗ nào tôi không rõ
 Mãi tới khi cơn ghen bật lên
 Cơn ghen của thành phố chứng nhân
 Lịch sử nói gì thì nói nên
 Ông mai thảo nói rất có lý
 Vì dù sao ông cũng sẽ yêu
 Vỡ hà nội khi về chác bầy
 Giờ ông mai thảo có thể đang
 Ngồi nghe hồn cổ thăng long thành
 Bồi hồi trên sóng nước hồ gươm
 Ấy tuy nhiên tôi yếu bóng vía
 Nên dù sao cũng nổi da gà.

HOÀNG XUÂN SƠN

MỚ THỜI TRAI

Năm thì mười họa tôi đi
xinê với bà xã. Vì tôi không
có thời giờ chơi lông nhông
như kẻ rỗi nghề vô công. Dài ngày
tớn tốt cột cờ. Dài thầy
mộng mơ mộng đó đây, dật dờ.
Hũ hờ – nhặt nhanh vu vơ
từng khúc từng đoạn trắng hoa. Cuộc đời
tôi không có không gì vui.
Rốt cuộc tôi cũng rong chơi như là
trúng bùa chú úm ba la
lậm tôi như lậm tuổi già. Âm âm
nhớ thời trai vui bất cần
ngày mai. Bất luận xa gần đẩy đưa
tôi sá gì chuyện ăn thua
cứ lủi tuốt vào trận đồ. Thiêu thân
(nóng! quạt lửa.chém vè – thắng!)

Tôi bây giờ muốn lên gân
đực cái chi cũng bằng ngần ấy thôi
ngủm cù đeo nghèo cù đời
sướng củ tử khoái củ ti củ tù
(hôm qua đập phải thức gì?
sáng nghe bụng dạ bao bì
đ
ả
o
đ i ê n

17 juillet 2003

TRẺ THƠ VÀ NGƯỜI GIÀ

Chơi lâu cũng mỏi. Ôi còn đâu
 buổi trai tráng sung như là. Mấy
 tay trẻ thời nay khúc mắc tợn.
 Thách. Ngược lên trời cầm râu tự

tín. Kiến thức chiếc đầu bươm ăn
 thua gì tối những bài thơ. Những
 bài thơ áp chữ rừng ùn đụn
 sóng chồm ngất. Ngất lung hồn đường

đại. Thơ. Đại ý là thơ tuổi
 trẻ đời nay tinh thông bát đạt
 già dạn gớm ghê. Đầu như hoa
 niên mình kẻ ống đu đủ thổi

phồng che tai bịt mắt. Mòn đuôi
 phe phẩy các đấng đàn anh tử
 tế ấy (a! đạn bom dội tung
 đầu lâu ngày có khi thành gạch

đá). Tuổi trẻ ngày nay bốc giời
 ngựa hí. Các em mang tôi đi
 đầu cấu trúc gồ ghề tìm óc
 phẫu thuật thời thượng. Đừng mang tôi

đi các em giày bố êm lết
 lê mòn nhẵn. Đừng mang tôi “ trả
 lại tôi là tuổi trẻ “ hôn mê.
 Giả vờ chiến tranh qua rồi hòa

bình đến vệt vờ hà đồ si
ngây đắm đuối. Giả vờ vờn mây
bể gió cổ điển tôi những cái
chết âm thầm. Giả vờ lãng mạn

yêu như gạ gẫm mùa hung ánh
ngất. Gạ gẫm truy tìm ngọt chất
dao ca trên từng bán dẫn. Tuổi
trẻ ngày nay bén dao gọt nhẵn

thiên đường. Vui lòng các em cho
vịn đứng lên bọn tôi ngồi xoạc
ghế. Tuổi trẻ chiều nay sốt vó
những bài thơ mới đọc ngót người.

tháng tám không ba

KHÁNH HÀ

SAO KHÔNG NÓI CÙNG NHAU

Sao không nói cùng nhau lời từ
 biệt buổi sáng sao không gửi lại
 nhau nụ hôn nồng nàn như thể
 ta sẽ không còn gặp lại. Ngày
 bất trắc đang chờ trên chuyến xe
 buýt có quân cảm tử ở một
 góc phố có trái bom sắp nổ
 ở một con đường có tên điên
 bắn loạn trên máy bay có tên
 khủng bố một tòa nhà kiên cố
 bỗng cháy ra tro thịt xương tan
 nát. Lửa thù hận bốc cháy cây
 thù hận mọc nhanh đâm rễ xuống
 đời con đời cháu. Trên vùng đất
 tai ương trẻ con chết vì thiếu
 thuốc trẻ con chết vì đói trên
 vùng đất giàu có người ta chết
 vì thức ăn bổ béo người ta
 chết vì thức ăn thừa mứa. Một
 thế giới kỳ cục một thế giới
 tai ương một thế giới bất trắc
 Người ta sống từng giờ người ta
 chết từng giờ. Anh ơi anh ơi
 ta có thể mất nhau mà chưa
 kịp nói lời từ biệt có thể

ĐOÀN MINH HẢI

GIOT NƯỚC MẮT HÓA THẠCH CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

Gửi anh Khế-lêm, sau khi đọc bài thơ “Một Cái Chết Trên Truyền Hình” và tất cả bạn đọc đã được thấy những cái chết của người Việt-Nam. Dầu sao tôi cũng xin chia sẻ với gia-đình người đã chết trên mặt phẳng truyền hình.

Xác chết của một lính Mỹ xuất hiện
trên truyền hình Á-rập Aliazcera
vào buổi chủ-nhật nào đó chỉ thoáng
qua trên một mặt phẳng trơn tuột. Cả

thế-giới từng ngày từng giờ đếm và
tổng kết từng xác chết từng người bị
thương, đưa tin trên tất cả phương tiện
truyền thông hiện-đại nhất nhanh nhất. Bà

mẹ ấy người vợ trẻ ấy đứa con
thơ ấy có đứt ruột xót lòng bằng
những người mẹ những người vợ những người
con những người thân thương bạn bè hay

những người tình của cái quê-hương Việt
nam này -- cái quê-hương chậm tiến quê
mùa tụt hậu mà vì tự-ái được
gọi là một quốc-gia đang phát triển.

Quê-hương chúng ta còn có cả một
làng không chồng thì làm sao đếm được
những đứa con không cha... không cha. Có
những bà mẹ có bảy đứa con chết

đủ bảy và còn cộng thêm một người
 chồng... bây giờ bà đã trên tám mươi
 có bà gần trăm. Ôi, cụ mẹ Việt
 nam rất nhiều Cụ mẹ Việt-nam anh

hùng khi người con duy nhất và người
 chồng anh hùng đã chết mà còn nhận
 được tin là anh ấy vẫn chiến đấu
 anh dũng kiên cường trên mọi mặt trận,

một người mà chiến đấu trên mọi mặt
 trận -- và những cụ mẹ những người vợ
 không bao giờ thấy mặt ngay từ ngày
 ra đi... hãy nhớ lấy hôm nay bao

nhiều người chết trên rừng dưới suối làm
 gì biết đường về, vì rừng đã cháy
 suối đã đổi chiều, người sống còn chưa
 biết đi về đâu, sống làm sao và

cái làng không chồng ấy đã chết bao
 nhiêu người chồng, bao nhiêu ông Bố và
 cái làng không chồng ấy có thắm gì
 đối với cả hai miền Nam-Bắc. Người

chết trong cuộc trường chinh này chẳng có
 máy điện toán nào thống kê cho chính
 xác cả nam cả nữ cả người thật
 già kẻ rất trẻ, chết đủ kiểu, những

nghĩa trang hòm không và những nghĩa trang
 không hòm, người ta vẫn tính vào cho
 đủ số, diệu kỳ hơn máy tính. Còn
 gì đau xót hơn khi cuộc chiến đã

tàn sau ba mươi năm vẫn có người
 không muốn nhìn mặt nhau, đó là những
 người sống may mắn hoàn toàn không phải
 những người đã chết may mắn. Và còn

biết bao nhiêu cái chết vẫn còn nằm
lại dâu dỏ trong rừng sâu trên núi
đồi heo-hút trong hầm hố lở sụp
hay một cuối ngõ không tên, cũng không

là một cái chết trên truyền hình mà
là những cái chết trước mắt chúng ta,
chết trong lòng và chết trong tim chúng
ta... tất cả là những tiếng nổ trong
tai chúng ta... Thương quá Việt-nam và

ôi đau xót quá Việt-nam, những cái
chết của người Việt-nam quá thật mà
rất nhiều người cho là thần-thoại huyền
thoại và là những cái chết ảo....

Việt-nam XI, 2003

PHÁO THĂNG THIÊN

Tôi đã học và tôi
Đã thấy trái táo rơi
Xuống, mọi vật không có
Cánh đều rơi xuống tại
Chỗ rơi và đúng chỗ

Tôi cũng đã thấy người
Ta khi bị chặt đầu
Máu vọt bắn lên cao
Như vậy định luật New-
Ton đã sai dù máu
Không thể nào có cánh...

Saigon 09-02

TRÊN ĐẦU CỔ CÚ

Thằng gù và thằng cười
Hai thằng chơi với nhau
Thằng gù thì cứ gù
Thằng cười thì cứ cười

Cái ghế và cái bàn
Cái bàn và cái ghế
Hai cái chơi với nhau
Để ra ly cà-phê

Thằng người và con người
Con người và thằng người
Hai đứa chơi với nhau
Để ra lòng thù hận
Để ra cây cổ cú...

Saigon 101202

SẮP GIAO – THỪA

Chiều ba mươi tết ra đứng giữa chợ,
Tan tác – tan tác, chung quanh tan tác,
Như đàn gà con mất mẹ, lòng tôi
Như tàu lá chuối rách nát tươi bời.

Chiều ba mươi tết ra đứng giữa chợ,
Chờ ai đợi ai – chờ gì đợi gì,
Ai chờ – Ai chờ. Tàu lá chuối khô,
Những giọt mưa trên tàu lá chuối nát.

Chờ một giọt mưa trong đêm giao-thừa.

Chiều ba mươi tết ra đứng giữa chợ,
Chờ Mẹ, chờ em...chờ Cha khuất núi
Còn biết chờ ai nữa. Đã rách nát.
Chờ một bóng trăng trong đêm ba mươi...

Saigon, ngày 30 Tết, 2002-2003

ĐUA SỐNG ĐUA CHẾT

Ra đường bây giờ người sống chạy đua
 với người chết từng đàn từng nhóm xe
 tang chạy loang loáng giấy tiền vàng bạc
 tung bay như truyền đơn rồi như cánh
 hẹ như muốn xóa hết xóa sạch lối
 đi về của người sống và kẻ chết....

Ra đường bây giờ người chết chạy đua
 với người sống xe tang chạy như bay
 bóp kèn qua mặt inh-ỏi, làm người
 chết nằm trong hòm cũng giật mình để
 bay nhanh đến nghĩa trang người sống và
 chết đều gặp nhau... những mộ bia của
 người chết di-động còn người sống thì
 đứng chôn chân qua lớp khói hương... hương

Ra đường bây giờ xe rác cũng chạy
 đua với xe tang người sống thì vẫn
 chạy đua với xe tang giấy tiền vàng
 vẫn như bướm bay vui mắt...

Về nhà bây giờ vắng vẻ âm-u
 lạnh lùng mùi hương khói... từ trong ra
 ngoài vắng ngắt lạnh tanh chỉ còn vài
 chiếc bóng như dính trên vách bất động

Về nhà ... ra đường, ra đường về nhà...

Saigon 201003

Độc Thơ

SÁO CHỌN VỚI BÙI TRÁT

Inrasara

Những khuôn mặt thơ xu hướng cách tân thời gian qua như: Nguyễn Quang Thiều, Trần Tiến Dũng, Mai Văn Phấn... đều nỗ lực đến đâu đường như vẫn ít nhiều kéo lê theo mình không khí miền quê, ruộng đồng Việt Nam – nơi họ sinh ra, sống, hoặc chịu dư hưởng của khí hậu văn chương trước đó. Bùi Chát cắt đứt hẳn. Như Nguyễn Quốc Chánh hôm nay hay xa nữa, Thanh Tâm Tuyền ... đã làm. Đây là thứ thơ thuần đô thị, thứ thơ của đường phố.

Nhưng khác thế hệ đàn anh, Bùi Chát không nhấn trán siêu hình hay trần trọc thế sự to tát. Hẳn thoải mái nói về lông, lá, miệng, lưỡi... hẳn với mở đối tác lĩnh kính xung quanh hẳn nơi cái lỗ của hẳn trong tầng hầm riêng hẳn cùng ba thứ rắc rối của chính hẳn – những “xáo chọn chong ngày” rất ư là vật vãnh của cá thể hẳn. Chính xáo chọn này cộng với bản năng thi sĩ đã nhào nặn một BC đánh hơi và khám phánhiều bất ngờ: quan sát bất ngờ, lối nói bất ngờ, tứ thơ chuyển bất ngờ...

Đừng đòi hỏi ngôn từ đẹp đầy tính “văn chương” trong tập thơ này, thứ ngôn từ lâu nay thiên hạ cứ nghĩ thế mới là thơ, thơ đích thực. Ngôn ngữ Bùi Chát là lời nói hàng ngày của người hẻm phố, hơn nữa – tầng lớp dưới đáy xã hội, có lẽ. Không dừng lại ở đó, Bùi Chát còn cố ý đẩy ngôn

ngữ thơ mình đến tận cùng của thường nhật, mặt trái của thường nhật: mảnh vụn hơn, manh mún hơn nữa – nó ở bên kia cõi xa xỉ trí thức. Bằng xáo trộn các yếu tố tạo từ: nhại triệt để giọng Bắc với các phụ âm đầu *tr/ch, s/x, gi/r*... (tiếc là BC đã không làm tới với âm chính, phụ âm cuối và cả thanh của giọng Trung hay Nam. Muốn dành lại cho tập sau chăng?)

Thứ thơ rác (rưởi) đặc hiệu này có lẽ đây là lần đầu xuất hiện ở VN. Nó mang trong mình làn gió thổi thổi vào không khí thơ chúng ta. Nó buộc chúng ta quay lại nhìn nó. Và nhìn lại cả mình nữa! – Lâu nay, mình có quá thơm, quá diêm đúa lắm không!?

Tập thơ XCCN – phạm thánh, phạm thượng, phạm chữ, phạm nghĩa, phạm cả các khái niệm lâu nay thế giới văn minh tôn sùng như thứ không thể phạm. Nhưng hãy dẹp mấy thứ đó cho nhà luân lí, nhà ngôn ngữ, nhà hoạt động xã hội... phán. May: BC đã không phạm con người!

Chú thích:

Xáo Chộn Chong Ngày — Thơ Bùi Chát, Giấy Vụn 2003

THƠ TÂN HÌNH THỨC VÀ HÀ NGUYỄN DU

Phan Tấn Hải

Thơ Tân Hình Thức là một cánh cửa lớn, nơi bất kỳ ai cũng có thể vào được. Nơi đây, không cần gieo vần, không cần chữ nghĩa cầu kỳ, không cần bất kỳ khả năng đặc biệt nào cả về ngôn ngữ. Chỉ cần có tâm hồn thơ – đây là điều duy nhất cần có của thơ Tân Hình Thức.

Bạn chỉ cần đưa tay chụp lấy một mảnh của đời sống chung quanh, đưa lên thành chữ viết. Đó là thơ Tân Hình Thức. Không cần mài giũa gì hết. Bởi vì ngay khi mài giũa cho kết vần, xuôi vận, thì tức khắc nó không còn là mảnh đời sống bạn mới đưa lên trang giấy, và như thế cũng không còn là Thơ Tân Hình Thức. Cho nên, thơ này là đời thật, và tự thân Thơ Tân Hình Thức đã mang tính phần mảnh, rời rạc, hư vỡ... vì mắt bạn và tay bạn chỉ có thể chụp được đời sống trong những mảng phần mảnh, những chút xúu rời rạc, những gì rất là hư vỡ.

Đó là lý do vì sao Thơ Tân Hình Thức tự thân đã có tính vắt dòng, có vẻ như trật nhịp... như kiểu nhiều người phê bình.

Đó là lý do vì sao Thơ Tân Hình Thức lại là cái gì rất là mới, bởi vì nó là tái tạo đời sống trong một cách tiếp cận đời sống hoàn toàn khác hẳn thi ca cũ.

Cũng hết như, khi bạn vẽ chân dung của một người lên một tấm kính, và rồi bạn đập vỡ tấm kính thành nhiều mảnh, và sau đó bạn ráp lại các mảnh kính vỡ đó. Tấm tranh chân dung trên kính đó đúng là tranh cũ, nhưng cũng rất là mới tinh khôi bởi vì nó hiển lộ thêm các lần rạn vỡ... Nó lại đời thật hơn tấm kính nguyên vẹn.

Chính cái phần mảnh, cái rời rạc, cái hư vỡ mới là đời sống thật... bởi vì bạn không cách nào chụp bắt được cái toàn bộ, cái toàn thể, cái nguyên vẹn của đời sống – bởi vì cuộc đời có nguyên vẹn thế đâu.

Bởi vì Thơ Tân Hình Thức không đòi hỏi một kỹ xảo về chữ nghĩa, nên thể thơ này trong các năm gần đây đã trở thành cánh cửa lớn trong thi ca Hoa Kỳ. Nơi đây, trên nguyên tắc, ai vào cũng được. Bởi vì bất kỳ ai chụp được các mảnh đời sống, và ném lên giấy, cũng đều trở thành Thơ Tân Hình Thức. Nhưng không phải thơ người này cũng giống như thơ người kia. Cá tính hiển lộ ra, từng góc cạnh cuộc đời được chụp bắt, và sức thuyết phục của từng bài thơ cũng khác nhau. Có thơ hay, có thơ dở, cho dù đây là cánh cửa lớn đón nhận tất cả mọi người.

Về mặt xã hội, ảnh hưởng Thơ Tân Hình Thức mang tính bao dung cực kỳ to lớn. Vì như thế, bất kỳ ai viết chữ được cũng đều có thể trở thành nhà thơ Tân Hình Thức. Có nghĩa là, tất cả những gì trong ngôn ngữ loài người đều trở thành thơ. Và bất kỳ ai cũng đều trở thành nhà thơ, dù là người già hay trẻ em, dù là một triết gia đại trí thức hay các bà đọc báo lẩm bẩm ngoài chợ... và khi bạn đi ra phố, bạn sẽ nhìn thấy quanh mình ai cũng là nhà thơ. Không có gì tách rời khỏi thơ nữa, dù là vuông gạch góc phố, hay mảng tường loang lổ đầu đường.

Cuộc đời này tự thân sẽ trở thành Tịnh Độ, nói theo nhà Phật, hay trở thành Thiên Đường, nói theo Ky Tô Giáo. Chỉ vì, bất kỳ ai cũng đã trở thành nhà thơ, và bất kỳ lời nào cũng trở thành thơ. Chỉ cần bạn chịu khó nhìn vào cuộc đời, chụp lấy vài khoảnh khắc trong đó và đưa vào giấy mực. Thơ Tân Hình Thức dễ thật như vậy đó. Nhưng có lẽ cũng thật là khó, khi bạn nhìn và viết bằng đôi mắt và tấm lòng đơn sơ của bạn, chứ không còn nhìn và viết theo lời dạy của vị thầy Việt Văn thời trung học. Nghĩa là, bạn hãy đến với cuộc đời thật trần trụi, mà hãy ném bỏ hết mọi khuôn ép lục bát hay thất ngôn, hay gì gì nữa... Có thể rằng, chính các thể thơ đó đã rất là cần thiết để rồi chuẩn bị cho một thể thơ cánh cửa lớn ngày hôm nay. Có phải, chính những cái vần điệu đã chuẩn bị cho bước nhảy không cần vần điệu, chính những cái phức tạp đã chuẩn bị cho cái đơn sơ? Cũng như bên võ học, vô chiêu là cái khó học nhất, mặc dù vô chiêu lúc nào cũng là cánh cửa lớn, mà ai cũng sở hữu sẵn.

Nhà thơ Hà Nguyên Du là một trong vài người đầu tiên của Thơ Tân Hình Thức. Anh đến bằng tấm lòng không chỉ với trở về chữ nghĩa nguyên sơ, mà còn bằng đôi mắt thơ ngây nhìn cuộc đời. Anh đang đẩy những cánh cửa lớn ra cho cuộc đời. Anh đang mời bạn hãy viết cho nhau, và hãy đọc cho nhau. Những chữ rất nguyên sơ, cho một cuộc đời rất tình khôi.

Thơ Tân Hình Thức là cuộc cách mạng rất là nhân bản. Nó đã biến mọi thứ trên đời này thành thơ, biến mọi người thành nhà thơ. Và rồi, nó sẽ cứu được cả thế giới này thoát khỏi cái ác.

INRASARA

CHUYỆN 14. KUT BƠT

kể rằng họ chạy đi cả ngàn trở
về chưa tới trăm, cũng có thể hơn
đôi chút. rồi lần hai trời phật chấn
che thế nào không hao hụt trở về.

nhưng lần ba, lần tư và sau nữa,
họ chạy đi để chỉ còn vài chục
trở về. dòng họ nổi mưa nổi gió
cả vùng trăm năm cũ.

kể rằng lần cuối lê chân trở về
mình hẳn cao lớn với cái *klong* nhỏ
xiu dựng cốt em gái. buồn thảm và
cô độc kiếp trâu già lễ nhập *kut*

năm ấy trở về lác đác bóng người
dưng lặng lẽ không tiếng khóc uốn éo
mấy dì, tiếng quát tháo lệnh lạc các
chú, tiếng cười reo đám em họ nghịch

ngợm. bốn mươi năm sau ông chống gậy
lủi thủi trở về lễ nhập *klong* mẹ,
kut bơ đã vĩnh viễn làm hoang.

CHUYỆN 15. THẰNG HOANG

lớp mười bỏ trường đi hấn kêu
chương trình quá chặt, cái thằng hoang
đang chuyên chọc ổ trộm bài không
học cũng thuộc ấy.

mười bảy tuổi bỏ nhà ra đi
hấn bảo làng quá chặt, cái thằng
to xác siêu sao ghi không dưới
chục bàn một trận xóm dưới ấy.

bỏ đất ra đi hấn bảo phan
rang quá chặt. bỏ đại học hấn
cho giảng đường quá chặt. tổ quốc
quá chặt, lẽ lạc, ý hệ, văn

chương, triết lý quá chặt không chứa
đủ hấn, thằng hoang đang ấy đang
sống chết nơi đâu? hấn đã tặng
cho hoa hậu lớp msa một bụng

rồi bỏ đi mất tăm dấn đợi
anh em nhé, mười năm chờ hết
nổi nằng chửi gió đợi nó cho
mệt cái lồn vụt cười chồng *hamu*

crok. hấn vẫn không chịu dấn
xác về, nước mắt bà mẹ tội
nghiệp không làm mềm hấn, bốn
mười năm thằng hoang hủy hấn đọc

ngang chân mây góc phố nào bà
con dòng họ vừa làm tang hờ
nhốt hồn vía hấn vào cái *klong*
đang rất chặt.

CHUYỆN 16. ĐẦU GỐI

thở năm hay sáu tuổi gì đó khi
tôi bắt đầu được ông ngoại dạy đọc
pauh catwai cũng có thể trước hay sau
đôi chút tôi đã mơ giấc mơ lạ

đời tôi đang trong xứ sở quen
thuộc xa lạ nào đó hầu như tất
cả mọi người không chờ ai đều
thấp lùn già trẻ lớn bé thấp lùn

bác *phôk* nông dân cậu *thak* hỏi
buồn bán dưới phố thấp lùn anh
khan nghe nói làm công chức to lắm
ở phan rang thấp lùn rất ít kẻ

cao được mét sáu chàng *kung* khổng
lồ to xác voi hôm nay bỗng thấp
lùn khác lạ chú nhà văn nổi
tiếng rồi ai giống cụ *khuon* vĩ

đại đang làm nghiên cứu tận sài
gòn ông anh họ quý hóa tôi rất
nể trọng cũng thấp lùn tịt cha tôi
lúc thấp lúc cao trông rất hãi tôi

kêu toáng lên thức giấc mơ vẫn cứ
thấp lùn hay chiều hôm đọc truyện xứ
sở của những chú lùn thành ra bị
ám vội chạy xộc vào nhà trong soi

gương chợt đêm thấy ta là thấp lùn
đúng tám tấc hay hơn vài phân gì
đó tôi mở to mắt soi đi lại trăm
lẻ lần mới đón ngọ ra rằng làng

nước quý thần ơi cả xóm đang sống
bằng đầu
gối.

CHUYỆN17. ĐẦU GỐI2

tôi chạy ào ra ngoài đường la với
ông anh cụ *khuon* đang ngồi bằng
đầu gối ông anh bảo thẳng này

khùng có muốn tao nổi khùng không
chạy tới đầu ngõ kêu cậu *thak* cậu
đang đứng bằng đầu gối cậu nói mầy

đi chỗ khác cho tao tính toán tao
đang điền cái đầu đây chạy ra đồng
mách bác *phôk* bấy lâu nay bác theo

cày bằng đầu gối bác nồ chú ngó
roi *dong* này tôi chạy sang cha sang
ngài nhà văn với chàng *kung* với

với không ai nghe tôi cả không
ai không một. từ đó tôi bỏ
làng đi lang thang.
bằng đầu
gối.

Chuyện18. đầu gối3

bốn mươi năm sau trở
về tôi vẫn còn nghe

kinh hãi bóng cái đầu
gối như thế

như thế

hiện đến đột ngột trong
giấc mơ nào đó trong

xứ sở nào đó.

CHUYỆN 19. MA HỒI

vất vương ở đường biên đêm và
ngày những con ma hồi giữa sống
và chết sự thật và huyền thoại mù
mờ lơ lửng trên lằn ranh vắng

mặt và có mặt những con ma
hồi tưởng đã mất hôm qua
vẫn còn hôm nay lằm lụi giữa
quen và lạ xa lánh hay gọi

mời những con ma hồi vật vờ giữa
âm và dương trên đường biên thế
kỷ cũ và mới những con ma
hồi đã mất thân xác nhưng chưa

hóa linh hồn *cham hroi* chổi
từ *cham jat* không nhận đất nhau
đi và về dọc đường ranh duyên
hải và đồi núi miền trung vào giấc

đêm chưa qua ngày chưa tới những
con ma hồi hết làm người nhưng
chưa thành ma lấp lửng khu lều
trại trước cửa thiên đường và địa

ngục không đói rét chẳng no
đủ những con ma hồi cắn cứa tên
người họ ma quá khứ đã xóa
sổ tương lai chưa ghi tên tạm

trú dài hạn đường biên hai thế
giới. những con ma hồi. năm
thế kỷ
qua.

NGUYỄN CẢNH NGUYÊN

HẠNH PHÚC

Niềm hạnh phúc của con chuột của tôi
chính là miếng phó mát của tôi. Con
chuột nhỏ của tôi được thả trong một
cái lồng sắt hình hộp chữ nhật mạ bạc,

mô đen như tất cả những cái lồng
sắt hình hộp mạ bạc khác. Mô đen
như tất cả những cái lồng sắt hình
hộp mạ bạc với đầy đủ tiện nghi,

thực chất là đầy đủ các thứ đồ
chơi mà người ta nghĩ là cần phải
có cho một con chuột, đó là một
cái đu quay có thể quay qua quay

lại được, một cái cầu thang có thể
xuống xuống lên lên được một cái gác
lửng có thể đi tới đi lui được
hoặc luẩn quẩn xung quanh một cái hộp

mẫu mè có khoét những cái lỗ hình
tròn và hình ô van có thể chui
vào chui ra được. Tôi buộc miếng phó
mát vào đầu sợi dây thả vào lồng

đung đưa trước mặt con chuột. Lập tức,
nó chạy theo miếng phó mát của tôi,
chạy trước, chạy sau, chạy lên, chạy xuống,
sang phải, sang trái, loanh quanh như một

chiếc đèn cù cho đến tận khi lấy
được mới thôi. Con chuột của tôi có
niềm hạnh phúc là miếng phó mát của
tôi. Khi ngủ thấy mùi hạnh phúc, nó

đuổi theo và cố bắt cho kỳ được,
xem kìa, nó vừa đang vục đầu vào
miếng phó mát, hả hê sung sướng vô
cùng vừa thỉnh thoảng lại ngước mắt ranh

mãnh nhìn tôi như có ý hỏi này
cậu chủ, nếu như cậu có hạnh phúc
thì hạnh phúc của cậu là cái quái
gì vậy?

DIÊN

Có đúng, chính hôm em
bảo giấy dép em mua
về là để cho anh
đi, rồi chính hôm em

lại bảo là anh đừng
đi, đừng đi trong nhà,
có khi ồn xuống nhà
dưới, đừng đi xuống cầu

thang, có khi trượt, đừng
đi ra ngoài, có khi
lạnh, đừng đi xe đạp,
có khi tuột, đừng leo

dốc, đừng lội nước..., nói
chung là đừng đi đâu
không? Có đúng, chính hôm
em bảo áo sổng em

mua về là để anh
mặc, rồi chính hôm em
lại bảo là anh đừng
mặc, đừng mặc lúc ngủ

sợ không hợp, đừng mặc
nấu bếp, đừng mặc trong
nhà, đừng mặc tiếp khách,
đừng mặc đi chơi, đừng

mặc đi họp, đừng mặc
đi làm..., nói chung là
đừng mặc kiểu gì, vì
kiểu gì cũng không hợp
không? Có đúng, chính hôm

em lúc này bảo thế
này rồi cũng chính mồm
em lúc khác lại bảo

thế khác không? Em không
chối được. Mà anh thì
cũng chẳng cãi được em.
Anh chỉ biết quay xung

quanh em như một cái
đèn cù, như một cái
con quay, như một cái
chong chóng... Trông này, anh

cởi trần, quần đùi, chân
đất... quay... quay... và... quay...
quay tít... quay tít... anh
điên rồi... điên rồi... thật...

QUỐC SINH

ỐM

Phở ngả tư Đề Thám là ngon nhất
và ly chè kem Cung Ứng là ngon
nhất, phải không H ơi. Khi chúng mình
ở bên nhau thì chút ngọt cay nào

cũng đều thành ngon nhất. Buổi chiều ghé
đá công viên cho đôi lứa rủ nhau
đến ngồi, con sóng Đá Chồng nửa đêm
thức giấc, hoa trái chợ Đầm ban mai

hương mật. Anh trông lên hương bắc thấy
lưng chừng mây núi Bà nằm suốt đời
xõa tóc, anh ngó xuống đàng nam thấy
biệt thự Cầu Đá đứng lẫn vào cây.

H ốm làm chi mà lặng im như
núi Bà nằm suốt một đời xõa tóc,
H ốm làm chi mà căn phòng u
buồn như ngôi biệt thự chìm vào cây.

Chúng mình ở gần nhau còn mấy buổi
ban mai, còn mấy buổi chiều đâu H
ơi đừng ốm, còn mấy đêm trăng đâu
H ơi đừng ốm. Mắt em đừng vô

hồn như hang dã tràng ngoài cát, hơi
thở em đừng xa xăm như gió đầu
bãi thùy dương. Để anh chạy lên Long
Sơn Tự thấp một vọn bó hương, kéo

một vụn hồi chuông anh cầu xin cho
gương mặt em tươi hồng trở lại. Anh
nhớ mấy lúc em cười như sóng vỗ
bờ thơ đại, anh nhớ mấy lúc em

đang tay reo như hải âu bay giữa
bầu trời. Rồi anh đưa em đi chơi
đưa em đi chơi, cùng đứng bên thềm
cầu Bống cùng đứng dưới chân tháp Bà,

cùng lang thang ven biển trắng vàng óng,
kỷ niệm nồng nàn trước lúc chia xa.

Một thời lang thang, yêu iếc và mệt mề ở Nha Trang.

Ý NGHĨ

Ta vẫn còn thiết tha này để sống
là em, thay vì nghĩ đến trang viết.
Mỗi buổi tối ta lại nghĩ đến em,
thay vì nghĩ đến quán xá cà phê.

Ta lại nghĩ đến em mỗi buổi sớm
mai, em là thiết tha để ta thức
dậy vào mỗi buổi sớm mai. Em mang
đến cho ta những ý nghĩ lãng mạn

về tương lai, em mang cho ta ý
nghĩ về niềm vui sướng. Những ngày mưa
buồn ta ngồi một mình lạnh tối, vẫn
thấy ấm nồng vì em đầy trong ý

ta. Đôi khi ta theo dệt mộng mơ
vào những ngày đang sống, nhưng mộng mơ
nào chân thành đẹp đẽ hơn ý nghĩ
về hạnh phúc. Và em, nếu một ngày

em không còn là thiết tha để ta
sống, ngày ấy... ngày ấy có không em?

Lần trở lại Sài Gòn thứ tư, 2002

HÀNG NGÀY

Tặng Hoàng Khánh và Hoàng Bảo Nhựt

Tôi dụ học trò tụng sách giáo khoa,
tôi gạ gẫm bán cho chúng niềm tin
bằng những lời đường mật. Mai sau lớn
lên có đứa vẫn không biết khinh bỉ
tôi. Những đứa biết, mong sao chúng không
khinh bỉ tôi. Tôi đi nhậu phải cụng
ly, phải gấp theo trật tự, mặc cho
đôi khi ớn cả một hột bia, ngại
cả một miếng bốc thơm, mặc cho đôi
khí muốn bỏ vô mồm cho tràn họng,
muốn nốc vô cổ cho mau nôn. Vậy
mà nhậu vẫn không khinh bỉ tôi và
tôi vẫn mến yêu nhậu. Tôi không dám
dụ em tụng tình yêu như tôi đã
dụ học trò tụng sách giáo khoa, cũng
không nỡ gạ gẫm dâng tặng em sắt
son bằng những lời ruồi ong đậu. Tôi
theo đuổi em và câm lặng. Có thể
em mới không khinh bỉ tôi vì chẳng
bao giờ em thấu con người của tôi.

Cà phê Hương Cau, 16 - XII - 2003.

KHÚC MINH

BÀN TAY

Bàn tay anh dịu em dạo phố, vuốt
tóc em những lúc tâm tình, đưa em
lên tột đỉnh mây xanh, làm em say
mê trong những lần ân ái. Khi em

còn con gái, bàn tay anh là một
loại bùa mê. Những ngày đầu ở hải
ngoại, bàn tay nói tiếng Anh thay miệng.
Trong thời gian hội nhập, bàn tay làm

nhiều việc vất vả để nuôi bản thân
và gia đình. Ba giờ sáng lái xe
bỏ báo, ngày cấp sách vở đến trường
học thêm. Bàn tay vẽ tương lai bằng

màu xanh hy vọng. Khi đời ta ổn
định, khá dần, những đêm cuối tuần, bàn
tay dịu em lả lướt trong vũ trường.
Với thời gian phấn đấu vươn lên, bàn

tay bấm trên bàn phím computer,
ngón tay lay nhẹ con chuột, vũ trụ
hiện trên màn ảnh nhỏ, کیا quê hương
thân yêu ta đó, đây người thân cách

nửa tinh cầu. Bàn tay thật nhiệm màu,
làm nên tất cả. Từ chòi tranh vách
lá, đến những lầu đài, dinh thự nguy
nga, bao công trình kiến trúc đồ sộ.

Những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời, nhiều
sự nghiệp, tài sản kếch sù đều do
bàn tay con người tạo dựng. Bàn tay
cũng là tên phá hoại nhiệt tình, ngón

tay bóp cò, bao mạng người ngã gục.
Bàn tay bấm nút, trái đất có thể
nổ tung, hàng triệu, hàng tỉ người thành
tro bụi trong chốc lát. Bao nhiêu tội

ác trên thế gian, đều do bàn tay
gây nên đại họa. Suy nghĩ kỹ, bàn
tay chỉ là kẻ thi hành lệnh, lệnh
bàn tay ra từ bộ não. Khi nào ta

thông minh, sáng suốt, bàn tay làm nên
những kỳ tích tuyệt vời. Nếu não ta
bệnh hoạn, rối bời, bàn tay nguy hiểm
hơn những tên khủng bố quá khích. Ôi

bàn tay! Bàn tay lợi hại vô cùng.

TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ

Vợ tôi bảo, “Thơ không
cho cơm áo, thơ không
trả được bill. Anh nên
sống thực tế, cần phải

có tiền nhiều.” Con tôi
bảo, “Con có mấy nhỏ
bạn, ba nó không làm
thơ, chỉ lo làm bu

siness, giàu sang không
thể ngờ.” Bạn gái bảo,
“Anh tập làm ca sĩ,
để nổi tiếng, nhiều tiền.

Làm thơ làm thi sĩ
nghèo vất xác kinh niên.”
Vì quá lụy đồng tiền
nhiều người khổ suốt đời.

Thơ, trò chơi ngôn ngữ,
làm thăng hoa con người,
nâng hồn ta cao lớn,
sống thoải mái yêu đời.

DƯƠNG VẬT CỦA TÔI MẤT TÍCH

Sáng nay tôi thức dậy, dương vật của
tôi mất tích. Tôi tìm trong bồn cầu,
bồn tắm, dưới gầm giường, trong các ngăn
tủ vân vân, cửa vẫn chốt kín, nó

trốn nơi nào, ai dụ dỗ đưa nó
đi đâu. Trưa nay tôi có hẹn với
bạn gái đi ăn, sau đó chúng tôi
về phòng du dương. Tôi sẽ ăn nói

làm sao với nàng đây. Tôi bồn chồn,
thấp thỏm như gà mắc đẻ. Sau mười
giờ dương vật của tôi trở về, nó
ném trên bàn một cái xách rồi cười

huê với tôi. Tôi sửng sốt nhìn nó,
“Mày đi đâu, mày làm tao suýt chết
điếng.” – “Em đi chơi đi.” – “Mày nên nhớ
là mỗi weeken tao có hẹn với

bạn gái. Đưa nàng về đây mày được
hưởng tối đa, thèm khát gì giờ này
còn đi chơi đi. Mày sẽ bị lây
bệnh Aids, chết toi một ngày gần đây.

Chết luôn tao và nhỏ bạn của tao
nữa.” – “Đừng lo sợ, em có giấy chứng
nhận miễn dịch vĩnh viễn.” – “Mày làm to
rồi, giấy đó chứng nhận cho mày khỏi

đi lính, khỏi ra trận đánh nhau, không
phải chứng nhận cho mày chơi đi khỏi
bị lây bệnh.” – “Em không “khe”, em làm
việc cứu nhân độ thế. Em đến các

động đĩ trên thế giới, gom hết tất cả các loại vi trùng gây bệnh phong tình. Từ nay toàn thể nhân loại tha hồ chơi bởi khỏi sợ bị lây bệnh.”

Nó mở xách lấy ra từng gói đặt trên bàn, “Đây là gói vi trùng gây bệnh Aids, đây là gói vi trùng gây bệnh Sida, này gói vi trùng bệnh

lậu, kia gói vi trùng giang mai vân vân. Dù em có hy sinh, em cũng rất hãnh diện vì em đã làm việc đại nghĩa, cứu giúp nhân loại. Em sẽ

được tuyên dương anh hùng, sẽ được giải thưởng Nobel. Em trở thành vị cứu tinh của nhân loại. Danh thơm sẽ được lưu truyền sử sách, vinh quang biết bao.”

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG

VUI VỀ BÌNH DÂN

Tặng: Đỗ Kh...

Em bình dân anh bình dân anh
em mình khoác vai nhau vào quán
bình dân này vui vẻ đi bà
chủ ơi à ông chủ ơi xong

quốc lủi bê thui này thì bánh
cuốn với nước mắm cà cuống bưng
ra ngay nghe ô - kê ăn đi
anh uống đi anh quốc lủi này

là bình dân tận Làng Vân chất
chiu bê thui này là bình dân
bên Gia Lâm mang sang bánh cuốn
này là bình dân Thanh Trì làm

còn nước mắm với cà cuống nghiêm
xuân yêm này thì cũng do bình
dân dưới nhà què chủ quán đây
mang lên ừm... ừm... ừm... ừ... ừ...

ừ... khừ... khừ... khừ... khà... khà... khà...
ô - kê... ô - ka... ăn đi ăn
thêm thêm chút chút nữa anh no
say rồi mình sẽ sang bình dân

ka - ra - ô - kê bên kia hát
chơi Nam Định Thanh Hoá Vinh hay
Thái Bình Ninh Bình Sơn La Hải
Phòng hay Quảng Ninh Lai Châu... muốn

gái gì em cũng chiều anh vuốt
ve vô tư anh biết rồi Hà
Nội thời này dân tình bình dân
mình nói hơi bị hay em không

dám tình vì quá đau mình bình
dân quá mà tội gì gân guốc
với nhau được quá chỉ anh biết
không sê gem hăm ba tới nơi

rồi cứ đà này chúng mình còn
là vui tha hồ vui chán chê

LIÊN KHÚC THẬT THÀ

kiếm bốn cái cọc sắt đóng bốn góc,
chăng dây, rắc vôi bột, đào một cái
hố thật sâu, đổ một lớp bê tông
thật dày làm móng, xung quanh xây bốn

bức tường thật chắc chắn, dùng máy bơm
phụt chữ vào, đầm chặt, lại đổ một
lớp bê tông dày lên trên mặt làm
nấp... rồi cùng lắm là hai mươi bốn

giờ sau khi thi công phải sơ tán
thật xa công trình (mà thực chất là
cái cửa nợ) này, phải có một loại
hàng rào thật chắc chắn để rào nó

lại, phải bố trí lực lượng bảo vệ,
bố trí lính gác, phải kẻ biển báo
bằng nhiều thứ tiếng để nhân loại biết
là nó cực kỳ nguy hiểm, nó có

thể phát nổ vào bất cứ lúc nào,
nó chứa đầy những chất độc hại, kể
cả vi trùng bệnh than, bệnh sars, và
chất phóng xạ, nó chính là một bài...

thơ lên chặt.

mười đồng một cái đồng hồ đeo tay,
mười lăm đồng hai cái, năm đồng một
cái sơ mi dài tay, mười đồng ba
cái, ba đồng một cái si lip, bảy

đồng ba cái... một ngày một chai rượu,
mấy bao thuốc là bao nhiêu cái đồng
hồ, bao nhiêu cái sơ mi, bao nhiêu
cái si lip, cứ bạn bè đàn đúm

là rượu, là thuốc, cứ tụ tập nhau
là nốc, là phun khói mà có ra
được cái gì đâu, nhưng chẳng lẽ gặp
nhau lại không uống, không hút, chẳng lẽ

cứ để giành tiền mà mua đồng hồ, sơ
mi với si líp, nói thật, tôi bỏ
rượu, bỏ thuốc là vì sợ ung thư,
sợ huyết áp cao chứ chẳng phải vì...

mấy thứ lẻ tẻ

kính thưa đồng chí tổng bí thư... kính
thưa đồng chí chủ tịch nước... kính thưa
đồng chí thủ tướng chính phủ..., kính thưa
đồng chí chủ tịch quốc hội..., thưa các

đồng chí cố vấn..., thưa toàn thể các
đồng chí..., các đồng chí đọc diễn văn
hàng ngày, các đồng chí đọc báo cáo
hàng ngày, các đồng chí tiếp khách hàng

ngày, các đồng chí chủ trì các cuộc
họp hàng ngày, các đồng chí đi thăm
đi thú nơi nọ nơi kia hàng ngày,
hàng ngày các đồng chí hoạt động rất

tích cực, nhưng nói thật, hàng ngày nhìn
các đồng chí bọn tôi chẳng có tí
cảm hứng nào, nói thật, hàng ngày tôi
thích xem phim có bọn trẻ con mười

sáu mười bảy tuổi hôn nhau hơn, tôi
đã bảy mươi tuổi còn các đồng chí
thì mãi vẫn không chịu về hưu.

KHẾ IÊM

CHIẾC GHẾ CŨ

Chiếc ghế rách nệm, được phủ lên
một miếng thảm phế thải, vuông vức
từ một cửa hàng thảm. Chiếc ghế
cũ, không khác gì miếng thảm, từ

một tiệm đồ cũ. Chiếc ghế cũ
chưa bao giờ mới vì từ ngày
mua về đã không thấy cái mới,
chỉ còn cái cũ, cái mới biến

thành ký ức của cái cũ và
ngược lại cái cũ là hiện thân
của cái mới. Chiếc ghế cũ giống
như chiếc áo cũ, chiếc xe cũ,

vẫn hiện diện hàng ngày trong thế
giới đồ cũ, trên lề đường, ngoài
chợ trời, lỏi cuốn, ám ảnh, ngạt
nhiên và dĩ nhiên rẻ mạt, bao

nhiều cũng bán, bán bao nhiêu cũng
lời, mua rồi mua luôn. Nhưng chiếc
ghế cũ càng ngày càng cũ, ngay
cả cửa hàng đồ cũ cũng không

buồn nhận lại, và như thế, chẳng
lẽ ném vào thùng rác mà thùng
rác thì chỉ để đựng rác. Chiếc
ghế rách nệm được phủ lên một

tấm thảm phế thải, vuông vức, vì
vậy cứ ngang nhiên giữa những đồ
vật không cũ lắm và chẳng biết
chừng nào mới chịu biến mất khỏi

đống đồ cũ. Chiếc ghế cũ, quá
cũ. Chiếc ghế cũ thuộc về chốn
cũ, không cũ, bởi vốn chỉ là
chiếc bóng của một thời, đã cũ.

NGUYỄN TIẾN ĐỨC

ANH LÀM GÌ VỚI TIẾNG HÁT EM

anh để tiếng hát em ngân dọc dòng
 sông lửa em từng gom những đóa hoa
 tro cài lên mái tóc nâu xém dòng
 sông của thành phố bỏ lại anh và
 em rất yêu dòng sông một thời soi
 những đường bay đêm của bầy vạc tan
 tác dòng sông một thời soi những ánh
 mắt kinh hoàng của đàn bà và trẻ
 thơ dòng sông một thời mưa chuyển máu
 về từ khắp trận địa anh để tiếng
 hát em ngân tiếng nấc giữa những con
 ngựa chiến xanh mầu han đồng nằm chết
 không lời trong rừng đau ký ức vương
 mùi tử cúc phai lẫn mùi thép rỉ
 của vũ khí anh để tiếng hát em
 ngân lời thánh ca buốt trong hành trình
 của kiếp người ngực em mang cây thập
 giá anh làm riêng cho em bằng cành
 gai hồng nhọn như đinh đóng mình chứa
 anh cất trong vườn của mẹ đã trút
 hết lá từ cuối thu anh để tiếng
 hát em ngân bản ai ca biển đông
 vọng tiếng kinh cầu lẫn tiếng khóc từ
 một thánh đường dựng bằng những thân tàu
 nát chìm sâu dưới lòng biển anh để
 tiếng hát em ngân bản tình ca buồn
 anh ngồi trong quán cà phê nhìn mặt
 trời rặng cửa màu xanh nháy từ ô
 vuông này tới ô vuông khác trong trò
 chơi có tên hot spot với những con
 số xuất hiện trên màn ảnh chưa một
 lần anh trúng chỉ nhớ em vô cùng.

NHỮNG NỤ ÁC HOA (FLEURS DU MAL)

anh yêu cả nụ ác hoa còn giữ
 màu phai huy hoàng trong cánh đồng thánh
 đây không phải là một đồng cỏ xanh
 mà là một nghĩa trang ở Ý nơi
 người ta đã lấy đất từ thánh địa để
 tạo vì tin đất có vết chân chúa
 và những nụ hồng sinh nhật anh mua
 cho em từ một tiệm hoa có tên
 mùi hương thiên đường anh yêu bầu trời
 đứng mây và chim cây và biển đứng
 gió bão ánh sáng từ mặt trời cho
 những đóa sun charmer và ánh sáng từ
 mắt em cho những đóa diêm quỉ nở
 trong đất thơ anh mù sương anh yêu
 nhịp quay của trái đất nghiêng trục cùng
 nhịp đập của trái tim thôi thúc như
 tiếng bật giây đại hồ cầm trong hộp
 đêm của thành phố mất ngủ anh cũng
 rất yêu sự quyến rũ im lặng của
 sợi tóc gió biển vắt chéo dính trên
 môi em vừa tô son lại sau một
 cái hôn và màu đen của con sông
 đêm thì thâm như hơi thở em trên
 ngực anh và những nét cong của thân
 em cho anh cảm giác của người mù
 lần đầu sờ hòn cuội biển nhẵn ngàn
 năm lần cùng sống anh yêu chấm nốt
 ruồi trên má em làm điểm đến cho
 những đêm tha phương những đêm còn lại
 anh cũng rất yêu hình ảnh người con
 gái đi với người tình anh và em
 bắt gặp người mùi mực thơm từ cuốn
 thơ mới in vừa mua từ quán sách
 dưới tàn lá ngô đồng bên sông seine
 nước xanh màu rêu úa và anh cũng rất
 yêu những chuyến metro từ trung tâm ra

ngoại ô và những tấm bản đồ đưa
anh và em vào niềm vui từng khúc
phố ở paris và anh cũng rất yêu
một con đường nhỏ có tên pelican point
ở bãi biển new port beach anh và
em từng đi qua anh biết một con
bồ nông mẹ thì bao giờ cũng dành
cá trong bầu mỏ mang về cho con
anh cũng rất yêu cái âm vang của
những bài ca nói rất êm đềm của
mẹ thuở mẹ còn rất trẻ một người
mẹ thì luôn luôn là một thiên thần
không có cánh nhưng một người mẹ có
thể làm lành những vết thương tinh cầu.

Những Sắc Đi của Màu Xám

Stanislaw Baranczak

Nếu chúng ta yêu cầu bất cứ một nhóm phê bình gia Ba-lan nào hôm nay lập những bảng danh sách riêng của họ gồm năm tập thơ quan trọng nhất xuất bản ở Ba-lan trong những năm (19)80, chúng ta có thể chắc chắn rằng mỗi một danh sách trong những danh sách ấy đều bao gồm một hay hai cuốn của Czeslaw Milosz, tập *Tường trình từ một thành phố bị bao vây* của Zbigniew Herbert và tập *Những người ở trên cầu* của Wislawa Szymborska¹. Tập *A ha* của cố thi sĩ Miron Bialoszewski cũng được nhiều giới coi như một trong những chấn động lớn về văn chương, nhưng Bialoszewski, mặc dù đã là một tác giả cổ điển đối với một số người, vẫn còn bị nhiều người coi như quá không-chính thống và phản-thơ để chỉ được đối xử như một kẻ thử nghiệm trong văn chương mà thôi. Ngược lại, danh tiếng thật xứng đáng không kém của Szymborska dường như lại dựa trên một nền tảng đặc biệt chắc chắn là sự chấp nhận của đông đảo mọi người. Ngoại trừ Herbert, có lẽ không có một nhà thơ lớn nào trụ ở Ba-lan lại được hết mọi người trọng kính như thế. Và trong số nhiều nữ thi sĩ thành đạt về vang, từng góp phần vào nền văn chương Ba-lan hiện đại, Szymborska nhất định là người hay nhất.

Sự nghiệp của bà, trải qua suốt thời kỳ hậu chiến, dường như không có gì là sôi nổi, lại càng tỏ ra như thế vì Szyborska cố tình tránh né đời sống công cộng và rất ít khi trực tiếp bình luận về cuộc đời và tác phẩm của riêng bà. Thay vì thế, tiểu sử của bà được đánh dấu bằng sự xuất hiện hiếm hoi của các tập thơ của bà, mỗi tập mỗi lúc một mỏng hơn và hay hơn tập trước. Bà sinh ngày 2 tháng Bảy năm 1923, ở thị trấn Bnin trong vùng Poznan. Từ năm 1931, cuộc đời bà đã nối kết chặt chẽ với thành phố Cracovie, nơi bà học chuyên về văn chương Ba-lan và xã hội học ở Đại học Jagelone từ năm 1945 đến 1948, và cũng là nơi, từ sau năm 1953, bà làm việc với tư cách là người biên tập về thơ cho tờ tuần báo văn nghệ ở địa phương. Bà khởi nghiệp trong báo chí văn chương vào năm 1945, nhưng việc xuất bản tập thơ đầu tiên của bà được dự định vào năm 1948, đã gặp phải một trở ngại chính trị: cuốn sách không chính thống đủ về phương diện ý thức hệ cho thời buổi Stalin. Tập thơ đầu tiên của Szyborska nhan đề *Chúng tôi sống vì thế đó* chỉ xuất hiện vào năm 1952, kế tiếp là tập *Những câu hỏi đặt ra cho bản thân* (1954).

Sự cách biệt về ngữ nghĩa giữa những tựa đề này nổi bật: từ một sự chắc chắn như được kế hoạch hóa hàm ngụ trong câu nói tạo thành tựa đề đầu tiên, trong hai năm kế đó thơ của bà đã chuyển sang nỗi lo ngại về tinh thần và sự khắc khoải về đạo đức. Thật vậy, tất cả các bài thơ sau này của bà đều có thể được định nghĩa như những «câu hỏi» tâm tình «đặt ra cho bản thân bà». Điều này càng lúc càng đúng với những thi tập kế tiếp của bà, mỗi tập lại được giới phê bình hoan nghênh nhiệt liệt hơn nữa: *Kêu gọi Yê-ti* (1957), *Muối* (1962), *Một triệu tiếng cười* (1967)², *Hoàn toàn tình cờ* (1972), *Một số lớn* (1976), và cuối cùng là *Những người ở trên cầu* (1986)³. Bà cũng đã xuất bản một số những bản dịch thơ Pháp⁴ và một tập những bài tùy bút ngắn, hài hước về nhiều cuốn sách không có tính cách văn chương, mang tựa là *Bài đọc nhiệm ý* (1973).

Là một khuôn mặt riêng tư khác thường giữa các nhà văn Ba-lan, Szyborska tuy vậy vẫn tỏ thái độ về chính trị khi cần: năm 1977 bà ở trong số những nhà trí thức thiết lập «Đại học Bí mật», và từ khi có thiết quân luật bà vẫn nhất quyết từ khước, không chịu nhận những giải thưởng của Nhà nước. Tác phẩm của bà đã được phiên dịch rộng rãi qua nhiều thứ tiếng ; tới nay là cũng đã nhiều năm bà được xứ này (Hoa-kỳ) đọc và cảm phục, chính yếu là nhờ sự xuất hiện vào năm 1981 của tập *Sounds, Feelings, Thoughts* (Âm thanh, cảm, nghĩ), một tuyển tập song ngữ gồm bảy mươi bài thơ của bà.

Những người ở trên cầu, thoạt nhìn, không có gì là khác thường trong khung cảnh các tác phẩm của Szyborska: nó vẫn tiếp tục theo đuổi những đường nét về đề tài, triết lý, và bút pháp đã khởi sự và được khai triển trong các tập thơ trước của bà. Tuy nhiên, về nhiều phương diện, đây cũng là

thành quả hoàn hảo nhất, điểm cao nhất trong sự nghiệp đã «bay cao» của bà. Chỉ bao gồm hai mươi hai bài thơ và xuất hiện sau một khoảng trống vắng mười năm, thi tập này sau chót đã tinh luyện cái phương pháp sáng tác tiêu biểu của Szymborska: xây dựng một bài thơ như một thẩm định hài hước phức tạp cao độ thoát thai từ một nhận xét quá ư là đơn giản.

Chính xác hơn, có thể mô tả việc xây dựng hợp lý của một bài thơ Szymborska tiêu biểu như một quá trình có ba phần. Bước đầu tiên là một nhận xét bình thường về một sự kiện nào đó. Bước thứ nhì là một sự chống đối đột nhiên và cố ý, một thứ «đồng ý, thế nhưng...» như thể đầu óc chấp nhận sự kiện nọ nhưng đồng thời cũng ý thức những hậu quả hợp lý bất ngờ. Bước thứ ba gồm có tìm ra một phương thế đặc biệt nào đó về bút pháp có thể lột trần sự chống đối chung giữa nhận xét ban đầu với cái kế tiếp hợp lý — nhưng bất ngờ của nó, và như thế biểu lộ cái hài hước nội tại trong sự xung đột của chúng. Điều quan trọng là cả hai bước đầu và bước thứ nhì tạo thành một quá trình đầu óc sơ đẳng phù hợp với phạm vi suy tưởng thường ngày của một cá nhân trung bình. Chỉ có bước thứ ba là đóng góp độc nhất của nhà thơ. Nói cách khác, Szymborska khám phá ra những điều hài hước có thể được bất kỳ ai khám phá. Chính cái cách thức bà sử dụng để tăng cường những điều hài hước này và khiến người đọc chú ý tới chúng đã cho thấy tính cách sáng tạo và tài hoa độc đáo của bà.

Thí dụ hay nhất về kỹ thuật này là bài thơ «Giữa ánh sáng ban ngày». Nhận xét chậm ngời cho phản ứng dây chuyền hợp lý ở đây (và là điều vẫn chỉ được gián tiếp hàm ý trong suốt bài thơ) tiếp cận một điều hiển nhiên: nhà thơ Krzysztof Kamil Baczynski chỉ mới được hai mươi ba tuổi khi ông chết, cái chết của một người anh hùng trong cuộc Nổi dậy của Vac-xa-va năm 1944. Một thứ «đồng ý, thế nhưng...» tiếp theo đó: Đồng ý, thế nhưng chuyện gì sẽ xảy ra cho ông nếu như ông còn sống? Ông sẽ trở thành loại người nào ở Ba-lan hậu chiến? Liệu ông có còn là một vị anh hùng nữa chăng?

Ở đây bài thơ thực sự bắt đầu. Nó mô tả chân dung một nhà thơ đã già (tên ông, Baczynski, chỉ được tiết lộ ở phần sau bài thơ), chẳng qua chỉ là một người đã có tuổi, bình thường, ngồi trong phòng ăn của một nhà hưu dưỡng do nhà nước tài trợ ở Zakopane và chẳng thu hút được sự chú ý của một ai. Sự khám phá thi ca ở đây không phải chỉ nằm trong nét cụ thể nổi bật về phương diện xã hội và thể chất của bức chân dung này mà còn nằm trong cái mà Roman Jakobson từng gọi là «thơ của văn phạm»: trong suốt bài thơ, những dạng chỉ «điều kiện cách» (conditional) được nhấn mạnh thêm nhờ cách sắp đặt chúng trong những khóm thơ mỗi lúc một nhiều hơn, để cuối cùng bao trùm phần kết thúc của bài thơ. Câu trả lời cho vấn nạn «Baczynski sẽ ra sao nếu như ông còn sống sót?» chỉ được đưa ra trong «điều kiện cách» nhưng, hài hước thay, chính cái hồi tưởng điều kiện cách

này lại đem lại cho câu trả lời cái sức nặng của một phán quyết không thể cải hồi được nữa:

Trong lúc chờ người ta dọn cho ông tô mì, có lẽ ông sẽ
đọc một tờ báo thời nay,
những hàng tựa khổng lồ, những dòng quảng cáo in nhỏ xíu,
hay gõ mấy ngón tay ông trên tấm khăn bàn trắng, và đôi
bàn tay ông có lẽ
lúc này cũng đã được sử dụng lâu ngày,
với làn da nứt nẻ và những đường gân phồng lên.

Đôi khi có lẽ có ai đó sẽ
reo lên từ lối cửa vào: «Ông Baczynski, có người gọi đây
nói cho ông»
và có lẽ cũng chẳng có gì là lạ về chuyện đó
về ông, về việc ông đứng dậy, sửa lại cho ngay ngắn chiếc
áo ấm,
và chậm rãi tiến về phía cửa.

Trước cảnh tượng này có lẽ không một ai sẽ
ngừng nói, có lẽ không một ai sẽ
sững lại trong một cử chỉ nửa chừng, một hơi thở nửa chừng
là vì cái chuyện tầm thường này có lẽ sẽ
bị mọi người coi như đáng tiếc thay
một chuyện tầm thường.

Bất kể những nét nhạt mờ kín đáo về chính trị của những bài thơ như «Giữa ánh sáng ban ngày» và bất kể cái viễn cảnh phổ quát của nhiều bài thơ khác trong tập này, *Những người ở trên cầu* chứng tỏ, một cách thật rõ rệt và không thể nhầm lẫn, Szymborska là một nhà thơ của cá nhân. Nhưng bởi một trong những vấn đề khó chịu nhất chung cho mọi người ở thời đại chúng ta: sự khủng bố của tập thể là chuyện thường xảy ra, việc Szymborska bên vực quyền được có một viễn ảnh cá nhân, tự nó đã trở thành một hành động chính trị. Mỗi một bài thơ của bà đảm trách, theo cách riêng của nó, cái nhiệm vụ bảo vệ tính cách độc đáo của cá nhân chống lại tính cách đồng nhất áp đặt, sự tình cờ bất ứng chống lại quy định thuyết, cái cụ thể của cuộc đời chống lại sự trừu tượng của thời gian, cái ngoại lệ chống lại luật tắc, quyền được hoài nghi chống lại sự quá tự tin mù quáng của không tưởng. Ở một trong những bài thơ ấy, bà đảm nhiệm vai trò của một ông Noé hiện đại; hơn nữa, tác phẩm của bà đã trở thành con tàu Noé, bằng con tàu đó, ít nhất những kiểu mẫu của những giá trị cá nhân này cũng có

thể được cứu thoát khỏi cơn hồng thủy của đồng nhất tính:

Một cơn mưa nặng hạt vừa mới bắt đầu.
 Hãy vào tàu Noé, chứ còn đi đâu được nữa:
 hỏi các người, những bài thơ để đọc xướng,
 những hoan hỷ riêng tư,
 những tài năng vô dụng,
 của lạ thặng dư,
 những muộn phiền và âu lo ngăn hạn,
 sự hăm hở nhìn sự vật từ sáu cạnh.

Những dòng sông đang dâng lên và tràn bờ.
 Hãy vào tàu Noé: tất cả các người, những nét tỏ mờ và
 những sắc độ dịu êm,
 các người, những chi tiết, những đồ trang trí, và những
 cơn bốc đồng,
 những ngoại lệ xuẩn ngốc,
 những ký hiệu đã bị lãng quên,
vô số những sắc độ của màu xám...

Sở dĩ con tàu Noé này chuyển động được, đó là vì cánh buồm của nó là sự hài hước thi ca. Nhiều nhà phê bình đã vạch ra rằng cái hài hước của Szymborska xuất hiện dưới nhiều sắc độ, «vô số những sắc độ của màu xám». Tuy nhiên, thật ý nghĩa là cái khoảng cách hài hước ấy, đầu cho dạng thức chuyên biệt và nồng độ của nó là gì chẳng nữa, ở đây bao giờ cũng được sử dụng như một vũ khí để bênh vực các quyền của cá nhân được giữ tính cách độc đáo, được hoài nghi, và bất đồng ý. Điều này đặc biệt có thể nhận thấy trong những bài thơ nọ của bà, những bài có vẻ như lên án những thái độ này trong lúc thực ra chúng sử dụng một kẻ phát ngôn «lớn lối» mà đáng vẻ trực tiếp đối nghịch với đáng vẻ của tác giả, và mục đích của những bài ấy là khiến chính kẻ phát ngôn kia tự làm mất tín nhiệm nơi mình (và nơi những tin tưởng mà y đại diện) trong dòng độc thoại của y. Đây là trường hợp của bài thơ «Một ý kiến về vấn đề tâm thư 5, trong đó kẻ phát ngôn đầu óc cứng chắc như xi-măng chủ trì với tất cả sự nghiêm trang rằng “không có gì đòi trụ hơn là suy tưởng»:

Không có gì đòi trụ hơn là suy tưởng.
 Cái thứ phóng túng này tràn lan như một giống cỏ dại
 mà gió đem lại trên một mảnh đất dành cho hoa cúc.

Không có gì là thiêng liêng đối với bọn người suy tưởng.

đức kia để lộ tẩy cái bản chất thực của thứ «luật lệ và trật tự» mà y ủng hộ : ấy là thực tại của một xứ toàn trị nơi chỉ một việc suy tưởng thôi cũng đã lôi kéo theo sự theo đuổi bất bố hành hạ của công an. Cũng một cách thức thuật sự ấy đã mở ra những viễn tượng còn rộng lớn hơn nữa trong bài thơ được dùng làm tựa đề cho toàn tập, «Những người ở trên cầu». Đây là một bài độc thoại của một kẻ thù của nghệ thuật, về sự khuynh đảo bất chính của nghệ thuật đối với trật tự thế giới bằng cách ra sức «chặn lại thời gian»:

Bức tranh này nhất định chẳng phải vô tình.
Thời gian đã bị chặn lại ở đây.
Các quy luật của nó không còn được xét tới.
Nó đã bị tước bỏ ảnh hưởng đối với dòng diễn biến.
Nó đã bị bỏ quên và nhục mạ.

Vì một tên nổi loạn
một tên Hiroshige Utagawa
(một kẻ, nhân tiện nói qua,
mất đã từ lâu và đúng phép),
thời gian đã vấp ngã.

Trong phản ánh lật ngược của hài hước, những bài thơ như thế tiết lộ những điều xác tín riêng của Szymborska về vai trò của người nghệ sĩ trong xã hội. Trách vụ của người nghệ sĩ không nhằm việc vạch ra đường lối đúng đắn duy nhất, truyền bá những sự thật phổ quát, hoặc xây dựng các thứ không tưởng. Nó chỉ gồm bằng việc «chặn lại thời gian» và như thế biểu lộ sự đối kháng cùng kẻ nhưng không cùng của nhân loại chống lại những thế lực đen tối của hư không.

Diễm Châu dịch

Chú thích

Trích *Breathing under Water* (Thở dưới nước), Harvard, 1990.
STANISLAW BARANCZAK sinh ngày 13-11-1946 tại Poznan. Học văn chương tại đại học Poznan rồi trở thành một giảng sư tại đây vào năm 1969. Khởi sự như một nhà thơ và nhà phê bình văn nghệ vào năm 1965. Từ 1981, trở thành giáo sư văn chương Ba-lan tại đại học Harvard, Hoa-kỳ. Đã dịch John Donne, Gerard Manley Hopkins, e.e. cummings, Dylan Thomas và Osip Mandelstam.

1. Wislawa Szymborska sinh ngày 2-7-1923 tại Kórnik trong vùng Poznan (ở phía tây Ba-lan). Năm 1945 theo học văn chương Ba-lan và xã hội học tại đại học Jagelone, Cracovie. Tập thơ đầu tiên của bà được xuất bản năm 1952. Năm 1953, bà trở thành người biên tập thi ca cho tuần báo Sinh hoạt văn chương ở Cracovie. Từ 1952 tới 1986, đã cho in chín tập thơ và một tập tùy bút (1963). Thi phẩm gần nhất của bà mang tựa đề Chấm dứt và bắt đầu (1993). Thơ của bà đã được dịch sang nhiều thứ tiếng, như Anh, Pháp, Đức, Nga, Tiệp, Hung, Hòa-lan,... Bà đã được tặng giải thưởng Goethe của thành phố Frankfurt ngày 28-8-1991, rồi giải Herder của Áo và đến tháng Mười 1996, giải Nobel Văn chương.
2. Trong nguyên tác: Một trăm tiếng cười, nhưng đã được dịch nhiều cách: Một ngàn niềm vui, Một triệu tiếng cười, Vui không dứt...
3. Bài phê bình này in tại Hoa-kỳ vào năm 1987. Tập thơ gần nhất của Wislawa Szymborska: Chấm dứt và bắt đầu (1993).
4. Theo Isabelle Macor-Filarska và Grzegorz Splawinski, đã từ lâu Szymborska không còn dịch nữa. Số thơ bà đã dịch là thơ baroque của Pháp, được in trong một tuyển tập thơ ị quy mô ở Ba-lan (đến nay cũng chưa hoàn tất việc in ấn).
5. Một số người khác dịch tựa đề bài này: «Góp phần vào chuyện dân thơ».

Nghĩ Về Hội Hoạ

Cao Hành-kien

Tiếp sau sự thực hiện những khả tính của hội hoạ do Picasso và Kandinsky, hội hoạ trừu tượng đã sa lầy trong gần một thế kỉ. Như vậy, vấn đề nảy sinh là, lãnh vực hội hoạ khả dĩ sản sinh thêm gì nữa? Tiếp sau sự choán chỗ của hội hoạ bằng cắt dán, sắc màu, chất liệu, kĩ thuật nhiếp ảnh, đồ hoạ điện toán, kĩ thuật quang điện (photoelectric techniques), văn bản, và ngay cả trò chơi khái niệm (conceptual games), chúng ta hiện còn có thể tiếp tục về nữa không? Ngày nay, hội hoạ đã xoay đủ trọn vòng và về lại hội hoạ hình dung. Giáp mặt trực diện với những thế hệ trước qua suốt lịch sử của nó, hội hoạ ngày nay có thể nào xúc tiến những hành xử mới nào chăng?

Có thể nào hội hoạ thoát khỏi những giới hạn của hai chiều kích mà vẫn còn là hội hoạ? Hoặc có thể chúng ta nên hỏi: dù không lia bỏ mặt phẳng, hội hoạ có thể nào tìm thấy được những khả tính mới gói trong những giới hạn này? Thêm nữa, bên trong những hạn chế của hai chiều kích, ngoài những điểm, đường, trường, màu, sáng tối và bài trí, còn có những phương pháp nào sót lại? Hoặc, để đẩy câu hỏi xa hơn nữa: nếu những phương pháp đang hiện hành với chúng ta bị phế bỏ, hội hoạ có thể nào còn được xem là hội hoạ? Dẫn thêm một bước nữa, còn có thể hỏi, sau khi tất cả những phương pháp này đã lấy đi, những chất liệu hay sắc màu lập thành

một mặt phẳng bình thường tự thân có thể coi là hội họa? Hoặc có thể nếu những động tác được hành xử vào mặt phẳng này, chẳng hạn tạo một vết xước với con dao, xé hoặc đốt, hoặc lấy thân thể mình lăn trên đó, hoặc để một con ốc sên quăn trên đó... có thể nào những cái này coi là những phương pháp của hội họa?

Có lẽ nào chẳng sự thường xuyên xuyên tạc tính cách mạng hoặc cải cách của “chủ nghĩa hiện đại” trong thế kỉ vừa qua sẽ bó buộc dẫn tới sự chối bỏ nghệ thuật này? Chính xác ra, “chủ nghĩa hiện đại” là gì? Nó có những hàm nghĩa lịch sử xác định nào? Hay siêu thoát thời đại hoặc khoảnh khắc là nền tảng đơn độc và duy nhất trên đó giá trị của nghệ thuật được phán đoán? Hội họa tìm cách biểu tỏ gì, và hội họa là gì? Ý nghĩa của nó nằm trong tự thân hành vi vẽ, hoặc trong biểu hiện của nó? Những câu hỏi đó làm tôi hoang mang. Không có được những giải đáp, tôi chỉ còn quay về với những mặt phẳng hai chiều kích và những vật liệu truyền thống là giấy rơm, cọ, và mực. Và khi làm như thế, tôi đã khám phá ra rằng vẽ với những chất liệu này giữ những lạc thú khôn cùng. Thêm nữa, tôi ý thức rằng nó tương tự như viết, là nơi ngay cả ngày nay khi sử dụng tiếng nói của tiền bối, chúng ta vẫn có thể nói lên tâm hồn mình và xúc tiến để nói những điều mới. Lẽ tự nhiên, chúng ta vẫn có thể xúc tiến những bức tranh mới cùng với những dụng cụ như xưa – vấn đề duy nhất là bằng cách nào người họa sĩ tự thân làm quen lại với những kĩ thuật đã được loài người dùng lại kể từ khởi thủy của hội họa trong văn minh. Có hai cách để tạo tranh trên bề mặt hai chiều kích. Một là không gian thực tế, chẳng hạn như phối cảnh thẳng hàng, để tạo ảo giác về chiều kích thứ ba. Cách thứ hai là thừa nhận mặt phẳng của hội họa, nhấn mạnh những phẩm tính của hội họa, và vẽ trực tiếp trên bề mặt. Cả hai lối xúc tiến này tuyên xưng lịch sử và truyền thống của chúng ở phương Đông và phương Tây. Tuy nhiên, phương Đông và phương Tây dường như đã chuyển đổi vai trò và đi theo những ngã đường đối nghịch trong hội họa hiện đại. Kể từ Cézanne, những cố gắng của các họa sĩ phương Tây đã quay về với tính chất mặt phẳng của hội họa, trong khi những họa sĩ ở phương Đông đã tìm kiếm chiều sâu trên bề mặt phẳng. Mỗi họa sĩ thành đạt có thể nói rằng đã tìm ra một cách giải quyết nhất định, trong khi mỗi họa sĩ muốn ghi dấu sáng tạo trên hội họa phải đối đầu chính xác với một vấn nạn như thế.

Đối với họa sĩ, không gian này không phải là sự suy tư; đúng hơn mỗi người phải chính xác phản ánh cách xử lí không gian của mình trên vải bố hoặc trên giấy. Thách thức này là đường phân cách rất ráo giữa minh triết và khéo tay. Sự kiện nghệ thuật khác hẳn với chuyện tào lao được minh chứng trên bề mặt của một bức tranh. Những nghệ sĩ hiện đại đã tìm

ra một số cách để đương đầu với vấn đề này, chẳng hạn như Picasso thì phân chia những khối lập phương thành những mặt phẳng, Cézanne thì loại trừ chiều sâu, Matisse thì sử dụng những tương phản về màu sắc mạnh, Kandinsky thì lồng những đường nét với nhau và bài liệt những không gian thực với những không gian hư tưởng. Triệu Vô-cực (Zao Wou-ki) dù vốn là người gốc phương Đông, lại hoàn toàn đối nghịch – chồng từng lớp từng lớp màu mỏng để đi tìm một chiều sâu không thấy trong hội họa truyền thống phương Đông. Cái gọi là ngôn ngữ hội họa phải được biểu hiện bằng một loại hình phương pháp nào đó; bằng không, đối với họa sĩ chẳng có gì ngoài chuyện tào lao. Riêng đối với tranh của tôi, tự nhiên tôi cũng có ý hướng tìm ra giải pháp của mình. Có lẽ, bởi dù sao tôi vẫn còn là người Trung quốc, tôi quen với sự biểu hiện tự do trên bề mặt hai chiều kích trong hội họa truyền thống Trung quốc, trong khi chiều sâu của hội họa phương Tây vẫn luôn luôn đặc biệt hấp dẫn đối với tôi. Do đó, ngay cả khi tôi đang sử dụng mực để tự do biểu hiện tôi vẫn tìm kiếm chiều sâu không gian này, dấu là một chiều sâu khác với phối cảnh của phương Tây. Có một thành tố của lý thuyết hội họa Trung quốc hiện đại gọi là “phép phối cảnh tán điểm” (diffuse point perspective), nó vay mượn lý thuyết hội họa của phương Tây để thông giải hội họa truyền thống của Trung quốc – một điều tự nhiên có ý nghĩa.

Bằng cách khởi đi từ lối vẽ phóng tay của hội họa truyền thống Trung quốc và nhằm đạt được một chiều sâu không gian, tôi không đến từ sự quan sát về chiều sâu thực sự của dã ngoại (depth of field), mà đúng hơn một chiều sâu được thị kiến từ nội tâm; nó dường như có một xúc cảm về phối cảnh nhưng không hoà hài với luật phối cảnh có một tụ điểm, và nó cũng không phải là đa tụ điểm (poli-focal). Khi một người duy trì một thị kiến nội tâm nào đó, người đó thấy ra rằng cái gọi là “khoảng cách” kia biến động và bồng bênh, gần như một máy hình chụp trong bóng tối mà thấu kính có tụ điểm tự động thụt vào và nhô ra trong một cung cách giật loạt. Đây chỉ là một sự so sánh đơn giản thôi như khi ta nhắm mắt và nhìn những hình ảnh của tâm trí từng lúc xuất hiện, chúng có đó trước mắt ta nhưng không có một khoảng cách nào rõ rệt – không tuân theo luật về vật nhỏ thì ở xa hơn và vật lớn thì ở gần hơn. Làm sao chụp bắt những thị kiến nội tâm đó trong tranh, mà vẫn không phải viển vông dẫn tới luật phối cảnh nghiêm ngặt, là sự thách thức mà tôi tìm cách giải quyết.

Cho những mục tiêu hiện thời, tôi sẽ gọi cái xúc cảm về chiều sâu trong những thị kiến nội tâm này là “giả phối cảnh”, và xử lý những thị kiến nội tâm này như những bình diện khác nhau và những góc nhìn khác nhau. Tuy nhiên, tôi sẽ đặt chúng trong cái tưởng chừng giống như cùng không

gian, sử dụng những bình diện không gian khác nhau để tạo một xúc cảm về phối cảnh và bố cục một bức tranh toàn thể (hơn là những bộ phận riêng biệt). Đây là một không gian được thai nghén cách phóng túng tùy theo khoảnh khắc; không lệ thuộc những quy luật của phối cảnh, không có một tụ điểm nào khác hoặc tụ điểm tán biệt (diffuse focus) đặc thù nào – tuy vậy vẫn tạo một chiều sâu đã ngoại như thể được chụp bằng một máy ảnh thực thụ. Tuy nhiên, thay vì các vật thể hoặc cảnh tượng đó là những cái bóng được mô tả – chúng tự bộc lộ trong tâm trí ở những nơi chốn không ngờ. Mặc dù xúc cảm chạm tới được mà chúng có là hư ảo, những thị kiến như thế dứt khoát có thể đạt tới được. Tất cả những gì hội họa nhằm thực hiện là biến hạt giống của những thị kiến này thành tranh.

Dù cho những thị kiến này đôi khi có màu sắc, bởi chúng loé lên trong khoảnh khắc khó mà nắm bắt, khiến chúng mờ tối. Đó là lí do biểu hiện chúng bằng mực thì gần hơn, và đó là lí do tôi chỉ sử dụng mực đơn sắc và không dùng các màu.

Tôi bắt đầu vẽ tranh trừu tượng bằng mực, bởi việc dùng cọ và tán mực trên giấy rơm trong hội họa bằng mực của Trung quốc có một lí thú và quan tâm rõ rệt. Những tranh thủy mặc trừu tượng đầu tiên của tôi tới từ Thiên họa, nơi tôi tìm kiếm không phải là những hình ảnh mà là những trạng thái tâm thức. Những nghiên cứu của Kandinsky về điểm, đường, và tuyến không có nghĩa là tách lìa dạng thức thuần túy của hàm ý, vốn có những tương đồng với tinh thần được tìm kiếm trong tranh thủy mặc Trung quốc truyền thống. Ở đó, những nét cọ và những dấu mực không phải chỉ có ý tạo hình mà những hàm ý của chúng cũng quan trọng không kém. Những tranh trừu tượng thủy mặc của tôi không chỉ đắm chìm với một loại hình thức nhất định, mà đồng thời còn có ý hướng để những nét cọ và những dấu mực chuyên chở xúc cảm và hàm ý.

Dần dà tôi nhận thức ra rằng đường phân li giữa cái trừu tượng và cái hình dung không nhất thiết là tách bạch và khô cứng, và đối với tôi một con đường phân li như thế càng ngày càng không cần thiết. Do đó, một số người thấy những hình dung trong những tác phẩm của tôi, trong khi những người khác lại thấy sự trừu tượng; nó vừa là hình ảnh vừa là hình thức. Đó là cái phẩm tính của hội họa mà tôi cố gắng đạt tới – chứa trong cọ và mực nhưng cũng hiện hữu ngoài chúng. Điểm, tuyến, và đường, phải chứa xúc cảm của cọ và mực, và tự thân chúng phải tạo nên tranh. Vậy nên, đối với tôi con đường phân li giữa cái hình dung và cái trừu tượng là không quan trọng, nó cho phép tôi làm việc phóng khoáng không câu thúc.

Đến với hội họa, tôi không quy định một chủ thuyết ý niệm nào và cũng không thuộc về một trường phái nào. Điều tôi sợ nhất là sự gán ghép một nhãn hiệu thời thượng mới nào đó vào tác phẩm của tôi. Tôi tin rằng điều quan trọng nhất cho một nghệ sĩ là giữ mình ở xa khỏi những người khác càng nhiều càng tốt để tránh bị trộn lẫn trong trào lưu nào đó. Nếu một người có thể tìm ra lối biểu hiện nghệ thuật đặc thù của riêng mình, thì không còn một phần thưởng hoặc niềm vui nào lớn hơn. Lí do là vì, trong đời thực, những tự do cá nhân luôn bất biến phải chịu những câu thúc, và chỉ trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật của cá nhân một người mới có thể đạt tới sự tự do biểu hiện một cách trung thực con người mình. Tuy thế tự do này còn tùy thuộc vào việc người đó có thể tìm thấy hay không hình thức thiết yếu của biểu hiện, không có nó cái tự do biểu hiện nghệ thuật là vô nghĩa.

Đối với nghệ sĩ, tự do biểu hiện nghệ thuật, còn hơn là ý chí nghiêm nhặt, nằm trong sự thoải mái mà người đó sử dụng những phương cách tự chọn của riêng mình để có thể đạt tới tự do ấy. Điều này có nghĩa là ngoài việc có (hoặc không có) những tư tưởng riêng, người nghệ sĩ phải học hỏi chất liệu và dụng cụ của mình sử dụng để xem có thể đạt tới tự do là bao nhiêu. Cách riêng, làm thế nào khác mà giấy, cọ, và mực có thể dùng trong tranh thủy mặc. Điều này tùy thuộc vào sự điều nghiên cách hành xử các chất liệu và kĩ thuật áp dụng. Càng điều nghiên, tôi càng khám phá ra rằng tiềm năng của tranh thủy mặc còn lâu mới cạn kiệt, dù cho hình thức nghệ thuật này đã ở quanh ta ít nhất cả một ngàn năm. Nghệ thuật này được biểu hiện một cách khác biệt trong đôi tay của từng cá nhân nghệ sĩ, đó cũng là lí do tranh thủy mặc luôn dung dưỡng đời sống mới. Vậy nên tôi hoàn toàn sung sướng tiếp tục làm riêng trong cõi miền của tranh thủy mặc.

Một điều như thế thiết yếu cũng là đúng với tranh sơn dầu. Không ai có thể nói, một cách chắc chắn rằng tới khi nào thì tranh sơn dầu sẽ không thể xúc tiến một cái gì chưa hề được vẽ trước đó. Chấp nhận rằng ngày nay trong nghệ thuật bất cứ chất liệu hoặc kĩ thuật nào có thể được sử dụng, kể cả máy điện toán và tia laser, nhưng tôi hoàn toàn chỉ muốn vận dụng những biến thiên đơn sắc về chiều sâu bằng mực và giấy trong ranh giới của mặt phẳng hai chiều kích để tạo những bức tranh của tôi. Nói rộng ra, bất cứ loại nghệ thuật nào cũng là về cố gắng đạt tới sự vô giới hạn dưới những điều kiện hạn chế cho sẵn.

Nghệ thuật nên biểu hiện gì? Mỗi nghệ sĩ khác lại có câu trả lời khác, và chính bởi những câu trả lời khác đó mà chúng ta có vô vàn những sự theo đuổi nghệ thuật. Hơn thế nữa, không câu trả lời nào là phổ quát, hoặc

là câu trả lời duy nhất đúng. Trong nghệ thuật, không có phán đoán đúng hoặc sai, hoặc luân lí, bởi nghệ sĩ không chấp nhận những sự thật của kẻ khác. Bởi trong nghệ thuật không có thương để cũng không có chủ, nghệ sĩ tự do lao mình vào những cuộc đeo đuổi vô tận và chẳng hề quan tâm là cực nhọc đến đâu.

Đồng thời với việc tôi đeo đẳng những khả tính và thú vui mực cùng cọ, tôi cũng tìm kiếm phẩm chất kết cấu (textural quality) chưa từng thấy trong tranh thủy mặc truyền thống trong một nỗ lực để dung hoà cái duyên dáng của tranh thủy mặc với phẩm chất cảm xúc biểu hiện trong tranh sơn dầu. Không những tôi chỉ nhấn mạnh cách riêng đến những hiệu ứng của sự bão hoà mực, mà tôi còn sử dụng điều này để cho những hình ảnh có một phẩm chất khác về kết cấu. Do đó, mực được áp dụng mấy lớp, tạo những hiệu ứng hình ảnh tương phản. Tính trừu tượng và tính cụ thể trở nên hiển hiện từ bố cục tác phẩm cũng như từ sự tương phản của hình ảnh. Tôi cũng sử dụng ánh sáng để làm phong phú cho sự biểu hiện của mực. Góc độ đặc thù của tôi là tôi không đặt định nguồn ánh sáng, không giống như nhiều tranh phương Tây. Tôi tin rằng ánh sáng có thể có ở bất cứ nơi nào có đời sống hoặc tinh thần. Khi một người nhìn vào bên trong để thấy một thị kiến, thì hình ảnh hoặc cái đường biên của hình ảnh phát ra một ánh sáng lung linh, một hiệu ứng khi mực gặp giấy.

Vốn cũng đã học ngành nhiếp ảnh, tôi mang góc nhìn, chiều sâu của đã ngoại, và tụ điểm của nhiếp ảnh vào trong tranh thủy mặc của tôi để soi vào những hình ảnh của tâm trí, tự nhiên kết quả thành những hình ảnh không thể nắm bắt với một máy chụp hình. Nghệ thuật nhằm đạt tới một cảnh giới không thể đạt tới được trong thực tế. Bằng không cơ sao lại chuốc lấy mọi ưu phiền?

Khi vẽ tranh tôi luôn luôn lắng nghe âm nhạc, chờ đến lúc nhạc kia khảy một sợi dây trong trái tim tôi rồi mới khởi sự vẽ. Một khi đã xúc động, những hình ảnh từ tôi tuôn ra, và bằng chuyển động của cọ và mực, thể là nhạc cho tranh của tôi một thứ tiết điệu nhất định. Nhạc cho những thành tố tương ứng của hoạ (điểm, trường, tuyến và nét cọ) thêm nhiều cảm xúc nữa, vậy tại sao lại không sử dụng nó? Phương pháp tạo dáng và hình ảnh này cho phép có những màu sắc biến thiên của tâm thái, và ban cho bức tranh một sự hiện diện sống động.

Tôi không coi hội hoạ là một biểu hiện thuần túy về hình thức. Hình thức phải thừa nhận là quan trọng, đặc biệt trong những nghệ thuật tạo hình, nơi người ta không thể biểu hiện mà không có hình thức. Tuy nhiên, hội hoạ

hiện đại trong thế kỷ này đã tiến dần đến sự thuần khiết của hình thức, đã biến sự thay đổi hình thức thành mục tiêu tối hậu của hội họa. Hình thức thuần túy, thường xuyên mất tính biểu hiện, ngày càng trở thành gần với trang trí, đến mức độ nó đã trở thành một bức tường trắng, hoặc một phiến những sơn dầu, một vài khối màu, hoặc nhiều tuyến, rồi người thi triển kí tên. Đó là những hậu quả của trò chơi vô bổ với hình thức, ấy thế mà nghệ thuật không bị huỷ diệt vì nó.

Nếu sự tự biểu hiện của một nghệ sĩ trở thành biểu hiện trực tiếp của cái tôi, thì nghệ thuật của một người nghệ sĩ là một mớ bông bong. Bởi cái tôi (hoặc bản ngã) vốn là một khối hỗn mang, hoặc khởi đầu là một lỗ đen, thì trừ khi một nghệ sĩ hành xử sự tự giác và tách lìa mình khỏi sự quan sát vô tình của thế gian (gồm cả cái tôi) thì có gì ở đó để nhìn?

Hơn cả sự tự biểu hiện, tôi coi nghệ thuật như một trường hợp tự thanh tẩy – quan sát bằng một cặp mắt khá tỉnh táo cái thế giới hằng thay đổi và cái tôi của riêng mình chủ yếu không vướng mắc. Và dù cho có thể không hiểu được những bí ẩn của cuộc đời, người nghệ sĩ cũng có thể để lại cho đời một hoặc hai thứ kì lạ.

Paris, 14.7/1995

Nguyễn Tiến-Văn dịch

Nguồn: “Thoughts on Painting” (Nghĩ về hội họa) trong cuốn *Ink Paintings by Gao Xingjian* (Tranh thủy mặc của Cao Hành-kien), Nadia Benabid (dịch giả), Homa & Sekey Books 2002

Xem tranh của Cao Hành Kiện – vào Schimmel Virtual Gallery, địa chỉ:

<http://www.pace.edu/schimmel/vg/gallery11/vgfront.html>



Và Bạn Đọc

Thẻ lệ gửi bài

Bài đã gửi cho THƠ xin đừng gửi cho báo khác. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Bài chọn đăng không nhất thiết phản ánh quan điểm của tờ báo. Gửi bài cho THƠ, nếu sau hai kỳ báo không thấy đăng xin tùy nghi.

Nếu đánh máy trong đĩa, xin dùng IBMPC dưới dạng VNI và kèm theo bản in.

Trong thời gian qua chúng tôi đôi khi gặp trở ngại đối với bài vở quý anh chị gửi bằng e-mail. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi xin quý anh chị lưu ý các chi tiết sau:

1. Khi gửi bài qua dạng attachment của e-mail, xin vui lòng viết dòng trong email đó cho chúng tôi biết quý anh chị đã sử dụng word processor gì (chẳng hạn Microsoft word, Word perfect, v.v) và sử dụng font tiếng Việt loại nào (chẳng hạn VNI, VPS, hay VISCII v.v).

2. Hiện font VNI và Microsoft Word 6 là dễ dàng nhất cho chúng tôi, nhất là đối với những bài thơ có cách sắp xếp (format) đặc biệt về xuống dòng, khoảng cách thụt đầu hàng, và các cỡ font khác nhau. Nếu quý anh chị không có Microsoft Word, có thể sử dụng Wordpad có sẵn trong Windows 95, hay Write có sẵn trong Windows 3.1 và Windows 3.11. Quý anh chị nào sử dụng Microsoft Word 97 xin vui lòng save bài viết ở dạng Microsoft Word 6.

Tất cả bài vở xin vui lòng gửi về địa chỉ e-mail mới của chúng tôi là tapchitho@aol.com. Tuy nhiên, vì AOL không nhận nhiều file một lúc nên xin tách ra từng file một và gửi riêng. Nếu không file sẽ bị zip lại và không mở được.

Đính chính

Trong số 25 (Mùa thu 2003):

– Bài *Những tóc hoài trên đầu*:

“NUÔI xanh mãi vầng trắng “ (in sai là *môi*)

“KẾT tóc hoài trên đôi “ (in sai là *hết*)

– Bài *Tôi ngồi rất vắng bóng tôi* :

vì em LIÊU với nắng mưa theo người “ (in sai là *liền*)

Trong số 24 (Mùa xuân 2003) :

– Bài *Cầm nguyệt xanh*:

“Một đêm . tôi uống hết sông ĐẦY “ (in sai là *đáy*)

“suốt đêm NĂM nuối tóc tơ nàng “ (in sai là *năm*)

– Bài *Cầm hồ xanh trầm mình* :

“NHƯNG sao trong buổi xuân xanh ấy“ (in sai là *nhưng*)

Xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

Thông báo

Xin quý bạn đọc vui lòng tái hạn ngay khi hết hạn. Chúng tôi sẽ không gửi báo nếu không nhận được thư tiếp tục mua báo của quý vị. Nhân đây, chúng tôi cũng xin thông báo tới những **thân hữu đã cộng tác** với Thơ, xin quý vị tiếp tay với chúng tôi bằng cách mua dài hạn. Vì khả năng hạn chế, chúng tôi sẽ **không thể gửi báo biểu tới quý vị** như trước. Đối với những vị có cảm tình với Thơ, nếu có thể, xin làm đại diện cho Thơ. Nếu mỗi vị giúp chúng tôi bán mỗi kỳ từ 5 đến 10 số, đều đặn như vậy thì chúng tôi đỡ phải lo nhiều đến vấn đề tài chánh và có thời gian để làm tờ báo được càng ngày càng phong phú hơn về bài vở. Mọi tiết xin liên lạc về tòa soạn.

Thời hạn gửi bài cho từng số báo

Số mùa Xuân, trước 30 tháng 11

Số mùa Thu, trước 30 tháng 5

Bài vở, thư từ xin gửi về:

P.O. Box 1745, Garden Grove, CA 92842

Email: tapchitho@aol.com

<http://www.tapchitho.com>

Quý vị Mạnh Thường Quân

Để TC Thơ có thể tiếp tục có mặt trong tình trạng nghịch lý hiện nay: in ấn và gửi đi khắp nơi, nhưng có rất ít hồi âm về tài chánh, chúng tôi kêu gọi lòng hảo tâm của quý vị Mạnh Thường Quân. Thiện ý của quý vị sẽ là động lực mạnh mẽ giúp chúng tôi duy trì tờ báo. Trong số này, chúng tôi xin gửi lời cảm tạ đến quý vị sau đây đã ủng hộ chúng tôi:

Một văn hữu	200.00
Một văn hữu	100.00
Trịnh Y Thư	100.00
Vinh Phạm	100.00
Một thi hữu	100.00
Nguyễn Thị Hoàng Bắc	50.00
Nguyễn Thị Thanh Bình	50.00